KIM DUNG GIỮA ĐỜI TÔI
(Tập 1)

Tác giả: ***Vũ Đức Sao Biển***
Nguồn: **Việt Nam Thư Quán**
Thực hiện ebook: *Goldfish*

MỤC LỤC:

Khái quát phong cách xây dựng nhân vật

Trong những năm trước 1975 tại miền Nam người đọc xem Kim Dung tiên sinh, tiểu thuyết gia Hongkong, là một nhà văn lớn. Những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông, được đăng báo dưới dạng feuilleton hoặc in thành sách, đã hấp dẫn hàng triệu người đọc Việt Nam. Văn của ông đã được truyển trạch để đưa vào giáo trình văn cấp trung học và đại học tại Đài Loan, Hongkong và Hoa Lục. Và ngay trong lòng nước Mỹ, người Hoa đã lập ra "Kim Dung học hội", chuyên nghiên cứu, giới thiệu và dịch những tác phẩm của ông ra tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha... Điều mà người ta dễ nhận ra nhất là bút lực của Kim Dung rất hùng hậu. Mỗi tác phẩm là một bộ (thường trên 10 quyển, trung bình khỏang 500, 600 trang một quyển).

Chúng tôi chỉ xin giới thiệu đầu tiên một khía cạnh trong kỹ thuật tiểu thuyết của ông: phong cách xây dựng nhân vật.

Trước năm 1975, sách Kim Dung được in gồm:

1. Thư kiếm ân cừu lục 2. Bích huyết kiếm 3. Xạ điêu anh hùng truyện 4. Thần điêu hiệp lữ 5. Tuyết Sơn phi hồ 6. Phi hồ ngoại truyện (Lãnh nguyệt bảo đao) 7. Ỷ thiên Đồ long ký 8. Liên thành quyết (Tố tâm kiếm) 9. Thiên Long bát bộ (Lục mạch thần kiếm truyện) 10. Hiệp khách hành 11. Tiếu ngạo giang hồ 12. Lộc Đỉnh ký

Một điều cần lưu ý là nếu chúng ta phân biệt rõ 4 khái niệm: *Truyện* (tiểu thuyết hoàn

toàn hư cấu), *Ký* (tác phẩm văn xuôi viết về người thật, việc thật) và *Lục* (cuốn sách) thì Kim Dung sử dụng 3 khái niệm đó với một ý nghĩa duy nhất để chỉ các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông.

Khuynh hướng của Kim Dung là thường đặt những cuốn tiểu thuyết của mình vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Trung Quốc. Bộ Thiên Long bát bộ được đặt và khung cảnh lịch sử triều Tống (1127-1279) với sự tương tranh, tương giao của 6 thế lực phong kiến: Tống, Đại Lý, Khiết Đan (Liêu), Tây Hạ, Thổ Phồn và Yên (Tiên Ti, đã suy tàn). Bộ Lộc Đỉnh ký được đặt vào khung cảnh lịch sử triều Khang Hy (1662-1722) nhà Thanh, khi mà các thế lực chống Thanh như Đường Vương, Quế Vương, Lỗ Vương và Thiên Địa hội hoạt động mạnh... Chính vì thế, trong tiểu thuyết của ông, có những nhân vật lịch sử như Triệu Hú (Tống Triết Tông), Gia Luật Hồng Cơ (hoàng đế Đại Liêu), Đoàn Chính Minh (hoàng đế Đại Lý), Khang Hy (hoàng đế Thanh), Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam, tổng đường chủ Thiên Địa hội)... Bên cạnh đó là nhưng nhân vật thuần túy hư cấu, thường là nhân vật chính của tiểu thuyết... Trong Thiên Long bát bộ, đó là Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc, Du Thản Chi, Đinh Xuân Thu...Trong Lộc Đỉnh ký, đó là Vi Tiểu Bảo. Những nhân vật tiểu thuyết của ông kết hợp với nhân vật lịch sử tạo thành một phong cách tiểu thuyết hư hư, thực thực. Phong cách này khá đậm nét khi ông xây dựng cặp nhân vật Khang Hy - Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký. Từ 1 thằng bé lưu manh trong động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu, Vi Tiểu Bảo đã bị hoàn cảnh đẩy đưa lên Bắc Kinh giả làm thái giám rồi thân cận với vua Khang Hy, gia nhập Thiên Địa hội làm một thứ gián điệp hai mang, trở thành công tước triều Thanh, nhận nhiệm vụ ký hoà ước lịch sử Hắc Long giang 1684 với Phí Diêu Đa La (Féodore) của Nga Ta Lư! Tác giả có ghi chú rõ về chuyện hư cấu của mình nhưng điều ấy vẫn không làm giảm đi sự thú vị trong lòng người đọc.

Một cách khái quát, nhân vật trong tiểu thuyết Kim Dung thường được chi làm 2 tuyến: *chính phái* (hay bạch đạo) và *tà phái* (hay hắc đạo). Tuy nhiên, trong tác phẩm Kim Dung không hề rơi vào chủ nghĩa công thức: những kẻ mà ông xếp vào hàng tà thường là những chính nhân quân tử, những kẻ mà ông giới thiệu như là chính nhân quân tử là là kẻ chẳng ra gì. Bất kỳ người Trung Quốc nào cũng gọi Minh giáo (tức Bái hỏa giáo) từ Ba Tư truyền sang là tà đạo. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã chứng minh ngược lại: Minh giáo là một chính giáo, nồng nàn tình cảm yêu nước, xả thân để cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của Mông Cổ.

Những Trương Vô Kỵ, Dương Tiêu, Vi Nhất Tiếu, Phạm Dao, Hân Thiên Chính... là những con người quang minh lỗi lạc, hành sự trong sáng, sống rất người. Và chính nghĩa thuộc về họ, chứ không phải thuộc về nhân vật Chu Nguyên Chương, vốn đầy thủ đoạn chính trị, đã cướp công Minh giáo để lên ngôi mở ra nhà Minh. Còn có ai đẹp hơn Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chưởng môn phái Hoa Sơn trong Tiếu ngạo giang hồ? Thế nhưng từ cuốn 9 trở đi, Nhạc Bất Quần dần dần hiện nguyên hình là một kẻ độc ác; dùng con gái

làm bậc thang để leo lên, giết cả rể, lừa vợ, giết học trò, quyết chiếm được ngôi MInh chủ Ngũ Nhạc phái, tự thiến để trở thành kẻ lại cái. Nguỵ quân tử vẫn nguy hiểm hơn chân tiểu nhân!

Những nhân vật chính trong tác phẩm của Kim Dung thường là những con người bao dung, đôn hậu, không hủ nho, câu nệ, không làm bộ làm tịch. Đó là Kiều Phong tự tử ngoài Nhạn Môn quan để mưu cầu hòa bình cho trăm họ Tống - Liêu. Đó là tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Phi hồ ngoại truyện) tìm ra kẻ thủ giết cha mà vẫn không xuống tay hạ sát. Đó là Quách Tĩnh (Xạ điêu anh hùng truyện) liều chết để giữ thành Tương Dương, là Thạch Phá Thiên chỉ biết sống thuần phác khôn hề hại ai... Họ chính là mẫu “người hùng” lý tưởng theo nhận thức đạo đức Trung Hoa.

Chúng ta không nắm rõ lắm về thân thế Kim Dung. Nhưng truyện của ông thường dành tình cảm cho những con người xuất thân rất tầm thường, những đứa bé mồ côi không cha mẹ hoặc không biết ai là cha mẹ. Lệnh Hồ Xung, Hồ Phỉ, Thạch Phá Thiên, Trương Vô Kỵ, Dương Qua...là những chàng trai, những cậu bé như vậy. Đời đã dạy họ cách sống và vốn sống. Và họ đã thành người, những con người rất trung thực, đạo đức.

Kim Dung đặt tên cho những nhân vật mình rất hay. Có những nhân vật mà cái tên biểu hiện đầy đủ tính cách của mình: Nhậm Ngã Hành (chỉ làm theo ý mình), Nhạc Bất Quần (không chơi với ai) nhưng lại có rất nhiều bạn bè. Thông thường, trước mỗi tên nhân vật, tác giả đặt cho một ngoại hiệu. Điều thú vị là loại nhân vật càng xoàng xĩnh thì ngoại hiệu càng “kêu”: Đoạn ngạc tam quyền, Đoạt mệnh tam quyền, Nhất kiếm chấn Thiên Nam...Nhân vật có ngoại hiệu dài nhất là Giang dương đại đạo vạn lý độc hành thái hoa dâm tặc khoái đao Điền Bá Quang (tướng cướp đường sông biển, tên dâm tặc chuyên hãm hiếp phụ nữ, ngàn dặm đi một mình, đánh đao rất nhanh) và Đả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng (đánh khắp thiên hạ không ai địch nổi, Phật mặt vàng). Có ngoại hiệu làm cho người đọc nhận lầm là 3 nhân vậtt khác nhau như Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo (Ỷ thiên Đồ long ký). Thực sự, “tam thánh” là lời người đời xưng tụng Hà Túc Đạo cầm thánh, kỳ thánh, kiếm thánh chứ không phải là “3 ông thánh”. Có những nhân vật thoạt đọc ngoại hiệu cứ tưởng là một người hoá ra 2 như Hoàng Hà Lão Tổ (Lão Đầu Tử và Tổ Thiên Thu sống trên sông Hoàng Hà - Tiếu ngạo giang hồ). Những nhân vật chính, siêu việt thường không có ngoại hiệu hoặc ngoại hiệu rất ngắn : Kiều Phong, Hư Trúc, Đoàn Dự, Bắc cái Hồng Thất...

Ngay cách đặt tên nhân vật cũng đã nói lên tài năng của Kim Dung. Đây cũng là chỗ giúp người đọc phân biệt truyệt thật của Kim Dung và những nguỵ tác.

Truyện của Kim Dung thường có những nhân vật quái dị, mỗi nhân vật mang một phong cách riêng, không giống ai. Đó là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh (Tiếu ngạo giang hồ), chưởng môn phái Hành Sơn, vẫn ăn mặc rách rưới, giấu thanh kiếm mỏng như lá lúa trong cây đàn; là Đoàn Dự, Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) suốt đời si tình, chạy

theo nhan sắc; là Vi Tiểu Bảo (Lộc Đỉnh ký) lưu manh nhưng chẳng bao giờ cần che giấu tính lưu manh... Loại nhân vật này tiêu biểu cho quan điểm *"hoà nhi bất đồng"* (có hòa mình vẫn không giống được) của Nho giáo. Những nhân vật của ông sống với cả tính cách, đặc điểm của mình. Họ có thể sống rất tố, cũng có thể rất xấu những mỗi con người như vậy - dù chỉ xuất hiện trong một đọan ngắn ngủi - vẫn để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Điều ấy đã bao nhiều nhà văn làm được.

Kim Dung sử dụng phong cách xây dựng nhân vật như một cách đánh lừa độc giả và gây cho độc giả sự thú vị khi được "bị lừa" như vậy. Mở đầu Tiếu ngạo giang hồ là hình ảnh tốt đẹp của Lâm Bình Chi. Sau đó, Lâm Bình Chi bị lâm nạn nhà tan, người chết, phải lưu lạc tha hương. Ai cũng nghĩ Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm, con người chính nhân quân tử. Nhưng không! Đọc hết bộ sách chúng ta mới thấy cái rởm đời của Lâm Bình Chi, cái chân thật của Lệnh Hồ Xung. Hạnh phúc thuộc về những con người chân thật. Đọc Hiệp khách hành, ta cứ ngỡ Thạch Phá Thiên là một tên tiểu ma đầu tàn bạo, dâm ác, lừa lọc. Nhưng không, cậu chỉ có một cái tội: giống hệt người anh ruột tàn ác, dâm đãng Thạch Trung Ngọc. Chỉ có đôi mắt trẻ thơ của A Tú mới nhìn ra được chỗ khác biệt tốt đẹp đó, điều mà tất cả mọi người lớn không nhìn ra. Và cuối cùng, Thách Phá Thiên đã tìm ra được pho võ công thượng thặng ẩn trong bài thơ Hiệp khách hành của Thi tiên Lý Bạch, không phải do nghiên cứu được ý nghĩa của bài hành, mà nhờ chỉ nhìn nét viết (vì cậu không biết chữ). Kim Dung muốn chứng mình một điều: cái chân thật, cái dốt nát vẫn thắng được cái cơ tâm, cái hiểu biết rộng rãi nhất. Ai không thú vị với những định đề như vậy?

Sẽ rất thiếu sót nếu như chúng ta bỏ quên những nhân vật nữ trong tác phẩm Kim Dung. Tuy mang danh là truyện võ hiệp nhưng tác phẩm Kim Dung thực chất là những tiểu thuyết về tình yêu đôi lứa. Các nhân vật nữ của ông xuất thân trong xã hội phong kiến nhưng sống và yêu rất lãng mạn - tất nhiên trong sự cho phép của lễ giáo Trung Hoa. Đó là nhưng con người biết yêu say đắm và biết xả thân vì người yêu: Nhậm Doanh Doanh - Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ), Triệu Mẫn – Trương Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký), Viên Tử Y - Hồ Phỉ (Lãnh nguyệt bảo đao), A Tú - Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành), A Châu - Kiều Phong (Thiên Long bát bộ). Tuy nhiên trong mọi tình huống, họ vẫn giữ được tiết sạch giá trong của người phụ nữ phương Đông.

Nói như vậy, không có nghĩa là Kim Dung vẫn giữ nhân vật nữ của mình bo bo trong vòng tư duy cổ điển của lễ giáo Trung Hoa. Không, ông đã tạo ra những tình huống có vấn đề: Kỷ Hiểu Phù đã hứa hôn với Hân Lợi Hanh nhưng lại thất thân với Dương Tiêu, sinh ra đứa con gái và đặt tên là Bất Hối (không hối hận) (Ỷ thiên Đồ long ký). Tiểu Long Nữ là sư phụ, đã bị kẻ khác cưỡng dâm nhưng vẫn yêu say đắm đồ đệ của mình là Dương Qua (Thiền điêu hiệp lữ). Những nhân vật nữ của ông biết đánh kiếm, đánh chưởng, ám khí, ghen tuông, giận hờn, đau xót vì chia ly. Họ có một vẻ đẹp riêng từ ngoại hình đến tâm hồn, rất lý tưởng, nhưng cũng rất thật.

Cũng có thể nói Kim Dung là nhà văn lớn phương Đông thế kỷ XX. Về mặt trước tác, tác phẩm của ông đồ sộ hơn bất cứ nhà văn nào khác. Bút pháp của ông lôi cuốn, hấp dẫn người đọc một cách lạ lùng. Và hệ thống kiến thức của ông từ y học đến địa lý, lịch sử, võ thuật, tâm lý, bệnh học, tôn giáo... hoàn chỉnh một cách vô song. Tiếc thay một nhà văn như vậy là chưa có tên trong những nhà văn được nhận giải Nobel văn học. Nhưng dù gì đi nữa, những nhà văn khác cũng đã học tập được từ Kim Dung nhiều kinh nghiệm tiểu thuyết. Ông xứng đáng là nhà văn bậc thầy của những bậc thầy trong thế kỷ chúng ta.

Võ công

Các nhân vật trong tác phẩm của Kim Dung hợp lại thành một giới - *giới võ lâm* – và đương nhiên, sinh hoạt của họ là sự thể hiện võ công để giết người, mưu đồ địa vị quyền lực; võ công để cứu người, trừ gian diệt bạo, biểu dương cái lẽ công bằng ở đời. Nói đến những nhân vật của Kim Dung, không thể không nói đến võ công.
Một cách khái quát, Kim Dung đã đặt vào cho những nhân vật của mình những loại hình võ công (hay công phu, kungfu) mà họ cần phải có. Các loại hình võ công bao gồm chưởng pháp (phép đánh bằng tay), quyền pháp (phép đánh bằng nắm tay), chỉ pháp (phép đánh bằng ngón tay), cầm nã thủ pháp (phép đánh bằng câu, bắt, móc, giật) trảo pháp (phép chụp bằng ngón tay), cước pháp (phép đá), bộ pháp (phép di chuyển), khinh công (phép đi nhanh). Nếu các nhân vật của ông chuyên sử dụng vũ khí thì mỗi loại vũ khí được kết hợp với một pháp để hình thành võ công riêng cho họ (đao pháp, thương pháp, kiếm pháp, trượng pháp, côn pháp... Đối với một số nhân vật đặc biệt, Kim Dung đã tạo ra cho họ những thứ võ công đặc biệt: thần công Sư tử hống (tiếng rống của sư tử) của Tạ Tốn (Ỷ thiên Đồ long ký), Hấp tinh đại pháp (phép hút kình lực và công lực kẻ khác làm công lực và kình lực của mình) của Nhậm Ngã Hành (Tiếu ngạo giang hồ), Nhiếp hồn đại pháp (phép thôi miên) của Đinh Xuân Thu (Thiên Long bát bộ)...

Kim Dung tạo ra cho nhân vật của mình những hoàn cảnh, những tình huống để họ thủ đắc võ công. Có những nhân vật không chịu học võ, suốt ngày chỉ lo học sách thành hiền, học kinh Phật như vương tử Đại Lý Đoàn Dự hay như nhà sư trẻ Hư Trúc cùng bị đẩy đưa vào hoàn cảnh phải học võ công để tự cứu mình và cứu người, trở thành bậc thượng thừa. Có kẻ say mê võ công, đi tìm suốt đời mà chẳng thấy. Con đường mà Kim Dung dẫn dắt những nhân vật trung tâm của mình đến với các thứ võ công không khỏi khiến cho người đọc cười thầm.

Nhân vật của Kim Dung thể hiện võ công qua kình lực. Đứng trên quan điểm triết học Trung Hoa, ông chia kình lực ra làm hai loại: dương cương và âm nhu. Dương cương là loại kình lực mãnh liệt, khi xuất chiêu phát ra tiếng động. Âm nhu là kình lực mềm mại, khi xuất chiêu không phát ra tiếng động. Hai loại kình lực đó loại nào cũng có thể giết

người, làm tan bia vỡ đá! Ông lấy Nhu chế Cương, lấy Cương chế Nhu. Kẻ thắng cuộc là kẻ có công lực cao hơn. Căn cứ vào võ học Trung Hoa, Kim Dung để cho các nhân vật của mình thi triển võ công theo hai cách: trực tiếp và gián tiếp. trong cách đánh trực tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền... phải đụng đến người địch thủ. trong cách đánh gián tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền... không đụng đến người địch thủ, Kim Dung gọi đó là cách không. Cách không điểm huyệt chỉ pháp của Kiều Phong, Lục mạch thần kiếm của Đoàn Dự, Thất thương quyền của Tạ Tốn... đều có cái khả năng cách không này. Đặc biệt Kim Dung có đề cập đến Cách sơn đả ngưu thần công (thần công đánh con trâu cách trái núi). Trong Thiên Long bát bộ, ông đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn dùng Tiểu Tu ni chưởng đánh vào đỉnh đồng bên này, đỉnh đồng không phát ra tiếng động và vẫn lành lặn nhưng phía bên kia lại lủng. Cách diễn tả như vậy nghe hơi phi khoa học nhưng lại làm thoả mãn trí tưởng tượng vốn phong phú của con người.

Kim Dung đặt tên cho các loại võ công rất độc đáo và riêng trong khía cạnh này, ông cũng đã tự chứng mình được trình độ viết tiểu thuyết của mình. Một là – võ công thường gắn liều với nguồn gốc xuất thân. Thí dụ các nhà sư xuất thân từ phái Thiếu Lâm thì phải biết sử La Hán quyền, Niêm hoa chỉ, Thiếu Lâm trường quyền, Di Đà chưởng, Giáng ma trượng... Ai xuất thân từ đạo gia Võ Đang thì có Thái cực quyền, Võ Đang miên chưởng. Hư Trúc học được võ công của phái Thiên Sơn thì võ công đó được gọi là Thiên Sơn lục dương chưởng, Thiên Sơn lục dương chỉ, Thiên Sơn chiết mai thủ... Hai là – tên của võ công thường gắn liền với những chiêu thức, đòn thế của môn võ công ấy. Trong tinh thần này, người đọc tìm thấy Hàng long thập bát chưởng (18 chưởng hạ rồng), Liên hoàn thập tam cước (13 thế đá liền nhau), Độc Cô cửu kiếm (9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại). Ba là – tên của môn võ công thường gắn liền với sinh hoạt, đặc điểm của động vật. Trong tinh thần này, ta thường gặp trong tác phẩm của Kim Dung những Xà quyền (rắn), Đại Thánh quyền (khỉ), Áp hình công (vịt), Hàm mô công (ếch), Ưng trảo công (chim ưng), Kê trảo công (gà). Ngay cả đến con rồng - một động vật trong linh thoại cổ Trung Hoa – cũng có công phu: Long trảo công. Bốn là – tên của võ công gắn liền với tính chất, hậu quả khi sử dụng võ công đó. Trong tinh thần này, ta thường gặp Tam tiếu tiêu dao tán (thuốc bột làm người ta cười 3 lần trước khi chết), Thất thương quyền (loại quyền pháp muốn luyện được phải bị 7 thứ nội thương trong phủ tạng), Hoá thi phấn (loại thuốc bột làm tan xác chết ra nước)...

Kim Dung có một bề dày kiến thức về y học cổ Trung Hoa. Một cố nhân vật của ông thường vừa giỏi võ công, vừa tinh thâm y thuật, phối hợp y thuật với võ công hoặc để cứu người, hoặc để chế ngự người. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp nhân vật Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ, cứu người chỉ cần một ngón tay và giết người cũng chỉ cần một ngón tay. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ta gặp Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và sau đó là Trương Vô Kỵ, giỏi về chữa thương, phục hồi kỳ kinh bát mạch. Thuốc độc và phóng độc cũng là một loại võ công. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Trong Phi hồ ngoại truyện, ta gặp Độc thủ dược vương

chuyên đánh thuốc độc.
Cũng theo Kim Dung, âm nhạc cũng là một dạng võ công có thể chế ngự địch thủ. Một số nhân vật của ông như Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo (Ỷ thiên Đồ long ký), Cầm điên Khang Quảng Lăng (Thiên Long bát bộ), Nhậm Doanh Doanh và Lưu Chính Phong (Tiếu ngạo giang hồ)... đã dùng tiếng đàn, tiếng sáo, hoặc để chữa thương, hoặc để khắc chế địch thủ. Đoạn cảm động nhất là đoạn Doanh Doanh đàn khúc Thanh tâm phổ thiện trú để xoa dịu thần kinh cho Lệnh Hồ Xung khi chàng trai này bị trọng thương.

Viết về võ công nên kiến thức võ học của Kim Dung rất uyên bác. Ông Yên Thị Đồ Cẩu Khách trên tờ Tân Họa báo cho biết rằng Kim Dung thường tham khảo ý kiến của các võ sư về đòn thế, về cách xuất chiêu, nhả kình lực của từng thế võ. Ông dung hợp võ công với y học Trung Hoa, tạo cho người đọc sự thú vị tuyệt vời, điều mà những tác giả truyện võ hiệp khác chưa làm được. Đặc biệt, khi viết về những võ công của các bang hội, giáo phái khác ngoài lãnh thổ Trung Quốc, kiến thức võ học của ông đã được thực hiện rất tinh tường. Đại thi hào Ba Tư Omar Khayan đã ghi nhận võ công Bái hỏa giáo (Minh giáo) Ba Tư được ghi lại trên 8 tấm thẻ Thánh hỏa lệnh và tâm pháp thì được ghi lại trên những tấm da dê. Kim Dung nghiên cứu đoạn kinh mở đầu của Bái hỏa giáo Ba Tư, đã dung hợp ý kiến của Omar Khayan để xây dựng nên những đoạn mô tả về sinh hoạt của Minh giáo Trung Hoa (Ỷ thiên Đồ long ký).

Một điều cần chú ý là Kim Dung không lạm dụng khuynh hướng đa sát trong tiểu thuyết võ hiệp, điều mà ta thường gặp trong các loại phim cao bồi Viễn Tây (Mỹ) và phim chưởng Hongkong cũng như ở một số tiểu thuyết gia khác viết truyện võ hiệp. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung có mô tả 2 trận đa sát: một là đoạn Kiều Phong bị quần hùng Trung Nguyên vây hãm ở Tụ hiền trang (Thiên Long bát bộ), hai là đoạn phái Tung Sơn bịt mặt giả làm người của Ma giáo vây hãm phái Hằng Sơn ở Long Tuyền (Tiếu ngạo giang hồ). Chữ Nhân của đạo Khổng đã được ông tôn trọng một cách hết sức nghiêm túc đúng như quan niệm của Khổng Tử: *“Nhân giả nhân dã”* (Đạo nhân là đạo của con người vậy). Đọc văn của ông, người ta chỉ thấy cái thiện chế ngự cái ác, cái chính nghĩa thắng cái gian tà và tinh thần nhân đạo được đề cao triệt để. Những nhân vật bình thường nhất cũng biết tha thứ cho kẻ thù, cũng nói được *“Oán thù nên giải chứ không nên kết”* hoặc *“Hồi đầu thị ngạn”* (Quay đầu là bờ)... Và họ đã tha thứ cho nhau. Những nhân vật ma đầu, đầy mình tội lỗi như Đinh Xuân Thu, Du Thản Chi, Lâm Bình Chi, Thạch Trung Ngọc,... cuối cùng rồi cũng chỉ bị phế võ công, đưa cho những người nhân hậu quản chế để khỏi đi gieo rắc cái ác. Không có ai bị giết, bị hành hạ, bị trả thù đau đớn.

Tất cả nỗ lực của Kim Dung nhằm minh họa một nguyên tắc lớn: *chữ Võ không bằng chữ Hiệp*. Các nhân vật chính phái của ông hành hiệp cứu đời, xả thân vì cuộc sống, cứu vớt kẻ trầm luân, đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ hòa bình hạnh phúc cho trăm họ. Họ không mưu cầu lợi danh, địa vị cho riêng mình. Đoạn tiêu biểu nhất cho cái Hiệp trong tác phẩm Kim Dung là đoạn Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo, chỉ huy các lực lượng

kháng Nguyên, bị một thuộc tướng của mình là Chu Nguyên Chương đánh thuốc mê và bắt giam. Chu Nguyên Chương có tham vọng lên ngôi thống lãnh. Trương Vô Kỵ có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh đã lặng lẽ bỏ ra đi để được suốt đời ngồi vẽ lông mày cho người yêu là Triệu Minh. Chu Nguyên Chương kháng chiến chống quân Nguyên thành công lên ngôi cửu ngũ, mở ra nhà Minh, truyền được 263 năm (1380-1643).

Cái mà người ta tìm được trong tác phẩm Kim Dung chính là lòng nhân ái. Lòng nhân ái đó đặt trên cơ sở của tư tưởng Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo phương Đông. Trong khi các nhân vật của ông sử dụng võ công để đánh nhau, họ vẫn tôn trọng lòng nhân ái mà *"hạ thủ lưu tình"* (xuống tay nhưng vẫn giữ được tình người). Hai kẻ thù đánh nhau, đến khi chia tay vẫn có thể nói được lời từ biệt: *"Non xanh trơ đó, nước biếc còn đây, còn ngày gặp gỡ."* Chiêu thức nào có tên gọi độc ác quá, được đổi tên ngay: Thế Lưỡng bại câu thương (đôi bên cùng chết) của phái Võ Đang được đổi tên thành Thiên địa đồng thọ (đất trời cùng tồn tại) và được khuyến khích không đem ra sử dụng. Võ công làm nên tiểu thuyết võ hiệp nhưng không quyết định nội dung tiểu thuyết võ hiệp. Cái quyết định chính là chữ *Hiệp*, đứng sau chữ *Võ*.

Rượu

Cũng như nhiều dân tộc khác ở vào vùng khí hậu lạnh, dân tộc trung Hoa thường thích rượu. Khái niệm rượu đã được người xưa kết hợp với khái niệm lễ, không có rượu không thành lễ nghi (vô tửu bất thành lễ). Rược là thức uống kích thích niềm sảng khoái, được dùng trong y dược Trung Hoa như một chất xúc tác. Thời Tam Hoàng, Ngũ Đế đã có những bài thuốc ngâm rượu, những cách xông hơi rượu ra đời. Trong những tác phẩm võ hiệp tiêu biểu của Kim Dung, rượu luôn luôn có mặt, dàn trải khắp cả câu chuyện.

Chắc hẳn những bạn đọc tác phẩm Kim Dung đều đồng ý rằng đoạn tửu luận của Tổ Thiên Thu trong Tiếu ngạo giang hồ là đoạn gây sảng khoái nhất. Với đoạn văn này, Kim Dung đã nâng nghệ thuật uống rượu lên thành một thứ đạo: *tửu đạo* - và với cách diễn đạt tài tình, dàn cảnh oái ăm, Kim Dung đã thực sự cuốn hút người đọc. Tổ Thiên thu biết được Lệnh Hồ Xung, người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, đang bị bệnh mất hết công lực. Anh ta bèn ăn cắp Tục mệnh bát hoàn (8 viên thuốc duy trì mạng sống) của một người bạn thân là Lão Đầu Tử, hòa vào rượu để dẫn dụ cho Lệnh Hồ Xung uống. Nguyên Lão Đầu Tử đã bỏ ra 18 năm để ăn cắp những kỳ trân, dược vật trên thế gian, chế ra 8 hoàn thuốc thuần âm, chữa trị chứng "Tiên thiên bất túc" (một dạng suy dinh dưỡng) cho con gái mình là Tiểu Di. Trong khi đó, bệnh của Lệnh Hồ Xung thuộc trạng thái khí âm hàn. Cho nên, đem thuốc thuần âm cho kẻ dư khí âm hàn uống khác nào sông Trường Giang nước đã đầy, lại được tháo nước hồ Bàn Dương, hồ Động Đình đưa vào cho nước thêm đầy lên, hóa ra càng thêm hại.

Tổ Thiên Thu biết Lệnh Hồ Xung là người khảng khái, không chịu uống thuốc ăn cắp nên y bày đặt ra chuyện tửu luận, kích thích tinh thần Lệnh Hồ Xung. Theo y, bậc danh sĩ phải biết uống từng thứ rượu với từng thứ chung riêng: rượu Bồ đào uống chung Dạ quang; rượu Trúc diệp thanh phải uống chén Dương chi bạch ngọc mà phải Dương chi bạch ngọc đời Bắc Tống; rượu trắng phải uống trong sừng trâu, lấy mùi tanh của sừng chế ngự mùi men nồng của rượu; rượu Bách thảo mỹ tửu được chế với 100 thứ hoa cỏ thơm, phải được uống với chung bằng trúc để thơm hơn...Y nói một hơi 8 thứ rượu và móc trong bọc ra 8 thứ chén, rót rượu vào mời Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung tức khí, nuốt sạch 8 chén rượu; có chén thum thủm mùi cá ươn, có chén cay sè, có chén rào rạt như ngàn dao đâm vào cổ họng...Thiện ý của Tổ Thiên Thu là cứu người, vì hắn dốt nát về y lý hóa ra làm hại người.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng nhân vật Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, là một chàng du tử lãng mạn, quý rượu hơn tính mạng mình. Đoạn buồn cười nhất là đoạn Lệnh Hồ Xung xin rượu Hầu nhi tửu của lão ăn xin dưới chân thành Hành Dương. Lệnh Hồ Xung chỉ xin uống một tợp và lão cũng chỉ đồng ý cho uống một tợp mà thôi. Nào ngờ, nghe hơi rượu ngon, Lệnh Hồ Xung đã vận hỗn nguyên khí công uống sạch bầu rượu. Lão ăn xin lăn đùng ra khóc vì tiếc bầu rượu. Lệnh Hồ Xung đành phải xin lỗi và mời lão vào tửu lâu, đãi lão một chầu tuý luý càn khôn.

Trong khi uống rượu, các nhân vật của Kim Dung thường thể hiện phẩm cách người đối ẩm với mình. Đoạn uống rượu đẹp nhất và khiến cho người đọc kinh ngạc nhất là đọan Điền Bá Quang mời rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ phạt giam trên đỉnh Ngọc Nữ Phong để ăn năn, sám hối. Biết bạn rất nhớ rượu, Điền Bá Quang đã vượt 5000 dặm về tới kinh đô Lạc Dương, vào trong Tuý tiên lâu, hoàng cung của vua Tống, ăn cắp 2 hũ Thiệu Hưng nữ nhi hồng. Thấy trong hầm rượu của hoàng cung còn đến mấy ngàn hũ Thiệu Hưng, Điền Bá Quang phóng cước đá bể tất cả để "bọn vua quan không còn được uống thứ rượu quý này nữa", vì trên đời này "chỉ còn Điền mỗ với Lệnh Hồ huynh đệ mới xứng đáng được uống nó mà thôi". Tuy nhiên, gánh 2 hũ rượu lên Ngọc Nữ Phong là chuyện dễ, mà được đối ẩm với Lệnh Hồ Xung là chuyện cực kỳ khó vì Điền Bá Quang vốn rất sợ sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Hắn bèn nghĩ cách điệu hổ ly sơn làm Nhạc Bất Quần lầm mưu xuống núi đi tìm Điền Bá Quang. Thế là hắn ung dung lên Ngọc Nữ Phong đối ẩm với Lệnh Hồ Xung.

Nhà Nho có câu: *"Bậc quân tử lấy văn kết bạn"* (quân tử dĩ văn hội hữu). Kim Dung đã mượn chén rượu cho những nhân vật võ lâm của mình giao kết với nhau. Trong tình bạn hay trong tình yêu, chén rượu vẫn làm vai trò của cơ duyên hội ngộ.

Đọc Thiên Long bát bộ, ta thấy cuộc hội ngộ giữa Kiều Phong, bang chúa Cái Bang và Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, là cuộc hội ngộ trong hương rượu nồng. Thoát ra khỏi cảnh giam cầm ở Thái Hồ, Đoàn Dự tìm đến một quán rượu ngoài thành Vô Tích thì bắt

gặp: "Một đại hán mắt sáng như điện, trạc ngoài 30, thân thể cao lớn, mặc áo vải màu tro, phục sức sơ sài, mộc mạc" đang ngồi độc ẩm. Đoàn Dự nhận định: "Đây chắc chắn là hào khách của Yên, Triệu; Giang Nam quyết không thể có nhân vật thế này". Ngoại hình Kiều Phong đã khiến Đoàn Dự kính ngưỡng, bèn mời Kiều Phong uống rượu. Kiều Phong gọi tất cả 30 cân rượu (khoảng 18 lít) và đề nghị Đoàn Dự uống bằng bát lớn. Đoàn Dự nào biết uống rượu? Cho nên uống xong bát đầu tiên, anh đã muốn gục xuống tại chỗ; Kiều Phong chỉ nhìn anh mà tủm tỉm cười. Đến đây thì Kim Dung "cứu" nhân vật của mình. Vốn Đoàn Dự đã học được tuyệt kỹ Lục mạch thần kiếm, quy khí lực vào huyệt Đan điền rồi vận công phóng kiếm khí vô hình ra 6 ngón tay. Từ kiếm khí, Kim Dung cho phép nhân vật của mình phóng ra ...kiếm tửu. Đoàn Dự nạp hết số rượu vừa uống vào huyệt Đại truy, rồi dẫn rượu đi qua các huyệt Thiên tôn, Kiên chân, Tiểu hải, Chi chính, Dưỡng lão, Dương cốc, Hậu thoát và "phóng" rượu ra nơi ngón Thiếu trạch (ngón út). Anh ta cứ gác tay trái lên vách quán rượu, uống bao nhiêu vận nội lực phóng rượu ra bấy nhiêu khiến Kiều Phong kinh hoàng, tưởng tửu lượng chàng thư sinh cao không kể xiết! Từ cuộc đấu rượu hi hữu đó, họ nhận ra phẩm chất của nhau và kết nghĩa anh em. Cuộc đối ẩm giữa Kiều Phong và Đoàn Dự làm cho người đọc vừa sảng khoái vừa buồn cười.

Rượu nối kết tình bạn và cũng chính rượu tạo ra hào khí. Trong Thiên Long bát bộ, có đoạn nhà sư Hư Trúc, cung chủ cung Linh Thứu, bái kết Kiều Phong làm đại ca trước mặt quần hùng Trung Nguyên khi Kiều Phong đang bị quần hùng vây hãm. Từ nước Khất Đan, Kiều Phong dẫn 18 tên lính trung thành gọi là Yên Vân thập bát kỵ, mang theo 36 da dê đựng rượu quay về chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam. Nơi đây, anh bị quần hùng vây hãm. Trong cảnh nguy nan, bỗng dưng Đoàn Dự xuất hiện. Hai anh em đang bưng rượu lên uống thì một nhà sư xấu xí trong đội ngũ chùa Thiếu Lâm chạy ra: "Đại ca với tam đệ uống rượu sao không gọi ta?". Nhà sư đó là Hư Trúc. Hư Trúc đã kết nghĩa với Đoàn Dự nhưng chưa được bái kiến Kiều Phong. Mặc dù quy luật giới tửu (cấm rượu) của chùa Thiếu Lâm rất khắt khe nhưng khi đã thấy đại ca và tam đệ uống rượu để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, Hư Trúc cũng nổi hào khí, muốn uống rượu trước mặt quần hùng để chia sẻ với hai người anh em những hoạn nạn sẽ xảy ra.

Và quả nhiên bầu rượu nghĩa tình đó đã làm nên đại sự. Kiều Phong chế ngự được kẻ đại ác Du Thản Chi, vươn tay xách cổ Cô Tô Mộ Dung Phục như người ta xách một con gà. Đoàn Dự sử dụng 6 thế Lục mạch thần kiếm đánh cho Mộ Dung Phục thất điên bát đảo, làm phơi bày toàn bộ âm mưu đen tối của nhà Mộ Dung. Hư Trúc vận Bắc minh chân khí, biến những giọt rượu của đại ca thành băng làm một thứ Sinh tử phù cấy vào người gã đại ác Đinh Xuân Thu, chế ngự và sanh cầm gã. Bọn Yên Vân thập bát kỵ, mỗi người một túi rượu, phanh cổ áo để lộ ra hình tượng con chó sói được xăm trên ngực của dân tộc Khất Đan, hú lên những tiếng hoang dã và ngửa cổ uống rượu, thể hiện quyết tâm cũng liều chết với chủ tướng Kiều Phong. Chưa có một đoạn nào trong tiểu thuyết cổ kim miêu tả hào khí của con người trước gian nan thử thách hay hơn đoạn của Kim Dung viết về cuộc hội ngộ của 3 anh em Kiều Phong – Hư Trúc – Đoàn Dự dưới chân núi Thiếu

Thất.

Nhưng rượu trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung không chỉ uống trong lúc đoàn viên, mà còn được uống trong khi lâm biệt đầy máu và nước mắt. Như trong trận ác đấu của Kiều Phong tại Tụ hiền trang. Từ khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong chỉ mong tìm về bên kia Nhạn môn quan để suốt đời săn chồn đuổi thỏ, tuyệt không dính dấp đến giới võ lâm Trung Quốc nữa. Nhưng hoàn cảnh đã bó buộc ông phải cứu lấy cô bé A Châu, và ông đã bế nàng tới Tụ hiền trang ra mắt Tiết Mộ Hoa, nhờ viên thần y này giúp đỡ. Hóa ra Kiều Phong đã tự dấn thân vào chốn hung hiểm: quần hùng Trung Nguyên đang họp nhau tại Tụ hiền Trang để bàn kế sách diệt ông, loài Liêu cẩu man rợ! Kiều Phong nhìn những kẻ đang vây hãm mình. Họ là những anh em ruột thịt của ông ngày trước ở Cái Bang, là những bạn bè tốt của ông thuộc các võ phái Trung Quốc, là những người mà ông chưa bao giờ có ý niệm thù hằn, căm ghét. Nhưng cục diện ở Tụ hiền trang lúc đó là một mất một còn, là ta sống thì người chết. Kiều Phong đã đề nghị anh em Du Ký, Du Câu - chủ nhân Tụ hiền trang - cho xin mấy vò rượu lớn. Ông rót rượu ra bát lớn, mời anh em Cái bang uống trước để nói lời cuối cùng, dứt tình đoạn nghĩa. Ông uống rượu với bạn bè các môn phái mỗi người một bát. Có kẻ bưng tô rượu dứt tình với Kiều Phong mà nước mắt tuôn rơi. Rồi sau đó, Kiều Phong đại khai sát giới, tìm con đường sống riêng cho mình, chạy về bên kia ải Nhạn môn quan nghìn trùng xa cách.

Có trường hợp uống rượu tưởng như chia biệt lại hóa ra đoàn viên. Đó là trường hợp uống rượu kỳ cục của Cẩu Tạp Chủng (Thạch Phá Thiên), một thiếu niên ngây thơ, trong trắng trước hai ông anh kết nghĩa đầy mưu mô xảo quyệt là Trương Tam và Lý Tứ. Trương Tam, Lý Tứ thật ra chỉ là tên giả mạo; họ chính là hai sứ giả Thưởng Thiện và Phạt Ác của đảo Long Mộc ngoài biển Đông. Trương Tam, Lý Tứ cũng giả vờ kết nghĩa với Thạch Phá Thiên, cũng thề đồng sinh đồng tử, nhưng trong bụng hai lão chỉ muốn chàng thiếu niên này chết đi cho khuất mắt. Trương Tam có bầu rượu dương cương, Lý Tứ có bầu rượu âm nhu, mỗi lão tự uống bầu rượu của mình và lão này rất sợ bầu rượu của lão kia. Kết nghĩa xong, chàng thiếu niên Thạch Phá Thiên đề nghị... uống rượu. Thạch Phá Thiên ngây ngô, xin được uống hai thứ rượu trong dủ hai bầu. Trương Tam, Lý Tứ cả mừng vì đinh ninh thế nào thằng nhỏ này cũng chết tươi vì hai thứ rượu xung đột nhau. Một lần nữa, Kim Dung lại "cứu” nhân vật ngây thơ, trong trắng của mình. Thạch Phá Thiên đã từng ngộ kỳ duyên, con người chàng ta dung hòa được cả hai loại chất độc dương cương và âm nhu. Cho nên uống rượu xong, chẳng những chàng trai trẻ không chết mà công lực còn tăng tiến. Trương Tam, Lý Tứ hối hận và xấu hổ vô cùng. Từ tình bạn giả trá, họ đã đổi ra tình bạn chân thành. Cẩu Tạp Chủng trở thành người em tốt của Thưởng Thiện và Phạt Ác. Đó là chương uống rượu thú vị nhất trong toàn bộ bộ truyện Hiệp khách hành.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung còn làm nên tình yêu lứa đôi, giàu chất thơ lãng

mạn. Có những lứa đôi gặp gỡ lần đầu tiên qua chén rượu và tình yêu bắt nguồn từ đó. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Thúy Sơn làm quen với Hân Tố Tố qua chén rượu trên con thuyền nhỏ đậu giữa lòng Thái Hồ. Trương Vô Kỵ cũng gặp gỡ và yêu quận chúa Triệu Minh qua chén rượu. Đoạn giàu chất thơ nhất của Ỷ thiên Đồ long ký là đoạn Triệu Minh nhớ Vô Kỵ, tìm lên tửu lâu và ngồi đúng vào cái bàn mà hai người đã từng ngồi đối ẩm. Thiếu vắng Vô Kỵ, cô cũng gọi bình rượu, thức ăn, hai cái chén, hai đôi đũa, hai chung rượu. Cô rót rượu ra đủ hai chung, uống một chung và nước mắt rơi. Đúng lúc đó thì Trương Vô Kỵ xuất hiện. Và họ tìm lại được hơi ấm tình yêu trong chung rượu đối ẩm.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung thường đối ẩm với người yêu là Doanh Doanh. Một nhân vật khác, Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam, cũng rất say đắm Lệnh Hồ Xung. Cô mang vò rượu Ngũ độc mỹ tửu, trong đó có ngâm năm thứ trùng độc, từ Vân Nam đến Giang Nam để chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cảm xúc tấm thịnh tình đó, Lệnh Hồ Xung đã uống rượu cho cô vui lòng. Tác giả Kim Dung đã để cho Lam Phượng Hoàng hôn Lệnh Hồ Xung trước mặt mọi người, kể cả sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Trong con mắt của Lam Phượng Hoàng, kẻ biết uống rượu của cô mới là người tốt.

Trong Thiên Long bát bộ, mỗi khi trở về Nhạn môn quan, Kiều Phong nhớ A Châu là tìm đến chung rượu giải sầu. Đoạn đẹp nhất trong mối tình hai người là đoạn Kiều Phong ngồi nghe A Châu tâm sự: "Đại ca ơi, tiểu nữ nguyện suốt đời đi theo đại ca về Nhạn môn quan săn chồn đuổi thỏ, sống cuộc đời ung dung khoái lạc". Nghe cô bé tâm sự, Kiều Phong cao hứng. Trong cái quán nghèo ngoài biên giới không có một giọt rượu, ông cũng giả vờ nâng cái chén không lên, ngửa cổ ra như đang thực sự thưởng thức men rượu nồng.

Trong Thần điêu hiệp lữ, có cô bé Quách Tương, 16 tuổi, say mê người anh họ mình là Thần điêu đại hiệp Dương Qua. Mặc dù Dương Qua chạy theo hình bóng của sư phụ là Tiểu Long Nữ, không nghĩ đến mối tình si của Quách Tương, Quách Tương vẫn vượt ngàn dặm ra đi tìm anh. Trong túi hành trang của cô bé, luôn luôn có một bầu rượu. Cô chỉ có mỗi ước mong: cùng Dương Qua đối ẩm. Nhưng ước mong đó không bao giờ thành hiện thực. Quách Tương lên núi đi tu, trở thành sư tổ phái Nga Mi.

Những lứa đôi yêu nhau của tác phẩm Kim Dung uống rượu như ta uống cà phê. Họ gặp nhau là mời nhau chén rượu, trang trọng, cung kính. Không có ai uống rượu đến nỗi quần áo xốc xếch, ong bớm lả lơi. Chén rượu trong tình yêu của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo tính cách đạo đức mặc dù khung cảnh uống rượu lãng mạn vô kể: uống trong quán khuya vắng người, uống trong căn phòng chỉ có hai người, giữa đêm mùa dông tuyết rơi lả tả; uống trên con thuyền nhỏ chơi vơi giữa đêm trăng trên dòng Trường Giang mông mênh.

Nhân vật Tiêu Tương Dạ Vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn trong Tiếu ngạo giang hồ luôn luôn gắn liền tâm hồn mình với chén rượu. Kim Dung mô tả

Mạc Đại:"Tướng mạo tiên sinh điêu linh cổ quái, lúc nào cũng như ba phần tỉnh, bảy phần say". Mạc Đại có cây dao cầm rất cũ kỹ, trong cây dao cầm lại giắt một lưỡi kiếm mỏng như lá lúa. Tiên sinh xuất hiện dưới chân núi Hành Sơn, trong quán rượu đầy ấn tượng. Quần hùng gồm 7 gã, uống 7 chung trà, đang ngồi nghị luận rằng võ công Mạc Đại còn kém thua sư đệ mình là Lưu Chính Phong vì Lưu Chính Phong đánh ra một đường kiếm là đứt đầu 5 con chim nhạn. Lúc đang nói chuyện cao hứng thì một ông già gầy gò đi đến, nghẹo cổ nhìn các hán tử và bảo: "Các người nói thúi lắm!". Rồi bỗng dưng, các gã hán tử chỉ thấy trước mắt hoa lên một cái như có một luồng ánh sáng lấp lánh. Ông già gầy gò bỏ đi, tiếng đàn tình tang xa dần. Một cơn gió nhẹ thổi qua trên bàn ruợu, 7 cái miệng chén bị cắt đứt lìa lần lượt rơi xuống mặt bàn, vỡ tan. Hóa ra kẻ lam lũ ấy là Mạc Đại tiên sinh. Ông già say ấy rút kiếm khi nào, chém 7 miệng chén khi nào, đút kiếm vào đáy cây dao cầm khi nào, không ai nhìn rõ được. Chỉ với một đường kiếm tiện đứt 7 miệng chung thì 7 đầu chim nhạn phỏng có là bao! Rõ ràng, trong đoạn này có hai thứ: một thứ trà sinh nói bậy của 7 hán tử và một thứ rượu cực kỳ tỉnh táo của Mạc Đại tiên sinh.

Rượu trong truyện võ hiệp của Kim Dung cũng biến thành một thứ võ khí. Trong Thiên Long bát bộ, bọn Dư Bà Bà của cung Linh Thứu tung bì rượu lên thành thế Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời) cho chủ nhân mình là Hư Trúc dùng Bắc minh chân khí hóa rượu thành băng, khống chế địch thủ. Rượu được dùng để pha độc được, trừng trị những anh háo sắc. Vợ của Mã Đại Nguyên là Ôn Thị tư tình với Đoàn Chính Thuần, em ruột nhà vua nước Đại Lý. Giận Chính Thuần lòng dạ lang chạ, Ôn Thị đã pha bình Mê xuân tửu dụ cho Đoàn Chính Thuần uống, rồi trói lại và bắt đầu... cắn từng miếng thịt của Đoàn Chính Thuần để trả thù. Trong Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo đã biết dùng Mê xuân tửu từ thuở bé. Mẹ của y là Vi Xuân Hoa, làm điếm trong thành Dương Châu đã từng pha thuốc mê vào rượu cho bọn làng chơi uống, để trấn lột tiền tài vật dụng. Đắc thủ được bài học lưu manh đó khi làm quan lớn ở Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo cũng pha chế những bình Mê xuân tửu để hãm hại, vu cáo những kẻ thù của mình. Từ rượu độc, Vi Tiểu Bảo nghĩ ra những trò đầu độc khác tệ hại hơn và tất nhiên mực độ lưu manh hạ cấp cao hơn.
Rượu trợ lực cho những màn tác oai, tác quái của bọn quan lại triều Thanh. Để hành hạ Trịnh Khắc Sảng, kẻ tình địch ngày trước của mình, Vi Tiểu Bảo đã cho tiền để bọn thị vệ dưới quyền uống rượu thoải mái. Uống xong, chúng kéo qua tư dinh Trịnh Khắc Sảng, đòi nợ cho "công tước" Vi Tiểu Bảo. Chúng đập phá nhà cửa, tài sản, lăng nhục Trịnh Khắc Sảng và vợ con, bắt cóc, giết người rồi vu cáo...

Đọc tác phẩm Kim Dung, ta biết được người Trung Quốc có nhiều thứ rượu danh tiếng: Thiệu Hưng Nữ nhi hồng, Thiệu Hưng Trạng nguyên hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo tửu, Biên tái tửu, Hầu nhi tửu, Bồ đào tửu, Ngũ gia bì, Kim tước tửu... Đọc Kim Dung, ta mới biết được phong cách uống rượu của người Trung Quốc: rượu thường được hâm nóng trước khi uống, nhất là vào mùa đông. Thỉnh thoảng, trong vài tình huống đặc biệt, khi công nghiệp làm nước đá chưa ra đời, tác giả đã để cho nhân vật

mình làm ra băng để uống rượu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn Lệnh Hồ Xung cùng Hướng Vấn Thiên tìm về Cô Mai sơn trang ở Giang Nam gặp gỡ Giang Nam tứ hữu. Để mời rượu Lệnh Hồ Xung giữa mùa hè nóng bức, Đan Thanh tiên sinh đã nhờ anh mình là Hắc Bạch Tử dùng Hàn băng chưởng hóa nước thành ra nước đá ướp lạnh rượu bồ đào Thổ Lỗ Phồn!
Đọc Kim Dung, ta mới biết được những cách uống rượu khác nhau. Đối ẩm là hai người uống, thường là tình nhân hoặc bạn hữu thân thiết. Độc ẩm là uống một mình, trong lòng đang lo nghĩ hoặc tưởng nhớ. Cộng ẩm hay Quần ẩm là một nhóm người cùng uống với nhau. Loạn ẩm là một đám đông cùng uống. Trong Tiếu ngạo giang hồ, đoạn loạn ẩm hay nhất là đoạn bọn tà ma ngoại đạo thết tiệc Lệnh Hồ Xung để lấy lòng Thánh cô Doanh Doanh. Thương nhau, quý nhau, người ta mới tặng rượu. Quần hào Cái bang Trung Quốc, tuy là đi ăn mày, đáng lẽ chỉ xin cơm, thì người ta còn xin cả rượu nữa.

Chén rượu của Kim Dung đã làm cho những nhân vật của ông nổi tiếng. Hồng Thất Công nổi tiếng chuyên uống rượu với thịt chó. Kiều Phong nhờ rượu mới phát huy được thần oai, càng uống càng mạnh, càng tỉnh táo. Hư Trúc nhờ uống rượu phá giới mà tìm ra được cô vợ sắc nước hương trời: công chúa Văn Nghi của nước Tây Hạ. Thạch Phá Thiên nhờ uống hai thứ rượu độc mà hóa giải được sự xung đột của âm dương nhị khí, đạt đến mức thượng thừa trong võ học... ở chừng mực nào đó, Kim Dung đã nghĩ đến câu cổ thi:

Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh
(Xưa nay thánh hiền đều lặng lẽ
Chỉ người uống rượu mới còn danh) (Lý Bạch)

Tác phẩm của Kim Dung tràn đầy rượu và ruợu. Trừ những nhà sư, các nhân vật của ông ít nhiều đều biết đến chén rượu. Rượu làm nên sự hưng phấn cho cuộc đấu tranh chống cái ác, biểu dương cái thiện và lẽ công bằng ở đời.

Uống rượu nhiều tất có tình trạng say rượu xảy ra. Những người say trong tác phẩm Kim Dung cũng say một cách tử tế. Trong những hội loạn ẩm, họ say quyền thách đố nhau hoặc cãi cọ chửi bới. Duy nhất trong 12 bộ truyện, có một nhân vật say rượu phạm vào tội đại ác, trở thành một thứ tửu tặc. Nhân vật đó là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tốn trong Ỷ thiên Đồ long ký. Thành Khôn giả say rượu, đã làm nhục và giết hại vợ con của đồ đệ mình. Y lẻn vào chùa Thiếu Lâm làm một nhà tu giả mạo dưới pháp danh Viên Chân. Kẻ tửu tặc ấy đã bị tìm ra, bị trừng trị nhưng rồi cuối cùng cũng được tha thứ.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung khác xa với rượu ở miền Viễn Tây Mỹ trong phim cao bồi, khác xa với rượu trong các hộp đêm trên toàn thế giới và cũng khác xa với "rượu" trong các quán bia ôm. Chính vì thế, tôi mạnh dạn gọi rượu trong truyện Kim Dung là một loại *rượu đạo đức*. Rượu trong truyện Kim Dung thể hiện triết lý nhân sinh gần gũi cuộc sống. Nó làm nên tình yêu, tình bạn, hận thù, sự tha thứ, mối hoài cảm,

niềm hối tiếc. Qua rượu, Kim Dung hé mở cho chúng ta nhìn thấy một khoa học mới: *tửu học*. Với một chữ Rượu, Kim Dung đã vượt xa hơn bất kỳ nhà văn nào khác. Rượu của ông có bài bản, có tính chất triết lý tề chỉnh. Nó góp phần làm nên cái đẹp cho đời sống con người. Men rượu kết hợp với men tình, men võ khiến ta không "uống" được tác phẩm mà lòng vẫn say.

Âm nhạc

Kim Dung quan niệm âm nhạc cũng như một thứ võ công, có thể giúp người ta dưỡng thương, chữa bệnh, mê hoặc và khắc chế địch thủ. Trên một đất nước Trung Hoa rộng lớn, đa chủng tộc và sắc tộc, nhiều loại hình âm nhạc đã ra đời và hình thành. Trong những tác phẩm võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành cho âm nhạc một vị trí quan trọng. Âm nhạc có ở khắp mọi nơi. Trong tác phẩm võ hiệp của ông, ta bắt gặp "cái vỏ" là sự đấu tranh của võ lâm đầy đau thương, sắt máu nhưng "cái ruột" chính là tâm hồn nghệ sĩ khoáng dật, thanh thoát...

Có những tác phẩm mà âm nhạc như một sợi chỉ xuyên suốt, trở thành cốt lõi, chi phối toàn bộ và tạo nên cái hồn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của Tiếu ngạo giang hồ. Tác phẩm này lấy chủ đề từ một bản nhạc cầm tiêu hợp tấu giữa bạch đạo và hắc đạo, giữa chính và tà. Đó là bản nhạc hợp soạn giữa hai người nghệ sĩ, hai nhân vật võ lâm tiêu biểu: Lưu Chính Phong, sư đệ của chưởng môn phái Hành Sơn và Khúc Dương, trưởng lão của Triêu Dương thần giáo. Vốn xưa, họ là hai người đứng ở hai thái cực, hai thế lực đối nghịch với nhau, coi nhau là cừu hận. Nhưng rồi âm nhạc đã nối kết tình bạn của Lưu - Khúc lại và người này nhìn ra bản chất nghệ sĩ tài hoa của người kia. Khúc Tiếu Ngạo giang hồ ra đời như kết quả của hai tâm hồn đồng thanh, đồng điệu và đồng cảm, một khúc nhạc có khả năng hoá giải sự khác biệt giữa hắc và bạch.

Lưu Chính Phong và Khúc Dương, một cầm một tiêu, đã hoà tấu bản này đạt tới đỉnh cao nhất của âm nhạc "khoan hoà trung chính, khi mau sầm sập, khi khoan thai, chỗ trầm lắng, chỗ cao vút", tương thông tâm ý. Lưu Chính Phong ăn mừng thọ 60 tuổi, muốn rửa tay gác kiếm để tìm những tháng ngày ung dung tự tại giữa một đời đấu tranh trá ngụy. Thế nhưng, phái Tung Sơn mà lãnh tụ là Tả Lãnh Thiền đã huy động hết lực lượng của Hoa Sơn, Hằng Sơn, Thái Sơn nhằm ngăn cản hành động của Lưu Chính Phong, vu cáo rằng "Lưu Chính Phong kết bạn tà ma", buộc Lưu Chính Phong phải tìm cách giết Khúc Dương, chặt đứt mối quan hệ với Triêu Dương thần giáo. Không đồng ý với cách sống bán bạn cầu vinh, Lưu Chính Phong đã chịu một thảm kịch đau đớn: nhà tan người chết, bản thân bị trọng thương. Khúc Dương nhanh tay cứu bạn, đưa bạn chạy về dưới núi Hành Sơn. Nơi đây, hai đại cao thủ đã hợp tấu lần sau cùng trước khi qua đời rồi trao bản nhạc cho đệ tử phái Hoa Sơn là Lệnh Hồ Xung.

Phải chăng khát vọng Tiếu Ngạo giang hồ là không bao giờ có thể thực hiện được giữa

một cuộc sống đầy đua tranh, thù hận, chia rẽ và bạo lực? Cầm bản đàn của hai bậc tiền bối, Lệnh Hồ Xung phiêu bạt giang hồ, thân danh tàn tạ, bị khinh miệt, bị đánh, bị vũ nhục, bị vu cáo. Người ta cứ đinh ninh rằng đó là một loại bí lục võ công thượng thặng! Lệnh Hồ Xung gặp nàng Doanh Doanh trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, ngỏ hết nỗi đau thương của đời mình, trong đó có niềm đau về mối tình đầu tan vỡ. Doanh Doanh đã dạy cho Lệnh Hồ Xung khúc đàn Thanh tâm phổ thiện trú để duy trì mạng sống. Âm nhạc trở thành một liều thuốc chữa bệnh tâm thần, tạo nên sự hưng phấn, đem lại nguồn sống cho Lệnh Hồ Xung.

Đoạn dễ thương nhất của Tiếu ngạo giang hồ là đoạn Doanh Doanh đàn Thanh Tâm Phổ Thiện Trú ru cho Lệnh Hồ Xung ngủ. Cuối cùng, âm nhạc cũng không đủ tác dụng vực dậy một tâm hồn đau thương trong một thể xác đã suy tàn, nàng đành cõng tình lang lên chùa Thiếu Lâm, chịu bị cầm tù để tình lang được chữa trị. Kết thúc Tiếu ngạo giang hồ là một kết thúc thật đẹp. Lệnh Hồ Xung chữa được thương thế, cùng Doanh Doanh hợp tấu bản Tiếu ngạo giang hồ, sống cuộc đời thanh bình, hạnh phúc.

Tiếu ngạo giang hồ đưa ra một luận điểm triết lý sâu sắc: con người sinh ra không thể sống một mình, cũng không thể sống hai mình khi tâm ý chẳng tương thông. Khát vọng của Tiếu ngạo giang hồ chính là tình thương yêu con người đằm thắm. Sự giao hoà âm nhạc tạo nên giao hoà tình yêu và chỉ có tình yêu chân chính mới đạt đến hạnh phúc làm người.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp một loại hình âm nhạc khác - âm nhạc lang thang của chưởng môn phái Hành Sơn Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Với vóc dáng "điêu linh cổ quái", người chưởng môn ấy từ chối quyền lực và danh vọng, mang một cây dao cầm trong có dấu một thanh kiếm mỏng như lá lúa, vui chơi bốn biển năm hồ. Kiếm để trừ diệt kẻ ác, dao cầm để di dưỡng tâm hồn. Mạc Đại tiên sinh chính là hình tượng mà Nam Hoa Kinh của Trang Tử thường mơ ước: "Khi cao lên 9000 dặm, nương mây cỡi gió mà bay". Tiếc thay, ông ta chưa đạt được phong cách thần tiên thoát tục đó bởi cái khúc Tiêu Tương dạ vũ mà tiên sinh thường hay hát là một "bài ca buồn bã có đi mà không có lại". Tiếng hát của tiên sinh là tiếng hát lênh đênh trong ảo ảnh sương khói và suốt đời, tiên sinh chỉ là một nghệ sĩ lang thang. Mạc Đại là nhà du ca lớn nhất trong Tiếu ngạo giang hồ và trong toàn bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, một thứ thần tiên bị đọa phải nhập thể và nhập thế. Nếu Doanh Doanh chơi nhạc thính phòng thì âm nhạc của Mạc Đại là nhạc du ca.

Nhưng Tiếu ngạo giang hồ không phải chỉ có chừng đó dạng âm nhạc. Tiếu ngạo giang hồ còn có khúc "Sơn ca Phúc Kiến" của Lâm Bình Chi mang về núi Hoa Sơn dạy cho Nhạc Linh San hát. "Chị em lên núi hái chè", câu sơn ca đó làm tan hồn nát ruột Lệnh Hồ Xung vì mỗi khi Nhạc Linh San hát lên, anh biết nàng ta đang nghĩ tới Lâm Bình Chi và phụ rẫy mối tình đầu của mình.

Tiếu ngạo giang hồ còn có một bài ca rất buồn cười mà bọn giáo chúng Triêu Dương thần giáo đồng thanh hợp ca để tâng bốc Nhậm Ngã Hành khi lão vừa chiếm lại được ngôi giáo chủ: "Thánh giáo văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ. Bọn thuộc hạ đưa lời cung nghinh thánh giáo chủ thương sinh trạch bị, ơn khắp lê dân..." Nguyên cái loại "âm nhạc" này phát xuất từ thời giáo chủ Đông Phương Bất Bại. Khi Đông Phương Bất Bại trở thành "tất bại", bọn giáo chúng Triêu Dương thần giáo mới dùng nó để ca ngợi Nhậm Ngã Hành. Cả ngàn người cùng há miệng hò ca chấn động cả lỗ tai người nghe! Thứ "âm nhạc" này bị coi là nhạc sến!

Trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã để cho âm nhạc xuất hiện trước tiên với nhân vật Côn Lôn tam thánh Hà Túc Đạo. Hà Túc Đạo tuổi ngoài 40, khuôn mặt xương xương, giỏi kiếm, giỏi cờ, giỏi đàn, được xưng tụng là tam thánh, từ Côn Lôn xuống Trung Nguyên.

Ông ta có một khúc đàn tuyệt vời, có thể sai khiến trăm chim tụ họp về nhảy múa, ca hót gọi là Không sơn điểu ngữ. Cô bé Quách Tương, 19 tuổi, đi tìm Dương Qua, đã gặp người trung niên tài hoa Hà Túc Đạo ngoài rừng chùa Thiếu Lâm, được nghe khúc Bách điểu triều phụng và tiếng muôn chim ca hót. Hình ảnh trong sáng, tươi đẹp của cô đã in ngay vào trong tâm hồn chàng nghệ sĩ trung niên.
Hôm sau, khi chiến đấu với ba cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực trước sự chứng kiến của Quách Tương, Hà Túc Đạo chỉ dùng đến một tay, tay còn lại vận Cách không chỉ phóng vào cây dao cầm đang để dưới đất, mời Quách Tương nghe bản nhạc mình mới sáng tác tặng cô. Kiếm chưởng thì sát phạt sắt máu, tiếng đàn lại lãng mạn xuân tình, u uất thương nhớ. Cái công phu phân ý của Hà Túc Đạo quả thật hy hữu! Cô bé Quách Tương thơ ngây nghe hết cung đàn, cảm động và đỏ mặt vì biết Hà Túc Đạo đang dùng âm nhạc tỏ tình với mình. Thế nhưng mối tình của Hà Túc Đạo cũng chẳng tới đâu. Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn, hổ thẹn chạy về núi Côn Lôn. Quách Tương yêu Dương Qua mà tìm nhau không gặp, lên núi Nga My đi tu, mở ra phái Nga My. Âm nhạc của Hà Túc Đạo cũng "có đi mà không có lại". Nó trở thành bài biệt ca của tình yêu.

Nhưng âm nhạc hay nhất, đẹp nhất, mang giá trị nhân bản cao nhất vẫn là bài Hoả ca của giáo chúng Minh giáo (tức Bái Hoả giáo), truyền từ Ba Tư (tên cũ: Perse - thời ấy chưa gọi Iran) sang Trung Quốc. Đây là bài ca được hát trên Quang Minh Đỉnh khi quần hùng Trung Quốc bao vây quần hùng Minh giáo, vu cáo họ là tà giáo, có ý muốn đuổi tận diệt. Theo tác giả Kim Dung, bài Hoả ca lấy từ thơ của nhà thơ lớn Ba Tư Omar Khayam, có những câu được dịch thoát ra như thế này:

Đốt tàn thân xác của ta
Ngọn lửa thánh bốc cháy lên đỏ rực
Sống đã chẳng có chi là hạnh phúc
Thì chết đi nào có khổ đau gì.

Vì thiện lương, ta trừ cái ác
Nẻo quang minh cứ vậy mà đi
Hỷ, Lạc, Sầu, Bi xin gởi về cát bụi
Tội nghiệp thay người đời hoạn nạn lắm khi.

Giữa cảnh đang bị cường địch bao vây, giáo chúng Minh giáo vẫn ung dung tự tại hát lên bài Hoả ca dâng lên đức Giáo chủ Minh Tôn Di Lạc, bày tỏ tấm lòng của mình với cuộc đời và thể hiện khí phách hiên ngang trước cái chết. Trương Vô Kỵ đã nghe được bài ca đó và nhận ra rằng Minh giáo là một đạo nhân bản, rằng những lời kết án Minh giáo là bàng môn tả đạo là những lời xuyên tạc, rằng việc chống lại người Minh giáo là hành động phi nhân. Và chàng đã xả thân cứu quần hùng Minh giáo, nguyện hiến tấm thân vì trăm họ để cho giáo chúng Minh giáo được sống. Chàng được Minh giáo Trung Hoa bầu lên làm giáo chủ, huy động các lực lượng Minh giáo chống lại quân Nguyên, giành lại được giang sơn từ giống nòi di tộc.

Chu Nguyên Chương lên ngôi cũng còn biết nhớ nguồn gốc của mình xuất thân từ Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thành Tổ. Người Minh giáo mặc áo đạo bào trắng, trước ngực áo có vẽ ngọn lửa đỏ, gặp nhau chào bằng hai bàn tay chắp lại thành hình ngọn lửa. Và thánh ca của họ chính là bài Hoả ca, bài mang một giá trị nhân bản, nhân đạo tuyệt vời.

Trong Thiên Long bát bộ, âm nhạc mới phong phú làm sao. Trước hết, người ta dễ nhận ra bài ca "chiến thắng" ê a của bọn lính Khất Đan sau những cuộc "hành quân" qua thảo nguyên ngoài ải Nhạn Môn Quan. Bọn chúng bắt đàn bà, giết trẻ em, tước đoạt tài vật của những gia đình lương dân Trung Quốc. Ấy thế mà chúng vẫn hát được!

Cũng trong bộ truyện này, người đọc thật sự cảm thấy thú vị với bài ca bợ đít của bọn đệ tử phái Tinh Tú nhằm ca ngợi Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu. Mỗi khi Đinh Xuân Thu xuất hiện hay lâm trận, bọn đệ tử đồng thanh hát:

Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên
Đánh đâu thắng đó

Nhân vật Bao Bất Đồng, một thuộc hạ của Cô Tô Mộ Dung Phục đã làm cho phái Tinh Tú mắc lỡm khi cất giọng solo bài này dưới chân núi Thiếu Thất để bọn Tinh Tú “hợp ca” theo:

Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên ...
Thối hơn rắm chó

Đem “rắm chó” vào trong bài ca để “hướng dẫn” bọn đề đệ Tinh Tú hát theo làm trò

cười cho thiên hạ, cách phê phán thói nịnh của Kim Dung vừa bình dân, vừa bác học hết chỗ nói.

Nói đến âm nhạc trong Thiên Long bát bộ, ta không thể quên hai nhân vật quái dị trong nhóm Hàm Cốc bát hữu (tám người bạn ở Hàm Cốc) là Cầm điên Khang Quảng Lăng và Hí mê Lý Quỹ Lỗi. Cầm điên Khang Quảng Lăng đánh địch bằng cây dao cầm. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta nhảy loạn lên, đầu óc trở thành u mê, hồ đồ. Tiếng đàn của lão thoạt đông, thoạt tây; khi trên, khi dưới khiến người ta tưởng khinh công của lão xuất thần nhập hoá. Nhạc sĩ Khang Quảng Lăng này rất hồ đồ. Lão tin rằng tiếng đàn của lão có thể làm người chết sống lại: "Vậy mộ của Huyền Khổ đại sư chôn ở đâu ? Dẫn ta đến mau, ta đàn cho đại sư nghe một khúc, không chừng đại sư có thể sống lại (?)". Ngược lại với Khang Quảng Lăng, nhân vật Lý Quý Lỗi là một con hát. Anh ta vừa đánh, vừa hát bội, thậm chí khi bị đánh gãy chân, thay vì rên la, anh ta lại mở miệng hát (!). Hai nhân vật chơi nhạc trong Hàm Cốc bát hữu là hai con người hồn nhiên như trẻ con. Họ xuất hiện rất ngắn nhưng để lại ấn tượng rất sâu trong lòng người đọc.
Trong Thiên Long bát bộ, người ta còn nghe bài ca "Xin cơm" của anh em Cái bang, một bài hát không dùng vào việc xin cơm thông thường mà để kết Đả cẩu trận, khắc chế địch nhân hung hãn.

Khi viết về âm nhạc, kiến thức âm nhạc của Kim Dung tiên sinh cũng rất tinh tường và phong phú. Trong Lộc Đỉnh ký, ông đã trích lại bài ca của danh sĩ Ngô Mai Thôn nói về Trần Viên Viên - một danh kỹ cuối Minh đầu Thanh, người tình của Lý Sấm và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên được mô tả "mặt đẹp như Quan Âm", sống một cuộc đời đau thương chìm nổi đúng như định đề cổ điển của văn học "hồng nhan đa truân". Tất cả những đau thương đó đều được đúc kết thành Viên Viên khúc. Khi đi tu, Viên Viên vẫn hát khúc ca Ngô Mai Thôn viết cho mình với cây dao cầm. Ngô Tam Quế nghe được vài chục câu, Mỹ đao vương Hồ Dật Chi nghe được dăm ba câu. Chỉ có Vi Tiểu Bảo, một kẻ chẳng hiểu âm nhạc là gì, lại có hồng phước nghe được trọn bài. Viên Viên khúc nghe thật buồn bã, đúng là một bài ca mất nước chẳng khác gì Hậu đình hoa của Lý Hậu chủ trong thơ Đỗ Mục:

Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu đình hoa
(Con hát biết đâu hờn vong quốc
Bên sông còn hát Hậu đình hoa)

Lộc Đỉnh ký còn có một loại "âm nhạc" ngộ nghĩnh khác: những bài ca nịnh bợ của bọn Thần Long giáo. Đó là những bài ca mang tính chất tự kỷ ám thị dùng trong lúc đánh nhau, đã được Kim Dung viết với một giọng văn thô thiển, phù hợp với "trình độ" của bọn giáo chúng ngu muội:

Hồng giáo chủ thần thông quảng đại
Giáo chúng ta đánh bại khắp nơi

Địch nhân thấy bóng chạy tơi bời
Cứng rắn cũng tan tành xác pháo
Hồng giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đô nhi sức mạnh phi thường
Ta một người trăm địch khôn đương
Địch hàng vạn trăm quân đủ thắng
Hồng giáo chủ thần kinh như điện
Chiếu nhãn quang ra khắp muôn phương...

Những bài hát như vậy mang tính kinh điển, khẩu hiệu, quê muội, tự nó đã nói lên được kiểu lừa bịp trá ngụy của những tà giáo thứ thiệt. Cái hay của Kim Dung là ông chỉ mô tả sự kiện, tường thuật vấn đề không bình luận. Nhưng thông qua sự kiện, vấn đề, người đọc nhận biết được ý đồ của ông, hiểu được ông muốn nói lên điều gì. Bài ca tập thể lạ lùng của giáo chúng Thần long giáo sau đây khiến người ta nghĩ đến "bài ca" của các tiểu tướng Hồng vệ binh ở Trung Quốc trong thời kỳ Cách mạng văn hóa:

Bảo huấn của giáo chủ
Thời khắc ghi tronglòng
Lập công và thắng địch
Trường thọ với non sông.

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, âm nhạc xuất hiện khắp mọi nơi trên đất nước Trung Hoa rộng lớn. Trong Phi hồ ngoại truyện, ta nghe được tiếng hát vùng Sơn Đông - Triết Giang của tiểu anh hùng Hồ Phỉ. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, ta nghe được khúc sáo ma quái, nhiếp hồn của Đông tà Hoàng Dược Sư. Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta nghe được tiếng hát của dân tộc Miêu Cương của giáo chủ Ngũ Độc giáo Vân Nam Lam Phượng Hoàng.

Trong Lộc Đỉnh ký, ta nghe được bài ca Trầm Giang hùng tráng trích từ tác phẩm dân ca Đào hoa phiến, ca ngợi cái chết anh hùng của nhà yêu nước Sử Các Bộ, người chịu hy sinh để giành lại đất nước trong bàn tay di tộc. Nhưng không phải ai cũng có thể hát được khúc Trầm Giang. Đi trên sông Liễu Giang giữa đêm mưa gió, cả mấy chục người mà chỉ có Trần Cận Nam - Tổng đường chủ của Thiên Địa hội - và Ngô Lục Kỳ - đường chủ Hồng Thuận đường của Thiên địa hội - mới đủ công lực cất lên tiếng hát át cả tiếng cuồng phong sậu vũ:

Đầy lòng phẫn nộ ngỏ cùng ai
Giọt lệ già nua dạ ái hoài
Trong chốn cô thành mong cứu viện
Tàn quân huyết chiến luống bi ai
Đoái trông cố quốc lòng đau xót
Trùng vây không nỗi vượt ra ngoài
Trường giang một dải ba ngàn dặm

Nỡ để về tay kẻ khác loài…

Và:

Non nước ngàn thu để tiếng truyền
Đau lòng huyết lệ khắp Tây Xuyên...

Trong Thiên Long bát bộ, ta nghe được tiếng hát bài ca "Hái sen ở Giang Nam" (Giang Nam khả thái liên) hoà với tiếng đàn hồ cầm thánh thót của cô gái đẹp A Bích tại Yến tử ổ, Giang Nam:

Giang Nam khả thái liên
Liên điệp hà điền điền
Ngư hý liên điệp đông
Ngư hý liên điệp tây...
(Giang Nam ta hãy hái sen
Lá sen dày khít mọc chen thành đồng
Cá đùa bên lá sen phía đông
Cá đùa bên lá sen phía tây...)

Nhưng tiếng hát đẹp nhất, mang nặng tính chất triết lý nhất là vẫn là tiếng hát của Tiểu Siêu, cô gái lai người Ba Tư. Tiểu Siêu là cô bé 16 tuổi, được mẹ là Đại Y Ty đưa vào "nằm vùng" trong Minh giáo Trung Quốc, len lỏi lên Quang Minh Đỉnh để tìm cách đánh cắp bộ thần công Đại nã di tâm pháp. Cô trở thành con hầu của giáo chủ Trương Vô Kỵ và thầm yêu trộm nhớ Trương Vô Kỵ. Nhưng cô đã tiên cảm được rằng mối tình đó không đến đâu, số phận của cô không biết sẽ trôi dạt về đâu. Nỗi u oán đó biểu hiện lên trong những khi cô hát cho giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ nghe. Lời ca nguyên là 1 trong 101 bài thơ của Nga Mạc (Omar Khayam) - thi hào Ba Tư đã được Quách Mạt Nhược dịch qua tiếng Quan Thoại. Triết lý trong lời ca là cái khát vọng cắt nghĩa cho được những vấn đề gần gũi nhất của con người: cuộc sống, tình yêu và cái chết:

Lai như lưu thủy hề thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề hà sở chung
(Chợt đến như giòng sông nước chảy
Thoắt tan như gió qua mau
Chẳng biết từ đâu mà đến
Cũng chẳng biết về nơi đâu)

Bài ca này là một bài thánh ca của Bái hỏa giáo Ba Tư và tiếng hát cuối cùng là tiếng hát của Hân Ly trong cơn mê sảng trước khi chết trên một hải đảo vùng Đông Bắc Trung Quốc.

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, không có biên giới giữa Thi và Ca. Trường phái thơ Đường đã dung nạp một cách tự nhiên âm nhạc vào thi ca; biến phong cách này trở thành truyền thống:

Sở thanh phong địch ly đình vãn
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần
Hoặc:
Khương địch hà tu oán Dương liễu?
Xuân phong bất độ Ngọc môn quan

Kim Dung đã đưa âm nhạc vào tiểu thuyết đúng như truyền thống của Đường thi nhưng lãnh vực phản ánh của ông rộng hơn và mức độ phản ánh sâu sắc hơn. Âm nhạc đó hoá giải được tính chất đấu tranh gay gắt, phức tạp của bản chất truyện võ hiệp. Nó làm nên cái hồn tính lãng mạn cho tiểu thuyết võ hiệp, đem lại chất hài hước vui nhộn cho tiểu thuyết võ hiệp. Nói là âm nhạc, nhưng nó chính là võ công, là công phu, là y đạo, và đồng thời là phương thức biểu lộ tình yêu. Ngay chính trong cách dung nạp này, Kim Dung đã chứng tỏ được rằng ông là bậc thầy trong kỹ thuật viết tiểu thuyết. Đọc Kim Dung là lắng nghe chất âm nhạc trong tiểu thuyết của Kim Dung, nhờ âm nhạc, người ta thấy được niềm tin, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.

Hoa

Văn chương tiểu thuyết, kể cả văn chương tiểu thuyết võ hiệp, luôn có những đoạn tả cảnh. Cảnh quan thiên nhiên hiện ra trong văn chương đã trở thành một thứ quy luật tất yếu, không thể thiếu được. Vả chăng, người Trung Hoa đã quan niệm “Vạn vật đồng nhất thể” mà con người cũng là một vật trong vạn vật cho nên con người không thể tự tách mình ra khỏi thiên nhiên, ra khỏi cảnh quan và môi trường sống.

Văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng vậy. Con người trong tiểu thuyết của ông luôn luôn gắn liền với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên và hoạt động với thiên nhiên.

Nhưng vượt lên trên tất cả cung cách mô tả thiên nhiên, Kim Dung đã dành cho hoa nhiều cảm tình nhất. Hoa xuất hiện trongg 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông như là biểu tượng cho bốn mùa. Hoa tiêu biểu cho chiều sâu trí tuệ và tâm hồn của người trồng hoa và chơi hoa. Hoa là sản phẩm đặc trưng của từng vùng đất mà đất Trung Hoa vô cùng rộng lớn nên hoa cũng cực kỳ phong phú về chủng loại, đặc sắc về ngoại hình. Ở một chừng mực nào đó, ta có thể thấy Kim Dung đã thể hiện kiến thức của một nhà hoa học trong những bộ tiểu thuyết của mình.
Trong Thiên Long bát bộ, theo gót chân lãng du của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, tác giả đưa chúng ta đi về vùng Giang Nam nước Tống. Mùa xuân về trên Thái Hồ, Giang Nam, ta bắt gặp hoa sen và hoa hồng lăng khoe sắc thắm, thoang thoảng hường đưa trong gió. Rồi tác giả đưa chúng ta về Mạn Đàn sơn trang của Vương phu nhân, thưởng thức hoa trà. Đoạn lý luận về hoa trà của Đoàn Dự có thể coi là một chương hoa học kỳ thú trong Thiên Long bát bộ.

Hoa trà - tiếng Phạn là Mạn đà la – là một loài hoa nổi tiếng được trồng phổ biến khắp vùng Vân Nam. Lúc bấy giờ, Vân Nam thuộc nước Đại Lý. Hoa trà trở thành quốc hoa của Đại Lý. Vân Nam có khí hậu ấm, mứa nhiều quanh năm, dân dã bình thường cũng biết trồng hoa trà để thưởng ngoạn. Thế nhưng,Vương phu nhân là đem hoa trà từ Vân Nam (Đại Lý) về trồng ở Giang Nam (Tống) mà lại thiếu kinh nghiệm chăm sóc khiến các gọi là Mạn đà sơn trang của phu nhân dưới mắt Đoàn Dự chẳng đáng một xu. Vốn ghét tính cách tàn bạo, ngang ngược của Vương phu nhân, Đoàn Dự thẳng thừng phê phán sự dốt nát của bà khi trồng trà: "Tỷ như khóm trà hoa này chắc phu nhân cho là quý lắm? Cái lan can bên cạnh mới thực là đẹp.". Khen như vậy khác nào khen quyển sách in đẹp mà nội dung rỗng tuếch. Những kiến thức về hoa trà của Đoàn Dự khiến Vương phu nhân vừa kinh hãi, vửa thẹn thùng. Chậu hoa mà phu nhân gọi là "Ngũ sắc trà hoa" (hoa tra năm màu) thì Đoàn Dự gọi là "Lạc đệ tú tài" (tú tài thi hỏng). Đoàn Dự cho biết loại hoa trá quý nhất là "Thập bát học sĩ" (18 vị học sĩ) gồm 18 bông, màu sắc không bông nào giống bông nào (toàn hồng, toàn trắng, toàn tía...không hỗn tạp), cùng nở một lúc và cùng tàn một giờ. Sau "Thập bát học sĩ" là "Bát tiên quá hải" (8 vị tiên qua biển) chỉ có một gốc, nở ra cùng lúc 8 bông với 8 màu khác nhau. Sau "Bát tiên quá hải" là "Thất tiên nữ" (7 tiên nữ) chỉ có một gốc nở ra 7 bông. Sau "Thất tiên nữ" là "Phong trần tam hiệp" (3 hiệp khách phong trần) chỉ có 1 gốc nở ra đúng 3 bông. Rồi "Nhị Kiều" (hai nàng họ Kiều), rồi chia hạng chánh, phó... đủ kiểu chơi.

Vương phu nhân còn khen ngợi loại trà "Mãn nguyệt" (trăng tròn). Đoàn Dự bác ngay vàlý luận đó phải là loại "Ỷ lan Kiều' (nàng Kiều e thẹn dựa vào lan can). Trồng "Ỷ lan Kiều" phải chọn nơi nửa kín nửa hở để xứng với câu thơ:

E thẹn ôm đàn che nửa mặt
Ai kêu ai gọi cũng làm thinh.

Viết đến đâu, Kim Dung trích dẫn thơ ca đến đó:

Xuân câu thuỷ động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng)

Hoặc:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn độ khai
(Quần xanh vóc ngọc như từng gặp
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Thật sự, Trung Quốc đã từng có tác phẩm Điền trung trà hoa ký nghiên cứu về hoa trà trong đó có đoạn: "Đại Lý trà hoa tối giáp hải nội, chủng loại thất thập nhị, đại ư mẫu đơn. Nhất vọng nhược hỏa tề vân cẩm, thước nhật chưng hà." (Hoa trà Đại Lý đứng đầu

thiên hạ, gồm 72 loại khác nhau, có loại lớn hơn cả hoa mẫu đơn, khiến ta đứng xa vẫn trông đỏ rõ một góc trời như mây gấm hoà vào cho màu trắng ban mai thêm rực rỡ). Thật ít có nhà văn nào đạt được kiến thức hoa học và vận dụng kiến thức ấy - vốn thuộc phạm vi sinh học – vào văn chương một cách nhuần nhuyễn như Kim Dung.

Đúng là Kim Dung đã đưa hoa vào tác phẩm văn chương võ hiệp của mình, dùng hình ảnh tươi đẹp của hoa để chế ngự bớt tính chất căng thẳng và đôi khi tàn nhẫn của thế giới võ hiệp. Hoa là biểu tượng cho một dạng công lực thượng thừa, Kẻ luyện nội công đến mức cao siêu nhất được gọi là “Tam hoa tụ đỉnh”. Hoa được dùng để đặt tên cho các pho võ công: Niêm hoa chường, Niêm hoa chỉ của phái Thiếu Lâm; Thiên Sơn thiết mai thủ của phái Tiêu Dao; Lạc anh chưởng pháp của Đào hoa đảo. Hoa trở thành mệnh lệnh tấn công như khi bang chúng Cái bang hát bài Liên hoa lạc (cánh sen rơi) thì có nghĩa là họ kết Đã cẩu trận để chống lại kẻ địch, bao vây kẻ địch.

Hoa trở thành đòn thức, chiêu thế của người sử dụng võ công, và khi sử dụng, giới võ lâm phải thể hiện cho được yếu tính của đòn thức, chiêu thế mang tên hoa đó. Nhà sư Thổ Phồn Cưu Ma Trí khi đánh chiêu Niêm hoa vi tiếu trong Niêm hoa chỉ vẫn giữ được khuôn mặt tươi cười, tư thế ung dung của khái niệm niêm hoa (cánh hoa chưa nở). Nhà sư Hư Trúc sử dụng Thiên Sơn chiết mai thủ với phong cách nhẹ nhàng, khuôn mặt trầm tĩnh đúng như người đang bẻ cành mai trên núi Thiên Sơn mà kình lực có thể làm tan bia, vỡ đá. Phái Thiếu Lâm có chiêu Hoa khai kiến Phật (Hoa nở thấy Phật) bó buột đệ tử Thiếu Lâm chấp hai tay lên trước ngực, vừa hàm ý chào kính kẻ địch, vừa thể hiện đức từ bi của nhà Phật: đấu tranh là phải đấu chứ không muốn giết hại lẫn nhau. Ta bắt gặp trong tiểu thuyết Kim Dung những tên gọi Lạc hoa lưu thủy (hoa rụng nước trôi), Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời), Liên hoa phất huyệt thủ (đánh huyệt như phất hoa sen), Hồ điệp xuyên hoa (bướm len giữa khóm hoa), Thiên nữ tán hoa (tiên nữ rắc hoa)...

Hoa muôn đời là biểu tượng của người phụ nữ đẹp, là biểu tượng của cô gái trong trắng thơ ngây. Kinh Thi có câu: “Xước ước như xử nữ” (mềm mại như gái trinh) và từ “xước ước” cũng đồng thời là từ diễn tả dáng thanh lịch của ngàn hoa. Những nhân vật nữ của Kim Dung như Nhậm Doanh Doanh, Nhạc Linh San, Nghi Lâm, Lam Phượng Hoàng (Tiếu ngạo giang hồ), Hoàng Dung, Quách Tương, Tiều Long Nữ (Thần điêu hiệp lữ), Hân Tố Tố, Triệu Minh, Chu Chỉ Nhược, Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký)... đều có “khuôn mặt đẹp như hoa nở, nụ cười tươi như hoa nở”. Những cô gái trinh bạch, xinh đêp ấy được gọi là Hoàng hoa khuê nữ (cô gái trong phòng khuê dịu dáng như hoa cúc) nhưng lĩnh vực hoạt động của họ không phải là phòng khuê nữa mà là giới giang hồ.

Họ là hào khách võ lâm biết yêu hoa: Vương phu nhân yêu hoa trà, Mộc Uyển Thanh yêu hoa mai côi (hoa hồng) và con người cô cũng toát ra mùi hương tự nhiên của mai côi đến nỗi cô có ngoại hiệu là Hương Dược Xoa (Thiên Long bát bộ), Lăng Sương Hoa, con gái tri phủ Giang Lăng thành Lăng Thoái Tư yêu hoa cúc (Liên thành quyết).

Kẻ nào manh tâm chiếm đoạt trinh tiết người phụ nữ bị Kim Dung gọi là tên Thái hoa dâm tặc (tên dâm tặc chuyên hái hoa). Trong Tiếu ngạo giang hồ, có gã Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái đao Điền Bá Quang. Hắn gớm ghiếc đến nỗi phụ nữ nhà lành cũng bị cha mẹ cấm không được gọi đến tên. Nhà sư Bất Giới đã trừng trị tội dâm dật của hắn bằng cách điểm trọng huyệt, xuyên một cặp tụ tiễn (mũi tên nhỏ) vào bộ phận sinh dục để hắn không thể "hái hoa" được nữa. Ngoại hiệu của nhà sư là Bất Giới (không cấm cản chi hết) nhưng nhà sư buộc Điền Bá Quang phải cạo đầu làm sư, đặt lại ngoại hiệu cho hắn là Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm). Cách trừng trị kinh khủng như vậy là nhằm bảo vệ những đời hoa!

Hoa là biểu tượng của tình yêu lứa đôi, và đặc biệt trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, là biểu tượng của tình yêu chung thuỷ. Thời đôi mươi, Vương phu nhân say mê Đoàn Chính Thuần, thất thân với y và sinh ra Vương Ngọc Yến. Đoàn Chính Thuần là hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh, vua Đại Lý; không thể cưới được Vương phu nhân. Tương tư tình lang, Vương phu nhân đem trà Đại Lý về trồng tại Giang Nam, lập nên cái gọi là Mạng đà sơn trang (Thiên Long bát bộ). Còn trong Liên thành quyết, Kim Dung đã thực sự tạo cho hoa cúc một tâm hồn riêng khi ông xây dựng mối tình Đinh Điển – Lăng Sương Hoa.

Đinh Điển luyện thành thần công Thần chiếu kinh, chỉ cần vươn tay ra chộp một cái là kẻ thù phải chết. Anh yêu tiểu thư Lăng Sương Hoa, con gái tri phủ Lăng Thoái Tư thành Giang Lăng, nên ẩn thân vào nhà tù thành Giang Lăng để ngày ngày được ngắm màu hoa cúc vàng trên cửa sổ do chính Lăng Sương Hoa chăm sóc. Lăng Sương Hoa ra sức chăm bón hoa, giữ cho hoa tươi mãi để tạ lòng người yêu. Tình yêu lặng lẽ giữa người tù và cô tiểu thư diễn ra thật nên thơ những cũng rất mạnh mẽ. Tri phủ Lăng Thoái Tư biết được điều đó; lão cố tìm mọi cách để giết Đinh Điển để chiếm đoạt bộ Liên thành quyết - một bí lục mô tả đường đi nước bước của mộ kho báu trị giá liên thành. Lão bức tử con gái, đặt cô vào quan tài rồi tẩm thuốc độc lên vỏ quan tài, chờ Đinh Điển sa bẫy. Quản nhiên một hôm Đinh Điển nhận ra rằng chậu hoa cúc trên cửa sổ của người tình đã héo úa. biết rằng Lăng Sương Hoa đã gặp điều gì đó chẳng lành, Đinh Điển vượt ngục, thâm nhập vào tư dinh Lăng Thoái Tu. Thấy tấm bài vị đề "Lăng Sương Hoa ái nữ chi linh vị" trên nắp quan tài, anh đau xót ông lấy quan tài khóc rống lên và lập tức bị trúng độc. Đinh Điển chết, dặn dò lại nghĩa đệ là Địch Vân phải hợp táng xương cốt của anh và Lăng Sương Hoa chung một nơi.

Lăng Sương Hoa được chôn trong nghĩa địa phía tây thành Giang Lăng còn Đinh Điển thì chết ở vùng Quan ngoại. Cuối truyện, chàng Địch Vân mang bọc xương cốt của nghĩa huynh Đinh Điển từ ngàn dặm trở lại Giang Lăng, đào mả Lăng Sương Hoa và hợp táng hai người. Anh còn mua hoa cúc, cuốc đất chung quanh mộ rồi trồng cho hai người mấy cụm với ước mong hương hồn họ nhìn thấy bóng hoa và được sống lại với tình yêu cũ. Liên thành quyết có cái buồn và chất thơ lãng mạn xuyên suốt toát ra từ bóng hoa cúc

vàng - mối tình của Đinh Điển và Lăng Sương Hoa.

Người yêu hoa thì rất quý hoa, xem hoa như là bạn; còn kẻ ghét hoa thì rất giận hoa, xem hoa là thù địch. Đó là trường hợp của Vi Tiểu bào, một tiểu lưu manh bất học vô thuật, may mắn trở thành quan lớn triều Khang Hy (Lộc Đỉnh ký). Vua Khang Hy ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo làm khâm sai đại thần, trở về quê quán thành Dương Châu xây dựng toà Trung liệt từ. Nghe đồn Vi Tiểu Bảo là một thiếu niên, tưởng gã là người có tài văn học, các quan ở Dương Châu bèn mời gã vào uống rượu ngâm thơ trong chùa Thiền Trí. Mùa ấy, hoa thược dược đang nở mà thược dược ở Dương Châu và chùa Thiền Trí là thứ hoa tươi đẹp nhất thiên hạ. Nhìn thấy thược dược tươi hơn hớn, Vi Tiểu Bảo tức muốn sôi gan. Nguyên lai, lúc mới lên chín mười tuổi, gã đã từng cùng bọn tiểu lưu manh thành Dương Châu đột nhập chùa Thiền Trí hái trộm hoa thược dược. Một nhà sư nào đó đã rượt cả bọn chạy, Vi Tiểu bảo nhỏ con, chạy chậm bị nhà sư nắm áo éo lại, tát cho một cái. “Mối thù” ấy âm ỉ mãi trong lòng gã nên khi quay về Dương Châu, thấy lại thược dược đại đóa nở phô hồng khoe tía trong chùa Thiền Trí là gã nổi nóng.

Gã đặt chuyện nói rằng vua Khang Hy đang nuôi bầy ngựa chiến và ra lệnh cho gã chặt hết thược dược trong thiên hạ để làm thức ăn cho ngựa. Nghe câu nói đó, bá quan văn võ Dương Châu và các nhà sư chùa Thiền Trí đều vỡ mật kinh tâm. Mây mắn là viên tuần phủ Dương Châu học rộng biết nhiều. Viên tuần phủ phải nịnh Vi Tiểu Bảo rằng thược duợc là tượng trưng cho người đàn ông thành đạt, công danh hiển hách; rằng Vi Tiểu Bảo về Dương Châu đúng mùa thược dược mãi khai là điều tốt lành, ngày sau ắt thăng quan tiến chức cao sang không biết bao nhiêu mà lường. Cho nên việc chặt hoa thược dược cho ngựa ăn là chuyện rất uổng. Viên tuần phủ còn ngắt một đóa hoa thược dược kình cẩn gài lên mũ của Khâm sai đại thần và chúc phúc. Quả nhiên lời nói khôn khéo đó của viên tuần phủ đã làm nguôi cơn giận của Vi Tiểu Bảo, cứu được ngàn hoa của chùan Thiền Trí và thành Dương Châu.

Kiến thức về hoa của Kim Dung thật phong phú. Loại hoa gì, tính năng ra sao, nở mùa nào, có nhiều ở địa phường nào đều được lý giải một cách cặn kẽ. Mỗi mùa hoa, mang hteo một loại chướng khí. Chướng khí là hậu quả của cây lá rụng xuống ao chằm, rồi bốc lên, tạo thành những dịch bệnh cho con người. Tháng ba âm lịch có Đào hoa chướng, tháng năm chó Lựu hoa chướng, tháng tám có Phù dung chướng. Kim Dung cho biết người Vân Nam vốn yêu hoa trà, coi hoa trà là một loài hoa quý cho nên không lấy tên hoa trà để gọi chướng khí.

Hoa làm đẹp thêm cho tác phẩm võ hiệp của Kim Dung, tạo nên chiều sâu cho tác phẩm. Hoa là nơi gửi gắm tâm tình con người. Chất thơ tự có trong hoa biến thành chất thơ cho tác phẩm. Đoc Kim Dung càng nhiều lần, ta càng khám phá ra thêm nhiều vẻ đạp, cáng nhận ra làn u hương thuần nhã của hoa.

Giòng xuân nước gợn hoa trà trắng

Non hạ mây vương trái vải hồng.

Có người nói bóng hoa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là hình ảnh của Hạ Mộng, người tình của ông. Hạ Mộng đã xa ông như lạc hoa lưu thủy. Và tiểu thuyết của ông giàu bóng hoa, hương hoa bởi Hạ Mộng vẫn sống trong trái tim ông.

Y học

Khát vọng sống lâu, mạnh khỏe không chỉ là khát vọng riêng của người Trung Quốc mà còn là của toàn thể nhân loại. Trung Quốc là đất nước có một nền y học cổ truyền rất thâm hậu và những hoạt động y học cổ truyền của đất nước này đã hình thành khái niệm Đông y. Hơn 1.800 năm trước, danh y Hoa Đà đã có những công trình nghiên cứu y học thời danh, trong đó có nguyên tắc luyện khí công gọi là Ngũ thú khí công (hay Ngũ cầm hí), mô phỏng chiêu thức hoạt động của loài cọp, gấu, nai, khỉ và hạc (Hổ hí, Hùng hí, Lộc hí, Hầu hí, Hạc hí). Quan điểm cơ bản của Hoa Đà có thể tóm tắt là mô phỏng hoạt động của năm động vật trên, hít làm không khí thanh lương vào phổi và nạp xuống Đan điền, vận dụng vào từng bộ phận trên cơ thể, giúp con người khỏe mạnh. Võ học thấy rằng sức mạnh đó có thể dùng để chế ngự được kẻ khác. Có thể nói, truyện võ hiệp Kim Dung cũng tràn đầy kiến thức y học.

Đọc truyện võ hiệp Kim Dung, người ta thường bắt gặp hai khái niệm nội công và ngoại công. Nội công là tiềm lực, sức mạnh bên trong của hào khác giang hồ.

Ngoại công là chiêu thức, quyền cước bên ngoài. Kẻ có nội công cao, theo Kim Dung mô tả, là kẻ hái một chiếc lá, bẻ một bông hoa cũng có thể sát thương địch thủ. Kẻ có ngoại công cao thì thái dương huyệt gồ cao, khi vũ lộng tay chân, gân cốt nổi lên, các khớp xương kêu răng rắc. Nội công là cái gốc, ngoại công là cái ngọn. Luôn luôn kẻ có nội công cao là kẻ hơn người.

Trong 12 bộ tiểu thuyết, có trường hợp cá biệt Kim Dung để cho ngoại công thắng nội công. Nhạc bất quần, sư phụ Lệnh Hồ Xung, chưởng môn phái Hoa Sơn theo phe Khí tông (lấy khí làm chủ). Y dạy Lệnh Hồ Xung rằng phải vận khí trước rồi mới phóng chiêu thức ra sau, mỗi chiêu thức đều có thuốc tấc, bộ vị nhất định. Khi Lệnh Hồ Xung tình cờ gặp thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương theo phe Kiếm tông (lếy kiếm thức làm chủ), đang ẩn cư trong hang núi Hoa Sơn thì Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung rằng chỉ cần kiếm chiêu liên miên bất tuyệt, đánh ra theo ý muốn của mình như nước chảy mây trôi là đã khắc chế được địch thủ. Lệnh Hồ Xung đã lĩnh hội được phép sử kiếm ý (ý nghĩ đến đâu, kiếm phóng ra đến đó) chứ không sử kiếm chiêu và gọi đó là biện pháp “liệu địch tiên cơ” (ra tay, chiếm thời cơ trước kẻ địch). Và rõ ràng, phương pháp Kiếm tông đã thắng Khí tông: Lệnh Hồ Xung mất hết công lực vẫn đánh ra một chiêu, đâm mù mắt 15 kẻ địch hùng mạnh (Tiếu ngạo giang hồ).

Các khái niệm nội công, ngoại công, chiêu thức - đầu tiên là khái niệm y học chứ không phải của võ học. Trong mỗi bộ sách của mình, Kim Dung thường xây dựng một hoặc vài ba nhân vật thầy thuốc. Những thầy thuốc này được gọi rất trang trọng: danh y, thần y. Bên cạnh thứ thuốc cứu người, Kim Dung còn xây dựng những nhân vật chuyên đánh thuốc độc, đầu độc kẻ khác. Quan điểm của ông rất mới lạ: thuốc độc cũng là một dạng thuốc cần thiết phải dùng đến. Trong Tiếu ngạo giang hồ, người ta gặp Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Cả ngoại hiệu và tên của người này cũng rất lạ lùng: thầy thuốc nổi tiếng (danh y) nhưng cứu một người thì phải giết một người (sát nhân) và khi cứu người hay giết người, đều chỉ dùng đến một ngón tay (bình nhứt chỉ). Bên cạnh Bình Nhứt Chỉ, Tiếu ngạo giang hồ cũng có một độc vương. Đó là Lam Phượng Hoàng, cô gái người Miêu Cương, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Tài năng của Bình Nhứt Chỉ hay đến nỗi mới bắt mạch Lệnh Hồ Xung đã biết Lệnh Hồ Xung được uống rượu và truyền máu của bọn Ngũ độc giáo! Trong Thiên Long bát bộ, người ta gặp Thần y Tiết Mộ Hoa. Đối lập với Tiết Mộ Hoa chuyên cứu người là một tay độc vương dễ sợ chuyên đầu độc người. Đó là Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu, giáo chủ Tinh Tú phái. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, có hai danh y là Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và vợ là Vương Nạn Cô. Hai vợ chồng kình chống nhau bằng cách Hồ Thanh Ngưu chữa thương cho thân chủ ban ngày thì ban đêm, Vương Nạn Cô lén đến đầu độc cho thân chủ bệnh trở lại.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến những phương pháp y học, biện pháp chữa bệnh lâm sáng mà ngày nay, nhân loại vẫn đang thực hiện. Trong cách truyền máu, Kim Dung đã mô tả phương pháp dùng đỉa hút máu để tiếp máu ấy qua cho người bệnh. Đó là đoạn Lam Phượng Hoàng cùng các nữ đệ tử Ngũ độc giáo tiếp máu cho Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ). Chỉ có một điều đáng tiếc là y lý của Lam Phượng Hoàng còn non nớt nên đã đem máu thuần âm của phái nữ truyền vào cho một nguời bệnh dư khí âm hàn như Lệnh Hồ Xung.

Truyện võ hiệp Kim Dung còn đề cập đến việc dùng thuốc. Thuốc cổ truyền Trung Hoa gồm cao (thuốc dán), đơn (hay thang, thuốc thang), huờn (hay hoàn, thuốc viên), tán (thuốc bột). Những nhân vật của Kim Dung đã dùng thuốc cứu chữa cho bệnh nhân của mình: Trương Vô Kỵ ra toa, cắt thuốc thang cho Thường Ngộ Xuân (Ỷ thiên Đồ long ký); bọn bàng môn tả đạo ăn cắp thuốc cho Lệnh Hồ Xung lại bắt 7 vị thầy thuốc đến coi bệnh cho chàng (Tiếu ngạo giang hồ).

Truyện võ hiệp Kim Dung cũng nói nhiều đến chuyện dùng nội công chữa thương cho những người bị chấn thương vì nội công. Trong trường hợp này, nội công của người thầy thuốc phải cao hơn hoặc tương đương với nội công của người bị thương thì động tác chữa thương mới thực hiện được. Như Trương Vô Kỵ dùng Tiên thiên Cửu dương công chữa trị cho trương Tam Phong, Hân Thiên Chính và bọn quần hào trên Quang Minh Đỉnh; Bình Nhứt Chỉ vỗ Bách hội huệt truyền nội công chữa cho Đào Thực Tiên, Bất Giới hoà thượng trút công lực chữa trị cho Lệnh Hồ Xung.

Triết học Trung Hoa cổ phân biệt rất rõ khái niệm Lưỡng nghi (hai mặt Âm – Dương). Lưỡng nghi sinh Tứ tượng (Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm), Tứ tượng sinh Bát quái (Càn, Khảm, Chấn, Tốn, Cấn, Ly, Khôn, Đoài). Võ công cũng như y học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đều triệt để dựa trên nền tảng triết học ấy. Nội công dương cương và tính năng dương cương hoàn toàn mâu thuẫn với nội công âm nhu và tính năng âm nhu. Cho nên, trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thu ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của Lão Đầu Tử dùng cho con gái là Bất Tử, bọn Lam Phượng Hoàng truyền máu của các cô gái Miêu cương để cứu chữa cho Lệnh Hồ Xung là sai nguyên tắc y học (và cả triết học nữa). Chính Bình Nhứt Chỉ khi cầm tay Lệnh Hồ Xung chẩn mạch đã khám phá ra lập tức tình trạng pha trộn âm dương trong con người Lệnh Hồ Xung. Lão lại khám phá ra thêm rằng thân chủ của mình bạc nhược tinh thần, bị tình yêu hành hạ, bị rượu làm cho con người hô héo. Lão chửi toáng lên: "Mẹ cha nó! Thật là nát bét đến năm bảy tầng. Người thật là con người chẳng ra gì". Nếu Lệnh Hồ Xung không phải là người yêu của Thánh cô Doanh Doanh, nếu không phải đích thân Doanh Doanh mời lão đến chữa thương cho Lệnh Hồ Xung thì lão đã tát cho Lệnh Hồ Xung mấy cái ra trò vì đã uống thuốc tào lao, nhận máu của bọn Lam Phượng Hoàng, mất hết nội công mà còn nát rượu và bạc nhược tinh thần vì gái!

Thế nhưng, thỉnh thoảng âm dương cũng có thể hoà hợp nau trong một con người. Đó là trường hợp của Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành), uống hai thứ rược âm dương của Trương Tam và Lý Tứ. truyện của Kim Dung cũng mô tả tình trạng dùng lý trí chống lại cơn khao khát tình dục. Người Trung Hoa gọi động tính giao giữa nam nữ là âm dương hoà hợp. Chính vì vậy, để phá thanh danh của hoàng gia Đại Lý, Thanh bào khách Đoàn Diên Khánh đã buộc thế tử Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh (nghi là em cùng cha khác mẹ với Đoàn Dự), uống một loại thuốc kích dục cực mạnh là Âm dương hòa hợp tán. Mộc Uyển thanh không đủ công lực, cơn khát khao tình dục nổi lên nhưng Đoàn Dự vốn là người học đạo Nho, vẫn giữ được lý trí sáng suốt, không thể loạn luân với cô em gái.
Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã đề cập đến các động tác chấn thương chỉnh hình. Dư Đại Nham phái Võ Đang bị Kim Cương chỉ đánh gãy hết các khớp xương phải nằm thoi thóp 20 năm (Ỷ thiên Đồ long ký). Trương Vô Kỵ học được y thuật của Hồ Thanh Ngưu, xin phép Dư Đại Nham gõ vỡ hết các khớp xương để dán thuốc cao chỉnh hình trở lại. Trong truyện này cũng nói đến một ca chấn thương sọ não kỳ lạ. Tống Thanh Thư mưu phản môn phái, bị tứ sư thúc là Dư Liên Châu dùng Thái cực quyền phái Võ Đang đánh vỡ xương sọ. Trương Vô Kỵ nhận chữa bệnh cho bệnh nhân này. Anh diểm huyệt để gây mê, cạo hết tóc, ráp lại xương sọ rồi băng bó. Sau này, Thanh Thư chết vì bị Trương Tam Phong trừng trị nhưng sách võ hiệp vẫn còn để lại một ca chữa chấn thương sọ não khá thú vị.
Thế nhưng, dù y học có tài giỏi đến đâu, y thuật có thâm hậu đến đâu, người ta vẫn đầu hàng những trường hợp bệnh cấp tính, đặc biệt là bệnh vì trúng chất Kỵch độc. Trong trường hợp đó, Kim Dung sử dụng biện pháp cuối cùng: chặt bỏ. Lộc Đỉnh ký có đoạn

thuật chuyện bọn Lạt ma Tang Kết từ Tây Tạng xuống Trrung Quốc, truy đuổi Cửu Nạn sư thái và Vi Tiểu Bảo để lấy cho được bộ Tứ thập nhị chương kinh. Vi Tiểu Bảo chống không lại, đã nghĩ cách đầu độc Tang Kết bằng một chất Kỵch độc trong Hoàng cung Thanh triều mà y vẫn thường mang theo bên người: Hoá thi phấn. Y nhúng nước cho Tứ thập nhị chương kinh ướt đi rồi rắc hóa thi phấn vào đó. Quyển kinh đã bị nhiễm độc: những ngón tay dùng để giở các tờ kinh bị ướt nhanh chóng bị nhiễm độc, cụt đi và chảy thành nước vàng. Tang Kết nhanh trí chặt bỏ cánh tay của mình mới toàn mạng sống. Trong Thiên Long bát bộ có đoạn Thần Nông bang chúa Tư Không Huyền bị rắn độc cắn, phải chặt bỏ cánh tay.

Muốn ngăn nọc độc vào tim phổi
Tráng sĩ già gan chặt cánh tay (Kim Dung)

Truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến khá nhiều động tác phong tỏa huyệt đạo. Muốn phong tỏa huyệt đạo, người học võ phài hiểu toàn bộ hệ thống huyệt đạo con người, phải nhả vào huyệt đạo bao nhiêu kình lực mới đủ sức phong tỏa. Phong tỏa huyệt đạo nhằm khắc chế một địch thủ, nhằm chữa thương cho một người, giúp người đó tránh được cảm giác đau đớn hoặc giảm cảm giác đau đớn. Phong tỏa huyệt đạo còn nhằm ngăn chặn quá trình nhiễm độc, an tĩnh và trấn định thần kinh. Những nhân vật của Kim Dung đã sử dụng thủ pháp châm cứu để phong tỏa huyệt đạo như vậy. Hồ Thanh Ngưu, Trương Vô Kỵ đã dùng gai, dùng tăm tre thay cho kim sắt, châm cứu cho bệnh bệnh nhân. Từ vị trí các huyệt đạo của y học, Kim Dung đã mô tả những đòn thế đánh vào các huyệt đạo để giải khai tình trạng bị phong tỏa, để gây những chấn thương trầm trọng cho địch thủ. Thí dụ các huyệt Đan điền, Thái Dương, Bách hội là những trọng huyệt. Đánh vào đúng những huyệt này có thể làm đối thủ chết hoặc bị thương nặng.

Tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung cũng đề cập đến động tác đả thông huyệt đạo, giúp người luyện võ thăng tiến công lực, đốt giai đoạn trong quá trình rèn luyện để đạt nhanh tới mức thượng thừa. Ông thường nói đến những nhân vật đã được đả thông hai trọng đểm Sinh Tử huyền quan, hoặc Kỳ kinh bát mạch nhưng trong trường hợp của nhà sư trẻ Hư Trúc được Vô Nhai Tử đả thông kinh mạch và truyền cho nội lực thượng thừa.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung cũng phác thảo những ca phẫu thuật hy hữu. Đào Thực Tiên bị kiếm đâm lòi ruột được Bình Nhứt Chỉ khâu vết thương. trương Vô Kỵ trên Tuyết Sơn mổ vết thương cho con vượn già, tìm được bộ Cửu dương chân kinh. Các nhân vật của Kim Dung thường thông thạo cách băng bó, sát trùng, giữ vệ sinh cho những người bị ngoại thương.

Vượt xa những tác phẩm đương đại, Kim Dung cũng thường hay đề cập đến cách luyện độc và dùng độc bởi vì thuốc độc cũng là thuốc. Có kẻ tự nguyện luyện độc như Hân Lý (Ỷ thiên Đồ long ký) luyện môn Thiên châu tuyệt hộ thủ bằng cách cho loài nhện chúa (châu) cực độc hút máu bàn tay của mình và truyền vào đôi tay mình chất Kỵch độc

của loài nhện. Với cách luyện này, nếu thành công, hơi thở của Hân Ly sẽ thơm như mùi hoa lan (?) và khi cô chộp vào địch thủ nào thì dẫu địch thủ ấy có sống được thì cũng không thể sinh con đẻ cái được nữa (tuyệt hộ).

Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) đã bị băng tàm trùng độc do nhà sư Tam Tỉnh mang từ Tây Vực về truyền hết chất âm hàn vào người. May mà hắn không chết vì trước đó hắn đã học... trật bộ Dịch Cân Kinh Thiếu Lâm khiến toàn bộ kinh mạch trong người bị đảo lộn. Với nội công âm hàn, hắn chỉ khẽ vỗ vào địch thủ một chiêu cũng khiến cho địch thủ lên cơn rét và biến thành nước đá (!).

Có luyện độc tất có dùng độc. Một cách dùng độc khá hy hữu nhưng cũng rất mới lạ của cung Linh Thứu là cấy Sinh tử phù vào người đối thủ. Hư trúc, dưới chân núi chùa Thiếu Lâm, đã dùng Bắc minh chân khí hoá những giọt rượu của đệ tử tạt lên không gian thành những miếng băng nhỏ, cấy vào những trọng huyệt của Đinh Xuân Thu, khắc chế lão ma đầu này phải quy thuận. Nói theo y học hiện đại, đó là phương pháp cấy một chất kháng nguyên vào người bệnh nhân và khi kháng nguyên phát tác thì bệnh nhân chỉ còn biết đến năn nỉ thầy thuốc chữa trị. Trong Lộc Đỉnh ký, những nhân vật dùng độc khá nhiều. Hải lão công dùng Hủ cốt tán (thuốc làm nát xương dần dần) bỏ vào trà cho Vi Tiểu Bảo uống. Giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông dùng Độc long dịch cân hoàn cho thuộc hạ uống. Giáo chủ Ma giáo Đông Phương Bất bại (Tiếu ngạo giang hồ) lại cho bọn thuộc ha uống Tam thi não thần đan. Tên thuốc thì rất hay nhưng là thuốc độc, uống vào phải trung thành (hoặc giả bộ trung thành) với người cho uống. Nếu có hành vi chống đối, tất không có thuốc giải, phải chịu nhận cái chết thảm thương.
Kim Dung cũng mô tả những thủ pháp đánh độc dược rất tinh tế, đặc biệt ở dạng thuốc bột. Thuốc bột được bôi lên quan tài (Liên thành quyết), được phủ trong khăn mặt, được hoà vào rượu, trộn vào thức ăn, được rải bay trong gió.

Công lực là tiềm lực võ thuật của từng cá nhân, không thể đem cho người khác được. Nhưng tiểu thuyết gia Kim Dung cực kỳ lãng mạn: ông cứ cho các nhân vật của mình đem công lực cho kẻ khác. Chính vì vậy, Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Ma giáo, đã hút công lực kẻ khác bằng thủ pháp Hấp tinh đại pháp. Đào cốc lục tiên và Bất Giới hoà thượng đem công lực truyền cho Lệnh Hồ Xung. Đoàn Dự hút công lực của các đệ tử Huỳnh Mi Tăng, biến tất cả thành những người võ công tàn phế.

Cáng lãng mạn hơn nữa, Kim Dung cho phép thủ pháp xoá hẳn công lực của một người khác, tu theo một môn phái khác để truyền công lực mới vào. Đó là Vô Nhai Tử xoá hết công lực Thiếu Lâm của Hư Trúc và truyền công lực của phái Tiêu Dao vào, biến nhà sư trở thành đại biểu của phái Tiêu Dao!

Huyệt đạo trong cơ thể con người thường ở vào những vị trí cố định, ai cũng như ai. nhưng với trí tưởng tượng phong phú của Kim Dung, theo tình huống đưa đẩy câu chuyện, ông đã để cho những nhân vật cá biệt của mình luyện tập sai phương pháp; huyệt

đạo không còn ở đúng chỗ cũ nữa. Đó là trường hợp của Du Thản Chi (Thiên Long bát bộ) luyện sai Dịch cân kinh Thiếu Lâm, của Âu Dương Phong (Xạ điêu anh hùng truyện) luyện sai Cửu âm chân kinh đến nỗi xuống đời phải đi bằng tay, chúc đầu xuống đất.

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đề cập đến những vị thuốc mà thường là thuốc quý dùng trong y học. Đọc Thiên Long bát bộ, ta thật sự xúc động khi Tiêu Phong đánh quá tay A Tử, hối hận vì hành động thiếu anh hùng của mình, đã bồng cô ra cùng Đông Bắc Trung Quốc kiếm nhân sâm, tay gấu chữa bệnh cho cô. Tác phẩm của ông cũng từng đề cập đến Linh chi thảo (cỏ linh chi) hoặc Thiên niên Tuyết liên tử (hạt sen ngàn năm trên đất tuyết) có giá trị hồi dương. Cũng trong Thiên Long bát bộ, Đoàn Dự nuôt lộn con nhái đỏ Mãng cổ chu cáp mà trở thành người có nội công đệ nhất.

Vị thuốc nằm trong toa thuốc. Tuy nhiên, có những toa thuốc mang ý nghĩa ẩn dụ một cách tuyệt vời mà các thầy lang bình thường chưa chắc khám phá được, như toa thuốc mà Hồ Thanh Ngưu ra cho Trương Vô Kỵ: Phòng phong, Độc hoạt, Đương quy, Xuyên sơn giáp, uống vào canh ba. Cậu bé Trương Vô Kỵ 15 tuổi đọc toa thuốc này, hoàn toàn hoài nghi về cách ra toa bừa bãi với các vị thuốc phổ thông của Hồ Thanh Ngưu. Nhưng trí thông minh đã giúp cậu hiểu ra nghĩa ẩn dụ nằm trong những vị thuốc bình thường: coi chừng (Phòng phong), đi một mình (độc hoạt), quay về (Đương quy), bằng cách đi ngang qua núi (Xuyên sơn giáp). Hồ Thanh Ngưu đang lúc lâm nguy, muốn cứu Trương Vô Kỵ nên ra toa thuốc bảo chàng trốn đi vào lúc canh ba ra khỏi Hồ điệp cốc ngay!

Tôi xin nhắc sơ lược đến hai chữ “tình yêu” khá lạ lùng của Kiến Ninh công chúa (Lộc Đỉnh ký) và cặp Đông Phương Bất Bại – Dương Liên Đình (Tiếu ngạo giang hồ). Nếu nhìn dưới nhãn quan y học thì các nhân vật vừa nói ít nhiều đã bị chứng bệnh tâm thần và Kim Dung đã mô tả cho chúng ta (chứ không bình luận) về trạng thái bệnh lý của họ. Kiến Ninh công chúa, cô bé mới 14 tuổi, là một nhân vật bị chứng khổ dâm (Masochisme). Chứng khổ dâm được định nghĩa là “trạng thái mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục qua sự đau đớn về thân xác” (Perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur physique – Petit Larousse). Kiến Ninh công chúa chỉ thực sự tìm thấy khoái lạc khi thái giám giả hiệu Vi Tiểu Bảo bóp cổ, đánh đập, lấy dao rạch, lấy dây quất vào người cô trước khi chăn gối. Còn Đông Phương Bất Bại đã tự thiến để luyện Quỳ hoa bảo điển (một tên gọi khác của Tịch tà kiếm phổ) nên thành ái nam ái nữ. Y chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục khi có Dương Liên Đình, một nhân vật tốt tướng đẹp trai, ăn mặc xa hoa như một nhà hao phú. Khi bị bốn cường địch là Nhận Ngã Hành, Hướng Vân Thiên, Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung bao vây, y chỉ cần chống đỡ bằng một cây kim thêu mà đã đâm Ngã Hành mù một mắt. Phải đến lúc Doanh Doanh hành hạ Dường Liên Đình, Đông Phương Bất Bại nhìn thấy và đau đớn, mới chịu thua và chết dưới tay sát thủ của Nhậm Ngã Hành.

Võ học luôn kết hợp chặt chẽ với y học. Môn phái nào trong võ hiệp Kim Dung cũng

biết dùng thuốc, chữa thương, nuôi nấng và chăm sóc người bị thương. Tất cả đều dựa trên y thuật cổ truyền của người Trung Hoa và do vậy, những điều mà Kim Dung diễn đạt đều có cơ sở khoa học. Thỉnh thoảng, trong vài bộ tiểu thuyết của ông cũng có những điều phi khoa học hoặc không được khoa học hiện đại kiểm chứng như chuyện thay đổi công lực, đả thông hai huyệt Nhâm Đốc. Người ta có thể hoài nghi các giả thuyết đó. Nhưng ai cấm được sự hư cấu, vốn là tình thần và nguyên tắc của sáng tạo tiểu thuyết? Ai cấm được nhà văn diễn đạt một cách lãng mạn, vượt ra ngoài quy luật thông thường của cuộc sống.

Một điều rõ ràng là Kim Dung chỉ viết tiểu thuyết chứ không hề viết sách nghiên cứu về y học Trung Hoa. Nhưng dù là nhà tiểu thuyết, rõ ràng ông đã nghiên cứu kỹ lĩnh vực y học của dân tộc ông để dung nạp một cách hài hoà với lĩnh vực võ học tạo ra nhưng kiến thức y học phong phú cho tác phẩm và đem lại hứng thú cho người đọc. Kiến thức y học cũng như võ học ấy được xây dựng trên nền tảng kiến thức triết học Trung Hoa. Tất cả khởi đi với âm dương và cùng trở về trong cái lẽ huyền diệu của âm dương.

Tình yêu

Tuy tên gọi là tiểu thuyết võ hiệp nhưng bản chất những tác phẩm của Kim Dung là tình yêu đôi lứa nồng thắm. Chính tình yêu đã làm nên tính cách nhân bản và khiến cho hàng tỉ người say mê tác phẩm của Kim Dung.

Một cách khái quát, Kim Dung đã xây dựng những cặp nhân vật hoặc những cụm nhân vật rồi tạo điều kiện cho họ gặp gỡ hiểu biết và yêu nhau. Ông đã rất tinh tế để cho các nhân vật chính phái yêu tà phái, bạch đạo yêu hắc đạo để tạo nên những mâu thuẫn chiều dọc xuyên suốt chiều dài của tác phẩm và những mâu thuẫn chiều sâu trong tâm hồn của từng nhân vật. Điều đặc biệt là những nhân vật nữ của ông thường rất đẹp, rất thông minh, xuất thân từ Ma giáo hoặc ít nhất cũng mang “một chút tà khí trong người”. Đó là những cặp và những cụm nhân vật Lệnh Hồ Xung - Nhậm Doanh Doanh (Tiếu ngạo giang hồ), Trương Thuý Sơn – Hân Tố Tố, Trương Vô Kỵ - Triệu Minh – Chu Chỉ Nhược – Hân Ly - Tiểu Siêu (Ỷ thiên Đồ long ký); Kiều Phong – A Châu, Đoàn Dự - Vương Ngọc Yến - Mộc Uyển Thanh – Chung Linh, Du Thản Chi – A Tử, Hư Trúc – Văn Nghi công chúa (Thiên Long bát bộ), Thạch Phá Thiên – A Tú (Hiệp khách hành), Quách Tĩnh – Hoàng Dung – Hoa Tranh công chúa (Xạ điêu anh hùng truyện), Dương Qua - Tiểu Long Nữ (Thần điêu hiệp lữ)...

Những mối tình được được Kim Dung dựng lên là những mối tình thật trong sáng và do vậy, thật đẹp. Tác phẩm Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đầu đời Thanh trở về trước (trước thế kỷ XVII), khi mà tư duy phong kiến và nguyên tắc lễ giáo của đạo Nho đang giữ vai trò độc tôn chi phối toàn bộ những sinh hoạt xã hội. Cho nên, những nhân vật của Kim Dung yêu trong sự cho phép của những tư duy và nguyên tắc ấy. Thế nhưng, tính

chất lãng mạn - một thuộc tính không thể thiếu trong yêu đương – thì rất phong phú.

Những nhân vật của Kim Dung đã yêu theo phong cách của võ lâm. trước hết, họ đánh nhau, sau đó hiểu nhau rồi mới yêu nhau. Hân Tố Tố, một nữ ma đầu, con gái Bạch mi ưng vương, đã dùng Văn tu châm (kim râu muỗi) không chế Trương Thuý Sơn phái Võ Đang, rồi sau đó mới yêu Trương. Triệu Minh, con gái Như Nam vương triều Nguyên lừa Trương Vô Kỵ lọt xuống hầm sâu rồi sau đó mới yêu Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký). Mộc Uyển Thanh đã đánh cho Đoàn Dự thừa chết thiếu sống, sau đó mới nhận Đoàn Dự làm lang quân (Thiên Long bát bộ). Ở một chừng mực nào đó, các nhân vật này vượt qua hàng rào của nghi thức phong kiến và ràng buộc giáo điều của lê giáo: họ tự quyết định tình yêu của mình và cảm thấy hạnh phúc khi được lựa chọn như vậy.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung mang tính phấn đấu rất cao. Các nhân vật vượt lên hoàn cảnh, vượt qua những sự chống đối để bảo vệ tình yêu của mình. Trương Thúy Sơn cưới Hân Tố Tố, Trương Vô Kỵ bỏ hết sự nghiệp đi theo Triệu Minh, Nhậm Doanh Doanh lang thang qua ngàn trùng để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, A Châu vượt ngàn dặm ra Nhạn Môn Quan để chờ đợi Kiều Phong... là những chuyện tình đẹp.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm Kim Dung luôn luôn kinh qua một quá trình hy sinh vô tận. Trương Thúy Sơn vì vợ mà tự tử khiến cho Tố Tố cũng tự vẫn để giữ gìn danh tiết, xứng đáng với chồng. Triệu Minh từ bỏ cha và anh ruột để ra đi cùng Trương Vô Kỵ. Tiểu Siêu về Ba Tư, lên ngôi Thánh nữ Minh giáo mà lòng đau như cắt, cảm thấy cuộc đời hoàn toàn vô vị vì cô chỉ muốn suốt đời hầu hạ cho Vô Kỵ thay áo, chảy đầu. Doanh Doanh cõng tình lang Lệnh Hồ Xung lên núi Thiếu Thất, chịu để phái Thiếu Lâm cầm tù mình đổi lấy lời hứa của Phương Chứng đại sư nhận chữa thương cho Lệnh Hồ Xung. Kim Dung đã thực sự biến tác phẩm võ hiệp của mình trở thành những bản tình ca tươi đẹp. Những bản tình ca ấy hoá giải được biên giới của chánh – tà, hắc - bạch, hận – thù. Chúng bành trướng cảm xúc cho người đọc khi đọc tác phẩm.

Kim Dung đã tạo ra được những nhân vật si tình kinh điển, những “giáo chủ” của đạo tình, hoặc là yêu, hoặc là chết. Vương tử Đoàn Dự suốt đời lẽo đẽo đi theo Vương Ngọc Yến chỉ để cho lúc nàng nguy nan là ghé vai cõng nàng chạy trốn. Du Thản Chi chịu bịt chiếc lồng sắt vào đầu, làm một tên Thiết Sửu giúp vui cho A Tử chỉ để được ngắm khuôn mặt thiên kiều bá mị nhưng tràn đầy ác độc của cô. Mỹ đao vương Hồ Dật Chi say mê Trân Viên Viên, hầu thiếp của Bình Tây vương Ngô Tam Quế đến nỗi chịu hóa thân thành một kẻ làm vườn, tưới rau trong mấy chục năm để được lén nhìn Trần. Truyện võ hiệp của Kim Dung đã xây dựng thành công những chàng si tình bậc nhất thiên hạ, xứng đáng đoạt huy chương vàng trong lịch sử tiểu thuyết cổ kim.

Người ta còn tìm thấy trong tác phẩm tiểu thuyết của ông những tình yêu ngang trái, rất người, thoát ra khỏi khuôn mẫu cho phép của lễ giáo phong kiến Trung Quốc. Đó là Tiểu Long Nữ sư phụ, một cô gái trong sáng bị kẻ tà dâm cưỡng bức, yêu say mê đồ đệ

Dương Qua. Đó là Kỷ Hiểu Phù, vợ chưa cưới của Hân Lợi hanh phái Võ Đang, đã thất thân và đã yêu một ma đâu của Minh giáo là Dương Tiêu. Sinh ra một đứa con gái, Hiểu Phù đã can đảm đặt tên cho con là Dương Bất Hối (không hôi hận). Đó là Hồng phu nhân, vợ của giáo chủ Thần long giáo và A Kha, một thiếu nữ mất hết trinh tiết, đã trở thành vợ của Vi Tiểu Bảo.

Tiểu Thuyết của Kim Dung cũng đặt ra những trường hợp sa đoạ tình dục hết sức quái dị. Đó là Kiến Ninh công chúa, em gái vua Khang Hy, đã sa ngã với Vi Tiểu Bảo, một gã thái giám giả mạo, từ năm 14 tuổi. Kiến Ninh chỉ muốn được Vi Tiểu Bảo trói cột, đánh đập cho vỡ da toá máu mới được thấy lạc thú của trao thân. Cá biệt, có trường hợp của Đông Phương Bất Bại, giáo chủ Ma giáo, luyện Quỳ hoa bảo điển phải “dẫn đao tự cung”, trở thành kẻ ái nam ái nữ, quan hệ “yêu đương” với gã bộ hạ là Dương Liên Đình. Khi xây dựng những nhân vật, những loại “tình yêu” này, ông đã nghiên cứu rất kỹ những biểu hiện của tính cuồng dâm và đồng tính luyến ái.

Tác phẩm của Kim Dung có những đoạn nói đến tình yêu thật đẹp. Những nhân vật của ông không bao giờ thốt ra miệng chữ yêu nhưng tình yêu của họ nồng nàn trong ánh mắt, trong hành động và trong trái tim. Đó là A Châu trở về Nhạn Môn Quan chờ Kiều Phong để suốt đời “theo đại gia cùng đi săn chồn đuổi thỏ”. Đó là Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển “về Ba Tư, đừng nói lên ngôi thánh nữ, dẫu có làm đến nữ hoàng đi nữa mà xa công tử thì cuộc đời cũng rất vô vị”. Đó là Nhậm Doanh Doanh bắn tin cho giới ma đầu trên giang hồ phải giết ngay Lệnh Hồ Xung vì “ta muốn ngươi ở mãi bên ta để ta chở che, bảo vệ”. Đó là Triệu Mẫn với Trương Vô Kỵ: “Lông mày thiếp đã nhạt màu rồi. Công tử kẻ lại giùm cho thiếp đi”. Những lời tỏ tình mang đầy tính ẩn dụ và biểu tượng như thế khiến tác phẩm vừa sâu, vừa không dung tục.

Một điểm khác cũng đáng bàn đến là trong tác phẩm của Kim Dung vẫn có những tình yêu trá nguỵ. Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ gã ái nam ái nữ Lâm Bình Chi bởi mưu đồ chiếm pho Tịch tà kiếm phổ của Nhạc Bất Quần. Chu Chỉ Nhược đánh lừa hứa hôn với Trương Vô Kỵ để đánh cắp bộ Cửu âm chân kinh theo di huấn của sư phụ là Duyệt Tuyệt sư thái. Nhưng tuổi trẻ của Nhạc Linh San, Chu Chỉ Nhược không nghĩ ra được sự trá nguỵ ấy. Phần trá nguỵ, âm mưu thuộc về sự sắp đặt của những người lớn, người thầy, người cha.

Đọc tác phẩm của Kim Dung, người ta khám phá ra cái đẹp của tình yêu. So với những tác giả cùng thời, tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông trong sáng, lành mạnh. Thông qua tình yêu, ông giáo dục cho con người cái mỹ cảm về đạo đức. Nói rằng tác phẩm võ hiệp, thật ra chỉ là một cách nói. Chính tình yêu đã làm nên cái hồn, sự sống cho tiểu thuyết võ hiệp. Mỗi tác phẩm của ông ra đời trở thành một bức thông điệp ngọt ngào cho tình yêu lứa đôi.

Tình dục

Trong ngôn ngữ Trung Hoa, chữ Dâm () được viết với bộ Thuỷ, có nghĩa là ham mê sắc dục quá độ. Dâm được coi là một cái gì đó rất tự nhiên đối với xã hội phong kiến Trung Hoa: vua được toàn quyền có nhiều phi tần, quan lại và nhà giàu có quyền cưới nhiều thê thiếp. Người phụ nữ trở thành món đồ chơi, phương tiện giải trí của người đàn ông. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung phản ánh về xã hội phong kiến Trung Hoa nhưng cái nhìn của ông đối với thói dâm đãng nói riêng và tình dục nói chung là một cái nhìn nghiêm túc và nghiêm khắc.

Tác phẩm Kim Dung xây dựng khá nhiều những nhân vật dâm đãng chuyên lợi dụng tình dục. Và ông đã dành những hình phạt nặng nề theo luật giang hồ để trừng trị những loại nhân vật đó.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhân vật dâm đãng là Điền Bá Quang. Hắn vừa là tên cướp, vừa là dâm tặc, khinh công rất giỏi và đao pháp rất nhanh. Hắn có ngoại hiệu đúng 14 chữ: Giang dương đại đạo, thái hoa dâm tặc, vạn lý độc hành khoái đao Điền Bá Quang. Nhà sư Bất Giới đã trừng trị hắn: xuyên tụ tiễn vào bộ phận sinh dục và buột hắn cạo đầu làm sư với pháp hiệu Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm). Chính nhờ hình phạt đó mà Điền Bá Quang bỏ được con đường tà dâm, trở thành người tử tế. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, nhân vật dâm đãng là Âu Dương công từ. Hắn là cháu của Tây độc Âu Dương Phong, từ Tây Vực xuống Trung Nguyên, võ công cao cường, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ. Da mặt hắn lúc nào cũng trắng bệt! Nhưng Âu Dương công tử tà môn vẫn chưa nguy hiểm bằng Doãn Chí Bình chính phái. Doãn Chí Bình là đệ tử hàng thứ ba của phái Toàn Chân. Hắn đi ngang qua núi Chung Nam thì gặp ngay lúc Tiểu Long Nữ phái Cổ Mộ đang thoát y để luyện võ công trong Ngọc Nữ tâm kinh. Thế là hắn quên mất môn quy, điểm huyệt cô gái, lấy áo đạo bào phủ lên mặt cô và đưa cô vào bụi rậm. Tiểu Long Nữ cứ ngỡ đó là Dương Qua, người học trò thân yêu của mình. Doãn Chí Bình ăn mắm mà Dương Qua khát nước!

Kim Dung nói về những hoạt động tình dục, điều mà người ta cho là dung tục, với một bút pháp tinh tế và trang nhã. Chính vì thế mà trong lần trở về thăm và nhận hàm Tiến sĩ danh dự Đại học Bắc Kinh - Đại nhã chi đường của trung Quốc- vào tháng 1-1995, người ta đã mạnh dạn bàn đến cái nhã, cái tục và ca ngợi Kim Dung là một nhà văn thanh nhã từ văn phong đến nội dung. Khi nói đến những hoạt động tình dục, Kim Dung không bao giờ mô tả. Ông chỉ thuật lại bằng một vài câu ngắn gọn và dành phần suy nghĩ, đánh giá tình hình cho độc giả.

Trong Liên thành quyết, Kim Dung xây dựng nhân vật Huyết đao lão tổ từ Tây Tạng xuống như một nhân vật dâm ác hạng nhất. Trong những chương đầu, cái nhìn của Kim Dung về nhân vật này rất nghiêm khắc, phản ánh quan điểm dân tộc hẹp hòi của ông đối với những con người ngoài Há tộc. Huyết đao lão tổ nhận Địch Vân làm đệ tử. Mọi người

gọi Địch Vân là tiển dâm tặc. Nhưng hai thầy trò Địch Vân chẳng hề có một hành động dâm dật vơi ai, ngược lại Địch Vân còn là một chính nhân quân tử.

Nếu Huyết đạo lão tổ là tên "dâm tặc" già nhất thì trong Hiệp khách hành, Thạch Trung Ngọc là tên dâm tặc trẻ nhất. Khi được gửi lên phái Tuyết Sơn học, gã thiếu niên 15 tuổi đó đã có hành vi cưỡng bức cô bé A Tú, con của sư phục mình khiến cô bé phải nhảy xuống lũng sâu để tự bảo vệ tiết sạch giá trong. Thạch Trung Ngọc có đứa em song sinh rất giống mình là Thạch Phá Thiên, thường chỉ được gọi với cái tên Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Khi Cẩu Tạp Chủng xuất hiện, mọi người phái Tuyết Sơn đều tưởng là Thạch Trung Ngọc nên muốn giết cậu. Chỉ có đôi mắt ngây thơ của A Tú mới nhìn ra được "vị đại ca hiền lành này không phải là tên tiểu tặc đó". Ấy vậy mà Cầu Tạp Chủng cũng bị mọi người chửi mấy trăm lần là "tiểu dâm tặc".

Nhưng trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, nhân vật dâm đãng số một phải thuộc về Vi Tiểu Bảo (Lộc Đỉnh ký). Xuất thân trong kỹ viện thành Dương Châu, ngay từ nhỏ, Vi Tiểu Bảo đã quen với cảnh ong bướm lả lơi giữa đám khách làng chơi và các kỹ nữ. Cơ duyên đã đưa hắn lên Bắc Kinh, làm thái giám giả mạo trong cung nhà Thanh. Mới 13 tuổi đầu, hắn đã ôm Mộc Kiếm Bình, quận chúa Mộc vương phủ Vân Nam và chớt nhả với Phương Di, lớn hơn hắn 2 tuổi; 15 tuổi, hắn quan hệ thân xác với công chúa Kiến Ninh; 18 tuổi trôi giạt sang Nga, hắn quan hệ với công chúa Tô Phi Á (Sophia), con gái Sa hoàng! Từ thái giám, hắn lên Đô thống Hoàng kỳ, Khâm sai đại thần, Bá tước rồi Công tước. Trong một lần đi công cán về thành Dương Châu, hắn quan hệ một hơi với 4 người phụ nữ: Tô Thuyên (vợ giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông), A Kha (nghi là con gái của Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên), Song Nhi (nữ tì), Tăng Nhu (Thiên địa hội). Rồi hắn ăn ở luôn với cả 4 người trên, lấy luôn cả Kiến Ninh, Phương Di, Mộc Kiếm Bình. Suốt đời Vi Tiểu Bảo chỉ biết có tình dục, không hề biết đến tình yêu chân thật là gì. Kim Dung đã không cho hắn có được niềm hạnh phúc được yêu của Vi Tiểu Bảo. Hôm hắn trở lại Dương Châu thăm mẹ dẫn theo một đoàn thê thiếp, Vi Xuân Phương phải thầm khen con trai mình có mắt.

Trong tác phẩm Kim Dung, không thiếu những lời thoá mạ: dâm tặc, rùa đen, chó lộn giống... Ông đứng trên quan điểm của một nhà nhân bản để nhận xét, đánh giá những hành vi tình dục của các nhân vật do chính mình tạo ra. Ông phán xét họ một cách nghiêm khắc - tất nhiên là với cái nghiêm khắc của một nhà văn chứ không phải một quan toà. Ông để cho những nhân vật dâm đãng tự rước lấy sự trừng phạt công mình của cuộc sống (trừ Vi Tiểu Bảo!).

Cá biệt, có một trường hợp mở đầu bằng hành vi cưỡng bức nhưng kết thúa bằng tình cảm tốt đẹp. Đó là Dương Tiêu (Tả sứ Minh giáo) đã bắt cóc và cưỡng bức Kỷ Hiểu Phù (đệ tử phái Nga Mi). Hiểu Phù sinh ra đứa con gái, đặt tên là Dương Bất Hối để tỏ ý không hề hối hận vì đã thất thân với Dương Tiêu. Diệt Tuyệt sư thái, sư phụ của Kỷ Hiểu Phù, vì

vậy đã giết Hiểu Phù. Dương Tiêu ở vậy nuôi con, không cưới vợ nữa để giữ mãi hình bóng của người phụ nữ từng là nạn nhân của anh ta.

Người ta thường nói: “Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén” để chỉ những quan hệ tất yêu nam nữ trong những hoàn cảnh thuận lợi. Câu nói đầy tính ẩn dụ đấy không thể có trong tác phẩm Kim Dung. Nhiều lứa đôi trong tác phẩm của ông thương nhau, sống với nhau một nơi nhưng trai vẫn giữ được phong độ người quân tử, gái vẫn giữ được tiết sạch giá trong. Đó là Vô Kỵ - Triệu Minh - Chỉ Nhược - Tiểu Siêu, Trương Thuý Sơn – Hân Tố Tố, Lệnh Hồ Xung – Doanh Doanh, Quách Tĩnh – Hoàng Dung, Đoàn Dự - Mộc Uyển Thanh – Vương Ngọc Yến – Chung Linh, Hồ Phỉ - Viên Tử Y, Thạch Phá Thiên – A Tú, Địch Vân - Thủy Phương, Kiều Phong – A Châu. Họ đều rất trẻ, sống giang hồ phiêu bạt nhưng vẫn tôn trọng chữ Lễ, biết yêu say đắm, có thèm khát nhưng không vượt quá giới hạn của tình yêu. Có những lứa đôi thành vợ thành chồng, có lứa đôi ly tán nhưng tựu trung, họ đã sống thật đẹp và yêu thật đẹp. Tôi cho rằng đây là một khía cạnh rất đạo đức trong tác phầm Kim Dung. Nó đem lại cho người đọc - nhất là bạn đọc trẻ - những nhận thức đúng đắn về tình yêu và tình dục, giúp con người vươn lên để sống đúng nghĩa với khái niệm con người.

Chất hài

Trước nay, văn học thế giới đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm của các bậc thầy hài hước. Đưa nụ cười vào văn chương, tạo ra sự hứng thú cho người đọc đã có từ những vở Kịch của Molière (Pháp), Azit Neshin (Thổ Nhĩ Kỳ), Slavemir Mrojek (Ba Lan). Và trong thời đại chúng ta, tiếng cười có nhiều trong các tờ báo chuyên hài hước, các tiểu phẩm trào phúng, châm biếm. Văn học Trung Quốc cũng đã trước bạ tên tuổi của các bậc thầy cười: Ngô Thừa Ân với siêu phẩm Tây Du Ký, Lỗ Tấn với tác phẩm A.Q Chính Truyện. Trên nền tảng cái cười Trung Quốc, Kim Dung tiên sinh cũng đưa nụ cười vào văn chương của ông, dù văn chương đó ở phạm trù văn chương kiếm hiệp.

Những tình huống trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung luôn luôn sôi động với tính chất đấu tranh, bạo lực, mưu toan, thủ đoạn. Vậy thì việc đưa tiếng cười vào trong những tình huống này quả là một điều khó thực hiện nhất là giữ làm sao cho chất cười đó không phá vỡ cái tổng thể của khái niệm võ hiệp tiểu thuyết. Kim Dung đã làm được việc đó với ngòi bút khéo léo của một bậc thầy và trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của ông, chất hài hước đã được dàn trải khắp các chương tạo ra niềm hứng thú cho độc giả.

Trong tác phẩm của ông, có những nhân vật khá hài hước về ngoại diện, tâm hồn thật trẻ thơ và hành sự rất tiếu. Với bộ Xạ điêu anh hùng truyện, ta bắt gặp một nhân vật đáng yêu như vậy: Lão ngoan đồng Châu Bá Thông. Châu Bá Thông là nhân vật số 2 của phái Toàn Chân, sư đệ của Vương Trùng Dương, dưới tay có cả một đám sư điệt già nua cổ thụ nhưng tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của một đứa bé ngây thơ, trong sáng. Ngay ngoại hiệu

Lão ngoan đồng (ông già mà chơi như con nít) cũng đủ để mô tả đặc điểm tính cách nhân vật Châu Bá Thông. Theo sư huynh Vương Trùng Dương sang hoàng cung nước Đại Lý, Châu Bá Thông đã quan hệ tình dục với một cung phi của hoàng gia, đẻ ra một đứa con nhưng nuôi không được. Châu Bá Thông là một cao thủ, suốt đời chẳng biết sợ hãi ai nhưng mỗi khi nghe đến tên nàng cung phi đã lỡ thất thân với mình là ông ta chạy dài. Suốt đời Châu Bá Thông chuyên làm những việc cổ quái. Ngay đến môn võ công ông tự suy nghĩ ra cũng có cái tên kỳ dị không kém: Song thủ hỗ bác (hai tay vừa giúp nhau vừa đánh nhau). Đó là kết quả của một cách phân ý thật lý tưởng: tay trái vẽ hình vuông, tay mặt vẽ hình tròn cùng một lúc, sao cho vuông ra vuông, tròn ra tròn. Chỉ có Châu Bá Thông là làm được việc ấy và luyện thành công kỹ thuật Song thủ hỗ bác. Võ công ông ta đạt đến trình độ kinh người nhng chẳng hề giết chóc ai, hãm hại ai. Mỗi khi ông ta xuất hiện là tình huống trở nên vui nhộn.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta gặp rất nhiều nhân vật hài hước. Đó là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, một nhân vật được mô tả là "lãng tử vô hạnh, thanh danh tàn tạ". Phái Hoa Sơn nổi tiếng về sự nghiêm khắc giữ gìn thanh quy giới luật nhưng khi cao hứng lên, Lệnh Hồ Xung sẵn sàng bỏ tất cả ra sau gáy. Anh đánh bạc với bọn du thủ, uống rượu xai quyền cùng anh em giang hồ hào sĩ, đánh cho bọn đệ tử Thanh Thành phải "thí cổ hướng hậu bình sa lạc nhạn" (chổng đít ra sau tan tác như nhạn rơi bãi cát). Bị mụ ni cô - vợ của Bất Giới hoà thượng, má của ni cô Nghi Lâm - cạo đầu và suýt bị thiến vì từ chối tình yêu của Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã trả thù" hết sức ngộ nghĩnh. Anh hướng dẫn cho Bất Giới đại sư cách điểm huyệt mụ, đưa mụ vào khách sạn và... cởi quần áo mụ ra làm sao mụ còn chạy thoát khỏi tay Bất Giới. Học được kinh nghiệm quái chiêu đó, Bất Giới đã quỳ xuống lạy Lệnh Hồ Xung, xưng tụng là Lệnh Hồ sư phụ, thậm chí là Lệnh Hồ gia gia!

Bất Giới hoà thượng cũng là nhân vật hài hước số một. Lỡ yêu một ni cô, ông ta cũng cạo đầu đi tu. Nhưng quy luật của Phật gia có ngũ giới cấm, trong đó có cấm tà dâm, mà mục đích của Bất Giới là đi tu để ăn ở cho được với người ni cô đó. Ông ta tự đặt cho mình ngoại hiệu là Bất Giới (chẳng cấm cản gì ráo), đã lấy được ni cô và đẻ ra Nghi Lâm. Nghi Lâm cũng đi tu, làm ni cô của phái Hằng Sơn. Cô thầm yêu trộm nhớ Lệnh Hồ Xung, ân nhân đã cứu mình ra khỏi tay dâm tặc Điền Bá Quang. Thế là Bất Giới phải đi tìm Lệnh Hồ Xung, ép buộc anh làm nhà sư để cưới Nghi Lâm vì trên đời này "chỉ có ông sư là cưới được bà vãi". Đối với Điền Bá Quang, Bất Giới trừng trị thẳng tay: cạo đầu buộc làm sư, đặt pháp hiệu là Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm được), buộc Điền Bá Quang tôn Nghi Lâm làm sư phụ rồi buộc Điền Bá Quang làm mai "sư phụ" mình với Lệnh Hồ Xung.
Tuy nhiên, nói đến tiếng cười trong Tiếu ngạo giang hồ, người đọc vẫn nhớ đến Đào cốc lục tiên nhiều nhất. Đó là 6 anh em, tên là Đào Hoa Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Điệp Tiên, Đào Thực Tiên, Đào Cán Tiên, Đào Căn Tiên. Họ gồm đủ hoa, nhánh, lá, cành, gốc, rễ nhưng bị cái tội hồ đồ, không phân biệt được ai là lão tam; ai là lão tứ! Võ công cao

cường, tâm ý tương thông, họ không sợ bất kỳ địch thủ nào trên đời. Suốt ngày họ đánh nhau, văng tục, cãi lộn.. Mà cái kiểu cãi lộn của anh em nhà họ Đào cũng rất hoạt kê, càng cãi câu truyện càng rối rắm. Nhìn dưới khía cạnh triết lý, Đào Cốc lục tiên chính là những nhà luận lý học hình thức (logique formelle) của phương Đông. Đào Cốc lục tiên mồm năm miệng mười, suốt ngày chỉ nói, nói và nói; đến vua nhà Tống cũng không cấm họ im miệng được.

Nhưng có một người duy nhất có thể buộc họ câm miệng. Đó là Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Bình Nhứt Chỉ có lệ cứu được một người là ra lệnh cho người đó hoặc anh em người đó đi giết một người khác. Trong một lần Đào Thực Tiên bị trọng thương, bọn ngũ tiên bèn khiêng đến cho Bình Nhứt Chỉ chữa nhưng miệng vẫn nói thiên hô bách sát. Bình Nhứt Chỉ quát một tiếng im là năm lão im ngay bởi vì nếu không im, Bình Nhứt Chỉ sẽ buộc bọn tiên giết tên Đào Thực Tiên! Khi Lệnh Hồ Xung được đưa lên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chỉ thú nhận rằng không thể chữa thương cho chàng được. Bọn Đào Cốc lục tiên bèn trả thù, đặt ra câu hỏi: "Cứu một người thì giết một người. Nay không cứu được người thì giết ai?" Chính cái luận lý học hình thức của bọn lục tiên đã khiến Bình Nhứt Chỉ tự suy nghĩ và cuối cùng, tự vận kinh mạch cho đứt, chết đi để xứng với ngoại hiệu Sát nhân danh y!

Lệnh Hồ Xung, Bất Giới hoà thượng, Bất Khả Bất Giới Điền Bá Quang, Đào cốc lục tiên là cái trục hài hước của Tiếu ngạo giang hồ. Chung quanh cái trục đó còn có nhiều nhân vật hài hước khác như Hướng Vân Thiên, Quang minh tả sứ của Triêu Dương thần giáo; Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn; bọn quần ni phái Hằng Sơn; bọn giang hồ thảo khấu 36 động 72 đảo... góp thêm tiếng cười cho tác phẩm. Vì thế, Tiếu ngạo giang hồ tràn đầy tiếng cười lạc quan, ngay trong những tình huống bi thương nhất.

Chất hài hước trong kiếm hiệp Kim Dung thường xuất hiện trong những tình huống nghịch lý, thoạt tiên thì có vẻ kỳ quái nhưng đọc kỹ thấy thú vị vô cùng. Ta có thể tìm ra một hồi như vậy trong bộ Hiệp khách hành. Phái Tuyết Sơn có nội biến, bọn Tiêu Tự Lệ, Thành Tự Học, Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến bắt giam chưởng môn rồi quay ra đánh nhau để dành chức chưởng môn. Ai cũng tự khoe khoang võ công mình cao cường và họ đánh nhau với những chiêu thức độc ác nhất, tinh vi nhất. Giữa khung cảnh như vậy thì Trương Tam và Lý Tứ, hai sứ giả của đảo Mộc Long đến phát thiếp mời chưởng môn phái Tuyết Sơn đi ăn Lạp bát cúc ngoài biển Đông. Mà "ăn lạp bát cúc" có nghĩa là ra đi không có ngày về. Cả bọn Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến, Tiêu Tự Lệ, Thành Tự Học sợ quá, chẳng ai muốn tranh cái chức chưởng môn nữa. Trương Tam và Lý Tứ bó buộc bọn họ phải đấu võ cho phân thắng bại để xác định chưởng môn. Thế là anh nào anh nấy chỉ đấu cầu thua, thậm chí còn đưa tay chân của mình vào đao kiếm địch thủ để được bị thương và dĩ nhiên, càng bị thương nặng càng tốt. Trận đấu có kiếm bay, có máu chảy nhưng chất hài hước của bốn nhân vật cầu thua lại hoá giải được chất sắt máu kia và làm cho chương tiểu

thuyết cực kỳ sống động, thú vị.

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, có những nụ cười rất nóng và có những nụ cười rất lạnh. Cười nóng là cười ha hả, cười đau cả ruột, mọi người cùng cười kể cả độc giả. Trong Thiên Long bát bộ, mỗi khi Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu và bọn đệ tử của lão xuất hiện thì tiếng cười nóng lại rộ lên. Ấy bởi vì với phái Tinh Tú, thói nịnh là một thứ võ công hàng đầu so với những thứ võ công khác trên đời. Đã có những tên đệ tử phái Tinh Tú đem sư phụ Đinh Xuân Thu của mình so sánh với Đức Khổng Tử và kết luận Đức Khổng Tử thua Đinh Xuân Thu vì Khổng Tử không có võ công. Giá mà Đức Khổng Tử sống dậy, đọc được những dòng này, chắc hẳn ngài cũng phải bật cười khoan khoái. Ngược lại với cười nóng là cười lạnh, buồn mà cười, thương mà cười. Đó là mối tình của Du Thản Chi với A Tử.

Đoàn A Tử là cô bé ác độc, đệ tử của Đinh Xuân Thu, bắt được Du Thản Chi để hành hạ cho thoả tính tàn bạo. Cô đã ra lệnh đánh Du Thản Chi thừa sống thiếu chết rồi nướng cái lồng sắt đỏ chụp vào đầu y, biến y thành tên Thiết sửu giải trí cho cô. Nhưng oái ăm thay, ngay từ cái nhìn đầu tiên, Du Thản Chi đã say mê tấm dung nhan mỹ miều của A Tử. Hắn có thể hứng chịu cả trăm ngàn đau khổ để được nhìn thấy A Tử nở một nụ cười. Đôi mắt hắn long lên căm hờn khi có ai hướng về phía A Tử một cái nhìn thiện cảm. Hắn có một pho võ công rất kỳ bí là hàn khí của Kim tầm trùng độc làm nội công và đồ hình của Dịch Cân Kinh làm chiêu thức. Hắn đánh ai một chưởng thì người đó hoá thành băng tuyết ngay. A Tử đui hai mắt, không còn nhìn thấy gì trên đời. Thế là Du Thản Chi đi nhờ người ta tháo cái lồng sắt ra khỏi đầu mình và khuôn mặt của hắn trở thành khuôn mặt dị dạng của quỷ sứ. Hắn kiếm một cái khăn trùm đầu, tìm về với A Tử và tự đổi giọng nói, xưng mình là Trang Tụ Hiền; dẫn cô bé chu du giang hồ, khoe với cô rằng mình là kỳ nam tử, đẹp như Phan An, Tống Ngọc! Rõ ràng là khi có mặt A Tử, hắn đã đánh cho nhiều người thất điên bát đảo nên A Tử hết lòng tin cậy. Chính vì để bảo vệ bí mật cho những lời khoe khoang khoác lác đó, hắn đã phải năn nỉ nhiều người khen hộ hắn anh tuấn, đẹp trai để vừa lòng A Tử. Cái hài hước khi xây dựng cặp nhân vật A Tử - Du Thản Chi của Kim Dung tràn đầy nước mắt, bảo cười cũng được mà bảo khóc cũng không sai. Đó cũng là chất hài hước của Lỗ Tấn trong A.Q Chính Truyện khi A.Q được đưa ra pháp trường!

Được cười với những nhân vật của Kim Dung thật là một điều sảng khoái. Cái sảng khoái đó nằm trong những diễn tiến ngộ nghĩnh của câu chuyện, khiến người ta không tin cũng phải tin. Một thí dụ sinh động nhất là chuyện tuyển phu của công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Công chúa Văn Nghi đã từng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ bắt, cởi trần truồng và đem vào hầm nước đá tối thui cho nằm cạnh nhà sư Hư Trúc. Mục đích của Đồng Mỗ là phá giới Hư Trúc và quả nhiên, nhà sư trẻ đã không thoát qua khỏi vòng trần luỵ. Lòng anh vừa đau khổ nhưng cũng vừa cảm thấy hạnh phúc. Và suốt đời anh vẫn nhớ người trong mộng nhưng không biết nàng tên là gì, ở đâu. Đùng một cái, nước Tây Hạ ra bảng

chiêu phu cho công chúa Văn Nghi. Những thế lực chính trị cảm thấy đây là thời cơ để phục hưng nền quân sự của quốc gia vì kẻ nào làm phò mã nước Tây Hạ là kẻ đó có thể nắm thực quyền về quân đội. Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý buộc con là thế tử Đoàn Dự phải đi. Cô Tô Mộ Dung Phục cũng đi đến cầu hôn với hy vọng phục hưng binh lực nước Đại Yên. Hoắc Đô Vương tử nước Thổ Lỗ Phồn cũng đến tranh thủ. Chỉ có chàng Hư Trúc là đi chơi, hoàn toàn không nghĩ đến chuyện tuyển phu. Tất cả chương trình tuyển phu chỉ gồm có 3 câu: "Trên đời, người thích ai nhất? Người ấy tên gì, ở đâu?". Các Vương tử, thế tử đều đáp xong. Đến lượt, người ta đùa cợt, đẩy Hư Trúc vào. Đáp câu thứ nhất, Hư Trúc bảo: "Trên đời ta chỉ thích nàng nhất". Câu thứ hai: "Tối quá, ta không biết tên". Câu thứ 3: "Trong hầm nước đá" Và chỉ 3 câu đó, Hư Trúc tìm ra người tình nhân - Mộng Cô - của mình, trở thành phò mã nước Tây Hạ giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Hoá ra, trò tuyển phu đó không phải là một đòn phép chính trị nhằm đối địch với ai cả. Đó chỉ là một cách để tìm ra người đàn ông mà công chúa đã từng yêu dấu và trao thân gửi phận.
Thế nhưng, không có tác phẩm nào tập trung cao độ tính hài hước bằng bộ Lộc Đỉnh ký. Từ cách xây dựng nhân vật trung tâm đến tình huống diễn tiến câu chuyện, đến ngôn ngữ nhân vật, Lộc Đỉnh ký là một bộ hài Kịch lớn. Không chương nào của tác phẩm thiếu tiếng cười. Chuyện bắt đầu khi Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh trong động điếm Lệ Xuân viện thành Dương Châu được Mao Thập Bát, một hào khách giang hồ đem lên Bắc Kinh. Bằng thủ đoạn ma mãnh, Vi Tiểu Bảo đã giết được Tiểu Quế Tử thái giám, hoá thân làm Tiểu Quế Tử. Từ đó, hắn thân cận được với vua Khang Hy, trở thành bạn nhỏ của nhà vua, giúp vua giết được loạn thần Ngao Bái, gia nhập thiên địa hội và hoạt động gián điệp. Hắn trở thành Chánh đô thống hoàng kỳ, phong tặng tước hiệu Ba Đồ Lỗ; Khâm sai đại thần đi công cán Vân Nam; Tứ hôn sứ; Bá tước; Nguyên soái cầm quân chinh phạt quân La Sát! Công lao hắn lớn hơn bất kỳ một vị cố mệnh đại thần nào của triều Khang Hy.

Để đạt được tột đỉnh vinh quang đó, hắn chỉ áp dụng hai thứ kinh nghiệm: một là kinh nghiệm sống trong động điếm và hai là những câu chuyện truyền kỳ trong bộ Anh Liệt Truyện mà hắn nghe được thủa còn ở Dương Châu. Thông qua nhân vật Vi Tiểu Bảo, người ta nhận ra một định đề bất ngờ: "Trên đời nầy, kỹ viện và hoàng cung là hai nơi trá nguỵ nhất". Đắc thủ kinh nghiệm từ kỹ viện đến hoàng cung, Vi Tiểu Bảo trở thành nhân vật đệ nhất trá nguỵ. Nhân vật trá nguỵ ấy đã trở thành Hối minh hoà thượng, sư đệ của Hối Thông, phương trượng chùa Thiếu Lâm; rồi sau đó lại trở thành trụ trì chùa Thanh Lương trên Ngũ Đài Sơn! Nhân vật ấy đủ sức "trị" tên đại Hán gian Ngô Tam Quế; trở thành cố vấn đặc biệt cho Sa hoàng Nga La Tư; thay mặt Khang Hy Hoàng đế quan hệ giao hảo với Mông Cổ và Tây Tạng.

Thế nhưng, nhân vật quan trọng ấy không biết chữ. Trong 3 chữ họ tên của mình, Vi Tiểu Bảo chỉ đọc được chữ Tiểu vì chữ này dễ nhận ra với 3 nét. Ấy thế mà bọn nhà văn có tên tuổi trong lịch sử văn học triều Thanh như Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng phục lăn

phục lóc, hết lời ca ngợi. Nhân vật ấy đưa vào trong văn chương một mớ ngôn ngữ thoá mạ bình dân, tục tĩu như "con mẹ nó", "tổ bà quân rùa đen", "phường chó đẻ"... Vi Tiểu Bảo "sáng tạo" ra những thuật ngữ mà chưa một thời đại nào người ta dám đem gán ghép cho những nhân vật cao quý trong xã hội phong kiến: công chúa Kiến Ninh được coi là con đượi non, thái hậu được gọi là mụ điếm già. Mớ ngôn ngữ ấy đã được "truyền bá". Trần Cận Nam, thầy của Vi Tiểu Bảo, cũng biết gọi thái hậu là "mụ điếm già". Vua Khang Hy cũng học thứ ngôn ngữ bình dân của Vi Tiểu Bảo mà mở miệng thoá mạ "con mẹ nó". Chẳng những thế, nhà vua cũng sẵn sàng làm những việc làm hết sức "bình dân", chẳng ra thể thống một Đại Thanh Hoàng đế chút nào. Tôi cho rằng đoạn trích sau đây có thể nói lên chất hài hước cao đó của Lộc Đỉnh ký:

"Sách thánh hiền đọc nhiều quá, toàn những đoạn khô khan. Đột nhiên, nhà vua được nghe những câu "Tổ bà nó", "Té đái vãi phân", tuy thô tục nhưng cũng thấy vui vui liền bắt chước nhưng chỉ khi nói với Vi Tiểu Bảo mới đưa ra. Hôm nay, nhà vua gặp phụ hoàng, vừa hoan hỉ vừa bi thương, nhưng thân cận cha được nửa giờ đã bị đẩy ra ngoài cửa chẳng biết từ nay còn có dịp nào gặp lại, trong lòng rất là khó chịu. May có Vi Tiểu Bảo nói năng thú vị làm vơi nỗi uất ức đi nhiều. Khi bàn tới đại sự trừ phản dẹp loạn, ngài lại nổi hùng tâm.

Nhà vua đứng dậy đi ra ngoài sân mấy bớc, hai tay bê mấy hòn đá bày ra dưới đất, miệng nói:

- Hán quân có tứ vương, nào Đông Vương, nào Tây phiên, nào Bắc biên, phải phân chia ra không thể để chúng liên hiệp với nhau được. Lại còn Định Nam Vương Khổng Hữu Đức nhưng may thằng cha này chết rồi, chỉ để lại một đứa con gái thì cách đối phó chẳng khó khăn gì.

Nhà vua dứt lời, vung chân đá một hòn đá ra ngoài rồi nói tiếp:

- Cảnh Tinh Trung thần dũng hơn đời nhưng lại là kẻ vô mưu nên chẳng có chi đáng ngại. Chỉ cần làm cho hắn không liên minh được với họ Trịnh ở Đài Loan là xong.

Nhà vua lại đá một hòn đá nữa đi rồi nói tiếp:

- Thượng Khả Hỷ thì phụ tử bất hoà. Giữa hai cha con hắn cũng thành thế nước lửa nhằm khuynh loát nhau, chắc chẳng làm nên trò trống gì.

Khối đá thứ ba bị hất tung đi. Chỉ còn một khối đá lớn nhất. Nhà vua nhìn chằm chặp vào khối đá này, ngơ ngẩn xuất thần.

Vi Tiểu Bảo cất tiếng hỏi:

- Tâu Hoàng thượng! Phải chăng đây là Ngô Tam Quế ?

Vua Khang Hy gật đầu.

Vi Tiểu Bảo mắng liền:

- Thằng giặc thối tha này. Sao mi không chết đi khiến cho Đức Hoàng Đế phải vì mi mà tổn thương cân não. Tâu Hoàng thượng! Xin Hoàng thượng đái vào người hắn.

Vua Khang Hy cười ha hả, nổi dạ trẻ thơ, vạch quần đái vào phiến đá.

Ngài cười nói:

- Ngươi cũng đái vào đi.

Vi Tiểu Bảo cười rộ. Gã vừa đái vừa nói:

- Hồi sách này kêu bằng Vạn tuế gia cao sơn lưu thuỷ. Tiểu Quế Tử ... Tiểu Quế Tử ...

Gã chợt nhớ thầy đồ nói chuyện Tam Quốc có một hồi kêu bằng "Quan Vân Trường thuỷ yếm thất quân" liền nói tiếp:

- "Tiểu Quế Tử thuỷ yếm thất quân"

Vua Khang Hy không nín được, lại cười ha hả. Ngài vừa thắt quần lại vừa nói:

- Sau nầy mà ta bắt được tên giặc thối tha kia thật sự thì sẽ đái hẳn vào người hắn.

Vi Tiểu Bảo thấy Tiểu Hoàng Đế ra chiều căm hận Ngô Tam Quế thì trong bụng mừng thầm tự nhủ:

- Ta cùng bọn Mộc Vương phủ đánh cuộc về vụ này. Thế là phe mình ăn chắc đến quá nửa rồi."

Và gần như không có nhân vật nào trong Lộc Đỉnh ký không có tính hài hước. Công chúa Kiến Ninh cũng biết chửi tục "Con mẹ nó, té đái vãi phân" và gây ra một hành động kinh thiên động địa mà không phải người phụ nữ nào cũng dám làm: lấy súng bắn nát bộ phận sinh dục của chồng chưa cưới. Hối Thông đại sư, trụ trì chùa Thiếu Lâm, ca ngợi sư đệ của mình là Hối Minh (tức Vi Tiểu Bảo) định lực cao cường khi đối đầu với bọn Cát Nhĩ Đan Vương tử mà chẳng biết Vi Tiểu Bảo sợ quá, thở cũng không nổi và đã “đi” ra đầy cả quần. Trừng Quang đại sư cầm đầu Thập bát La hán chùa Thiếu Lâm ngây thơ đến nỗi nghe Vi Tiểu Bảo đi chơi kỹ viện (động điếm) cũng cho rằng kỹ viện là một "viện" tương đương với Đạt Ma viện của chùa Thiếu Lâm. Thậm chí khi Trừng Quang đại sư nghiên cứu võ công cũng phải nhờ Vi Tiểu Bảo chỉ điểm, hướng dẫn!

Có người cho rằng Lộc Đỉnh ký là tác phẩm của thời đại chúng ta, Vi Tiểu Bảo là con người sống trong thời đại chúng ta. Tôi nghĩ là nhận định đó hết sức nghiêm túc và hợp

lý. Với chất hài hước của Lộc Đỉnh ký, thế kỷ 20 hiện thân rành rành trong tiểu thuyết võ hiệp, với những con người, những tình huống, những suy nghĩ của nó.

Không dễ đưa chất hài hước vào văn chương như đưa vào sân khấu hay thơ ca. Tôi đã đọc Kim Dung nhiều lần trong đời. Với Du Thản Chi trong Thiên Long bát bộ, tôi nhỏ nước mắt. Với Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký, tôi cười ha hả. Nhiều đêm, chợt tỉnh giấc ngủ, nhớ đến Vi Tiểu Bảo, tôi bật cười một mình. Con người ngộ nghĩnh, thú vị, sống rất chân thật đó đã trở thành một biểu tợng hài hước của thế kỷ thứ 20 chứ không riêng gì trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung.

Trong hoàn cảnh đất nước chưa hoà bình, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn nhiều nơi, lòng người hoang mang ly tán như xã hội miền Nam trước năm 1975, tác phẩm võ hiệp Kim Dung với những màn hài hước đặc sắc vụt trở nên phương tiện giải trí đắt giá. Tâm trạng chung của bạn đọc lúc đó là tìm ra một cái gì vui trong một đời sống có nhiều bế tắc và niềm bi thảm. Ta không thấy làm lạ khi người đọc đón nhận từng chương, từng hồi của tác phẩm Kim Dung đăng trên báo dưới dạng feuilleton. Tôi chưa nói đến giá trị văn học, giá trị tư tưởng, giáo dục. Chỉ một chức năng giải trí, văn chương Kim Dung đã đáp ứng đầy đủ cho người đọc. Hài hước trở thành một thang thuốc bổ, đem lại cho đời nụ cười ý vị.

Ghen

Ghen (jalousie) là một tình cảm tự nhiên của con người, đặc biệt là ở phụ nữ. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tuy trọng tâm phản ánh về những sinh hoạt võ lâm, cũng đã có những nhân vật ghen tuông, tình huống ghen tuông thú vị. Nhận định về tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông mà không nhận định về cái ghen quả thật là một thiếu sót.

Một cách khái quát, Kim Dung dùng khái niệm rất cụ thể để nói về cái ghen. Ghen được gọi là “bình giấm chua” hoặc “ghè tương”. Còn cái binh giấm chua và ghe tương đó đổ bể trong tình huống nào, đổ bể ở đâu thì lại là chuyện khác.

Ở mức độ sơ cấp, người phụ nữ bày tỏ lòng ghen tuông một cách nhẹ nhàng, đôi khi không khỏi khiến độc giả buồn cười, thương hại. Đó là trường hợp Á bà bà (bà già câm) (Tiếu ngạo giang hồ). Ở tuổi đôi mươi, bà đã xuất gia đi tu và là một nữ ni xinh đẹp. Có một chàng đồ tể cảm mến sác đẹp đó, cứ theo tán tỉnh hoài. Và hắn cũng cạo đầu đi tu, tự đặt pháp hiệu cho mình là Bất Giới hoà thượng. Hắn cho rằng “chỉ có ông sư mới có thể yêu bà vãi” (?) Họ thành vợ chồng và sinh ra cô con gái xinh đẹp là Nghi Lâm. Một lần, Bất Giới nhìn thấy Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần. Ông ta lỡ miệng khen Ninh Trung Tắc đẹp, thế là Á bà bà nổi cơn ghen vì “đã có vợ rồi, sao lại còn khen kẻ khác đẹp?”. Bà ta bỏ luôn Bất Giới, vào phái Hằng Sơn giả làm mụ già câm điếc, chuyên việc quét chùa, lau tượng trong 18 năm, báo hại Bất Giới đi tìm muốn chết!

Ở mức độ trung cấp, cái ghen bắt đầu có “bài bản” hơn. Đó là trường hợp ghen của Mai Phương Cô (Hiệp khách hành). Mai Phương Cô thầm yêu trộm nhớ Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh chỉ yêu và cưới Mẫn Nhu. Họ sinh được hai đứa con trai song sinh: Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Thạch Phá Thiên mới 6 tháng tuổi thì... mất tích. Ai bắt? Chính là Mai Phương Cô. Nàng đem cậu bé về hoang sơn dã lĩnh ở Triết Giang nuôi nấng, đặt tên cho bé là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống) để mỗi khi lòng ghen tuông với hạnh phúc của Mẫn Nhu nổi lên, nàng kêu mấy tiếng “cẩu tạp chủng” cho đỡ buồn!

Cẩu Tạp Chủng lớn lên, thành một chàng trai tuấn tú, hiền lành nhưng hoàn toàn dốt nát. Nhưng chính nhờ đó mà chàng trở thành một con người đệ nhất võ công đắc thủ được trong bài thơ Hiệp khách hành, khác xa người anh ruột dâm ác và tàn bạo Thạch Trung Ngọc. Hiệp khách hàng - một bài thơ danh tiếng của Lý Bạch, đi vào tiểu thuyết Kim Dung, trở thành một tác phẩm tiểu thuyết ca ngợi lòng dũng cảm, đức hy sinh và tâm hồn trung hậu của chàng trai Cẩu Tạp Chủng Thạch Phá Thiên.

Ở mức độ cao cấp, cái ghen được Kim Dung nâng lên thành những âm mưu, thủ đoạn cao cường. Đó là cái ghen của Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi (Ỷ thiên Đồ long ký). Ở trên đảo hoang, để độc chiếm kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long, cô đánh thuốc mê cho mọi người, lấy kiếm rạch mặt và giết Hân Ly, trói Triệu Minh và bỏ lên một con thuyền thả lênh đênh, mưu đồ để Triệu Minh chết đói vừa đổ vạ cho nàng. Trở về trung Nguyên, Chu Chỉ Nhược lập tức tiến hành hôn với Trương Vô Kỵ nhưng lại bị Triệu Minh phá ngang, làm Trương Vô Kỵ bỏ hôn lễ và chạy theo Triệu Minh để tìm nghĩa phụ tạ Tốn. Chu Chỉ Nhược vừa thẹn, vừa sợ bại lộ âm mưu, đã sử dụng một chiêu ác độc nhất trong Cửu âm bạch cốt trảo, định đánh vỡ sọ Triệu Minh để bịt đầu mối. Tuy nhiên Triệu Minh chỉ bị thương, và nhờ vết thương đó, Trương Vô Kỵ mới dần hiểu được rằng Chu Chỉ Nhược là người đánh cắp kiếm Ỷ thiên và đao Đồ long, luyện thành Cửu âm bạch cốt trảo giấu trong thân kiếm, bắt cóc cha nuôi của mình là Tạ Tốn và là người giết Hân Ly.

Cái ghen tuông không chỉ có trong những bậc nữ lưu bình thường. Cái ghen trong bậc nữ lưu quý tộc còn ghê gớm hơn. Đó là trường hợp của Đao Bạch Phụng, người tộc Bãi Di, vợ Đoàn Chính Thuần. Thân là Vương phi nước Đại Lý, giận chồng lăng nhăng, đã đem tấm thân ngàn vàng cho gã ăn mày dơ dái ân ái... “Mối tình” chớp nhoáng đó đã sinh ra vương tử Đoàn Dự, danh nghĩa là con Đoàn Chính Thuần nhưng huyết thống là con Đoàn Diên Khánh. Vương phu nhân, gốc người tộc Đảng Hạng (Tiên Ty), còn ghen ghê gớm hơn. Giận Đoàn Chính Thuần, hễ ai họ Đoàn nước Đại Lý lọt vào sơn trang của bà là bà ra lệnh giết để làm phân bón hoa.

Tuy nhiên, cái hay của Kim Dung là không biến những tình huống ghen tuông trong tác phẩm của mình trở thành những vụ án hình sự có nhà tan, người chết. Những nhân vật của ông chỉ ghen như một cách bày tỏ thái độ, chẳng có ai chết cả. Hên ly vẫn không chết do nhát kiếm của Chu Chỉ Nhược, thậm chí, nhờ đó mà độc tính của Thiên châu tuyệt hộ

thủ theo máu thoát ra ngoài và cô... sống lại.

Đứng trên quan điểm hôn nhân của chế độ phong kiến, Kim Dung cho phép những nhân vật nam của mình có nhiều vợ, nhiều tình nhân. Đoàn Chính Thuần có một vợ và... 5 tình nhân (có kể lại!); Vi Tiểu Bảo có... 7 vợ và một tình nhân. Tuy nhiên, Kim Dung cũng đã để cho những nhân vật nữ của mình đấu tranh chống lại quan điểm đa thê sai trái đó. Một cách tích cực, ghen tuông được coi là một cách thể hiện phản ứng chế độ đa thê. Những Á bà bà, Đao Bạch Phụng... là những con người đã phản ứng như vậy.

Quả thật đáng buồn nếu có những nhân vật (và ngay cả những người thật) không biết yêu và cũng chẳng biết ghen. trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, người ta yêu tha thiết nhưng ghen tuông cũng cháy chòi lá! Rõ ràng, tuy lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung lại đi sát cuộc đời bởi vì tâm tình trong đó là tâm tình của xã hội phương Đông thời hiện đại.

Chất thơ

Đưa thơ vào trong tiểu thuyết, cho tiểu thuyết có chất lãng mạn nhằm tạo thi hứng cho cả người viết lẫn người đọc là đặc điểm cố hữu của 300 tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có trên vài trăm bài thơ và khi thực hiện phim Hồng Lâu Mộng, các nghệ sĩ Bắc Kinh đã biến những bài thơ này thành nhạc từ - một dạng nhạc phủ - được hát lên, làm giàu thêm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm điện ảnh. Nhà văn Kim Dung đã kế thừa phong cách đưa thơ vào tác phẩm tiểu thuyết như các nhà văn tiền bối mặc dù tiểu thuyết chương hồi của ông là tân văn tiểu thuyết. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung là một nhà thơ thực sự; ông đã viết cả vài trăm bài thơ, đặc biệt là thơ Thiền tông. Những bài thơ này chưa được in ra; người đời chỉ biết ông là nhà văn chứ chưa hề hiểu được ông còn là một nhà thơ. Chúng ta cũng lưu ý rằng ông nội Kim Dung đã từng làm tri huyện huyện Đơn Dương, Triết Giang và là một nhà thơ khá nổi tiếng cuối đời Thanh với thi tập Hải Ninh Sát Thị Sao Thi. Có lẽ âm vang của truyền thống tiểu thuyết Minh - Thanh, âm vang của truyền thống gia đình đã khiến Kim Dung mạnh dạn đưa thơ vào tiểu thuyết võ hiệp, làm cho những tác phẩm văn xuôi của ông mênh mang một màu thi ca lãng mạn, trữ tình.

Có những tác phẩm của Kim Dung lấy thơ làm nguồn cảm hứng chủ yếu. Đó là trường hợp bộ Hiệp khách hành, gồm 14 quyển. Hiệp khách hành là tựa đề một bài thơ dài của nhà thơ Lý Bạch, một trong Đường - Tống bát đại gia mà lịch sử văn học Trung Quốc rất đỗi tự hào. Thơ Lý Bạch có nhiều thể tài: Diễm ca (ca ngợi cái đẹp), Tuý ca (viết trong lúc say), Biệt ca (viết lúc chia tay nhau), Biên tái ca (viết về cuộc đời chinh chiến), Tình ca (ca ngợi tình yêu), Hành ca (ca ngợi chuyện giang hồ mạo hiểm),... Hiệp khách hành là một bài thơ ngũ ngôn, thuộc thể Hành ca, ca ngợi Nguỵ Vô Kỵ, tức Tín Lăng Quân, công tử nước Nguỵ và 2 hiệp khách - Hầu Doanh, người giữ cửa Di Môn cùng Chu Hợi, anh

hàng thịt. Hai người đã có công giúp Tín Lăng Quân đưa quân sang cứu nước Triệu, bảo vệ Hàm Đan, chống lại quân Tần thời Chiến quốc.

"Triệu khách mạn hồ anh
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiếu bạch mã
Táp nạp như lưu tinh..."

Đi vào trong tiểu thuyết Kim Dung, cả bài thơ Hiệp khách hành vẫn được giữ nguyên nhưng nó không còn là một bài thơ nữa. Nó chính là một pho võ công mà ai có tấm lòng chân chất nhất, ít cơ tâm nhất mới nhận ra được. Con người đó là một chàng trai không hề biết chữ: Thạch Phá Thiên tức Cẩu Tạp Chủng. Anh cóc cần bài thơ nói lên ý nghĩa gì, câu thơ biểu đạt điều gì. Anh chỉ nhìn nét chữ. Ví dụ chữ Hành gồm 6 nét thì anh khám phá ra sáu thế võ tương ứng với 6 nét đó chứ không cần biết Hành là đi hay chạy. Anh cứ lẳng lặng khám phá tự dạng như thế cho đến chữ cuối cùng và đắc thủ một môn thần công, điều mà có những người bỏ ra mấy chục năm vẫn không khám phá được. Kim Dung gọi đó là lối trước ý.
Thiên Long bát bộ mênh mang một không khí lãng mạn, trữ tình của thơ. Đó là những câu thơ của Kim Dung làm ra để ca ngợi hoa trà, một quốc hoa của nước Đại Lý:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn lộ khai
(Quần xanh, vóc ngọc tuồng quen mặt
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Hoặc:

Xuân câu thuỷ động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây trôi trái vải hồng).

Đó là những câu thơ do chính Kim Dung làm ra nhưng được gắn vào cho những nhân vật của mình, để các nhân vật tỏ tình trước tình nhân. Thí dụ Trấn Nam vương gia Đoàn Chính Thuần, một con người phong tình rất mực, thường "nói" với các tình nhân Vương phu nhân và Tu la đao Tần Hồng Miên. Với Vương phu nhân, một người rất yêu hoa, Đoàn Chính Thuần đọc:

Dưới khóm mẫu đơn đành bỏ mạng
Chết làm quỷ sứ cũng oai phong

Với Tần Hồng Miên, một người chuyên phóng Tu la đao, Đoàn Chính Thuần chỉ "biên tập" hai chữ mẫu đơn:

Dưới lưỡi Tu la đành bỏ mạng
Chết làm quỷ sứ cũng oai phong

Thi ca, từ phú không thể tách rời với thi pháp. Trong những ngày sống chung với Nguyễn Tinh Trúc, Đoàn Chính Thuần đã chép tặng bà này bài Sầm viên xuân, một bài từ danh tiếng:

Sóng thu dường điểm mực
Tóc phượng rủ bên tai
Dung nhan tuấn nhã
Vẻ thiên nhiên càng ngắm càng tươi
Cách hoa nhìn bóng dáng
Vằng vặc ánh sao thưa
Ngồi tựa lan can ngắm
Mặt hồ gươm phẳng lặng như tờ...
Bao giờ quên được
Hình ảnh lúc chia phôi
Khăn là ướt đẫm
Ly biệt đôi đàng dòng lệ rơi.

Đoàn Chính Thuần là một vương gia phong nhã, có riêng một thư pháp. Chính nhờ đó, Tiêu Phong đã đối chiếu nét chữ trên bài từ với nét chữ của một nhân vật ẩn danh được gọi là "Thủ lĩnh đại ca" trong lá thư viết về truyện giết cha ông ngoài Nhạn Môn Quan và biết Đoàn Chính Thuần không phải là người chủ mưu vụ giết cha mình.

Thơ luôn gắn liền với tình yêu, đặc biệt là những mối tình dang dở. Gần như Kim Dung tôn trọng triệt để mô thức đó... Trong Tiếu ngạo giang hồ, Lệnh Hồ Xung và Nhạc Linh San thương yêu nhau. Rồi một người thứ ba - Lâm Bình Chi - hiện ra và Nhạc Linh San say mê Lâm Bình Chi, phụ rẫy mối tình của Lệnh Hồ Xung. Nàng lấy Lâm Bình Chi khi Lâm Bình Chi đã tự thiến (dẫn đao tự cung) để luyện Tịch tà kiếm phổ. Biết chồng mình không còn là đàn ông nữa, Nhạc Linh San đau đớn nhớ thương chàng Lệnh Hồ Xung. Cô đã đề lên trên tấm vải một bài thơ của danh sĩ Lý Thương Ẩn, mượn thơ người để biểu đạt tâm trạng của mình:

Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan.

Ngày Nhạc Linh San chết đi, Lệnh Hồ Xung trở về núi Hoa Sơn. Anh vào căn phòng riêng của Nhạc Linh San và đọc được hai câu thơ ấy, biết được tâm trạng Nhạc Linh San và cảm thấy thương yêu cô gái bất hạnh hơn bao giờ hết.
Cũng trong Tiếu ngạo giang hồ, ta đọc được những câu thơ bình dân khá nổi tiếng của người Trung Hoa. Gần như bọn giang hồ hào sĩ thường lấy những câu thơ nầy làm câu cửa miệng, đọc lên trong những tình huống thích hợp. Thí dụ khi chia tay nhau họ đọc:

Thanh sơn bích thuỷ
Hậu hội hữu kỳ

(Non xanh trơ đó
Nước biếc vẫn đây
Còn ngày gặp gỡ)

Hay khi khuyên ai xuống tay giết một người, họ thường đọc hai câu thơ:

Tiểu lượng phi quân tử
Vô độc bất trượng phu
(Lượng nhỏ chẳng thành người quân tử
Không độc sao nên đấng trượng phu)

Những câu thơ thông tục, đặt đúng vào vị trí trong văn cảnh, đã làm tác phẩm tăng thêm chất văn học.

Thơ luôn gắn liền với kinh điển của các tôn giáo, bang hội. Trong kinh của Báo hoả giáo Ba Tư, có đến trên 100 bài thơ của Nga Mạc, đã được nhà thơ Quách Mạt Nhược dịch ra bản Quan thoại. Kim Dung đã khéo léo sử dụng một bài thơ ngắn nói về số phận con người, gắn bài thơ đó vào thân phận Tiểu Siêu, cô gái lai Ba Tư - Trung Hoa trong Ỷ thiên Đồ long ký. Tiểu Siêu thương yêu Trương Vô Kỵ nhưng không hề nói lên lòng thương yêu đó. Cô chỉ vẫn thường hát cho anh nghe:

Lai như lưu thuỷ hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lại hề, hà sở chung

Chỉ có 17 chữ nhưng bài thơ cực kỳ hàm súc. Tôi xin tạm dịch:

Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió thoảng mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết tàn nơi đâu.

Cho đến khi Tiểu Siêu hôn Trương Vô Kỵ, từ biệt anh để trở về Ba Tư, Trương Vô Kỵ mới khám phá ra ý nghĩa của tình yêu nằm trong lời kinh Bái hoả giáo. Cuộc đời con người ngắn ngủi thì tình yêu cũng thế; cũng *Lai như lưu thuỷ hề, thệ như phong và bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung*. Tôi cho đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển là đoạn hay nhất, giàu chất thơ nhất trong cả 12 pho tiểu thuyết đồ sộ của Kim Dung.

Thơ chính là Đạo. Kim Dung muốn bạn đọc của mình nhận ra điều ấy. Ông đã để cho những nhân vật của mình xuất khẩu thành thơ, ngôn từ đơn giản nhưng ý tứ - cái Đạo bên trong - lại rất bao la, thâm diệu. Thí dụ như bài thơ của nhà sư Trí Quan đọc cho Kiều Phong khi nghe Kiều Phong lên núi thiên thai, chùa Chỉ Quán, yết kiến ông và hỏi thăm gốc gác của mình. Tự thâm tâm, Kiều Phong rất xấu hổ, rất đau đớn vì mình là người Khiết Đan; mình không thuộc dân tộc Hán. Nhà sư Trí Quan đã giải quyết mối ưu tư nội tại của Kiều Phong bằng một bài thơ mang chất thiền mênh mông:

Khiết Đan với Hán nhân

Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần

Kim Dung đã đẩy tiểu thuyết của mình đi đến bờ cõi bao la của triết học. Và tuỳ trình độ nhận thức, cảm thụ; các nhân vật của ông ngộ hay không ngộ vấn đề. Tất nhiên, bài thơ như thế này rất gần gũi với con người, không đến nỗi bí hiểm như những công án của Thiền tông.

Trong 12 pho tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, thơ Trung Hoa và thơ của Kim Dung xuất hiện đều đặn. Nó trung hoà với tính chất sắt máu của cuộc đấu tranh chánh - tà, thể hiện cái hồn của văn học tiểu thuyết chương hồi truyền thống. Nó kết hợp với thư pháp (phép viết chữ), hình thành nên những pho võ công cho phán quan bút, kiếm pháp, chưởng pháp. Nó làm nên tố chất lãng mạn cho tình yêu, chất triết lý cho tôn giáo, chất trí tuệ cho đời sống. Đưa thơ vào truyện kiếm hiệp như ông quả là thủ pháp của một nhà văn cao cường. Có thể nói, Kim Dung đã vượt xa những bậc tiền bối của mình trong hệ tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh. Điều này cũng rất dễ hiểu bởi Kim Dung là một nhà thơ có tài và tài năng của ông thực sự phát triển rực rỡ khi người tình Hạ Mộng ra đi khỏi vòng tay ông.

Ngôn ngữ bình dân

Trước hết, ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ nghệ thuật. Tuy nhiên, không ai cấm nhà văn đưa vào hệ thống ngôn ngữ bình dân, đặc biệt là ngôn ngữ thoá mạ, vào trong tác phẩm của mình. Có nhiều khi, một từ thoá mạ thô thiển, thậm chí tục tĩu, nằm đúng vào ngữ cảnh của câu văn hoặc tình huống của chương hồi lại tạo ra được yếu tố nghệ thuật bất ngờ, thú vị cho văn chương.

Đọc văn chương Trung Hoa, chúng ta bắt gặp ngôn ngữ thóa mạ gần như là yếu tố khá phổ biến, bàng bạc trong tác phẩm. Bộ tiểu thuyết sử thi Tây Hán chí (Hán Sở tranh hùng) có nhiều đoạn mô tả phương pháp thoá mạ mà các tường lĩnh của Hán vương Lưu Bang và Tây Sở bá vương Hạng Vũ đùng để chửi bới lẫn nhau với mục đích chọc giận kẻ thù, buộc kẻ thù không chịu nhục được, phải mở cửa thành ra đánh. Gặp kẻ thù ngoan cố, chịu nhục giỏi, các tướng lĩnh còn ra lệnh cho bọn mạ thủ (chuyên chửi) cưởi truồng ra mà thoá mạ. trong AQ chính truyện, Lỗ Tấn đã cho phép nhân vật AQ của mình thực hiện phép "thắng lợi tinh thần", thình thoảng cũng thoá mạ cũ Triệu, Vương râu xồm, Đôn oắt tì và Tây giả cầy: "Mày là cái thứ đồ gì? Con ông về sau còn hơn gấp mười lần mày" hoặc "Nó đánh mình như đánh bố nó". Văn chương của Kim Dung là thế giới của bọn hào sĩ giang hồ; trong đó một nửa là bàng môn tả đạo, bắt gà, trộm chó, cướp của, giết người, lại bất học vô thuật nữa cho nên chuyện thoá mạ đối với họ như cơm bữa.

Bộ Hiệp khách hành là bộ tiểu thuyết có lối thóa mạ kỳ lạ nhất. Mỗi khi nghĩ đến tình

địch, Mai Phương Cô thoá mạ con của Thạch Thanh và Mẫn Nhu là Cẩu Tạp Chủng, kêu tên Cẩu Tạp Chủng chửi mấy tiếng cho đỡ buồn. Đối với người đàn bà ghen uông ghê gớm này, một nửa Thạch Phá Thiên có chất người của Thạch Thanh, một nửa còn lại có chất "chó má" của Mẫn Nhu! Cậu bé phải mang cái tên Cẩu Tạp Chủng cho đến năm 20 tuổi mới biết được tên mình là Thạch Phá Thiên.

Thiên Long bát bộ cũng có một hệ thống ngôn ngữ thoá mạ phong phú. Một nhà sư trẻ Phật lực cao cường, kinh điển tinh thông, lòng dạ đoan chính như Hư Trúc cũng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ cung Linh Thứu núi Phiêu Diễu thoá mạ là "xú hoà thượng, sư chết chém, thầy chùa chết đâm". Bọn "quần tiên" 36 động 72 đảo là một phường bàng môn tả đạo ô hợp; đàn ông thì tự xưng là "lão gia, lão tử", đàn bà thì tự xưng là "lão nương". Bọn đệ tử của Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu thì tán tụng thầy: "Tinh Tú lão tiên thần thông quảng đại thiên hạ vông song. Lão gia đá một phát như trời long đất lở, vẫy tay một cái nhật nguyệt lu mờ" và đối với các phài khác, bọn họ coi chẳng ra gì. Thế như khi Đinh Xuân Thu bị Hư Trúc đánh ngã, cả bọn lại nịnh Hư Trúc và quay ngược thoá mạ Đinh Xuân Thu: "Ánh lửa đom đóm mà dám tranh sáng với mặt trời mặt trăng. Ngươi là kẻ tiểu nhân gian tà, độc ác". Kiểu thoá mạ như vậy gây cho người đọc những nụ cười thú vị về thói nịnh, thói xu viêm phụ nhiệt.

Mà không chỉ có bọn đàn ông mới thoá mạ. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung còn xây dựng một hình tượng phụ nữ khá độc đáo: nàng hoa khôi Ôn Khang, vợ Mã Đại Nguyên. Người đàn bà đẹp này bình thường khép nép, nghiêm cẩn, rõ ra khí tượng của một thiếu phụ khả kính. Nhưng trước khi nàng ta chết, người đọc mới hiểu ra rằng nàng là kẻ dâm loạn với Đoàn Chính Thuần, Bạch Thế Kính. Trước khi chết, Ôn Khang còn ráng thu hết tàn lực thoá mạ Kiều Phong một hồi với mới ngon ngữ vừa tục tĩu vừa độc ác. Và càng thoá mạ, đôi mắt nàng càng sáng lên, gương mặt lại có vẻ cao hứng, phấn khởi!

Bọn quần hào bốn châu Tề, Lỗ, Dự, Ngạc trong Tiếu ngạo giang hồ có trình độ thoá mạ cũng thuộc hạng thượng thừa. Chúng kết hợp với Đào Cốc lục tiên cùng một giuộc, hễ mở miệng ra là "con mẹ nó, 18 đời tổ tôn quân rùa đen, phường đê tiện". Đặc biệt ngôn ngữ thóa mạ còn được dùng như mộ thứ mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung, chưởng môn Hằng Sơn, bị bọn đệ tử Tung Sơn từng bị chàng đâm mù mắt vây hãm trong hang động tối đen núi Hoa Sơn, tìm mọi cách để giết chàng. Khi phóng kiếm ra trong bóng tối, họ thường chửi: "Cút con bà mày đi!". Hoá ra, đó là mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung thoát chết nhờ biết học và dùng câu "Cút con bà mày đi!". Những kẻ khiếm thị kia cứ ngỡ chàng là đồng bọn! (Tiếu ngạo giang hồ).

Nhưng không ở tác phẩm nào, ngôn ngữ thóa mạ được hệ thống hoá một cách tinh xảo và nâng cao thành ngôn ngữ văn học lạ lùng như trong Lộc Đỉnh ký. Vi Tiểu Bảo Xuất thân từ Lệ Xuân viện thành Dương Châu, 13 tuổi đã lĩnh hội trọn vẹn mớ ngôn ngữ tục tĩu của khách làng chơi và đám kỹ nữ. Khi được vào trong cung nhà Thanh, hắn lại được

tu nghiệp thêm với bọn thái giám và thị vệ, trở thành một chuyên gia thoá mạ hạng nhất. Hắn gọi Tổng quản thái giám là “Hải lão con rùa”, gọi thái hậu là “mụ điếm già”, gọi công chúa Kiến Ninh là “con đượi non”, gọi Ngô Tam Quế là “đại Hán gian”, gọi Ngô Ứng Hùng là “tiểu Hán gian”. Tiến quân ra biên giới Đông Bắc đánh nhau với nước Nga, hắn gọi quân Sa hoàng là “bọn quỷ Hồng mao”. Bắt được một số hàng binh Nga, hắn buộc những người này phải ra trận làm mạ thủ, chửi bới viên tư lệnh quân Nga là Á Nhĩ Thanh Tư Cơ, chọc giận cho quân Nga khai thành tiếp chiến. Tuy nhiên, hắn cực kỳ thất vọng khi hàng binh Nga chỉ biết chửi “người là đồ heo, đồ chó”. Hắn vỡ lẽ ra rằng về phương pháp và nội dung thóa mạ, người Trung Quốc cao cường hơn người Nga; câu văn phong phú hơn mà tiết tấu cũng nhịp nhàng hơn. Nghệ thuật chửi bới của Vi Tiểu Bảo xuất thần nhập hóa đến nỗi hai ông thầy của hắn cũng theo học mớ ngôn ngữ tào lao đó. Vua Khang Hy và Trần Cận Nam cũng theo cách chửi của Vi Tiểu Bảo, chửi tục. Chửi cho vui!

Văn chương là sự phản ánh cuộc sống xã hội nhất định trong một giai đoạn nhhất định. tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung nói về bọn hào sĩ giang hồ thời phong kiến. Mà cái mặt bằng văn hóa thời phong kiến của xãn hội Trung Hoa quá thấp, là sản phẩm của một nền kinh tế nhỏ và lạc hậu. Chính trong một xã hội như vậy, việc đưa ngôn ngữ thóa mạ vào miệng những nhân vật của mình là một cái gì hết sức tự nhiên. Vấn đề còn lại là ngôn ngữ thóa mạ ấy hiện ra trong ngữ cảnh nào, trong trường hợp nào. Kim Dung đã làm một chuyện hết sức tài hoa: việt được những bộ tiểu thuyết trường thiên, giàu tính nghệ thuật bằng sự pha trộn ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân, trong đó có ngôn ngữ thoá mạ.

Ông sáng tác tiểu thuyết tại Hongkong, nhưng văn chương Quan thoại trong tác phẩm của ông cực kỳ trong sáng và nghệ thuật: rất gần gũi với Quan thoại Trung Quốc. Tháng 1/1995, ông về Bắc Kinh diễn thuyết và nhận hàm giáo sư danh dự Đại học Bắc Kinh; các học giả Trung Hoa đã ca ngợi cách thể hiện của Kim Dung, coi ông là nhà văn lớn của nền văn chương Quan thoại hiện đại. Kim Dung đã biết dung nạp cái nhã và cái tục, sử dụng cái tục để tạo ra cái nhã. Thủ pháp diễn đạt của ông là thủ pháp của nhà văn thượng thừa. Có lẽ vì thế mà hôm nay, 12 bộ tiểu thuyết của ông đã được các nhà xuất bản Trung Quốc in lại và được bày bán, trân trọng đón nhận trên toàn cõi Trung Hoa. Kim Dung có thêm cả tỷ độc giả chính thức.

Số phận những bộ sách

Trước khi là một nhà văn viết tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là nhà văn hóa. Và là một nhà văn hóa cho nên ông rất chú trọng đến các vấn đề văn hóa, đặc biệt là các vấn đề về thế giới sách. Ông đã dành cho sách một vị trí khá quan trọng, không phải chỉ trong những bài viết trên tờ Minh báo mà còn ngay trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn đầy tính đấu tranh của giới võ lâm. Ta có thể tìm trong thế giới võ hiệp của ông một thế giới vế sách và số phận của những bộ sáfch đó cũng đầy sóng gió như số phận những nhân

vật chính trong tác phẩm của ông.

Một cách khái quát, Kim Dung có cách gọi tên sách rất phong phú. Sách được gọi là Thư; như bộ Võ Mục di thư của Nhạc Phi (tức Nhạc Võ Mục) giấu trong bảo đao Đồ Long (Ỷ thiên Đồ long ký), bộ Minh thư tập lược của Cố Viêm Võ và Tra Y Hoàng (Lộc Đỉnh ký). Sách được gọi là Phổ; như Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu (Tiếu ngạo giang hồ), Cầm phổ và Tiêu phổ của khúc hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ. Sách được gọi là Kinh; như Thần chiếu kinh của Đinh Điển (Liên thành quyết), Lục mạch thần kiếm kinh của chùa Thiên Long và Dịch cân kinh của chùa Thiếu Lâm (Thiên Long bát bộ), Tứ thập nhị chương kinh của Bát kỳ triều Thanh (Lộc Đỉnh ký), Dược vương kinh (Phi hồ ngoại truyện). Sách được gọi là Điển, như Quỳ hoa bảo điển (Tiếu ngạo giang hồ). Sách được gọi là Lục, như bộ Tử hà bí lục của phái Hoa Sơn (Tiếu ngạo giang hồ). Sách được gọi là Tâm pháp, như bộ Càn không đại nã di tâm pháp (Ỷ thiên Đồ Long ký). Sách được gọi là Ký, như Minh giáo lưu truyền Trung thổ ký của Dương Tiêu viết về quá trình hình thành Bái hỏa giáo (Minh giáo) ở đất Trung Hoa (Ỷ thiên Đồ Long ký).

Những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến được ghi chép với nhiều dạng văn tự khác nhau trên những phương tiện khác nhau. Vũ Mục di thư, Cửu âm chân kinh chép bằng chữ Hán (khải thư) trên những tờ giấy (hay lụa ???) mỏng vàng khè.

Lục mạch thần kiếm kinh chép bằng chữ Hán, có đồ hình hướng dẫn chép trên lụa quý. Tịch tà kiếm phổ lại chép trên áo cà sa. Dịch cân kinh chép bằng tiếng Phạn (Sanskrit) trên giấy. Hấp tinh đại pháp của Nhậm Ngã Hành mà Lệnh Hồ Xung học được được khắc trên tảng sắt nằm trong nhà ngục ở Thái Hồ. Võ công phái Tiêu Dao (Thiên Long bát bộ) hay công phu Hiệp khách hành (Hiệp khách hành) được khắc trên đá). Càn không đãi nã di tâm pháp được chép trên tấm da dê. Võ công Minh giáo Ba Tư được khắc bằng tiếng Ba Tư (Presian) trên 6 tấm Thánh hỏa lệnh dài ngắn khác nhau, xương không ra xương, ngà không ra ngà. Nói cách khác, những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến khá phong phú về văn tự, đa dạng về vật liệu làm sách.

Ngay cả cách chép sách cũng lạ: phải vận chỉ công để khắc chữ trên sắt (Hấp tinh đại pháp trong Tiếu ngạo giang hồ); phải đem Thánh hỏa lệnh nhúng vào một lớp sáp rồi viết chữ lên lớp sáp và dùng cường toan (acide) đồ theo những chữ đã viết mới ra tự dạng trên Thánh hỏa lệnh.

Sách đã lạ, cách đọc sách càng lạ hơn. Lệnh Hồ Xung sẽ không đọc được Hấp tinh đại pháp nếu không cởi trần truồng nằm trên tấm sắt cho những chữ khắc đó hằn lên da thịt. Trương Vô Kỵ sẽ không hiểu được võ công Ba Tư nếu như Bảo Thụ vương của Ba Tư không bị đánh Thánh hỏa lệnh trúng vào má cho chữ bị hằn lên để Tiểu Siêu đọc và dịch ra tiếng Hán. Vô Kỵ cũng không biết tấm da dê là Càn khôn đại nã di tâm pháp nếu Tiểu Siêu không trích máu ngón tay nhỏ vào cho chữ hiện ra. Du Thản Chi chỉ có thể lãnh hội được Dịch cân kinh khi cúi đầu xuống đất, chổng chân lên trời. Tựu trung, những bộ sách

trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo nhiều điều bí ẩn khó tả, có người cầm nó trong tay nhưng chẳng biết được giá trị liên thành - chiều sâu chứa đựng trong bộ sách.

Số phận của những bộ sách được Kim Dung hư cấu trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã thực sự cuốn hút người đọc, đưa người đọc đi vào một thế giới tiểu thuyết vừa siêu thực nhưng cũng rất hiện thực.

Có những bộ sách trở thành tực đề luôn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của khúc hợp tấu cầm – tiêu Tiếu ngạo giang hồ, khúc hợp soạn của hai con người thanh nhã: Lưu Chính Phong, cao thủ Hành Sơn (bạch đạo) và Khúc Dương, trưởng lão Triêu Dương thần giáo (hắc đạo). Xưa nay, người ta vẫn sống theo công thức "hắc bạch không thể hòa, chính tà không thể gặp”. Cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều muốn chứng minh rằng khúc Tiếu ngạo giang hồ của họ có thể hóa giải những biên giới của sự chia rẽ và hận thù. Kết quả là cả Phong lẫn Khúc đều bị hại bởi những con người tự xưng là danh môn chính phái. Bộ sách đó được truyền lại cho Lệnh Hồ Xung phái Hoa Sơn; mang nó trong người, chàng gặp phải không biết bao nhiêu điều đau khổ. Nhưng cũng chính Tiếu ngạo giang hồ đã đưa chàng lãng tử vô hạnh này gặp được một ngọc nữ: Nhậm Doanh Doanh, ái nữ của Giáo chủ Triêu Dương thần giáo Nhậm Ngã Hành. Họ yêu thương nhau, đến với nhau, hoá giải được biên giới chính tà, hợp tấu cầm tiêu Tiếu ngạo giang hồ đi đến chỗ tâm linh tương thức - điều mà hai vị tiền bối Lưu – Khúc không thể làm được.

Một bộ sách khác được nhắc đến trong Tiếu ngạo giang hồ là Tịch tà kiếm phổ (sách về những đường kiếm chuyên trừ bọn tà đạo), lưu truyền một lộ kiếm pháp vô địch, tương truyền của dòng họ Lâm. Tổ họ Lâm, Lâm Viễn Đồ, xuất thân là tiêu sư, có được kiếm phổ phải “dẫn đao tự cung” (tự thiến) luyện thành. Kiếm pháp Tịch tà quá đỗi độc ác, ông ta chép lại vào áo cà sa, đi tu và dặn con cháu không được dở ra coi. Con ông là Lâm Chấn Nam võ công tầm thường, bị phái Thanh Thành của Dư Thương Hải tấn công nhằm đoạt Tịch tà kiếm phổ mà không đánh trả được. Cuối cùng, kiếm phổ bị chưởng môn phái Hoa Sơn Nhạc Bất Quần đoạt được. Một mặt, Nhạc liền “dẫn đao tự cung” để luyện, mặt khác lão vu cáo cho học trò là Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ. Khi Nhạc luyện xong, vứt áo cà sa đi thì Lâm Bình Chi, con trai Lâm Chấn Nam, lấy được và cũng ngay lập tức… “phăng teo” để luyện. Nhạc nghi ngờ, gả con gái là Nhạc Linh San cho cho Lâm và thường xuyên theo dõi xem con gái mình có được “hạnh phúc” hay không. Lâm Bình Chi đã “tự cung” thì làm sao có thể chăn gối được. Nhưng Nhạc Linh San đã cứu mạng Lâm Bình Chi: cô trả lời rằng Lâm đối với cô rất tốt. Nhạc Bất Quần tin lời đó mới tha mạng cho Lâm Bình Chi. Nhưng cuối cùng, Lệnh Hồ Xung với Độc Cô cửu kiếm vẫn đánh bại Tịch tà kiếm pháp “vô địch”. Bộ Tịch tà kiếm phổ đó đã khiến ba con người thân bại danh liệt: Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi và Tả Lãnh Thiền, chưởng môn phái Tung Sơn. Đúng ra, phải gọi nó là Tà môn kiếm phổ.

Những pho sách mà Kim Dung đề cập đến trong tác phẩm của ông có khi là sản phẩm

tưởng tượng, cũng có khi là sản phẩm thực tế được lồng vào cốt truyện. Vũ Mục di thư (trong Ỷ thiên Đồ Long ký), Dịch cân kinh (trong Thiên Long bát bộ), Tứ thập nhị chương kinh và Minh thứ tập lược (trong Lộc Đỉnh ký)… là những tác phẩm có thực trong lịch sử văn hóa Trung Hoa. Dù là sản phẩm hư cấu hay sản phẩm thực tế, Kim Dung đã khoác cho những bộ sách của mình một hành tung kỳ bí, một số phận oái oăm, khiến người đọc càng cảm thấy thú vị.

Thí dụ như trường hợp bộ Tứ thập nhị chương kinh, một bộ kinh Phật thông thường mà mọi người Trung Hoa đều có thể biết, trong Lộc Đỉnh ký. Bát kỳ Mãn Châu tấn công Trung Nguyên, tiêu diệt nhà Minh. Hoàng đế Thanh triều Thuận Trị đã giao cho các thủ lĩnh Bát kỳ tám quyển Tứ thập nhị chương kinh, mỗi quyển có bìa sách đúng như màu cờ của Bát kỳ: Bạch kỳ bìa trắng, Hắc kỳ bìa đen, Hồng kỳ bìa đỏ, Thanh kỳ bìa xanh… Tám quyển kinh đó có gì đặc biệt? Có! Thuận Trị đã cắt nhỏ một bản đồ khu vực Oa Tập Sơn (tiếng Mãn; tiếng Hán là Lộc Đỉnh Sơn) rồi chia các miếng vải đã cắt vào trong bìa sách, chia cho Bát kỳ. Thuận Trị dặn con cháu: “Nếu không giữ được thiên hạ (tức đất Trung Nguyên) thì ta ở đâu hãy trở về nơi đó”.

Có ít nhất năm thế lực tìm mọi cách để cướp cho được bí mật trong tám quyển Tức thập nhị chương kinh. Đó là hoàng đế Khang Hy, con Thuận Trị. Đó là Cửu Nạn sư thái, nguyên là công chúa Hồng Anh, con vua Sùng Trinh triều Minh. Đó là bọn Thần long giáo, một giáo phái bí mật thông đồng với người La Sát (tức Nga Ta Lư). Đó là Thiên Địa hội, một tổ chức phản Thanh phục Minh do Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam) là Tổng đàn chủ. Và đó là Ngô Tam Quế, phản thần triều Minh, được nhà Thanh phong tước Bình Tây vương, trấn vùng Vân Nam. Mỗi thế lực đều tin rằng tấm bản đồ giấu trong tám bìa sách có bí mật riêng. Khang Hy muốn có để đốt đi, bảo vệ long mạch của tổ tiên tại Hắc Long Giang, Lộc Đỉnh Sơn miền Đông bắc Trung Quốc. Bọn Cửu Nạn sư thái và Thiên Địa hội thì muốn phá long mạch của nhà Thanh để đuổi người Mãn ra khỏi Trung Nguyên, trả thù cho vua Sùng Trinh và khôi phục nhà Minh. Thần long giáo thì lại tin rằng bản đồ vẽ sơ đồ kho báu… Cuối cùng cả tám quyển Tứ thập nhị chương kinh lọt hết vào tay Vi Tiểu Bảo. Hắn lấy hết các mảnh vải nhỏ sai nữ tì Song Nhi kết lại thành một bản đồ hoàn chỉnh. Hắn giữ lại bản đồ cho mình còn các pho Tứ thập nhị chương kinh thì được may bìa lại để biếu cho Khang Hy, Trần Cận Nam (thầy của Vi Tiểu Bảo) và Cửu Nạn sư thái (cũng là thầy của Vi Tiểu Bảo!).

Một số nhân vật của Kim Dung là văn gia nên đi đâu họ cũng mang sách theo. Sách trở thành vũ khí trong chiến đấu chống kẻ thù, tranh biện với kẻ khác. Nhân vật Chu Đan Thần, một trong Tứ Đại Vệ Hộ nước Đại Lý, có nhiệm vụ bảo vệ Trấn Nam vương Đoàn Chính Thuần, đi đâu cũng cầm theo các tập thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Trước khi chiến đấu, Chu hay ngâm thơ! Trong Thiên Long bát bộ, Chu thường cùng bàn luận thi ca với Đoàn Dự, con Đoàn Chính Thuần. Nhân vật Thư ngai Cẩu Độc (Đồ gàn đọc sách lung tung) trong nhóm Hàm Cốc bát hữu ra trận thường… lục túi, đem sách ra… đấu võ

miệng. Trong trận đụng độ với nhà sư Huyền Thống chùa Thiếu Lâm, Cẩu Độc đã đem đủ các sách Luận ngữ, Mạnh Tử ra chất vấn Huyền Thống. Huyền Thống vẫn mặc kệ, đánh tràn. Sực nhớ nhà sư không đọc sách đạo Nho, Cẩu Độc đổi sang trích dẫn kinh điền đạo Phật: "Bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ", khiến Huyền Thống chợt ngừng trận đấu. Nhà sư chợt ngộ Thiền cơ trong câu nói đó và viên tịch ngay tại chỗ với nụ cười thư thái giải thoát trên môi.

Sách của Kim Dung đã đề cập đến trong truyện võ hiệp đương nhiên là sách quý, giá trị khôn gbiết bao nhiêu mà lường. Trong Ỷ thiên Đồ Long ký, nhà sư Giác Viễn trước khi chết, đọc một vài đoạn thuộc long trong bộ Cửu dương chân kinh. Quách Tương học lóm vài đoạn mà đã có thể dựng nên phái Nga Mi; Trương Quân Bảo cũng chỉ thuộc vài đoạn mà dựng nên phái Võ Đang. Bọn Doãn Khắc Tây, Tiêu Tương Tử ăn cắp từ chùa Thiếu Lâm bộ sách này, rạch bụng con vượn mà nhét vào. Trước khi chết, chúng di ngôn lại cho Hà Túc Đạo núi Côn Lôn là "kinh để trong hầu". Hà Túc Đạo nghe gà hóa cuốc, nói lại với phái Thiếu Lâm là "kinh để trong dầu"! Chỉ sau này, khi Trương Vô Kỵ giải phẫu cho con vượn già mới tìm lại được bộ sách trân quý của chùa Thiếu Lâm.

Sách quý nên việc bảo quản cũng rất công phu. Những nơi chứa sách được gọi là tàng kinh lâu, tàng kinh các, có quy định rất nghiêm ngặt, cấm người lạ lai vãng. Càng cấm nên sách càng gợi trí tò mò. Từ đó xuất hiện những kẻ ăn cắp sách. Trong Thiên Long bát bộ, nhà sư Ba La Tinh từ Thiên Trúc đến chùa Thiếu Lâm ăn cắp sách, bị phát hiện và bị giam lỏng tại chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn, dòng quốc thích Khất Đan, đột nhập vào Tàng kinh các Thiếu Lâm đọc lén võ kinh và học võ công Trung Quốc để trả thù cho vợ. Mộ Dung Bác, tộc Tiên Ty, hậu duệ hoàng tộc Đại Yên thời Thập lục quốc cũng từng đột nhập Thiếu Lâm học lén 72 tuyệt kỹ Thiếu Lâm, trá tử, ẩn nhẫn nuôi mộng trung hưng nước Đại Yên.

Những nhân vật của Kim Dung thường có trí nhớ rất tuyệt vời. Vương Ngữ Yên thuộc làu các sách võ trong thiên hạ, trở thành nhân vật ai cũng hâm mộ. Đoàn Dự chỉ xem qua Lục mạch thần kiếm kinh một lần tài chùa Thiên Long mà tâm đã lãnh hội trọn vẹn. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, chỉ có một nhân vật ghét sách thậm tệ, thấy sách và chữ nghĩa là mắt hoa đầu váng. Đó là Vi Tiểu Bảo, Lộng Đỉnh công triều Khang Hy. Vốn hắn dốt đặc cán mai, chỉ thích chơi gái, đánh bạc, uống rượu, nói tục. Ấy thế mà trời lại trao cho hắn tám quyển Tứ thập nhị chương kinh!

Sách chiếm một vai trò rất lớn trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp. Kim Dung đưa các bộ sách vào, tạo cho tác phẩm của mình những tình tiết hấp dẫn, nhữhng mâu thuẫn lạ lùng. Ở chừng mực nào đó, sách làm nên chất văn hóa cho tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn nặng về âm mưu, thủ đoạn, sự tranh đấu, sự giết chóc. Chỉ ngay trong khía cạnh đưa sách vào tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là một bậc thầy trong văn chương tiểu thuyết hiện đại.

“Thời trang”

Thời trang là khái niệm xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc ngày xưa không thể có khái niệm thời trang, đơn giản là vì thời ấy chưa hề có người mẫu với những kiểu quần áo mẫu được đưa lên sân khấu biểu diễn cho đông đảo quần chúng mô phỏng theo đó mà may mặc. Tuy nhiên, “ăn theo thuở, ở theo thời”, từ ngàn xưa, nhân loại đã biết cách ăn mặc để thích nghi với môi trường sống; việc ăn mặc trở thành một nhu cầu phổ quát ở mọi nơi và vào mọi thời đối với mọi dân tộc. Tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung cũng không thoát ra khỏi quy luật phổ quát đó. Căn cứ vào cách ông miêu ta cách ăn mặc của những nhân vật trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp, ta có thể nhận định về khái niệm “thời trang” như là một thực tế có thật trong các tác phẩm đó.

Có những hình thái thời trang tập thể được nhà văn Kim Dung miêu tả sát với thực tế vì nó bắt nguồn từ những quy luật của các bang hội, tôn giáo của võ lâm Trung Quốc. Đó là những hình thái thời trang mang tính bó buộc và tuyệt đối.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung miêu tả giáo chúng Minh giáo (Manichéisme) luôn luôn mặc bộ áo choàng dài màu trắng, ngực áo trái và tà áo bên phải có thêu một ngọn lửa đỏ. Ngọn lửa đó chính là Thhánh hỏa, biểu tượng có từ Bái hỏa giáo Ba Tư. Khi đem đạo truyền sang Trung Quốc, Hốt Đa Đán đã đổi tên Bái hỏa giáo thành Minh giáo, gọi tên các chùa là Đại Vân Quang Minh tự. Trong Hán tự, chữ Minh, gồm chữ Nhật kết hợp với chữ Nguyệt. Minh có nghĩa là sáng như mặt trời, mặt trăng và sáng là yếu tính của ngọn lửa.

Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung thì đã có 10 bộ ông nhắc đến các vị sư chùa Thiếu Lâm, thuộc ngọn Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. “Thời trang” của các nhà sư rất dễ nhận ra: ngày lễ các vị đại sư tiền bối mặc tăng y đại hồng, ngày thường mặc cà sa màu vàng; những lớp đệ tử nhỏ hơn mặc tăng y màu xám hoặc nâu. Trong Tiếu ngạo giang hồ có những đoạn Kim Dung đề cập đến phái Thanh Thành ở vùng Tứ Xuyên xuống Phúc Châu hoạt động. Họ mặc một màu áo xanh, và đặc biệt nhấ là luôn luôn đội khăn trắng trên đầu. Kim Dung thật tinh tế khi đưa ra chiếc khăn trắng ở đây! Đất Tứ Xuyên nguyên thuộc về đất Ba Thục của Lưu Bị thời Tam Quốc. Khổng Minh là quân sư của Lưu Bị, được nhân dân Ba Thục kính trọng như thần minh. Khi ông chết đi, cả một dải Ba Thục đều để tang. Tục lệ ấy kéo dài qua 17 thế kỷ và cho đến nay, người Tứ Xuyên ra đường vẫn còn quấn khăn trắng!

Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung có nhắc tới quần nữ cung Linh Thứu, núi Phiêu Miễu. Đây là vùng giáp giới sa mạc Qua Bích (Gobi). Họ mặc áo trường bào màu xanh lục, cưỡi lạc đà. Lối trang phục đó giúp họ dễ nhận ra nhau trên sa mạc chỉ có một màu cát vàng mênh mông. Trong Lộc Đỉnh ký, Thần long giáo chia làm Ngũ kỳ (5 sắc cờ); mỗi kỳ có một màu áo riêng: Thanh long mặc áo xanh, Hắc long áo đen, Xích long áo đỏ, Bạch long áo trắng và Hoàng long áo vàng.

Nếu thời trang tập thể mang tính bó buộc, quy luật thì thời trang cá nhân lại hết sức linh hoạt, tự do, đặc biệt là ở những nhân vật nữ. Nhân vật nữ trung hào kiệt của Kim Dung luôn luôn có nhu cầu làm đẹp và thậm chí, nhu cầu đó rất cao.
Có những nhân vật nữ chỉ thích một màu áo quần và màu sắc ấy làm nên tính cách độc đáo của từng người, khiến ta không thể lầm người này với người khác. Trong Thần điêu hiệp lữ, Tiểu Long Nữ chỉ mặc toàn một màu trắng. Võ công cô học từ phái Cổ Mộ là Ngọc nữ kiếm pháp, thuần về âm nhu. Cô lâm trận, đối địch với những kẻ thù hung bạo mà người ta cứ ngỡ cô đang múa bởi màu áo trắng và những tư thức võ công nhuần nhuyễn, dịu dàng, mỹ lệ. Ngược lại, Mộc Uyển Thanh (trong Thiên Long bát bộ) lại chỉ mặc tuyền một màu đen và bịt mặt cũng bằng khăn màu đen. Người cô tiết ra một mùi hương tự nhiên man mác như hương hoa mai côi (hoa hồng) nên giang hồ thường gọi cô là Hương dược xoa. Tuy gọi “dược xoa” (xấu như quỷ sứ) nhưng thực sự, Mộc Uyển Thanh là một người đẹp trong những người đẹp nhất trong Thiên Long bát bộ.

Khá nhiều trường hợp, màu áo quần của các nhân vật nữ làm thành tên gọi của nhân vật ấy. Trong Thiên Long bát bộ, Đoàn A Châu chỉ mặc một màu đỏ, Đoàn A Tử chỉ mặc một màu tía, A Bích thì màu xanh biếc, màu xanh của vùng sông nước Giang Nam. Trong Phi hồ ngoại truyện, tiểu anh hùng Hồ Phỉ có một cô bạn 16 tuổi cực kỳ thông minh. Cô mặc áo màu tía, tự xưng họ Viên và Hồ Phỉ cứ gọi cô là Viên Tử Y (cô Viên áo tía). A Châu, A Tử, A Bích, Viên Tử Y từ màu sắc trang phục đã trở thành tên nhân vật.

Thời trang còn làm nên chức vụ, vai vế của nhân vật. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, có nhân vật Đại Ỷ Ty, một cô gái lai Ba Tư xinh đẹp, gia nhập Minh giáo Trung Quốc, lập được công lớn, đứng đầu tứ đại hộ pháp giáo vương của Minh giáo. Cô mặc áo tía nên được tôn xưng là Tử sam long vương (vua rồng áo tía), đứng trên Bạch mi ưng vương (vua ó mày bạc), Kim mao sư vương (vua sư tử lông vàng) và Thanh dực phức vương (vua dơi cánh xanh). Chiếc áo tím của nàng Đại Ỷ Ty đã làm nên chức vụ (thứ tự Tử, Bạch, Kim, Thanh).

Các nhân vật nữ của Kim Dung rất chú trọng việc chăm chút vẻ đẹp. Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, cô gái Mông Cổ, Hán danh là Triệu Mẫn, luôn luôn xuất hiện trước người tình Trương Vô Kỵ với áo khoác ngoài cổ da điêu, phía trong là trường bào bằng gấm. Triệu Mẫn là một kiểu mẫu phụ nữ lý tưởng với nhan sắc đẹp như hoa nở, trí thông minh mẫn tuệ cực kỳ và ứng xử mọi tình huống một cách nhanh nhạy. Đọc Ỷ thiên Đồ long ký, không một độc giả nào có thể chê trách được Triệu Mẫn.

rong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung xây dựng một nhân vật nữ cự kỳ “hiện đại” so với cả ngàn nhân vật nữ khác. Đó là Lam Phượng Hoàng, người dân tộc Miêu Cương vùng Vân Nam, giáo chủ Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng Lệnh Hồ Xung là chàng trai phong lưu, cô đã vượt mấy ngàn dặm từ Vân Nam về Hoàng Hà để tương kiến. Lam Phương Hoàng mặc chiếc áo lam in hoa trắng sặc sỡ, mùi hương sực nức, dám ôm cổ Lệnh Hồ

Xung hôn lên má trước mặt mọi người, dám vén váy mình lên đặt con đỉa vào hút máu để truyền máu cho Lệnh Hồ Xung. Hành động tự nhiên đó đã làm cho kiếm khách Giang Phi Hồng buồn tình mà tự vận.

Những người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không hhề muốn lên sân khấu, chưa hề biết đến biểu diễn thời trang. Cá biệt, có một người muốn biểu diễn thời trang mà người đi dự không thèm để mắt đến, giận đời nên đã gây thành một vụ huyết án động trời. Đó là nàng Ôn Khang (Thiên Long bát bộ), vợ của Mã Đại Nguyên. Mã Đại Nguyên là một anh hùng hảo hán, phó bang chủ Cái bang của Kiều Phong. Trong dịp Bách hoa đại hội, Ôn Khang mặc bộ đồ lụa đẹp nhất, đứng bên cạnh chậu thược dược. Già trẻ đi ngang đó đều nhìn nàng, tim đạp rộn ràng vì không ngờ có một phụ nữ đẹp như thế. Duy chỉ có một người không nhìn đến nàng. Đó là Kiều Phong. Giận vì nhan sắc của mình không được hâm mộ, Ôn Khang xúi chồng tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan. Mã Đại Nguyên không nghe lời, Ôn Khang âm mưu cùng Bạch Thế Kinh giết chồng bằng một thế Toả hầu cầm nã thủ rồi vu cáo cho Kiều Phong đã giết chồng mình để bịt miệng. Quả nhiên, Kiều Phong mất ngôi Bang chủ Cái bang Trung Quốc. Sự trả thù của diêu người mẫu Ôn Khang quả thật siêu việt!

May mắn thay, đó chỉ là một trường hợp cá biệt. Nhan sắc của người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không bị đem ra bán đứng, tên tuổi của họ không bị đem ra kinh doanh, nhân phẩm của họ được tác giả bảo về cẩn mật. Trí thông minh, lòng tự trọng và nhan sắc trời ban cho đã giúp họ gặp được những chàng trai như ý, những mối tình tươi đẹp, trong sáng và chung thuỷ. Viện Tử Y với Hồ Phỉ, Hân Tố Tố với Trương Thúy Sơn, Trương Vô Kỵ với Triệu Mẫn, Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh, Tiểu Long Nữ với Dương Qua, Vương Ngữ Yên với Đoàn Dự… là những lức đôi thật đẹp. Ở một nghĩa hết sức biểu tượng, Những lứa đôi đó góp phần làm nên khái niệm anh hùng và giai nhân, giấc mơ lý tưởng của văn học nghệ thuật ngày xưa và hôm nay.

Những nhân vật quái dị

Khái niệm nhân vật quái dị không phải là khái niệm do chúng tôi tạo ra mà là một khái niệm nằm trong văn chương tiểu thuyết của Kim Dung tiên sinh. Văn chương của ông thường có các cụm từ "trông lão thật là quái dị" hoặc "khuôn mặt của gã thật là quái dị". Tuy viết như thế nhưng khái niệm quái dị không ngừng lại ở chỗ mô tả ngoại hình, động tác. Khái niệm quái dị đi vào chiều sâu nhân cách của các nhân vật, chủ yếu đưa ra những cách sống, cách tư duy khác đời và lắm khi, đi ngược lại cái lẽ thường của cuộc sống.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, ta bắt gặp nhân vật quái dị tiêu biểu là Tiêu tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Thân danh là chưởng môn của phái Hành Sơn, Mạc Đại luôn luôn ăn mặc rách rới như một gã Cái bang, chơi một cây dao cầm (hồ cầm) cũ kỹ và miệng luôn

hát bài Tiêu Tương dạ vũ (mưa đêm trên bến Tiêu Tương). Thế nhưng, trong đáy cây dao cầm của tiên sinh có dấu một cây kiếm lưỡi mỏng như lá lúa, rất lợi hại. Mạc Đại được xưng tụng là "cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm" (trong đàn có dấu một cây kiếm, và khi múa kiếm thì lại phát ra tiếng đàn). Khi tiên sinh rút kiếm ra khỏi cây đàn, vận công vào thân cây kiếm khiến kiếm khí phóng ra veo véo nơi đầu mũi. Với "Hành Sơn vân tụ thập tam thức", chưa có một đối thủ nào thoát khỏi tay Mạc Đại tiên sinh.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Mạc Đại chỉ xuất hiện ra ba đoạn, cộng lại không quá mười trang sách nhưng đã gây được ấn tượng mạnh mẽ và chiếm được cảm tình nồng thắm nơi người đọc. Đoạn thứ nhất, tiên sinh bất ngờ xuất hiện trong tửu quán dưới chân núi Hành Sơn, bất ngờ rút kiếm chém đứt tiện 7 chiếc trà trên bàn mà những giang hồ hảo thủ ngồi quanh không thể hiểu được tiên sinh đã rút kiếm ra và thu kiếm về lúc nào. Đoạn thứ hai, Mạc Đại hiện ra đúng lúc, múa kiếm giết chết Đại tung dương thủ Phí Bân của phái Thái Sơn để cứu sư đệ của mình là Lưu Chính Phong cùng Khúc Dương (trưởng lão Ma giáo), Khúc Phi Yên (con gái của Khúc Dương), Lệnh Hồ Xung (đệ tử Hoa Sơn) và Nghi Lâm (đệ tử Hằng Sơn). Giết xong Phí Bân, tiên sinh đút kiếm vào đàn, ung dung ra đi, giọng đàn dao cầm lại ngân lên khúc tình tang Tiêu Tương dạ vũ. Đoạn thứ ba, Mạc Đại hiện ra giữa đêm khuya bên bến sông Trường Giang, trách cứ Lệnh Hồ Xung là gã vong tình, không lo đi lên chùa Thiếu Lâm cứu người yêu mình là Nhậm Doanh Doanh mà cứ bo bo đi theo bầy nữ đệ tử của phái Hằng Sơn. Lời trách cứ của tiên sinh làm Lệnh Hồ Xung toát mồ hôi. Mạc Đại khoát tay hối Lệnh Hồ Xung ra đi và chính tiên sinh nhận nhiệm vụ bảo toàn cho bọn nữ ni Hằng Sơn về núi.

Con người quái dị ấy thoạt ẩn thoạt hiện, mang phong cách của một đạo gia Lão Trang, ung dung tiêu sái giữa cuộc đời. Duy có tiếng đàn và điệu ca Tiêu Tương dạ vũ của tiên sinh luôn luôn trĩu nặng nỗi u buồn, chưa thoát khỏi vòng hệ luỵ của cuộc sống, như dòng nước có đi mà không bao giờ có lại. Mạc Đại là hình ảnh tiêu biểu của một thứ trích tiên bị đoạ.

Tuy nhiên, trong Tiếu ngạo giang hồ, không phải chỉ có duy nhất nhân vật Mạc Đại là quái dị. Người ta còn tìm thấy một gã Tổ Thiên Thu, con người đầy mình mưu kế, văn võ song toàn nhưng lại ăn mặc như một anh đồ nghèo kiết xác, đã ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của một người bạn thân là Lão Đầu Tử nhằm pha rượu cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Người ta còn tìm thấy một gã Lão Đầu Tử lùn tịt như trái dưa, võ công cao cường, khi cười khi khóc, hợp cùng Tổ Thiên Thu thành ra cặp nhân vật Hoàng Hà Lão Tổ. Chính Lão Đầu Tử rất căm hận Lệnh Hồ Xung đã "nuốt" mất 8 viên thuốc bửu bối nhằm cứu mạng con gái mình nhưng khi biết được Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, lão đã tự vả má mình cho vọt máu vỡ da.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, một nhân vật quái dị khác cũng gây ấn tượng không kém là Bình Nhứt Chỉ đại phu, nổi danh Sát nhân danh y, chuyên chẩn bệnh bằng một ngón tay

(nhứt chỉ) và hễ cứu một người là giết một người. Không cứu được Lệnh Hồ xụng, lão đã tự vận kinh mạch cho đứt tuyệt để bảo vệ ngoại hiệu Sát nhân danh y.

Nghe đến bốn chữ Đông Phương Bất Bại (không bao giờ thua), người đọc cứ ngỡ đây là một vị anh hùng hảo hán. Không, gã giáo chủ này chỉ là một người lại cái, đã tự thiến bộ phận sinh dục của mình để luyện Quỳ hoa bảo điển, đã quan hệ đồng tính luyến ái với một thủ hạ lân cận là Dương Liên Đình. Tuy nhiên, võ công của Đông Phương Bất Bại cực kỳ cao cường. Gã đã chống trả lại 4 kẻ đại địch là Nhậm Ngã Hành, Nhậm Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung và Hướng Vấn Thiên chỉ với một mũi kim thêu! Nhậm Doanh Doanh đã dùng đến một đòn phép tệ hại nhất: hành hạ "người tình" Dương Liên Đình để phân tâm Đông Phương Bất Bại, giúp cha mình giết chết Đông Phương Bất Bại.

Nhưng nhân vật quái dị được người đọc yêu mến nhất trong Tiếu ngạo giang hồ vẫn là Phong Thanh Dương, sư thúc của Nhạc Bất Quần, phái Hoa Sơn. Phong Thanh Dương là đại biếu của phe Kiếm tông (lấy kiếm làm chủ) trong khi Nhạc Bất Quần là đại biểu của phe Khí tông (lấy nội công làm chủ). Chính Phong Thanh Dương đã mắng Nhạc Bất Quần là kẻ xuẩn tài (có tài mà ngu), biến những kẻ tài năng như đệ tử Lệnh Hồ Xung thành ra ngựa gỗ, trâu đá. Phong Thanh Dương truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung 9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại với một câu quyết duy nhất "sử kiếm liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi, nghĩ đến đâu là kiếm tới đó để chiếm tiên cơ, đẩy kẻ địch vào thế phải thủ". Toàn bộ lý thuyết của Phong Thanh Dương là "lấy vô chiêu thắng hữu chiêu và lấy công làm thủ ". Lệnh Hồ Xung đã học được bài học quý giá đó từ thái sư thúc tổ, trở thành kẻ đối nghịch với sư phụ Nhạc Bất Quần, hạ Nhạc Bất Quần và môn Tịch tà kiếm phổ của họ Nhạc, trở thành kiếm sĩ đệ nhất giang hồ. Phong Thanh Dương mình gầy như con hạc, sắc mặt điêu linh tiều tuỵ, chỉ xuất hiện một lần mà danh tiếng của Phong đã làm quần hùng chấn động.

Nhân vật quái dị đến đâu cũng là con người nên vẫn mang theo những đặc điểm, yếu tính của con người. Thế nhưng, khác hơn con người nói chung, nhân vật quái dị suy nghĩ, sống và hành động theo ý mình và thông thường sự suy nghĩ, sống và hành động đó lại vượt ra những khuôn sáo bó buộc của lương tâm, luật pháp, đạo đức. Nó gây một sự kinh ngạc và thậm chí, là sự kinh sợ cho người đọc. Một hình tượng tiêu biểu cho motif này là nàng Ôn thị, vợ của Phó bang chúa Cái bang Mã Đại Nguyên trong Thiên Long bát bộ. Tác giả Kim Dung chỉ để cho Ôn thị xuất hiện hai lần trong Thiên Long bát bộ. Lần thứ nhất với vẻ nhu mì và đau thương của một vị vong nhân (đàn bà mới goá chồng), lần thứ hai với toàn bộ phong cách dâm đãng và man rợ của một người mắc chứng cuồng dâm. Hai hình tượng đối lập trong một con người có nhan sắc tuyệt vời thật khiến cho người ta kinh sợ đến dựng cả tóc gáy.

Mọi chuyện bắt đầu từ Bách hoa đại hội, Ôn thị theo chồng là Mã Đại Nguyên, Phó bang chúa Cái bang, đi dự hội hoa xuân này. Nhan sắc tươi đẹp của người phụ nữ này đã

làm cho hàng ngàn anh hùng hảo hán kinh ngạc, thán phục. Nhưng có một người không để ý tới tấm nhan sắc đó. Người đó là Bang chúa Cái bang Kiều Phong. Thật ra, Kiều Phong không hề coi thường vẻ đẹp phụ nữ; ông chỉ nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, cần phải giữ đúng lễ. Thế nhưng điều đó đã làm Ôn thị căm thù và lập tâm sẽ hại Kiều Phong để ông thân bại danh liệt. Nàng ta dựng lên một nghi án, cáo giác rằng chồng nàng biết Kiều Phong là giòng giống man rợ Khất Đan nên Kiều Phong đã giết chồng nàng để bịt miệng. Trong rừng hạnh ngoài thành Vô Tích, Ôn thị đã xuất hiện trong tư thế một người đàn bà đang chịu tang chồng, tiết lộ thân thế Khất Đan của Kiều Phong đã làm quần hùng Cái bang kinh tâm. Họ trở mặt khinh miệt ông, coi ông là kẻ thù. Kiều Phong phải đau đớn rời bỏ chức vụ, ra đi.

Kiều Phong sẽ không bao giờ hiểu được động cơ nào đã đưa Ôn thị đến việc vu cáo mình đã giết Mã Đại Nguyên, người bạn mà ông rất yêu mến, nếu không có một đêm ông rượt theo dấu vết Đoàn Chính Thuần và tận mắt chứng kiến tấn kịch man rợ tại nhà Ôn thị. Hoá ra, Ôn thị là người tình cũ của Đoàn Chính Thuần; họ đã quan hệ thân xác với nhau và trong cơn say đắm Đoàn Chính Thuần đã thề rằng nếu ông phụ Ôn thị, thân thể sẽ bị lóc thành từng miếng thịt. Gặp lại Đoàn Chính Thuần, Ôn thị vui vẻ mở tiệc rượu cùng Đoàn Chính Thuần ăn uống đùa giỡn rồi bỏ thuốc mê vào rượu đầu độc Đoàn Chính Thuần. Ôn thị trói Đoàn Chính Thuần lại, nhắc lại lời thề xưa và há miệng cắn từng miếng thịt của tình lang! Chính trong dịp này, Ôn thị đã tiết lộ cho Đoàn Chính Thuần biết rằng mụ đã hãm hại Kiều Phong; rằng người giết Mã Đại Nguyên - chồng mụ - không ai khác hơn là Bạch Thế Kính, chấp pháp trưởng lão Cái bang và là một tình lang khác của mụ; và rằng Bạch Thế Kính đã nhại theo chiêu thức Toả hầu cầm nã thủ của Kiều Phong để bóp nát yết hầu Mã Đại Nguyên, dễ dàng thực hiện âm mưu vu cáo! Ôn thị là một nhân vật nữ vô cùng quái dị trong suốt 12 bộ kiếm hiệp tiểu thuyết Kim Dung. Trong văn học thế giới, chưa thấy có một nhân vật nữ nào đáng nể như nàng Ôn thị. Phải chăng, đó chỉ là sản phẩm thuần tuý hư cấu của trí tưởng tượng, trên đời này không hề có một phụ nữ như vậy?

Nhưng Thiên Long bát bộ không chỉ có Ôn thị mà còn có Trấn Nam vương phi Đao Bạch Phụng, vợ chánh thất của Đoàn Chính Thuần, cũng quái dị không kém. Thân danh là Vương phi của nước Đại Lý, Đao Bạch Phụng đã khám phá ra chồng mình ngoại tình với nhiều phụ nữ khác. Vậy là bà ta trả thù và cách trả thù cũng khá độc đáo: cho một gã ăn xin rách rưới hôi hám ăn nằm với mình. Lần ăn nằm đó đã sinh ra một anh thế tử bảnh trai, một nhà nho trẻ lãng mạn, si tình. Đó là Đoàn Dự. Gã ăn mày dơ bẩn đó là ai? Chính là Đoàn Diên Khánh, nhân vật đại biểu của hoàng gia nước Đại Lý, tranh chấp ngai vàng không được, đã để quyền lực cầm đầu nước Đại Lý lọt vào tay Đoàn Chính Minh, anh ruột của Đoàn Chính Thuần.

Kim Dung để cho Đoàn Dự lưu lạc giang hồ, yêu một lúc ba cô gái Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngữ Yên; toàn là những người con tư sinh của Đoàn Chính Thuần.

Cho đến khi chàng trai tuyệt vọng vì khám phá ra rằng mình đang yêu những cô em cùng cha khác mẹ thì Trấn Nam Vương phi mới kề tai con mà tiết lộ rằng chàng không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của Đoàn Diên Khánh! Một bà vương phi có ngoại hiệu là Ngọc diện Quan Âm mà lãng mạn và liều mạng đến thế thì thôi!

Nhân vật quái dị tuy sống rất khác đời nhưng lại sống rất người. Đối với họ, cái vỏ luân lý, đạo đức của đạo Nho không cứng lắm, có thể phá vỡ để thoát ra được để sống đúng như lòng mình muốn sống. Trong Xạ điêu anh hùng truyện, bất kỳ người anh hùng hào kiệt nào cũng lên án mối tình Tiểu Long Nữ - Dương Qua vì nàng Tiểu Long Nữ là sư phụ mà chàng Dương Qua là đồ đệ. Nho học và cả võ học Trung Quốc chưa hề cho phép một đứa học trò trai được yêu và lấy cô giáo của mình. Kim Dung lãng mạn và cách mạng hơn: ông cho phép họ thương yêu nhau và vượt xa hơn một chút, ông cứ để cho Tiểu Long Nữ mất trinh vì một gã đệ tử hạng bét của phái Toàn Chân. Mất trinh thì mất, Dương Qua chỉ biết yêu cô giáo của mình là Tiểu Long Nữ và ngược lại, trong đôi mắt của Tiểu Long Nữ chỉ có chàng Dương Qua mà thôi. Họ dắt tay nhau đi đâu khi thành Tương Dương bị quân Mông Cổ bao vây? Chính tác giả cũng không biết điều đó. Tình yêu đã đưa họ đi thật xa, xa loài người, xa cuộc đời. Tiểu Long Nữ bỏ đi và Dương Qua tìm kiếm. Và rồi cô bé Quách Tương cũng bỏ đi tìm Dương Qua.

Có thể kể ra hàng trăm nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Họ tạo ra đặc điểm riêng cho tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tạo nên "phong cách quái dị" độc đáo đến nỗi, khi cầm lên một tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp in bằng tiếng Quan thoại cũng ký tên tác giả Kim Dung mà chẳng có "phong cách quái dị" này, ta có thể nói ngay đó là tác phẩm nguỵ tạo (nguỵ tác).

Văn là người. Tư Mã Thiên đau niềm đau của kẻ sĩ bị cung hình, ráng sống để viết nên bộ Sử ký đồ sộ, trở thành viên pháp quan toàn quyền phê phán lịch sử một cách nghiêm khắc và nghiêm túc. Khuất Bình đau niềm đau của kẻ cô trung bị phụ bạc mà viết lên Ly tao rồi tìm cái chết trên dòng sông Mịch La, để lại cho đời những câu phú ngậm ngùi khôn tả. Lỗ Tấn sinh ra và lớn lên trong giai đoạn lịch sử đau thương nhất của Trung Quốc, không thể khóc nổi nữa đành phải đi tìm nụ cười ra nước mắt trong A.Q chính truyện. Kim Dung xuất thân từ một gia đình có ông nội làm quan dưới triều vua Quang Tự, đã lớn lên và từ bỏ Hoa lục ra đảo Đài Loan, đã chứng kiến được những tác hại của tư duy giáo điều và chủ nghĩa công thức sơ lược nên ông đã làm người lội ngược dòng nước. Phương pháp luận của triết học là đưa ra một chính đề, phản biện lại thành một phản đề để đi đến một hợp đề khả dĩ chấp nhận. Qua những nhân vật quái dị, Kim Dung đã đưa ra những phản đề và phần hợp đề được ông giao lại cho người đọc, để người đọc tự nhận ra.

Rõ ràng là anh hùng - tiểu nhân, chính phái - tà phái, trinh tiết - bất trinh, Kiếm tông - Khí tông, vương đạo - bá đạo, cao quý - đê tiện, ôn nhu - dâm đãng... là những mặt đối lập khốc liệt. Nào ai đúng, nào ai sai? Người đọc hãy tự lý giải. Kim Dung chỉ dặn dò

chúng ta: *thấy như vậy nhưng không hẳn là như vậy.* Thế thôi.

Nghề kỹ nữ

Khái niệm "nghề", theo nhà kinh tế học người Anh Thomas Robert Malthus, là một cái gì có lợi cho bản thân, vừa có ích cho xã hội. Và nếu hiểu theo cái nghĩa nghiêm túc đó thì kỹ nữ không thể là một nghề. Kỹ nữ, người con gái làm nghề bán phấn buôn hương, còn có nghĩa là ả đào, con hát. Nếu người ta có thể chấp nhận ả đào, con hát là một nghề thì người ta khó có thể chấp nhận được chữ nghề trong cái người ta gọi là bán phấn buôn hương. Trong thơ của Đỗ Mục, kỹ nữ còn được gọi là "thương nữ":

Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu đình hoa
(Con hát biết chi hờn mất nước
Cách sông còn hát Hậu đình hoa
(Đỗ Mục - Bạc Tần Hoài)

Nói thì nói thế nhưng trong xã hội Trung Hoa ngày xưa, một xã hội vốn trọng nam khinh nữ, coi người phụ nữ là đồ chơi của đàn ông, có thể dễ dàng mua, bán, bắt cóc, sang nhượng hoặc đem làm quà tặng giữa những người đàn ông với nhau thì xuất hiện của nghề kỹ nữ cũng là điều rất bình thường, thậm chí được coi là hợp lý.

Nghề kỹ nữ có từ thời nào? Người ta khó mà xác định được thời điểm xuất hiện của nghề này, tuy nhiên cũng có thể khẳng định được nghề này gắn liền với chén rượu câu khách, mời khách, đàn ca làm vui và bán dâm cho khách. Theo tư liệu của ông Nguyễn Tôn Nhan đăng trên tạp chí Kiến thức ngày nay, ông tổ của nghề kỹ nữ là Bạch mi thần. Thần mày trắng có thể là Hồng Nhai tiên sinh, tên gọi Linh Luân, bầy tôi dưới thời vua Hoàng Đế, người làm ra âm luật đã được ghi trong Lã Thị xuân thu của Lã Bất Vi thời Tần. Thần mày trắng cũng có thể là Liễu Đạo Chích, thời Xuân Thu; Quản Trọng (Quản Di Ngô), thời Xuân Thu, người có công lập ra 700 nhà chứa gái để đàn ông đến mua vui, thu tiền lời để lo tiền quân quốc cho Tề Hoàn Công; cũng có thể là Lã Động Tân trong nhóm Bát tiên, nhân vật chuyên dạy hát kiêm trị bệnh hoa liễu cho phụ nữ làng chơi. Trong bất kỳ thời đại vua chúa nào ở Trung Hoa, nghề kỹ nữ cũng vẫn được hoạt động, các "viện" chứa gái vẫn mọc lên ở khắp nơi. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trở thành một bản điều tra xã hội khá ngoạn mục khi ông phản ánh cho độc giả thấy thêm được một nghề: nghề kỹ nữ.

Trong tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung có nhắc tới viện Quần Ngọc dưới núi Hành Sơn. Đây là nơi mà Lệnh Hồ Xung khuyên Điền Bá Quang nên tìm tới để giải trí, buông tha cho ni cô Nghi Lâm bé bỏng tội nghiệp. Cũng chính nơi này, Lệnh Hồ Xung đã tìm tới để dưỡng thương; Nghi Lâm được cô bé Khúc Phi Yên dẫn đến tìm anh để đưa anh đến vùng hoang sơn dã lĩnh, tránh sự truy đuổi của những kẻ thù. Cũng chính nơi này,

Dư Thương Hải của phái Thanh Thành tưởng đã có cơ hội làm nhục hai phái Hoa Sơn và Hằng Sơn nếu bắt được Lệnh Hồ Xung và Nghi Lâm ở chung một phòng, nhưng cuối cùng lão đã phải chạm mặt Điền Bá Quang và đánh nhau, bị Điền Bá Quang xuyên tạc là "đánh nhau để giành một cô gái làng chơi tên là Ngọc Bảo".

Nhưng nghề kỹ nữ được mô tả đậm nét nhất vẫn là trong bộ Lộc Đỉnh ký, Vi Tiểu Bảo xuất thân từ kỹ viện Lệ Xuân ở thành Dương Châu. Mẹ của Vi Tiểu Bảo -Vi Xuân Phương - bang giao rộng rãi với các anh em Hán, Mông, Tạng, Hồi Mãn; không khẳng định được cha của Vi Tiểu Bảo là ai. Chính Vi Tiểu Bảo cũng trải qua tâm trạng buồn bực, ghen tị khi má mình đã già (trên 30 tuổi), không có được khách sang, khách sộp của các kỹ nữ trẻ tuổi khác.

Kim Dung cũng cho biết các cấp bậc trong các kỹ viện ở Dương Châu. Má má là chủ viện, người bỏ tiền ra mua gái về, có toàn quyền sinh sát đối với các cô gái. Mụ dầu là những người đàn bà lớn tuổi, chuyên môi giới giới thiệu, làm môi giới mại dâm. Kỹ nữ là người trực tiếp bán dâm trong các kỹ viện, lại kiêm nhiệm vụ mời khách uống rượu và kêu đồ nhậu. Nội dung công việc của họ là khuyến khích bọn khách chơi xài tiền nhiều càng tốt. Quy nô là những chàng trai cô gái có nhiệm vụ phục vụ các công việc vặt trong kỹ viện: nấu nướng thức ăn, pha rượu, dọn bàn ghế, mua đồ ăn cho kỹ nữ và... đánh đập những cô gái nhà lành, dằn mặt họ nếu họ không chịu bán trinh, không chịu tiếp khách.

Chính Vi Tiểu Bảo đã từng mơ ước một ngày có số tiền lớn, tìm đến một viện nào đó ăn xài phung phí cho sướng tay ba ngày ba đêm. Về sau, làm đại thần trong triều Khang Hy rồi, Vi Tiểu Bảo mang số tiền lớn về cho mẹ để mẹ có thể mở một Lệ Thu viện, Lệ Đông viện, Lệ Hạ viện ; cạnh tranh cho cái Lệ Xuân viện mà hắn đã từng lớn lên và chịu nhục phải sụp tiệm, rồi đời. Ngay bà Vi Xuân Phương, khi nhìn thấy đàn con dâu tươi đẹp của mình, trong đó có đủ tất công chúa, phu nhân, tiểu thư quyền quý; đã khen con mình có con mắt tinh đời. Trong tư tưởng khinh doanh kỹ viện của bà già chồng này thì cứ cái đàn gái đó mà lập thành một viện thì ắt thành Dương Châu sẽ không có viện nào còn bóng đàn ông nữa.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung xây dựng một tình huống xảy ra tại Lệ Xuân viện khá buồn cười. Trịnh Khắc Sản dẫn A Kha (cô gái mà Vi Tiểu Bảo đang say đắm) hoá trang thành một vị công tử, xuống Lệ Xuân viện ở Dương Châu để đón bắt Vi Tiểu Bảo. Bà Vi Xuân Phương cứ tưởng đây là hai khách sộp, cố gắng rót rượu mời chào, ôm Trịnh Khắc Sản và A Kha hôn hít hoài. Vi Tiểu Bảo thấy cảnh đó vừa bực tức vừa sợ Trịnh Khắc Sản, tình địch của mình sẽ trở thành cha hờ của hắn đêm ấy; vừa buồn cười vì mẹ ruột của mình cứ hôn hít bồ của mình, tưởng A Kha là đàn ông phong lưu.

Thành đô nhộn nhịp có kỹ viện không lạ. Lạ nhất là những nơi tôn nghiêm như chân núi Thiếu Thất dưới chùa Thiếu Lâm, Hồ Nam cũng có kỹ viện. Chính Vi Tiểu Bảo trong lớp áo của Hối Minh thiền sư, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm, chịu không nổi cảnh chay tịnh

của nhà chùa, đã thay áo đội khăn lén khỏi chùa đến kỹ viện chơi. Lúc hắn đang say sưa cho tiền bọn kỹ nữ, gác tay gác chân lộn xộn thì A Kha và A Kỳ đến tìm hắn để tấn công. Hắn nhanh trí nói dối A Kỳ là vợ lớn, A Kha là vợ nhỏ, nghe hắn đi chơi kỹ viện nổi ghen đến quậy. Để tránh sự truy bắt của A Kỳ, A Kha, hắn dùng kế "kim thiền thoát xác", mượn áo bọn kỹ nữ mặc vào, cho tiền đậm bọn kỹ nữ nhờ chúng chửi bới A Kha, A Kỳ rồi chia hai tốp kéo ra cổng trước và cổng sau. Thấy bọn kỹ nữ kéo ra, A Kỳ và A Kha không dám chém. Vi Tiểu Bảo nhờ thế mà thoát nạn, chỉ thương bọn kỹ nữ vì ăn tiền chửi mắng hăng quá, bị A Kỳ và A Kha đánh cho sứt đầu mẻ trán, kêu khóc om sòm. Sau này A Kỳ và A Kha đem chuyện hắn đi chơi kỹ viện thưa với phương trượng chùa Thiếu Lâm là Hối Thông thiền sư. Vi Tiểu Bảo tưởng đã chết đến nơi, ai ngờ có một nhân vật là Dương Dật Chi đứng ra đỡ đòn cho hắn. Dương Dật Chi cho biết hắn là thái giám được hoàng thượng tin tưởng. Mà thái giám thì còn đi kỹ viện sao được. Cho nên mọi vị sư tăng trong chùa Thiếu Lâm đều kính ngưỡng hắn và cho rằng câu chuyện của A Kỳ và A Kha là chuyện bịa đặt, vu cáo một nhà tu hành đạo đức sáng rỡ!

Nhưng thật ra, kỹ viện không chỉ là nơi mại dâm. Nếu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, bọn hào sĩ giang hồ bị bọn quan binh truy nã; người bị thương thì lánh vào kỹ viện trị thương, thì trong thực tế, các danh sĩ thường tìm đến kỹ viện để nghe hát làm thơ, rồi dạy các kỹ nữ hát những bài thơ của mình thành nhạc phổ. Kỹ viện trở thành nơi nương náu của những tâm hồn cô độc, của những người bị vua chúa lưu đày. Trong những trường hợp đó thì kỹ nữ trở thành người bạn tri âm.

Chúng ta đã từng biết Bạch Cư Dị bị giáng làm Tư mã Cửu Giang, đã từng làm bài Tỳ bà hành ca ngợi tiếng đàn của một kỹ nữ dài 622 câu. Trong phần đề tựa, Bạch Cư Dị đã viết: "Năm Nguyên Hoà thứ mười (816), ta bị giáng làm Tư mã huyện Cửu Giang ... tiễn khách ở bến Bồn, giữa đêm nghe tiếng tỳ bà ở trên thuyền ... hỏi ra thì đó là ca nữ ở Trường An". Tác giả ngồi nghe tâm sự của người ca nữ đó. Bản thân người ca nữ đó là một nhân vật có học, có lòng tự trọng, không phải khách nào mời cũng ra:

Di thuyền tương cận yêu tương kiến
Thiên tửu hồi đăng trùng khai yến
Thiên hô vạn hoán thỉ xuất lai
Do bão tỳ bà bán già diện
(Ghé thuyền đến cạnh chào mời
Khêu đèn thêm rượu lại bày tiệc hoa
Nằn nì mời mãi mới ra
Ôm đàn che nửa mặt hoa thẫn thờ)
(Trần Trọng Kim dịch)

Lý Bạch cũng từng tìm thấy nguồn cảm hứng trong những chén rượu mà các nàng Ngô cơ chào mời ông trong bài Kim Lăng tửu tứ lưu biệt:

Phong xuy liễu hoa mãn điếm hương

Ngô cơ áp tửu khuyến khách thường
(Gió đưa hương liễu đầy nhà
Gái Ngô chuốc rượu thiết tha ép nài)

Nhưng có lẽ Đỗ Mục với 10 năm lưu lạc ở Giang Nam mới hiểu được tấm lòng của người hồng nhan tri kỷ xuất thân từ giới kỹ nữ:

Lạc phách giang hồ tái tửu hành
Sở yêu tương tế chưởng trung khinh
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Dinh đắc thanh lâu bạc hạnh danh
(Lưu lạc giang hồ đã bấy lâu
Cùng người nhỏ bé ở bên nhau
Mười năm sực tỉnh Dương Châu mộng
Mang tiếng trăng hoa nghĩ lại sầu)
(Hàn Giang Nhạn dịch)

Và đúng như truyền thống các bậc nhà văn tiền bối, Kim Dung cũng không hề xây dựng nững nhân vật thuần tuý là những cô gái làng chơi trong tiểu thuyết võ hiệp của mình. Tôi có dịp khắc hoạ nhân vật Trần Viên Viên như một thiên hạ đệ nhất mỹ nhân, một danh kỹ, tuy xuất thân từ chốn phong trần nhưng đẹp tuyệt vời và thông minh vô hạn, có một quan hệ lạ lùng đến lịch sử Trung Hoa thời Minh mạt - Thanh sơ. Nhân vật có thật này trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo cho danh sĩ Ngô Mai Thôn đời Thanh viết thành Viên Viên khúc. Và cũng ngay trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng xây dựng nên những đoạn kể chuyện các quan ở Dương Châu chiêu đãi khâm sai đại thần Vi Tiểu Bảo bằng cách mời ba kỹ nữ tài năng. Người thứ nhất là Lương Ngọc Kiều, tuổi ngoài 30, ăn mặc hoa lệ nhưng nhan sắc cũng tầm thường. Người thứ hai lối ba mươi bốn, ba mươi lăm nhưng "cử chỉ thuần nhã, giọng ca thánh thót; gặp những câu khúc chiết vi diệu tiếng hát càng thanh thoát lên bổng xuống trầm, biến hoá vô cùng". Cô hát bài Vọng Hải Triều, thơ của Tần Quan đời Tống, ca ngợi đất Dương Châu. Người thứ ba là một kỹ nữ tuổi ngoài bốn mươi, trán nhiều vết nhăn, mắt nhỏ ti hí nhưng được đánh giá là đệ nhất danh kỹ Dương Châu. Cô ôm tỳ bà hát một bài mới của Tra Thận Thành (viễn tổ của Kim Dung); các quan ở Dương Châu ngồi nghe tâm hồn bay bổng. Chỉ có Vi Tiểu Bảo là chán nản bởi vì gã chỉ thích gái trẻ, mà có hát thì phải hát những bài dâm đãng như Thập bát mô. Cho nên khi gã đòi cô danh kỹ này hát Thập bát mô, cô đã liệng đàn, ôm mặt khóc bỏ chạy khỏi bữa tiệc.

Với tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tồn tại của giới kỹ nữ và các kỹ viện trong những chế độ quân chủ Trung Hoa. Biết sao được, pháp luật ấy công nhận kỹ nữ là một nghề thực thụ. Điều đáng quý ở nơi ông là ông đã nhìn những kỹ nữ dưới con mắt của nhà văn nhân bản và nhân đạo: không lên án cái nghề ti tiện của họ, mà thậm chí còn có khuynh hướng ca ngợi, biểu dương các danh kỹ như các nhà văn tiền bối

đã làm. Nhưng tôi cho rằng cái cam đảm nhất ở ông là đã để cho một thằng nhóc con của một kỹ nữ, lớn lên trong kỹ viện trở thành công tước của triều Thanh, đè đầu cưỡi cổ thiên hạ, kể cả những bậc vương công đại thần, đó là Vi Tiểu Bảo. Kim Dung muốn chứng minh một định đề: trước những ba động của lịch sử thì một gã lưu manh, một con gái điếm, cũng có thể trở thành người "cao quý " nhất thiên hạ. Định đề đó quả thật buồn và thật đắng cay!

Con trâu

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung không phản ánh về hoạt động nông nghiệp của nông dân Trung Quốc mà chỉ phản ánh thế giới võ hiệp – một thế giới hoàn toàn hư cấu do trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Tuy nhiên, xuất thân từ một đất nước rộng lớn trong một giai đoạn mà nền nông nghiệp còn sản xuất nhỏ và lạc hậu, Kim Dung đã đưa vào trong tiểu thuyết của mình hình ảnh nông thôn Trung Quốc, những nông dân và sinh hoạt nông nghiệp Trung Quốc. Ta thử bàn về con trâu trong tác phẩm của ông.

Trong ngôn ngữ Trung Quốc, trâu là ngưu hoặc hắc ngưu để phân biệt với con bò là hoàng ngưu. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung cũng đã thể hiện tình cảm của mình đối với con trâu, sức kéo tiêu biểu trong nông nghiệp truyền thống Trung Quốc. Trong tác phẩm Thần điêu hiệp lữ, trí tưởng tượng của tác giả đã phát huy đến cao độ khi ông để cho chàng trai Dương Qua “mượn” tạm một con trâu của người nông dân, mặc bộ quần áo của trẻ chăn trâu, đốt đuốc phía sau đít trâu để trâu phóng thục mạng vào vòng vây của quân Mông Cổ xâm lược. Con trâu của Dương Qua xông trận còn hữu hiệu hơn cả con ngựa chiến Mông Cổ. Phải chăng đó là hình ảnh tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa nông dân tại thành Tương Dương? Cuộc khởi nghĩa Tương Dương đã bị quân Nguyên tắm máu, giang sơn Trung Hoa chìm trong ách Di Địch nhưng hình tượng Dương Qua cỡi trâu xông trận vẫn còn mãi với Thần điêu hiệp lữ và được hiện thực hóa bằng điện ảnh.

Chàng trai Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện được thầy mình là Hồng Thất Công đặt tên cho là Thuỷ Ngưu (trâu nước), còn có biệt hiệu là Ngưu Canh Điền (trâu cày ruộng). Ấy bởi vì tướng mạo Quách Tĩnh mộc mạc quê mùa, nước da ngăm ngăm đen, ít miệng lưỡi, chậm hiểu, tướng phục phịch như con trâu.
Con trâu có mặt khắp mọi nơi trong tiểu thuyết Kim Dung. Trâu chết đi để lại cho người thịt và da. Bọn quần tiên 36 động 72 đảo trong Thiên Long bát bộ chuyên ăn thịt trâu khi tấn công lên cung Linh Thứu, núi Phiêu Diễu. Và bọn họ ăn như ngựa, uống như trâu (mã thực, ngưu ẩm). Bọn quần hào Trung Nguyên, từ đám bàng môn tả đạo ủng hộ Lệnh Hồ Xung tấn công lên chùa Thiếu Lâm núi Thiếu Thất trong Tiếu ngạo giang hồ đến bọn lên ủng hộ Thiếu Lâm anh hùng đại hội trong Thiên Long bát bộ đều đánh trống bằng da trâu. Có lẽ da trâu dày hơn da bò mới chịu được công lực của các vị đại gia ấy chăng? Cái tiết tấu ồn ào, phức tạp của họ làm cho ma quỷ, thánh thần cùng kinh hãi. Da trâu được dùng làm vũ khí và đôi khi là công cụ để thi hành hình luật. Đó là roi da trâu, tức ngưu bì

tiên, đánh đến đâu nghe đến đó! Sừng trâu được cưa làm chung đựng rượu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thu đã thuyết Lệnh Hồ Xung rằng rượu trắng ngoài quan ngoại đựng trong sừng trâu. Sở dĩ dùng sừng trâu làm chung uống rượu vì chất sừng tanh tanh, có như thế mới chế ngự được mùi vị cay nồng của rượu trắng.
Tên tuổi của con trâu cũng được nhà tiểu thuyết mượn tạm để chế ra môn phái, ám khí và võ công. Các vị đạo sĩ tu theo pheo phái Võ Đang như Xung Hư trong Tiếu ngạo giang hồ, Trương Tam Phong trong Ỷ thiên Đồ long ký được gọi là các lão "lỗ mũi trâu". Mô phỏng theo hình dáng sợi lông trâu, bọn bàng môn tả đạo chế ra thứ ám khí gọi là Ngưu mao châm. Trong Thiên Long bát bộ, Tang Thổ Công, động chủ động Bích Lân, đã bắn thứ này vào bọn Mộ Dung Phục khiến phe Cô Tô Mộ Dung ngứa ngáy vô kể. Tuy nhiên điểm sáng nhất của Kim Dung lại nằm trong môn Cách sơn đả ngưu thần công. Như tên gọi, loại công phu này có điểm cách biệt là đánh được con trâu mà giữa con trâu và người đánh có một vật cản là hòn núi. Tất nhiên cả hai khái niệm trâu và núi đều mang tính ẩn dụ cao độ. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn là Cưu Ma Trí biểu diễn công phu này. Cưu Ma Trí vận chưởng của phái Thiếu Lâm, đứng từ xa vung tay đánh cách không vào chiếc lư hương bằng đồng. Phía bên này lư hương vẫn bình thường nhưng ở phía bên kia, phần đồng bị cắt ra một miếng đúng như bàn tay của Cưu Ma Trí. Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung cũng để cho Vi Tiểu Bảo biểu diễn Cách sơn đả ngưu thần công. Hắn vận "công lực" và đấm vào các vị Lạt ma Tây Tạng những thế võ nhẹ hều. Nhưng các nhà sư Tây Tạng lại lăn ra chết. Tại sao vậy? Trong tay áo thùng thình, hắn đang cầm một lưỡi truỷ thủ bén ngọt. Hắn vung tay lên không phải để đánh quyền mà là dùng truỷ thủ đâm lén. Da thịt nào chịu nổi loại thần công gớm ghiếc như vậy?

Người đời thường bảo ngu như trâu, dở như trâu. Nhưng trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung, con trâu đã chẳng ngu mà lại chẳng dở chút nào. Cuốn Ỷ thiên Đồ long ký xây dựng một nhân vật thầy thuốc mà y thuật cao đến độ thần thông, mang tên trâu xanh: Hồ Thanh Ngưu. Ngoại hiệu của Hồ Thanh Ngưu là Điệp Cốc y tiên và chỗ ở của ông là Hồ Điệp Cốc. Cả ngoại hiệu và chỗ ở của Hồ Thanh Ngưu cho thấy được chất lãng mạn mênh mông của nhân vật này.

Có một con trâu khác trở thành đối tượng được các cô thiếu nữ nhan sắc kiện tướng công huân say mê như điếu đổ. Đó là chàng Trương Vô Kỵ, khi trốn vào hang núi mới có 15 tuổi. Trong 5 năm học võ, chàng trở thành bậc thượng thừa. Trượt tuyết rớt xuống chân núi gãy cả hai chân, chàng tự xưng là Tăng A Ngưu (Tăng Văn Trâu). Lên đến Quang Minh đỉnh giải vây cho quần hùng Minh giáo, chàng vẫn là Tăng A Ngưu. Tăng A Ngưu có đến bốn cô bạn sắc nước hương trời, một "tài sản" mà không một hoàng đế Trung Hoa nào có được: Triệu Mẫn, quận chúa hoa hậu Mông Cổ; Tiểu Siêu, hoa khôi thánh nữ sứ Minh giáo Ba Tư; Chu Chỉ Nhược, chưởng môn phái Nga Mi; Hân Ly, tức Châu Nhi, em cô cậu. Cuối cùng Tăng Văn Trâu chọn Triệu Mẫn vui chơi bốn biển năm hồ mặc dù anh có đủ tài năng và tư cách lên nắm ghế lãnh đạo cao nhất trong lực lượng

khởi nghĩa kháng Nguyên ở Hoài Tứ. Thuộc hạ của anh là Chu Nguyên Chương đã nắm quyền khởi nghĩa thành công, xưng đế hiệu là Minh Thái Tổ, mở ra nhà Minh (1368 - 1643), truyền được 13 đời. Tăng A Ngưu Trung Quốc đi theo đóa hoa lài Mông Cổ nhưng trong trường hợp này chẳng ai dám chế giễu nhà văn Kim Dung đem bông hoa lài cắm bãi cứt trâu!

Người Tây dương

Người Trung Quốc vẫn gọi người châu Âu là Tây dương quỷ (bọn quỷ ở bờ biển phía Tây) hoặc Hồng mao quỷ (bọn quỷ lông tay đỏ). Khi dùng cách gọi như thế, người Trung Quốc đã tự cho họ cái quyền được mạt sát người châu Âu, coi dân châu Âu không phải là người.

Trong Lộc Đỉnh ký, Kim Dung đã có những đoạn, những chương thuật lại các quan hệ với người Tây dương. Đầu tiên là người Nga. Cuộc chiến tranh Trung - Nga dưới triều Khang Hy đã diễn ra tại thành Ni Bố Sở (Nertohinsk) năm 1669. Vi Tiểu Bảo làm nguyên soái, tư lệnh các lộ quân Thanh triều, đi đánh quân Nga. Tư lệnh Nga là Á Nhĩ Thanh Tư Cơ (Alsinsky) bị bắt. Hầu tước Nga là Phí Diêu Đa La (Feodore) phải xin cầu hoà. Trong giai đoạn này, Vi Tiểu Bảo thu nhận hai tay đội trưởng Nga để làm người đưa tin về cho công chúa Tô Phi Á (Sophia). Một người tên là Hoa Bá Tư Cơ (Vabasky) và một người tên là Tề Lạc Nặc Phu (Delanov). Hai người này đã giúp chuyển thư từ, quà cáp của Vi Tiểu Bảo về cho Tô Phi Á và đồng thời cũng đem tin tức, quà cáp của Tô Phi Á lại cho Vi Tiểu Bảo. Do trình độ chữ Hán mập mờ, chữ Nga lại ấm ớ, Vi Tiểu Bảo đọc tên hai người này là Vương Bát Tử Kê (gà chết khốn nạn) và Trư La Noạ Phu (con heo hèn hạ). Lộc Đỉnh ký cũng nhắc đến đại sứ Nga Tư Ba Tháp Lôi (Spartinary) và đoàn quân Nga bị bắt về Bắc Kinh, được vua Khang Hy trọng dụng, kêu bằng Nga La Tư tá lĩnh.

Ngay trong triều đình Khang Hy, nhà vua cũng đã trọng dụng hai nhân tài Tây Dương. Người thứ nhất là Thang Nhược Vọng (Adam Schall), quốc tịch Đức, giám đốc đài Thiên văn Bắc Kinh. Cuộc đời của Thang Nhược Vọng rất may mắn khi gặp được vua Khang Hy. Thời Thuân Trị, Thang Nhược Vọng đã được tin tưởng, cho làm công việc tính thiên văn, lịch pháp. Năm Khang Hy thứ ba (1665), Toà Khâm thiên giám tính lộn ngày nhật thực; Thang Nhược Vọng khám phá ra sơ suất ấy, trình Khang Hy. Dương Quang Tiến, viên quan tính lộn nhật thực, đâm ra thù Thang Nhược Vọng, muốn trả oán. Tiên bèn lấy cuốn Đại Thanh thời hiến lịch do Thang Nhược Vọng viết ra dưới thời Thuận Trị, tiên đoán nhà Thanh chỉ ở ngôi 200 năm, làm một bản tâu lên Khang Hy rằng nhà Đại Thanh có thượng đế phù hộ, sẽ trường tồn vạn năm. Chuyện Thang Nhược Vọng cho rằng Đại Thanh chỉ bền vững 200 năm là nguyền rủa Đại Thanh. Lúc đó, Khang Hy mới 11 tuổi, quyền hành đang ở trong tay cố mệnh đại thần Ngao Bái. Ngao Bái nghe tâu, bèn bắt Thang Nhược Vọng, định xử lăng trì. Nhưng Khang Hy phát giác được chỗ để cứu THang Nhược Vọng. Nhà vua nhỏ tuổi bàn: cuốn Đại Thanh thời hiến lịch làm ra năm Thuận Trị

thứ 10 (1653) chẳng ai nói gì; thậm chí vua còn ban cho Thang Nhược Vọng tước vị Thông Huyền giáo sư. Nay đem Thang Nhược Vọng ra giết đi thì chẳng khác nào mạt sát tiên hoàng Thuận Trị là u mê, tối tăm. Nhà vua bàn nên giam Thang Nhược Vọng lại. Khi Ngao Bái bị giết, nhà vua cho thả Thang Nhược Vọng ra, làm giám đốc Thiên văn đài như cũ, phong tước Thông Minh giáo sư (vì tên của Khang Hy là Huyền Hoa, phải kỵ huý nên bỏ tước Thông Huyền giáo sư).

Người thứ hai là Nam Hoài Nhân (Ferdinard Verbiest) gốc Bỉ Lợi Thì (Belgique). Người này rất trung thành với Khang Hy chuẩn bị đánh Ngô Tam Quế, nhà vua đã nhờ đến cả Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng giấm đốc toàn bộ công trình đúc đại bác cho mình, Cả hai đều là giáo sĩ dòng Tên (Jésuite) làm cho quan dưới triều Khang Hy và đã có nhiều đóng góp lớn lao giúp Khang Hy bình định Trung Quốc.

Chính Vi Tiểu Bảo cũng mến mộ hai người Tây dương này. Y gọi họ là "ngoại quốc lão huynh". Vi Tiểu Bảo rất kinh phục kỹ thuật đúc trọng pháo của hai "ngoại quốc lão huynh". Sau đó, đi đánh người Nga La Tư ở Ni Bố Sở, Vi Tiểu Bảo cũng mời các "ngọai quốc lão huynh" cùng đi trong quân để làm người phiên dịch trong đàm phán phân chia ranh giới và viết hoà ước bằng tiếng Latin cho mình.

Lộc Đỉnh ký cũng có những đoạn thuật lại cuộc chiến đấu của quân dân đảo Đài Loan chống lại người Hà Lan. Kim Dung gọi viên tư lệnh Hà Lan là Quỷ Nhất (?). Tra cứu trong chính sử Trung Quốc, chúng tôi chưa tìm được đích xác tên gốc của viên tư lệnh này. Tất nhiên, đối với những kẻ đến xâm lược đất nước mình. Kim Dung dùng từ "Quỷ" cũng chẳng có gì là quá đáng.

Chính trong tác phẩm của mình, Kim Dung cũng thừa nhận rằng sức mạnh hoả khí của người Tây dương là ghê gớm, không có một thứ "thân công" nào của giới võ lâm Trung Quốc có thể địch nổi. Ngô Tam Quế tặng cho Vi Tiểu Bảo một cặp súng lục của Nga, hắn bắn thử một phát, sạt nửa hòn giả sơn, khiến cho gã sợ hãi muốn... ra quần. Cũng vậy, ra diễn võ trường Bắc Kinh xem thử súng đại bác của Man Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng chế ra, gã kinh hoàng nghe trọng pháo nổ hai lần. Cho nên, nói chuyện võ công là nói chơi, chuyện chiến đấu bằng súng đạn trên chiến trường mới là chuyện thật. Những chiến thắng của quân dân Đài Loan trước quân Hà Lan, của quân Thanh trước quân Nga chẳng qua cũng chỉ là kinh nghiệm dùng cái thô sơ để chống chọi với cái tiên tiến. Người Trung Quốc đã biết đưa quân dùng ván ghép lại để che đạn, cho quân đi sau dùng đoản đao xung phong chặt chân người Tây dương. Lịch sử Trung Quốc gọi đó là Đằng bài quân. Điều may mắn cho họ là ở thế kỉ 17, súng đạn chưa có được sức mạnh sát thương ghê gớm như ngày nay. Cho nên họ đã chiến thắng được Tây dương quỷ.

Kỹ thuật

Khái niệm khoa học - kỹ thuật là khái niệm khá mới mẻ, khái quát những phát minh sáng chế sử dụng phục vụ cho con người. Từ ngàn xưa, dân tộc Trung Hoa cũng có những phát kiến khoa học – kỹ thuật riêng của họ. Và thật thú vị khi ta gặp lại một số kỹ thuật sơ đẳng đó trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung.

Kim Dung cho ta biết người Trung Hoa đã biết sử dụng chất cường toan (acid) vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Đầu tiên, chất acid dùng để viết chữ. Bộ Ỷ thiên Đồ long ký có nhắc đến sáu thanh Thánh hỏa lệnh của Bái hỏa giáo Ba Tư do 3 sứ giả của tôn giáo này đem vào Trung Quốc, dùng như một loại vũ khí, trên đó có khắc pho võ công quái dị của người Ba Tư. Trương Vô Kỵ, giáo chủ Bái hỏa giáo Trung Quốc (Kim Dung dùng từ Minh giáo – Manichéisme) sử dụng võ công tuyệt thế đoạt lấy được các thẻ Thánh hỏa lệnh. Điều đặc biệt là các Thánh hỏa lệnh không phải bằng xương, bằng ngà, bằng thép mà bằng một loại hợp kim rất lạ. Để viết được tâm pháp võ công trên Thánh hỏa lệnh, người Ba Tư phải nhúng thánh hỏa lệnh vào sáp, lấy cọ cứng viết chữ trên mặt sáp rồi dùng chất cường toan đồ theo nét chữ nhiều lần mới in sâu được chữ vào Thánh hỏa lệnh Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung đã biết dùng cường toan làm vũ khí chiến đấu. Trong Ngũ kỳ của Minh giáo Trung Quốc, có đội Hồng thủy kỳ chuyên dùng ống phun cường toan vào kẻ địch. Trên sân chùa Thiếu Lâm, họ đã biểu diễn màn đánh cường toan vào bầy chó sói cho quần hùng mục kích. Bộ Tiếu ngạo giang hồ cũng nói đến kỹ thuật đánh cường toan này. Bọn giáo chúng Nhật Nguyệt giáo ngụy trang lên Hằng Sơn chúc mừng lễ nhậm chức chưởng môn của Lệnh Hồ Xung đã đem theo ống phun nước cường toan, vây hãm Lệnh Hồ Xung, Phương Chứng – trụ trì chùa Thiếu Lâm và Xung Hư – chưởng môn phái Võ Đang…

Kim Dung còn đề cập đến kỹ thuật dùng thuốc nổ. Đầu tiên thuốc nổ được dùng như một loại pháo thăng thiên, nổ trên không trung cho ra những hình ảnh đặc biệt. Đây là cách triệu tập đồng môn, đệ tử của từng môn phái. Từ thuốc nổ làm pháo, Kim Dung bàn đến kỹ thuật chôn thuốc nổ để đánh mìn. Phái Tiêu Dao trong bộ Thiên Long bát bộ có kỹ thuật đánh mìn cực giỏi. Bọn Hàm Cốc bát hữu của phái Tiêu Dao dùng thuốc nổ làm mìn chống lại Đinh Xuân Thu. Trong Tiếu ngạo giang hồ, phái Võ Đang chôn thuốc nổ ở núi Hằng Sơn định tiêu diệt Nhật Nguyệt giáo. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Viên Chân (tức Thành Khôn) chôn thuốc nổ hòng tiêu diệt Minh Giáo. Họ đều biết cách chuyền dây dẫn, kích hỏa, tạo phản ứng nổ… Lịch sử cho ta biết người Trung Hoa là dân tộc đầu tiên tìm ra thuốc nổ phục vụ nghề làm pháo. Điều thú vị là trong tiểu thuyết Kim Dung không có vụ nổ nào thành công bởi vì cuối cùng chẳng có ai kích hỏa. Tất cả đều kết thúc tốt đẹp, nhân vật giang hồ không ai chết tập thể vì thuốc nổ, dù đã được chôn theo đúng dự kiến.

Bộ Thiên Long bát bộ cho chúng ta biết kỹ thuật sử dụng chất lân (phosphore) làm vũ khí. Phái Tinh Tú của Đinh Xuân Thu lấy chất lân chế ra những viên đạn dùng để bắn vào thân thể người khác. Ngọn lửa xanh biếc của chất lân bám vào quần áo da thịt người

bị bắn, bốc cháy khiến cho nạn nhân đau đớn kêu gào rất thảm thiết trước khi chết. Phái Tinh Tú sử dụng loại đạn này để trừng phạt các giáo đồ có âm mưu phản thầy, dối bạn đồng môn.

Sự thật của sức mạnh trong việc đánh nhau chủ yếu vẫn là vũ khí. Vũ khí càng mới mẻ, việc đánh nhau càng dễ đưa đến thành công. Trong Lộc Đỉnh ký nói đến kỹ thuật đúc súng đại bác: vua Khang Hy lặng lẽ giao cho 2 giáo sĩ người Tây Dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng luyện kim đúc súng đại bác. Nhà vua chuẩn bị việc đánh nhau với Bình Tây vương Ngô Tam Quế ở Vân Nam và với quân Nga ở biên giới Đông Bắc. Súng đại bác thời đó chưa có bộ phận kích hỏa, phải đốt mồi lửa sau đuôi trái đạn để tạo phản ứng nổ đẩy trái đạn bay đi. Đây là 1 dạng sử dụng thuốc bồi trong pháo binh hiện đại. Để buổi thao diễn kích thích tinh thần sĩ tốt, Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng cho xây sẵn những gò nổng làm mục tiêu, bên trong gò nổng chứa đầy diêm sinh, lưu huỳnh. Quả đạn rơi trúng mục tiêu nổ bùng khiến các chất trên bốc cháy rực trời. Bọn sĩ tốt phấn khởi, hoan hô vạn tuế muốn bể cả võ trường.

Kỹ thuật luyện kim được Kim Dung nhắc đến nhiều nhất trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông. Bọn hào sĩ giang hồ đánh nhau thường sử dụng đến 2 thứ vũ khí cổ điển là đao và kiếm. Kim Dung đề cập đến loại bảo đao, bảo kiếm như Đồ long đao và Ỷ thiên kiếm (Ỷ thiên Đồ long ký) chém sắt như chém bùn. Ông cũng đề cập đến các loại trủy thủ (dao găm) chế bằng hợp kim đặc biệt như lưỡi trủy thủ của Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký. Loại trủy thủ này bén ngọt đến nổi Vi Tiểu Bảo đâm xuyên qua vách ván giết chết mấy Lạt ma Tây Tạng cứu thầy mình là Cửu Nạn sư thái mà người ở hiện truờng chẳng biết tại sao các Lạt ma chết đi. Trong Hiệp khách hành, ông đề cập đến một thứ lệnh bài làm bằng huyền thiết (thép đen) của Tạ Yên Khách. Tạ Yên Khách lấy kiếm chém vào Huyền thiết lệnh, kiếm gãy mà lệnh bài vẫn không suy suyển chút nào.

Nhắc đến thuật luyện kim, Kim Dung không quên khoác vào cho thuật này chất huyền bí. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, ông kể lại chuyện quần hùng Minh giáo nối lại cây đao Đồ long đã gãy. Trên ngọn lửa đỏ phừng phừng, tất cả các loại kềm gắp bảo đao nóng quá, chảy ra thành chất lỏng mà bảo đao vẫn chưa nối lại được. Trương Vô Kỵ phải cho bọn giáo chúng mượn bốn thanh Thánh hỏa lệnh kẹp bảo đao. Ngọn lửa cháy cao, một thuộc hạ của Vô Kỵ phải múa kiếm đâm bạn mình cho máu phun vào chỗ đương ráp nối, bảo đao mới lành lặn lại được. Câu chuyện nhắc ta nhớ lại huyền thoại luyện 2 thanh kiếm Can tương và Mạc gia (Mạc tà) thời Chiến quốc.

Ỷ thiên Đồ long ký cũng đề cập đến việc sử dụng dầu đá (thạch du – dầu thô lấy từ mỏ ra, chưa được chế biến) của người Trung Quốc cuối đời Nguyên. Trong đội ngũ kháng chiến của Minh giáo có đội Liệt hỏa kỳ chuyên lấy dầu thô phun qua ống thụt để đánh hỏa công. Nói đến việc lấy dầu thô là nói đến kỹ thuật khai thác quặng mỏ. Minh giáo bắt nguồn từ Ba Tư nên rất rành kỹ thuật khai thác loại dầu này.

Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng kỹ thuật lạ nhất được Kim Dung đề cập đến là kỹ thuật chưng cất rượu. Kỹ thuật này được đề cập trong Tiếu ngạo giang hồ. Đan Thanh tiên sinh ở Giang Nam đem 3 chiêu kiếm truyền cho kiếm khách Mạc Hoa Nhĩ người Thổ Lỗ Phồn (Thổ Phồn – Tourfan) để đổi được 4 thùng rượu Bồ đào đã cất được 120 năm. Vận chuyển loại danh tửu này từ Thổ Lỗ Phồn về đến Giang Nam phải mất bốn tháng, đường đi lại khó khăn nên đến Giang Nam chất rượu lại chua, không được thuần mỹ. Đan Thanh vào hoàng cung, bắt cóc một chuyên gia của ngự trù phòng chuyên chưng cất rượu cho vua uống đem về Giang Nam buộc gã phải chưng lại mấy thùng Bồ đào tửu cho mình. Rượu được chưng lại đúng 13 tháng thì Đan Thanh gặp được "ông trùm" uống rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung mới uống một hớp Bồ đào tửu đã lấy làm lạ, nhận xét trong cái mới có cái cũ, trong cái cũ có cái mới, dường như đã 120 năm mà cũng dường như mới 12 tháng. Đan Thanh hân hoan cho biết thứ Bồ đào tửu này đã được Mạc Hoa Nhĩ 3 lần cất, 3 lần chưng, về đến Giang Nam lại chưng cất thêm một lần nữa. Cho nên vị rượu vừa 120 tuổi mà cũng vừa 13 tháng là như vậy.

Kỹ thuật sau cùng đáng quan tâm là kỹ thuật dệt kim. Kim Dung giới thiệu một loại bảo y hộ thân rất hiệu nghiệm, được dệt bằng sợi kim ty (tơ kim khí) phối hợp với tơ tằm ngàn năm trên đỉnh Tuyết Sơn. Loại áo này là nội y, mặc lót bên trong, đao kiếm đâm không lủng, quyền chưởng đánh không bị chấn động. Trong Lộc Đỉnh ký, Khang Hy mặc 1 chiếc, Vi Tiểu Bảo mặc 1 chiếc. Quả nhiên không ai chơi nổi cả vua tôi nhà này.

Nhân loại càng tiến bộ, kỹ thuật càng phát triển. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đơn thuần là tiểu thuyết, hoàn toàn không có ý định giới thiệu sự tiến bộ trong khoa học-kỹ thuật của người Trung Quốc. Ông cứ viết vậy, chúng ta đọc và tưởng tượng. Còn tưởng tượng đến đâu là quyền chúng ta.

Thức ăn Trung Hoa

Miếng ăn bao giờ cũng quý giáo đối với con người. Đặc biệt đối với dân tộc Trung Hoa ngày trước, một dân tộc sống nhờ vào sản xuất nông hiệp lạc hậu, lải phải luôn đối đầu với những thiên tai khủng khiếp hhàng năm thì miếng ăn quả thật rất cần thiết và rất rất quý. Từ điển tiếng Hoa gọi chung các loại thức ăn là ngọc thực (món ăn vàng ngọc). Làm ra miếng ăn để có ăn đã quý. Thức ăn được chế biến tinh xảo; nhìn sướng mắt, ngửi thơm mũi, chạm vào thấy nóng, ăn vào miệng thấy ngon lại còn quý hơn. Mà trên thế giới, dân tộc Trung Hoa là dân tộc nồi tiếng biết chế biến nhiều món ăn ngon nhất và thậm chí, cầu kỳ nhất. Chính vì vậy, thức ăn trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung – có lẽ là một người Trung Hoa sành ăn - cực kỳ phong phú. Trình độ hiểu biết về các món ăn khắp các miền, hiểu biết cách chế biến thức ăn từ thô sơ đến tinh xảo của tác giả không khỏi khiến chúng ta ngạc nhiên thú vị.

Triều Tống, từ bờ Bắc sông Hoàng Hà ra đến biên giới Ngoại Mông được gọi là miến

Bắc. Khí hậu quanh năm tương đối lạnh, Kim Dung cho biết họ thường ăn các loại bánh bao không nhân với các loại thịt cừu, thịt trâu, thịt bò kho. Đọc Thiên Long bát bộ, ta biết các bộ tộc Khất Đan và Nữ Chân nuôi nhiều loại gia súc này dưới dạng chăn thả; thịt để làm thức ăn, da để làm áo quần, lều trại, túi đựng rượu. Thiên nhiên hào phóng và hoang sơ cũng đem lại cho người phương Bắc nhiều thức ăn, mang tính bổ dưỡng cao. Thiên Long bát bộ có đoạn kể chuyện Tiêu Phong bồng A Tử ra Nhạn Môn quan chữa thương, chuyên đánh giết gấu để lấy bàn tay gấu (hùng chưởng) và mật gấu cho A Tử uống. Nơi đây gần núi Trường Bạch, Tiêu Phong cũng dễ kiếm ra củ nhân sâm có giá trị cải tử hoàn sinh cho A Tử dùng. Ông nuôi cô em vợ bằng những thức ăn là dược vật trân quý dẫu có ngàn vàng cũng khó tìm mua.

Từ bờ Nam sông Hoàng Hà đổ về hết phương Nam Trung Quốc, cách chế biến đồ ăn có vẻ ngon lành hơn, tinh vi hơn. Tất nhiên, nơi ăn ngon nhất thiên hạ Trung Quốc vẫn là Bắc Kinh, đặc biệt là trong hoàng cung nội viện. Lộc Đỉnh ký cho biết dưới triều Khang Hy, để phục vụ chuyện ăn uống cho hoàng gia, có cả một ngự trù phòng, đứng đầu là một tay thượng thiện thái giám, phía dưới có hàng trăm thái giám chuyên mua sắm, chế biến thức ăn. Thức ăn chơi gồm bánh mứt - Kim Dung gọi là đồ điểm tâm, khác hẳn khái niệm điểm tâm của chúng ta là ăn sáng – đã gồm cả trăm thứ. Chế biến xong, bọn thái giám đặt lên đầy cả bàn để dâng vua Khang Hy. Nhưng Khang Hy chán lối ngồi ăn trên bàn; nhà vua muốn… ăn vụng. Và nhờ đi ăn vụng bánh nướng, bánh da lợn, nhà vua đã gặp anh bạn trẻ Vi Tiểu Bảo (cũng là trùm ăn vụng!). Cho hay, ăn vụng luôn luôn hấp dẫn đối với con người, cái gì ngay ngắn quá, chính quy quá cũng trở nên phiền toái.
Vâng, đồ ăn trong hoàng cung là ngon nhất và đa dạng nhất bởi hoàng cung quy tụ đủ các anh tài nấu ăn trên toàn cõi Trung Hoa. Sau khi biết Mộc Kiếm Bình là cô gái người Vân Nam, Vi Tiểu Bảo đã ra lệnh cho ngự trù phòng nấu món Tuyên oai hoả thoái - một món canh giò heo thơn ngon nhiều nước mỡ - để đãi cô gái nhỏ này khiến cô vô cùng ngạc nhiên.

Trên nguyên tắc, thứ gì ngon thì đổ vào hoàng cung nhưng trên thực tế, định đề ấy hơi bị sai. Kim Dung chua chát nhận ra rằng bao giờ cũng có nạn tham nhũng, nhà thầu nào đưa đồ ăn ươn thối cho ngự trù phòng mà có món tiền lót tay kha khá thì thức ấy vẫn đáng dâng lên cho vua và thái hậu dùng; nhà thầu nào quên tiền lót tay thì dẫu cá tươi, thịt sống cũng trở thành đồ ươn thối... Chính nhờ nạn tham nhũng đó mà bọn Tiền Lão Bản trong Thiên Địa hội đưa hai con heo Hoa điêu phục linh trư và Đậu hoàng nhân sâm trư mổ sẵn vào hoàng cung, trong bụng heo nhét được cả... một cô gái (Mộc Kiếm Bình) đưa vào để Vi Tiểu Bảo trao đổi “tù binh” sau này.

Lại cũng từ chuyện hoàng cung là nơi có thức ăn ngon nhất Trung Hoa làm nảy sinh những tay… ăn trộm đồ ăn. Một tay ăn trộm thuộc loại thượng thừa là Cửu chỉ thần cái Hồng Thất Công (Xạ điêu anh hùng truyện) chuyên vào ngự trù phòng, đánh cắp thức ăn đã chế biến sẵn. Lão này ăn cũng dữ mà uống cũng vô địch, suốt đời lấy ăn làm lẽ sống.

Một tay trùm ăn mày như vậy cũng đáng để chúng ta học tập làm… ăn mày!

Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung là phường ăn mạnh, uống đậm. Họ hội họp ở đâu là nơi đó có mùi rượu thịt xông lên nhức mũi. Khi đám bàng môn tả đạo về đầu nhập phái Hằng Sơn, tình nguyện làm đệ tử Lệnh Hồ Xung để cho Lệnh Hồ Xung khỏi mang tiếng cầm đầu một đám nữ ni; Lệnh Hồ Xung đã cấm họ không được đặt chân lên ngọn Kiến Tính (núi chính của Hằng Sơn). Họ giữ lời hứa không lên nhưng vẫn xào heo, nấu bò bày tiệc nhậu; trong chốn cửa Phật thanh tịnh, bỗng vang mùi hành tiêu, mỡ thịt. Cho hay, cái ăn nuôi sống con người; miếng ăn ngon cũng góp phần làm cho phẩm giá con người rực rỡ. Tội gì không ăn!

Có lẽ đất Trung Quốc có nhiều quán cơm (phạn điếm) và tiệm rượu (tửu lâu) nhất thiên hạ. Chẳng vậy mà cô bé A Tử trên đường trốn thầy mình, sẵn sàng kêu rượu và các món nhậu để… thuốc đồng môn. Cô này ăn xài rất phí: gọi đĩa thịt bò ra, ngang nhiên cầm miếng thịt… lau giày, con cá chép còn sống mới chiên xong lại gọi là cá ươn. Đoạn buồn cười nhất của Thiên Long bát bộ là đoạn nhà sư Hư Trúc gặp A Tử trong quán cơm. Nhà sư ăn chay từ nhỏ, chỉ dám gọi độc món mì chay. A Từ đánh lừa cho nhà sư nhìn đi nơi khác rồi lén đổ vào vài muỗng nước mỡ. Hôm ấy Hư Trúc ăn tô mì chay cảm thấy hết sức thơm ngon, khoông ngờ món này khác món chay ở chùa Thiếu Lâm một trời một vực.

Thức ăn chay của Trung Hoa cũng rất phong phú. Đọc Thiên Long bát bộ, ta biết chùa Thiếu Lâm có khu vườn rộng hàng trăm mẫu trồng rau dưa; các nhà sư bị kỷ luật phải gánh nước, gánh phân tưới bón hàng ngày. Quần hùng lên chùa Thiếu Lâm là được thiết đãi cơm chay. Quần hùng Ma Ni giáo (Ma giáo, tiếng chỉ chung Manichéisme – Bái hỏa giáo Trung Hoa) cũng ăn chay. Hễ thấy đám nào mặc áo trắng, vào tiệm cơm không gọi thịt cá mà chỉ ggọi rau dưa, đậu hũ thì đó là bọn giáo chúng Manichéisme. Có những tập thể không ăn chay nhưng khi đi ra ngoài hành sự, họ thường mang thức ăn không đi theo để dễ chế biến. Hai loại thức ăn dễ mang theo nhất là bánh bao chay và mì. Trong Hiệp khách hành, bọn Kim Đao trại tấn công Ngô Đạo Nhất ở thành Biện Lương xong, rút ra ngoài đồng hoang nấu mì lên húp soàn soạt. Loại thức ăn này toàn tinh bột, không có thịt, cũng là món chay.

Trên đây, tôi chỉ mới bàn với các bạn những món ăn chính quy, bài bản, có kẻ nấu bán, có người mua ăn. Đọc Kim Dung ta còn thấy thú vị với những món ăn và cách chế biến thức ăn cực kỳ hoang dã.

Trong Thần điêu hiệp lữ, Kim Dung kể chuyện Dương Qua và Hồng Thất Công bắt được một loại rít lớn trên núi tuyết, nước lên, lột bỏ lớp vỏ kitin đi, còn lại một loại thịt thơm ngon như thịt tôm. Món nước trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung rất phong phú. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Doanh Doanh đã bắt ếch nướng lên nuôi chàng Lệnh Hồ Xung. Kim Dung mô tả món ếch nướng rất thơm ngon, kể cả những miếng Doanh Doanh

lỡ để quên đến nỗi cháy khét!

Con người càng đó lại càng cần ăn. Nhu cầu ham sống quả thật khốc liệt đến nỗi thấy miếng ăn là người ta lao tới, đôi khi không cần đến sự chế biến và đôi khi người ta ăn cả thịt người! Trong Tiếu ngạo giang hồ, có đoạn thuật chuyện Hướng Vân Thiên đã dùng chỉ công đâm vào tĩnh mạch trên cổ ngựa và kê miệng vào uống máu sống. Uống no xong, lão bảo Lệnh Hồ Xung kê miệng vào uống tiếp. Kim Dung cho biết máu ngựa rất tanh nhưng trong hoàn cảnh của hai người, máu ngựa vẫn là một loại thực phẩm cứu đói kịp thời. Khi đã xuống tới thung lũng sâu, Hướng Vân Thiên lại đói bụng, thầm tiếc không tìm ra xác chết nào của bọn thù địch rớt xuống để lão dùng cho đỡ đói!

Như chúng ta đã nói, Trung Quốc xưa là một đất nước có nền nông nghiệp lạc hậu, thường gặp thiên tai, địch hoạ. Cái đói thường xuyên đe doạ người Trung Quốc suốt cả chiều dài lịch sử. Cho nên thật dễ hiểu khi dân tộc này chọn nền kinh tế trọng nông. Một khi cái đói đến thì con người mất hết tính người, sẵn sàng ăn thịt đồng loại. Trong Ỷ thiên Đồ long ký kể chuyện Trương Vô Kỵ 15 tuổi dẫn em bé Dương Bất Hối 6, 7 tuổi tìm lên Thiên Sơn. Đi ngang qua tỉnh Sơn Tây, Vô Kỵ và Bất Hối bị một nhóm thổ phỉ bắt, định làm thịt nấu ăn. Vô Kỵ nhanh trí hái một mớ nấm độc bỏ vào nồi nước sôi, đầu độc những kẻ muốn hại mình và Bất Hối. Sau đó, cậu bé mới được Chu Nguyên Chương, cũng là thổ phỉ, đi tu ở chùa Hoàng Giác, cho ăn thịt bò kho.

Điều thú vị trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là nhiều khi một món ăn tào lao lại trở thành một món thuốc làm tăng trưởng công lực cấp kỳ. Thiên Long bát bộ kể chuyện Đoàn Dự ngẫu nhiên nuốt trúng con Mãng cổ chu cáp (con ếch có tiếng kêu như con bò), là một loại độc vật hạng nhất, tưởng rằng chắc chắn sẽ chết. Oái oăm thay, đó lại là một món thần vật đại bổ, ăn vào phát huy khả năng thần kỳ đến nỗi chàng ta không còn bị nhiễm bất cứ loại độc dược nào. Đoàn Dự trở thành một kẻ “bách độc bất xâm” (trăm thứ độc không thể thâm nhập được), Kim Dung gọi đó là Mãng cổ chu cáp thần công!

Có những thức ăn đối với người này là độc hại, đối với người kia là đại bổ. Ta có thể tìm thấy một thí dụ như vậy trong Tiếu ngạo giang hồ. Trên sông Trường Giang, Lam Phượng Hoàng – giáo chủ Ngũ Độc giáo Vân Nam – tìm đến thăm và chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cô cho chàng trai uống Ngũ Độc tửu. Thế nào là Ngũ Độc tửu? Đó là loại rượu ngâm 5 loại trùng độc hạng nhất của Ngũ Độc giáo: một con rắn, một con rít, một con bò cạp, một con cóc và một con nhện cực độc. Uống xong hũ rượu, Lệnh Hồ Xung còn phải nuốt 5 con trùng độc kia vào bụng. Ngũ Độc giáo gọi đó là Ngũ tiên. Món “Ngũ tiên” kia đối với người Trung Nguyên là độc vật nhưng đối với Lam Phượng Hoàng người Vân Nam là thứ đại bổ, không dễ tìm ra được.

Ăn uống là một dạng nạp năng lượng; có năng lượng mới có sự sống đúng nghĩa. Mà suy cho cùng, quyền gần gũi nhâấ đối với con người là được ăn, được ăn no đủ, được ăn

ngon. Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung phản ảnh về cái ăn, thức uống, về cách ăn Trung Hoa khá phong phú. Phải nói đọc tác phẩm của ông, ta có thể hình dung ra một phong cách văn hóa ẩm thực Trung Quốc lẫn khuất sau những bữa ăn, đồ ăn, nơi ăn, trạng thái ăn. Trương Vô Kỵ và Triệu Mẫn đánh nhau tơi bời rồi sau đó, lặng lẽ tìm về một quán cóc nhỏ, ngồi bên nhau ăn những thức ăn nhẹ và đối ẩm mấy chung. Hay như chiếc bánh chưng Hồ Châu (Giang Nam) được xếp loại Hồ Châu tam bảo (sau bút lông và gấm đoạn) dù nó chỉ được gói bằng là chuối, nếp, nhân đậu xanh, nấm, thịt… Trong những bữa ăn của tiểu thuyết võ hiệp, lấp lánh thứ ánh sáng hạnh phúc ngọt ngào của tình yêu đôi lứa. Doanh Doanh nướng ếch nuôi Lệnh Hồ Xung; Hoàng Dung săn bắn nuôi Quách Tĩnh; Triệu Mẫn gọi thức ăn chờ Vô Kỵ đến cộng ẩm… Tất cả là vì tình yêu đôi lứa. Chính vì có tình yêu làm tố chất nên không cần đến bàn ghế, chén đĩa mà bữa ăn vẫn vang lên tiếng cười hạnh phúc.

Tinh thần Phật giáo

Đọc quyển lịch sử Phật giáo Trung Quốc của Thượng toạ Thích Thanh Kiểm (NXB Vạn Hạnh 1963), tôi thấy ngài đưa ra 2 thuyết rất đáng tin cậy để cắt nghĩa sự du nhập của Phật giáo vào Trung Quốc. Thượng toạ cho biết thời Hán Ai đế (-6TrCN), một sứ giả nước Đại Nhục Chi (Indo-Scythe) đưa kinh điển của Phù đồ giáo (Bouddho, tức Phật giáo) truyền miệng cho Trần Cảnh Hiến, một viên quan của Hán Ai đế. Sau đó, vua Hán Minh đế (67) phái 18 người sang Tây Vực để thỉnh tượng và kinh điển Phật giáo về. Giữa đường, gặp hai cao tăng nước Thiên Trúc là Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đang đưa kinh tượng xuống Trung thổ, họ mừng rỡ rước hai cao tăng về Trung Quốc. Hán Minh đế cho dựng Bạch Mã tự để xiển dương Phật giáo, làm nơi dịch kinh cho các cao tăng. Bộ kinh Phật đầu tiên được dịch ra Hán văn là Tức thập nhị chương kinh. Đến cuối đời Hậu Hán, Phật giáo gần như đã lan truyền khắp xã hội Trung Quốc.

Có lẽ trong những nhà văn Trung Quốc, Kim Dung là nhà văn thể hiện một cách đều khắp và sâu sắc nhất tinh thần Phật giáo qua các tác phẩm tiểu thuyết của mình. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung luôn nhắc đến sự tích Đạt Ma sư tổ từ Thiên Trúc sang Đông thổ, lên ngọn Thiếu Thất tỉnh Hồ Nam, diện bích (nhìn vách) chín năm, sáng lập ra phái Thiếu Lâm. Phái Thiếu Lâm được ông gọi là Thái Sơn Bắc Đẩu trong võ lâm Trung Quốc. Hình tượng các nhà sư Thiếu Lâm với tấm tăng bào rộng thùng thình, xuất hiện đúng tình huống tiểu thuyết, Phật lực cao cường. võ công siêu việt, sẵn sàng xả thân tế khổn phò nguy, hàng yêu diệt ma đã quá quen thuộc với bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp.

Một số nhân vật tiểu thuyết là tăng sĩ đã trở thành hình tượngg văn học, được tác giả khắc họa một cách tinh tế: Huyền Từ - phương trượng chùa Thiếu Lâm, Trí Quan - trụ trì chùa Chỉ Quán núi Thiên Thai, Hư Trúc - tiểu tăng chùa Thiếu Lâm (Thiên Long bát bộ); Vô Sắc – cao tăng Thiếu Lâm (Ỷ thiên Đồ long ký); Phương Chứng – cao tăng Thiếu Lâm (Tiếu ngạo giang hồ)… Phật giáo du nhập vào Trung Quốc đủ cả mười tông phái; tác

phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung dành niềm ưu ái lớn cho Thiến tông. Tuy nhiên, Thiền tông trong tiểu thuyết Kim Dung không dừng lại ở chỗ những công án, không nặng nề về chủ trương "dĩ tâm truyền tâm, dĩ ý truyền ý". Thiền tông trong tiểu thuyết Kim Dung là một thú Thiền tông nhập thể và nhập thế: tu học để tinh tường Phật pháp, thấu hiểu cái lẽ huyền vi của cuộc sống; rèn luyện võ công để hành hiệp cứu đời. Phật pháp càng cao, võ công càng siêu viiệt; võ công càng cao, Phật pháp càng tinh tấn. Những nhà sư trong tác phẩm của ông là những nhân vật lý tưởng. Họ là những hiệp khách đích thực trong cuộc chiến đấu chống cái ác và khi cuộc chiến đấu chấm dứt, họ là những triết gia với các triết lý rất gần gũi với cuộc sống.

Ta hãy nghe một bài kệ của nhà sư Trí Quan ứng tác trước khi qua đời, đọc cho Kiều Phong nghe khi Kiều Phong vất vả đi tìm nguồn gốc của mình là người Há hay người Khất Đan (Thiên Long bát bộ):

Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần.

Phật giáo trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một tôn giáo yêu nước, luôn luôn trung thành với sự nghiệp bảo vệ đất nước và giải phóng dân tộc. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Xạ điêu anh hùng truyện, Thần điêu hiệp lữ, các tăng lữ đã xông trận cùng quần hùng Trung nguyên đánh đuổi quân Mông Cổ. Những cuộc hội họp của hào sĩ giang hồ Trung Quốc bàn kế chống giặc giữ nước, dựng cờ khởi nghĩa thường diễn ra trong khuôn viên chùa Thiếu Lâm. Đoạn tiểu thuyết mà tôi cho là giàu tính anh hùng ca nhất là đoạn toàn thể nhà sư chùa Thiếu Lâm sát cánh cùng quần hùng Minh giáo, phá vòng vây quân Mông Cổ định san bằng chùa Thiếu Lâm (Ỷ thiên Đồ long ký).

Mỗi khi đất nước đối đầu với nguy cơ bị ngoại xâm thì Phật giáo là một chỗ dựa vững chắc nhất cho chính quyền quân chủ và nhà sư là những chiến sĩ đi đầu trong việc phá vỡ âm mưu ngoại xâm đó. Trong Thiên Long bát bộ, Khô Vinh đại sư phải hủy bộ Lục mạch thần kiếm kinh là để người Thổ Phồn không thể chiếm được võ công trấn quốc của nước Đại Lý; quần hùng cùng phái Thiếu Lâm xông pha vào phủ Nam viện của Khất Đan ở Yên Kinh cứu Kiều Phong, đưa quần hùng ra Nhạn Môn quan tập kích người Khất Đan để phá vỡ mầm mống xâm lược Trung Quốc có thể xảy ra. Trong Lộc Đỉnh ký, vua Khang Hy đã dựa vào lực lượng tăng lữ chùa Thiếu Lâm để bảo vệ phụ hoàng Thuận Trị, phá vỡ âm mưu chính trị của liên quân Mông Cổ - Tây Tạng.

Có lẽ Kim Dung là một Phật tử thuần thành, am hiểu Phật giáo một cách sâu sắc. Tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu, Kim Dung đã hư cấu cho phái Thiếu Lâm có đến 72 môn công phu huyền diệu gọi là Thất thập nhị huyền công. Mỗi môn công phu đều sử dụng kình lực dương cương, có sức mạnh tan bia vỡ đá. Các môn công phu đều có tên

gọi xuất phát từ kinh đển Phật giáo: Niêm hoa chỉ, Bát Nhã chưởng, Vi Đà chưởng, Vô tướng kiếp chỉ, Đa la diệp chỉ, Đạt Ma kiếm pháp, Sư tử hống, Đồ đề chưởng, Phục ma trượng pháp… Trong cuộc đấu tranh, chính pháp huyền môn luôn luôn thắng tà môn ma đạo. Cái thắng ấy nằm trong ước lệ chính đạo thắng bàng môn.

Có khi Kim Dung sử dụng kinh điển Phật giáo là cái hồn cho toàn bộ tác phẩm. Thiên Long bát bộ là một thí dụ cho nhận định này. Thiên Long là tên một ngôi chùa ở Vân Nam, nước Đại Lý (thời Bắc Tống). Thế nhưng trong Pháp hoa kinh, Thiên Long bát bộ "bao gồm tám loại quỷ thần hay quái vật". Thiên Long bát bộ gồm: Thiên thần, Long thần, Dạ xoa, Kiền Đạt Bà, A Tu La, Già Lâu La, Khán La Na và Ma Hô La Gia. Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung xây dựng tám nhân vật lớn, tám sự tích; mỗi nhân vật và sự tích ấy tương ứng với một "bộ" của bát bộ.
Trong Tiếu ngạo giang hồ, tác giả trích luôn Bảo tích kinh và Diệu pháp liên hoa kinh để xây dựng mối tình Nghi Lâm - Lệnh Hồ Xung. Lời kinh cầu cho Lệnh Hồ Xung tai qua nạn khỏi được Nghi Lâm niệm với cả niềm tin, một lòng thành tuyệt vời khiến Lệnh Hồ Xung trong cơn đau đớn vẫn nhận ra nơi người bạn nhỏ hào quang của sự thánh thiện.

Đưa tinh thần Phật giáo vào trong tác phẩm văn học là điều không mới lạ trong lịch sử văn học Trung Quốc. Cái mới lạ là Kim Dung đưa tình thần ấy vào tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp và ông chuyên canh một cách sâu sắc. Chất Từ, Bi, Hỉ, Xả, nhân bản, nhân văn trong tinh thần Phật giáo biến những tác phẩm nặng tính tranh đấu, sát phạt trở thành những bài tình ca ca ngợi phẩm giá con người, ca ngợi cuộc sống hòa bình trung chính.

Libido

Tôi không có tham vọng đem khái niệm Libido của triết học Tây phương để mổ xẻ các vấn đề thuộc phạm trù tâm lý, tình cảm trong tác phẩm văn học Đông phương. Tuy nhiên con người khắp nơi trên thế giới đều có những mẫu số chung trong hoạt động tâm lý, tình cảm, bởi họ đều là con người. Và tôi đã thận trọng giới hạn vấn đề mình sắp bàn đến trong hai chữ "thử nhìn".

Tâm phân học (Psychanalyse) là một trường phái triết học Tây phương mà ông tổ sản sinh ra nó là Sigmund Freud. Tâm phân học đạt được một số thành tựu nhất định trong việc góp phần cắt nghĩa các hoạt động của năng lực tình dục; cắt nghĩa Ngã (Moi), Đại Ngã (Grand Moi) và Siêu Ngã (Sur-Moi); thế giới của ý thức, vô thức và tiềm thức… Tôi nhìn thấy trong các tác phẩm võ hiệp Kim Dung một số vấn đề khá gần gũi với cách cắt nghĩa của tâm phân học.

Khi sáng tạo và giải thích tâm phân học, Sigmund Freud cùng các đồ đệ của ông như Alfred Adler, Karl Gustav Jung có tham vọng phân tích trạng thái tâm lý con người như là 1 thực thể, được chia cắt ra thành nhiều phần khác nhau. Thế giới tâm lý không còn là thế giới trừu tượng nữa; nó có hình thù hẳn hoi: có đáy, có đỉnh, có miền, có khu vực…

Libido là 1 thuật ngữ khá đặc biệt của tâm phân học, được hiểu như là năng lực tình dục (énergie de la pulsion sexuelle). Libido được coi như nền tảng của hoạt động tâm lý, giữ vai trò hình nhi hạ trong khi tình yêu giữ vai trò hình nhi thượng. Nếu hoạt động tâm lý được coi như 1 tam giác cân thì Libido là cái đáy mà tình yêu là cái đỉnh. Libido là năng lực bẩm sinh trong từng con người, năng lực ấy được thể hiện một cách khác nhau trong từng thời kỳ trưởng thành của cá nhân. Thí dụ: ở trẻ sơ sinh là thời kỳ bú mút, ở tuổi dậy thì là thời kỳ thủ dâm, và sau đó là thời kỳ tình dục… Khi Libido được thỏa mãn, cá nhân mới giữ được trạng thái thăng bằng. Nếu Libido bị ngăn trở, cá nhân bị ẩn ức. Ẩn ức là trạng thái các khuynh hướng bị ngăn trở, không thực hiện được, trở thành một thứ xung động nội tâm, được gọi là refoulement. Hãy hình dung ẩn ức như một quả bong bóng bơm căng, không có chỗ để thoát hơi ra, tức là không có chỗ để thỏa mãn được theo sự đòi hỏi của tự nhiên của năng lực tình dục. Trong trường hợp này, cá nhân tự đi tìm một trong hai cách thế để phát tiết. Một - Libido bị sa đọa, cá nhân trở thành đồng tính luyến ái, ghê sợ tình dục, điên loạn, tâm thần phân liệt, trầm cảm… Hai - Libido được thăng hoa trở thành những tình cảm, khát vọng cao thượng: say mê tôn giáo, khoa học, đam mê sáng tạo văn học, nghệ thuật, âm nhạc… Hiểu theo quan điểm của tâm phân học thì những người trong các nhà thương tâm thần là những người bị sa đọa Libido; thành quả âm nhạc rực rỡ của Beethoven, Mozart, Tchaikovsky là sự thăng hoa của Libido.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã chứng minh được một số trường hợp năng lực Libido sa đọa. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng nhân vật Đông Phương Bất Bại của Triêu Dương thần giáo ham luyện Quỳ hoa bảo điển, đã tự "phăng teo" cái "xíu xiu" nam giới của mình, trở thành kẻ đồng tính luyến ái. Ấy, bởi vì câu mở đầu của Quỳ hoa bảo điển ghi: "Võ lâm xưng hùng, dẫn đao tự cung"' (Muốn xưng hùng võ lâm, phải dùng dao tự thiến). "Tự cung" tức là triệt tiêu hẳn năng lực tình dục. Hắn đâm ra mê lú, "yêu" tên đệ tử to con tốt tướng Dương Liên Đình, đánh nhau với người khác bằng một mũi kim thêu và với tư chức mỹ lệ của một phụ nữ! Tiếu ngạo giang hồ cũng xây dựng 2 trường hợp "tự cung" khác- Nhạc Bất Quần và Lâm Bình Chi. Cả hai đều mất giới tính và sau đó, mất cả nhân tính. Nhạc Bất Quần bức tử vợ là Ninh Trung Tắc; Lâm Bình Chi giết vợ là Nhạc Linh San. Đau đớn thay, khi Nhạc Linh San chết đi, cô hãy còn là trinh nữ.

Hiệp khách hành xây dựng một trường hợp Libido sa đọa khác. Đó là nàng Mai Phương Cô yêu Thạch Thanh mà không được chung sống cùng chàng. Mai Phương Cô đã bắt cóc đứa con nhỏ của vợ chồng Thạch Thanh – Mẫn Nhu đưa về hoang sơn nuôi, gọi tên thằng bé là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Nói theo Alfred Adler, Mai Phương Cô đã làm 1 động tác bù trừ: trả thù tình nhân, tình địch không được, Mai Phương Cô thóa mạ con của tình nhân, tình địch cho bõ ghét. Người phụ nữ ấy sống trong trạng thái trầm cảm, tự rạch bộ mặt mỹ miều của mình cho xấu xí và suốt đời không xuất hiện trước một ai. Khi Thạch Thanh lên núi tìm ra tông tích con trai, Mai Phương Cô tự vẫn.

Trong Thiên Long bát bộ, Mộ Dung Phục là hậu duệ của dòng giống Tiên Ty nước Đại

Yên, suốt đời đam mê khát vọng phục quốc. Từ chối mối tình đằm thắm của nàng thiếu nữ xinh đẹp Vương Ngữ Yên, Mộ Dung Phục sang Tây Hạ hy vọng được tuyển làm chồng của công chúa Ngân Xuyên, trở thành phò mã Tây Hạ, đem quân Tây Hạ về đánh Trung Quốc để phục hưng Đại Yên. Nỗi đam mê ấy biến Mộ Dung Phục trở thành kẻ bạc nghĩa, vô tình, giết luôn đám thủ hạ thân tín của mình, sẵn sàng làm con nuôi Đoàn Diên Khánh, nghĩa là từ chối họ Mộ Dung. Cuối cùng Mộ Dung Phục đã phát điên, ngồi trên gò mả, đội mũ lá làm vua, gọi các trẻ em chăn bò đến làm quan và đem kẹo phân phát cho chúng.

Ở trạng thái thứ 2, năng lực Libido được thăng hoa trở thành những khát vọng, tình cảm cao thượng. Kim Dung cũng đã khắc họa cho người đọc một số hình ảnh cụ thể. Đó là Nhất Đăng đại sư, vốn là vua nước Đại Lý, được thuật trong Xạ điêu anh hùng truyện. Nhà vua đặc biệt sủng ái nàng thứ phi Anh Cô. Thế nhưng, Châu Bá Thông của phái Toàn Chân đến chơi Đại Lý, quan hệ tình dục với nàng Anh Cô khiến nàng sinh ra một đứa con không được thừa nhận. Hiểu ra điều ấy, nhà vua đau đớn bỏ hoàng gia đi tu, trở thành một nhà sư Phật lực cao cường, từ bi đạo hạnh. Và trong Thần điêu hiệp lữ thuật lại, đôi bạn Vương Trùng Dương và Lâm Triều Anh yêu thương nhau. Đáng lẽ, họ đã sống đời sống lứa đôi, nhưng tình yêu lại trắc trở. Vương Trùng Dương suốt đời sống trong Trùng Dương cung; Lâm Triều Anh suốt đời sống trong ngôi cổ mộ dưới núi Chung Nam, tự xem mình là một người Sống-đã-chết (Hoạt tử nhân).

Chung Nam sơn hạ
Hữu hoạt tử nhân
(Dưới Chân núi Chung Nam
Có người sống đã chết).

Họ thăng hoa mối tình tuyệt vọng kia thành niềm say mê sáng tạo và nghiên cứu võ học. Vương Trùng Dương lập nên Toàn Chân phái; Lâm Triều Anh lập ra Cổ Mộ phái, trong đó có môn võ danh tiếng Ngọc Nữ kiếm pháp (kiếm pháp của gái đồng trinh). Khát vọng thăng hoa của Cổ Mộ phái truyền qua những đời sau trở thành một thứ quy luật: chỉ thu nhận gái đồng trinh và chỉ có gái đồng trinh mới làm được chưởng môn Cổ Mộ phái. Làm thế nào xác định được 1 cô gái đồng trinh? Một cách lãng mạn, Kim Dung đã đặt vào trong cánh tay của các nữ nhân vật của mình một dấu đỏ được cấy bằng chu sa, gọi là Thủ cung sa. Khi cô gái mất trinh, dấu Thủ cung sa ấy sẽ biến mất và những đồng môn sẽ xác định được dấu hiệu phạm tội. Những nhân vật kế tục Lâm Triều Anh như Lý Mạc Sầu, Hồng Lăng Ba đều giữ được dấu Thủ cung sa ấy. Họ tự ép mình phải xa lánh tình dục như sư tổ nên tính tình biến đổi, trở thành những kẻ khắc bạc, độc ác. Riêng Tiểu Long Nữ, cô gái trong sáng, dịu dàng nhất của phái Cổ Mộ lại yêu thương người học trò Dương Qua (còn đọc là Quá – lỗi lầm). Thế nhưng, cô không giữ được sự trinh trắng vì bị một đệ tử phái Toàn Chân hiếp dâm. Vết Thủ cung sa mất đi, Dương Qua đau đớn bỏ ra đi, Tiểu Long Nữ cũng một đời đi tìm Dương Qua…

Đạo gia Trung Quốc quan niệm có ba yếu tố cấu tạo thành hồn sống của một đời người: Tinh, Khí, Thần. Khí (hơi thở) có biểu hiện trong hơi nói (trung khí). Thần (sắc diện) có thể biểu hiện nơi khuôn mặt, ánh mắt, các động tác của chân tay. Còn Tinh (trong khái niệm tinh dịch, tinh khí) là cái gì quý giá nhất, tiềm ẩn bên trong con người. Đạo gia đưa ra chủ trương "bế tinh" (không cho xuất tinh) để con người có thể sống thọ. Mà "bế tinh" có nghĩa là kìm hãm sự hoạt động thực tế của năng lực Libido. Người đà ông nào giữ được năng lực tình dục, không giao cấu với phụ nữ được gọi là Thuần dương… Ỷ thiên Đồ long ký, Trương Tam Phong, tổ sư sang lập phái Võ Đang, sống trên trăm tuổi, vẫn chưa gần nữ sắc, có môn Thuần dương vô cực công rất vi diệu. Cũng trong Ỷ thiên Đồ long ký, chàng Vô Kỵ tuổi ngoài 20, có 4 cô bạn gái xinh đẹp nhưng vẫn không gần gũi nữ sắc, vẫn giữ được chất thuần dương. Chất thuần dương ấy là 1 trong nhiều điều kiện đưa Vô Kỵ trở thành người anh hùng vô địch của võ lâm Trung Quốc. Nói cách khác theo Kim Dung, phải kìm hãm năng lực Libido để hướng nó tới mục tiêu đạt tuyệt đỉnh tối cao trong võ học.

Lộc Đỉnh ký xây dựng nhân vật giáo chủ Hồng An Thông. Hồng giáo chủ của Thần Long giáo này có tham vọng "thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ", có 1 cô vợ trẻ măng là Tô Thuyên nhưng không bao giờ chung chăn gối. Lý do: nếu mất tinh khí thì võ công cái thế của Hồng giáo chủ sẽ trôi theo mây nước. Vì vậy Vi Tiểu Bảo đã "cuỗm" Tô Thuyên của Hồng giáo chủ làm người vợ lớn tuổi nhất của hắn. Cuối cùng những tham vọng của Hồng giáo chủ cũng tan thành mây khói, lão bị thuộc hạ giết chết.

Cá biệt có những nhân vật giải phóng hết năng lực tình dục của họ, trở thành những tên giặc dâm chuyên cưỡng gian phụ nữ. Kim dung gọi họ là "Thái hoa dâm tặc". Thí dụ như Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ, Âu Dương công tử trong Xạ điêu anh hùng truyện. Những người này hoạt động tình dục đến nỗi khô kiệt cả tinh khí. Kim Dung bàn đến một thủ pháp gọi là Thái âm bổ dương (lấy cái tinh túy nhất của phụ nữ để bồi bổ cho người đàn ông). Trong các loại tình dục kinh của Trung quốc cũng có nhắc đến thuật này, tỷ như Tố nữ kinh hay Phòng trung thuật. Cái tinh túy nhất của phụ nữ là gì nếu không là tinh? Còn biện pháp "Thái âm" ấy thế nào thì quả là 1 điều nhiêu khê rắc rối. Nói cách khác, Kim Dung vẫn đồng ý với Đạo gia rằng có thể phục hồi năng lực Libido trong trường hợp năng lực ấy bị sử dụng đến mức gần như cạn kiệt. Việc phục hồi ấy như thế nào không được tác giả bàn tới. Dẫu sao, truyện võ hiệp không phải là sách thuốc mà Kim Dung cũng không phải là nhà nghiên cứu về nghệ thuật phòng the…

Nghệ thuật tiểu thuyết của Kim Dung

Mỗi một nhà văn viết tiểu thuyết đều có một nghệ thuật riêng. Nghệ thuật tiểu thuyết của Kim Dung là nghệ thuật tiểu thuyết võ hiệp, viết về bọn hào sĩ giang hồ chuyên sống trên đường đao, mũi kiếm. Nghệ thuật ấy vừa kế thừa thủ pháp truyền thống của các nhà văn tiền bối, vừa cách tân theo phong cách hiện đại. Bàn về tiểu thuyết võ hiệp của ông là

bàn về sự kế thừa và sự cách tân.

Trước hết, tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là tiểu thuyết chương hồi, kế thừa thủ pháp căn bản, truyền thống của tiểu thuyết Minh - Thanh. Ta lấy ví dụ bộ Tiếu ngạo giang hồ dày 1.692 trang (chân thư do Minh Hà xã, Hongkong xuất bản lần thứ 18 với chữ dấu mộc thự tên tác giả) gồm 40 chương. Trước mỗi chương hồi có một bức vẽ minh hoạ, lấy ý chính của chương hồi làm chú thích.

Trong văn xuôi của tiểu thuyết, tác giả Kim Dung thường đưa vào những đoạn trích dẫn thi ca, từ phú và đôi khi là các văn kiện lịch sử mà ông sưu tầm được. Thơ ca trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung có thể là thơ ca do chính ông sáng tác. Bản thân Kim Dung là một nhà thơ và cái ý vị Đường thi trong thơ mới của ông đậm đà, lãng mạn một cách bát ngát. Thí dụ bàn về hoa trà trong Thiên Long bát bộ, tác giả viết:

Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt hoa trà mãn lộ khai
(Quần xanh mặt ngọc từng quen biết
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)
Hoặc:
Thanh câu thủy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Dòng xanh nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vươn trái vải hồng).

Đó cũng có thể là thơ của những nhà thơ tiền bối được Kim Dung trĩch dẫn để làm rõ ý trong những văn cảnh, những tình huống cụ thể. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tổ Thiên Thi giảng giải cho Lệnh Hồ Xung nghe loại rượu nào phải uống với loại chén nào. Nói tới rượu Bồ đào phải uống với chén Dạ quang, Tổ Thiên Thu đọc hai câu trong bài Lương Châu từ của Vương Hàn:

Bồ đào mỹ tửu Dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
(Bồ đào rót chén Dạ quang
Muốn say, trên ngựa tiếng đàn giục đi)

Trong cung cách này, toàn bộ nội dung bộ Hiệp khách hành đều trích dẫn từ 54 câu thơ bài Hiệp khách hành của Lý Bạch; toàn bộ nội dung của bộ Tố tâm kiếm (Liên thành quyết) đều trích dẫn thơ của hàng trăm nhà thơ trong Đường thi tuyển tập.

Đưa thi ca, từ phú vào văn xuôi là chuyện không lạ. Đọc Tam quốc diễn nghĩa, Tây du ký, Hồng lâu mộng, Thủy hử, ta bắt gặp hàng trăm bài thơ. Nhưng thơ trong những tác phẩm ấy đơn thuần chỉ là thơ chứng minh, thơ ca nghĩ ngợi, thơ bày tỏ niềm thán phục của người đời sau. Thơ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung vượt xa hơn, mang một ý nghĩa, một mục tiêu khác. Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung nhắc đến một chiêu kiếm

của phái Hoa Sơn tên là Vô biên lạc mộc. Bốn từ này lấy từ ý bài thơ Đăng cao của Đỗ Phủ:

Vô biên lạc mộc tiêu tiêu há
Bất tận trường giang cổn cổn lai

Nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim dịch:

Miên man lá rụng điêu linh
Nước sông cuồn cuộn mông mênh chảy dào

Ngoài trích dẫn thơ, tác giả còn trích dẫn các văn kiện lịch sử, tư liệu lịch sử có thật trong sử Trung Quốc. Trong Thiên Long bát bộ, khi ca ngợi bà thái hậu sáng suốt của triều Tống (bà nội Tống Triết tôn), tác giả đưa luôn nhận xét trong bản tấu chương của nội viện nước Khất Đan khen ngợi tài đức của bà này và lời bàn rằng bà đang buông rèm nhiếp chính, chớ động binh gây hấn với triều Tống. Đoạn tư liệu này chép trong Tống sử.

Viết Lộc Đỉnh ký, khi bàn về quan hệ Trung - Nga, tác giả đưa luôn một đoạn trong bức thư của Sa hoàng gởi cho vua Khang Hy. Những hàng binh Nga trong cuộc chiến trang biên giới được đưa về Bắc Kinh. Vua Khang Hy trọng dụng họ, phiên chế thành một lực lượng quân sự đặc biệt trong Thanh binh, gọi là Nga La Tư tá lĩnh. Khi viết về đoạn này, Kim Dung theo sát tư liệu trong Thanh sử cảo của Lang Viên.

Nhà nghiên cứu Nghiêm Gia Viêm của Đại học Bắc Kinh ca ngợi văn phong của Kim Dung, cho rằng Kim Dung đã nâng văn chương thông tục lên thành thứ văn chương thanh nhã. Tại sao vậy? Kim Dung viết về bọn hào sĩ giang hồ, về những người bình thường Trung Quốc cho nên văn chương luôn luôn có tiếng chửi. Những tiếng "tổ mẹ nó, quân rùa đen đê tiện, phường cho đẻ, con bà ngươi..." luôn luôn hiện diện trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp nhưng không làm cho văn chương dơ đi vì nó được đặt vào rất đúng văn cảnh. Văn chương của ông cũng phong phú các thành ngữ, tục ngữ Trung Quốc: "Lá rụng về cội", "Hạ đao đồ tể xuống là thành Phật", "Biển khổ không bờ, quay đầu thấy bến", "Non xanh còn đó, nước biếc vẫn đây, hẹn ngày gặp gỡ"... Những thành ngữ, tục ngữ thông dụng ấy được đặt vào đúng văn cảnh, vào từng tình huống một, tạo ra một giá trị nghệ thuật vừa rộng lại vừa sâu. Người học ít đọc Kim Dung cũng thấy thích mà người học cao đọc Kim Dung cũng thấy thích. Tác phẩm của ông vừa mang tính quần chúng rộng rãi vừa mang tính bác học cao nhã.

Nhưng thủ pháp cao cường nhất của Kim Dung vẫn là kĩ thuật xây dựng cốt truyện. Những bộ tiểu thuyết của ông thường liên quan tới các vấn đề lịch sử, các quốc gia (cũ) trong cộng đồng Trung Quốc, nghĩa là rất rộng lớn nên việc xử lý, kết cấu các tình huống tiểu thuyết phải làm sao cho hợp lý để cuốn hút người đọc ngay từ ban đầu. Ông đã tạo trong tác phẩm những mâu thuẫn chiều dọc giữa nhân vật này và nhân vật khác, giữa tình huống này và tình huống khác. Ông đã tạo trong tác phẩm những mâu thuẫn chiều ngang, hiểu như là sự diễn biến tâm lý phức tạp trong nội tâm từng nhân vật. Ông đã xây dựng

những tình huống lạ lùng, tưởng đâu không thể có trong đời, mà rất thật. Tôi xin giới thiệu mấy tình huống để bạn đọc tham cứu.

Một đoạn trong Thiên Long bát bộ gồm các tình huống thế này: Kiều Phong cùng A Châu đến thăm Ôn Khang, được Ôn Khang tiết lộ rằng nhân vật thủ lĩnh đại ca đã đưa người ra Nhạn Môn Quan giết cha mẹ Kiều Phong là Đoàn Chính Thuần. Cả hai quay về vùng Thái Hồ, Giang Nam tìm Đoàn Chính Thuần rửa hận. Khi đến nơi, Kiều Phong chứng kiến cảnh Đoàn Chính Thuần lâm nguy; ông ra tay cứu giúp và ước hẹn cùng Đoàn Chính Thuần canh ba đêm ấy ra chỗ cầu đá để bàn chuyện Nhạn Môn Quan. Đêm ấy, Kiều Phong ngồi cạnh A Châu, hẹn ngày mai trả xong mối thù sẽ cùng nhau về bên kia biên giới, qua thảo nguyên săn chồn đuổi thỏ. Ông ẵm A Châu vào phòng nghỉ trước rồi toạ công và đúng canh ba, ra đi gặp Đoàn Chính Thuần.

Đến nơi hẹn, ông đánh Đoàn Chính Thuần một chưởng và Đoàn Chính Thuần ngã quỵ. Ông lấy làm lạ, nắm Đoàn Chính Thuần đưa lên thì thấy người y nhẹ hều. Hoá ra, đó không phải là Đoàn Chính Thuần; đó chính là A Châu, tình yêu của ông, trái tim của ông. A Châu thuật lại cho ông biết khi mới về Thái Hồ, cô tình cờ hiểu ra Đoàn Chính Thuần là cha ruột của cô nhờ nhìn thấy miếng ngọc bội đeo trên cổ cô em gái là A Tử giống như miếng ngọc bội cô đang có. Nhưng khát vọng trả thù của Kiều Phong cao quá, cô không thể ngăn cản, cũng không thể nói ra sự thật rằng mình là con của Đoàn Chính Thuần. Đêm ấy, cô giả bộ ngủ sớm rồi lén ra đi, gặp Đoàn Chính Thuần huỷ lời ước hẹn. Rồi cô hoá trang - mà kĩ thuật hoá trang của cô rất cao cường - làm Đoàn Chính Thuần, đến cầu đá để chịu một chưởng của Kiều Phong.

Kiều Phong nghe người yêu thuật lại chuyện, đứt từng khúc ruột. Ông bế xác của A Châu kên chạy loạn cả vùng Thái Hồ. Chôn cất A Châu xong, Kiều Phong định tự tử vì không còn muốn sống trên đời nữa. Nhưng chợt nhìn lên bài từ của Đoàn Chính Thuần đề trên lụa treo trên vách, Kiều Phong chợt nhận ra nét chữ của Đoàn Chính Thuần khác hẳn nét chữ của thủ lĩnh đại ca mà ông đã được nhìn thấy. Nghĩa là Đoàn Chính Thuần không phải là thủ lĩnh đại ca. Hoá ra Ôn Khang đã đánh lừa ông; ông đã giết oan A Châu. Nghĩ đến đó, Kiều Phong lại chợt ham sống, sống để tìm ra sự thật, sống để tạ tội giết oan người tình mà ông trọn đời yêu dấu.

Đây là khúc bi ca kinh hoàng nhất, đau thương nhất của Thiên Long bát bộ. Đọc đoạn tiểu thuyết này, người ta có thể đổ nước mắt vì mối thâm tình của A Châu đối với Kiều Phong, vì niềm đau đớn của Kiều Phong không có gì có thể so sánh nổi. Có thể coi Thiên Long bát bộ là một bộ tiểu thuyết tiêu biểu cho phong cách kết cấu câu chuyện của Kim Dung. Những tình huống đan xen, những ngã rẽ bất ngờ dẫn câu chuyện đến những chân trời mới lạ. Đọc hồi này, người ta khó có thể đoán được hồi sau và các hồi kế tiếp.

Kim Dung có khả năng hư cấu tuyệt vời, đẩy những mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm khiến người đọc có cảm giác nhân vật khó thoát khỏi tình huống bi kịch nhất. Nhưng rồi

ông giải quyết vẫn đề một cách hết sức khoa học, gọn nhẹ, hợp lý. Tình huống kết thúc một cách tốt đẹp, vượt qua khỏi sự tưởng tượng của bao nhiêu bạn đọc. Ta hãy lấy một ví dụ trong Thiên Long bát bộ.

Trên bược đường giang hồ, Đoàn Dự đã gặp và yêu thương Chung Linh là con của A Bảo, Mộc Uyển Thanh là con của Tần Hồng Miên, Vương Ngữ Yên là con của Vương phu nhân. Mà những nhân vật A Bảo, Tần Hồng Miên, Vương phu nhân đều là người tình của Đoàn Chính Thuần (cha Đoàn Dự). Nói cách khác, các cô gái mà Đoàn Dự đem lòng thương yêu đều là em cùng cha khác mẹ của Đoàn Dự; những mối tình của Đoàn Dự với các cô gái là mối tình loạn luân. Làm sao giải quyết được những mâu thuẫn kinh khủng đó để cứu những mối tình trong trắng?
Kim Dung giải quyết khá tài tình. Trong phút cuối của đời mình, khi Đao Bạch Phụng, mẹ của Đoàn Dự sắp qua đời, bà mới tiết lộ một điều kinh khủng: Đoàn Dự không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của gã ăn mày Đoàn Diên Khánh. Bởi căm giận thói trăng hoa lơi lả của Đoàn Chính Thuần, Đao Bạch Phụng đã đem tấm thân vương phi cao quý của mình cho gã ăn mày Đoàn Diên Khánh giao hoan. Cuộc giao hợp chớp nhoáng kì lạ đó đã đẻ ra chàng trai Đoàn Dự. Đoàn Chính Thuần không có cái gien sinh con trai; con tư sinh của Đoàn Chính Thuần toàn là con gái. Và chỉ là đồng tông (cùng họ) nên theo luật hôn nhân của nước Đại Lý, Đoàn Dự có thể lấy tất cả các cô Chung Linh, Mộc Uyển Thanh, Vương Ngữ Yên... mà không cần phải thắc mắc về quan hệ huyết thống, dòng tộc, luân lý đạo đức.

Bản chất của tiểu thuyết là hư cấu. Kim Dung dựa trên nền tảng những sự kiện lịch sử có thật của đất nước Trung Hoa, đẩy khả năng hư cấu bay bổng tuyệt vời. Thí dụ trong Ỷ thiên Đồ long ký, ông cắt nghĩa sự ra đời của nhà Minh là cuộc kháng chiến do quần hùng Minh giáo Trung Hoa thực hiện. Thí dụ trong Thiên Long bát bộ, ông giới thiệu sự tương tranh, tương giao của các thế hệ quân chủ nhà Tống, nhà Liêu, nước Đại Lý, nước Thổ Phồn, nước Tây Hạ và tộc Nữ Chân. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung có một trình độ hư cấu rất cao cường, nối kết hàng trăm nhân vật lại với nhau trong mối tương giao thật lạ lùng nhưng cũng thật hợp logic.

Kế thừa thủ pháp của các bậc tiền bối, tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung vẫn đưa ra những chi tiết có vẻ hoang đường nhưng tính hoang đường ấy được đặt trên nền tảng cái có thật. Ta lấy thí dụ nội công là khả năng có thật của người học võ. Nội công ấy được rèn luyện nhiều năm, trở thành công lực riêng của từng người. Trên cơ sở đó, Kim Dung hư cấu ra tình huống người này có thể dốc hết công lực để dồn vào cho công lực của người khác; người khác có thể sư dụng môn hấp công để thu hút hết công lực của địch thủ... Nếu các nhân vật Tây du ký đánh bằng phép thì nhân vật của Kim Dung đánh bằng công lực. Một phát chưởng đánh ra giữa không gian, phát thành chưởng phong bao lấy địch thủ, khiến địch thủ phải ngã quỵ, phải chịu thua. Đó là khả năng hư cấu trong kiếm hiệp Kim Dung.

Nếu phương Tây lãng mạn trong hành động thì phương Đông lãng mạn trong tư duy. Tư duy trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung quả thật lãng mạn bay bổng: hái một chiếc lá, ném một cành hoa cũng có thể giết chết địch thủ; phóng một ngón tay ra không trung (cách không chỉ pháp) cũng có thể phong toả đúng huyệt đạo của người cần phong toả.

Như tôi đã giới thiệu, tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung được gọi là truyện, ký hoặc lục (Xạ điêu anh hùng truyện, Ỷ thiên Đồ long ký, Thư kiếm ân cừu lục). Văn thể cơ bản của tiểu thuyết Kim Dung là kể chuyện. Thế nhưng, cách kể chuyện của ông cũng rất lạ, rất hấp dẫn bởi trong diễn biến của một câu chuyện đang được ông kể, ông đưa vào đó một nhân vật mới và nhân vật này đã kể lại một câu chuyện đã xảy ra. Câu chuyện ấy áo giá trị như một đoạn phục hiện trong điện ảnh (hay trong kịch nói), nghĩa là nó đi ngược thời gian và thay đổi không gian, hấp dẫn người đọc bước vào một thế giới khác với những tình huống khác mới lạ hơn, lý thú hơn. Thí dụ trong Tiếu ngạo giang hồ, bọn hào sĩ đang bàn về sự giao du giữa Lệnh Hồ Xung đệ tử Hoa Sơn và tên thái hoa dâm tặc Điền Ba Quang. Ai nấy đang tức giận, nguyền rủa hai gã này thì ni cô Nghi Lâm của phái Hằng Sơn xuất hiện. Cô kể lại câu chuyện mình bị Điền Bá Quang bắt cóc định làm nhục, được Lệnh Hồ Xung ra tay cứu viện thế nào; La Nhân Kiệt của phái Thanh Thành nhân cơ hội Lệnh Hồ Xung bị thương nặng đã giết chàng thế nào. Chuyện kể của Nghi Lâm hấp dẫn đến nỗi dù các nhân vật không xuất hiện, người đọc vẫn thấy được đặc điểm, cá tính của từng nhân vật, nhận ra ai là anh hùng, ai là tiểu nhân. Đọc Kim Dung, người ta sảng khoái vì lối hành văn lạ lùng ấy.

Điều lạ là khi cầm đến một tác phẩm của Kim Dung; đọc chương đầu ta không thể bỏ được chương hai, đọc chương hai ta không thể bỏ được chương ba. những tình huống tiểu thuyết của ông uyển chuyển, phản trác, những loại nhân vật của ông không sống theo công thức bình thường của đời người. Tiếu ngạo giang hồ là một tác phẩm tiêu biểu cho nhận định này.

Đọc chương một, chương hai, chương ba của tác phẩm này, ta thương cảm chàng thiếu niên Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cục lâm vào cảnh nhà tan, cửa nát, cha mẹ bị bắt; phải tìm lên Hành Sơn để cứu song thân, cứu không được cha mẹ, chàng trở thành đệ tử phái Hoa Sơn. Hết quyển thứ nhất, ta vẫn tưởng Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm. Nhưng rồi Lệnh Hồ Xung dần dần hiện ta như một tên lãng tử vô hạnh, một người có tấm lòng nghĩa hiệp cao cả. và người đọc bắt đầu có cảm tình, bắt đầu yêu mến chàng trai đó. Hoá ra đó mới là nhân vật trung tâm của tác phẩm, còn gã Lâm Bình Chi chỉ là một thứ nguỵ quân tử, một anh lại cái. Có thể coi đó là hai khuôn mặt đại biểu cho cách xây dựng nhân vật của Kim Dung.

Trong lối văn chương kể chuyện, thi thoảng Kim Dung cũgn dừng lại tả cảnh, tả tình. Cách tả tình của ông đặc biệt cô đọng, chủ yếu là đưa ra những nét chấm phá để người đọc tự suy luận. Khi yêu Lệnh Hồ Xung, ngày nào Nhạc Linh San cũng giành đem cơm

lên núi sám hối cho chàng. Nhưng khi gần gũi Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San quên mất đại sư ca, say mê thằng mặt trắng này. Nhạc Linh San là người phương Bắc, Lâm Bình Chi là người phương Nam. Lâm Bình Chi đã dạy cho Nhạc Linh San hát khúc sơn ca Phúc Kiến. Mô tả tâm tình của Lệnh Hồ Xung, Kim Dung viết: "Nhạc Linh San quay mình đi xuống núi, không nói một lời. Bỗng nhiên, giọng sơn ca Phúc Kiến "chị em lên núi hái chè" vang lên. Lệnh Hồ Xung nghe khúc sơn ca mà nát ngọc tan hồn, tưởng bị ai đánh mạnh một chuỳ vào ngực". Tác giả dừng lại ở đó để bạn đọc hiểu thế nào thì hiểu.

Cũng như tả tình, Kim Dung tả cảnh với những nét chấm phá. Thí dụ mùa xuân: "Làn gió mát ru êm cành liễu. Hương hoa thơm say đắm lòng người. Trời đang vào mùa xuân, ánh dương quang chói lọi khắp miền Nam". Đây là cảnh xuân ở thành Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến trong Tiếu ngạo giang hồ. Còn đây là cảnh Cung kiếm hồ ở núi Vô Lượng, Vân Nam: "Bên trái sườn núi là giải thác lớn trắng phau trông như một con rồng treo lơ lửng trên không cuồn cuộn đổ xuống một cái hồ trong vắt, rộng mênh mông không thấy bờ bên kia... Trên mặt hồ, chỉ có chỗ thác đổ vào là nước chảy quanh co, sóng vỗ bì bõm, càn xa hơn từ mười trượng trở đi lại phẳng phiu giống như một tầm gương khổng lồ".

Đọc Kim Dung, ta thấy phong cảnh thiên nhiên, bao la, hùng vĩ, lãng mạn, tươi đẹp hiện ra bốn mùa: tuyết trắng phủ Thiên Sơn, đàn hồng nhạn bay qua Nhạn Môn Quan, sông Tiền Đường sóng vỗ ầm ỳ, chùa Thiếu Lâm ngàn năm nấp sau rừng tung cách sum sê, hoa hồng lăng nở rộ mặt Thái Hồ mùa thu nước biếc... Có lẽ ông đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều nên kiến thức về địa lý học, hóa học, phong tục học rất uyên bác. Ông viết về một thứ văn chương giàu tính nghệ thuật, lôi cuốn, hấp dân khiến người ta đọc mà không thế chán. Các học giả Trung Quốc đã tặng cho Kim Dung một huy chương tinh thần về cách sử dụng kim văn để viết tiểu thuyết.

Sự thành công của Kim Dung chính là sự thành công của văn học Trung Quốc hiện đại.Ông được xếp vào một trong 10 nhà văn lớn của dân tộc Trung Hoa và hai tác phẩm của ông được chọn là hai tác phẩm để đời cho văn học Trung Quốc.
Phải nhìn nhận một điều: tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một loại hình tiểu thuyết khác hẳn với những tiểu thuyết viết về anh hùng hào kiệt thời Minh - Thanh, khác hẳn với các loại tiểu thuyết võ hiệp của các tác giả khá cùng thời, lại khác xa với Les trois mousquetaires (Ba chàng Ngự lâm pháo thủ) của Alexandre Dumas (cha); càng khác xa với những kịch bản phim cao bồi của Viễn Tây Hoa Kỳ. Nó là tiểu thuyết võ hiệp kim văn mới lạ. làm say mê hàng tỷ độc giả trên thế giới, trong đó có độc giả Việt Nam. Sự đóng góp của Kim Dung cho văn học Trung Quốc và thế giới như vậy là khá lớn lao. Ông xứng đáng là minh chủ của nền văn học võ hiệp.

Kim Dung đặt lại mấy vấn đề lịch sử

Một tác phẩm văn học không bao giờ là một tác phẩm sử học. Tác phẩm văn học

được viết bởi nhà văn; tác phẩm sử học được viết bởi những sử quan mà đời Hán gọi là Thái sử lệnh. Tác phẩm văn học được xây dựng từ những khả năng hư cấu lãng mạn; tác phẩm sử học dựa trên những sự kiện lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, nếu biết vận dụng khéo léo, đưa những yếu tố lích sử vào tác phẩm văn học thì tác phẩm văn học hấp dẫn hơn, hoành tráng hơn và hiện thực hơn. Đó là đặc điểm của một số bộ tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Ông đã đưa yếu tố lịch sử vào văn học và vượt xa hơn, ông dùng tác phẩm văn học để đặt lại một số vấn đề lịch sử.

Ai cũng hết lời ca ngợi Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương, tức Minh Thái tổ, làm vua Trung Hoa từ năm 1368 đến năm 1398, được coi là người anh hùng của phong trào kháng Nguyên, người có công bậc nhất thiên hạ giành lại đất nước Trung Hoa từ tay Di Dịch. Thế nhưng, qua Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã buộc người đọc phải nhìn lại đúng bản chất của Chu Nguyên Chương. Xuất thân từ nông dân, Chu Nguyên Chương đã nhân lúc An Huy đói kém, nổi lên làm giặc cướp rồi đi tu ở chùa Hoàng Giác. Ăn cướp một con bò của một nhà giàu làm thịt nấu ăn, bị người nhà giàu sai hai gia nhân đi bắt, Chu Nguyên Chương đã dùng vũ lực bóp miệng hai gia nhân buộc họ phải ăn lông bò. Thủ đoạn vu oan giá hoạ như vậy không phải ai cũng có thể làm được. Chu Nguyên Chương gia nhập Minh giáo (Manichéisme) Trung Hoa, lãnh đạo đội quân Hoài Tứ. Trước khi cuộc khởi nghĩa Minh giáo thành công, Chu Nguyên Chương giết thủ lĩnh của mình là Hàn Sơn Đồng, trấn nước con trai là Hàn Lâm Nhi để nắm quyền lãnh tụ. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung đã mô tả đoạn nghĩa quân Minh giáo đón Trương Vô Kỵ giáo chủ, đoạn Chu Nguyên Chương tạ ơn giáo chủ đã khen ngợi mình. Thế nhưng, chính thuộc hạ Chu Nguyên Chương đã bỏ thuốc độc vào bình rượu cho Vô Kỵ và Triệu Mẫn uống rồi xiềng khoá hai người, giam vào đại lao. May còn được thanh Ỷ thiên gãy, Vô Kỵ đã chặt xiềng, dẫn Triệu Mẫn lặng lẽ ra đi... Con người thủ đoạn, phản bạn, bất trung với cấp trên như vậy đã lên làm vua khai sáng triều Minh ở Trung Hoa. Về sau, để bảo vệ cho quyền lực họ Chu, Nguyên Chương đã tận sát hết các chiến hữu từng cùng ông ta vào sinh ra tử. Ông ghét văn chương đến nỗi chỉ cần đọc một chữ nghi ngờ có ý giễu mình là ông giết ngay người viết.

Trong Thiên Long bát bộ, Kim Dung lại cho ta thấy được tư cách của một ông vua Trung Hoa khác - Tống Triết tôn Triệu Hú. Để làm nổi bật tính cách lấc cấc, huyênh hoang của Triệu Hú, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật Hoàn Nhan A Cốt Đả, thủ lĩnh kiêu dũng của bộ lạc Nữ Chân ở miền Đông Bắc; một Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ thâm trầm, sắc sảo bên kia Nhạn Môn quan, một nước Tây Hạ thịnh vượng ở phía Tây, một nước Đại Lý quân thần như huynh đệ ở phía Nam. Triệu Hú lên ngôi năm 8 tuổi, được bà thái hậu họ Cao nhiếp chính. Vào khoảng năm 1090 đến năm 1093, những biến pháp của Vương An Thạch (phe Tân đảng) đã gần như phá sản, Cao Thái hậu áp dụng tư tưởng cai trị mềm dẻo của phe Cựu đảng gồm Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Cách trị nước của Cao Thái hậu vững vàng, ôn hoà khiến quân Liêu không dám đưa binh qua biên giới gây hấn với nhà Tống. Tể tướng nước Liêu dâng sớ lên Gia Luật Hồng Cơ, ca

ngợi: "Từ khi thái hậu Đại Tống buông rèm nghe chính sự, chiêu nạp trung thần, bài trừ chính trị hà khắc, trong chín năm trời thiên hạ yên vui, triều đình hưng thịnh".

Trong khi đó, Triệu Hú chỉ muốn áp dụng biện pháp của phe Tân đảng Vương An Thạch để gây chiến tranh với nước Liêu. Kim Dung thuật lại đoạn thái hậu bệnh nặng, nằm trong điện Sùng Khánh thành Biện Lương, kêu Tống Triết Tôn Triệu Hú đến dặn dò. Gã vua con nít này chỉ muốn kích động cho bà nội chết sớm; hắn bảo sẽ đem quân Bắc phạt, sẽ trừng trị bon "hủ nho" Tư Mã Quang, Tô Thức, Tô Triệt. Hắn rút kiếm chém chiếc ghế đứt làm hai đoạn trước mắt bà nội. Khi bà già tắt thở, hắn reo lên: "Ta đã được làm vua rồi". Theo chính sử Trung Hoa thì đó là năm 1093, khi Triệu Hú 18 tuổi. Quả nhiên, Triệu Hú giáng Tô Thức từ Lễ bộ thượng thư xuống làm tri phủ Định Châu, giáng Tể tướng Tô Triệt xuống làm tri phủ Nhữ Châu; mắng Hàn lâm học sĩ Phạm Tô Vũ khi người này dâng bản tấu can gián.

Một thứ hôn quân như Tống Triết Tôn mà có thể cai trị được đất nước Trung Hoa quả là một chuyện lạ. Triệu Hú chết năm 1099, em ruột lên ngôi xưng là Huy Tôn. Cái lẽ bại vong của nhà Tống không phải đợi đến sau này mà nó nằm ngay trong đời Triệu Hú, trong Thiên Long bát bộ của Kim Dung. Đoạn văn Triệu Hú chọc cho bà nội chết sớm thật lâm li biến ảo, không thể tìm thấy trong Tống sử hay lịch sử Trung Hoa. Kim Dung không bình luận, nhưng bản chất Tống Triết Tôn Triệu Hú như thế nào thì mọi người đọc văn ông đều rõ.

Kim Dung viết Lộc Đỉnh ký là một cách đối chiếu lịch sử, giúp cho hàng tỷ đồng bào của ông có cơ hội nhìn lại các ông vua của triều Minh - dòng dõi Hán tộc và các ông vua triều Thanh - dòng dõi Di Địch trong bốn rợ (Tứ di). Hình ảnh của vua Minh Sùng Trinh không hiện ra; hình ảnh của những ông vua hậu duệ nhà Minh như Phúc vương, Quế vương, Đường vương, Lỗ vương cũng không hiện ra. Nhưng cảm giác mà Kim Dung tạo ra được cho người đọc là sự nhận chân ra bản chất triều Minh: những ông vua u tối, nhu nhược, không được người Trung Hoa ủng hộ. Đúng ra, có một số ít người theo họ nhân danh chữ trung của nhà nho. Nhưng bản thân chữ trung đó cũng ngu xuẩn nốt: phe thì ủng hộ Đường, phe thì ủng hộ Quế, phe nào cũng chỉ nhận mình mới là chính thống. Điều đó nói lên được thực chất của các phong trào phản Thanh phục Minh cuối thế kỉ 17 ở Trung Hoa: những lực lượng ô hợp, không nêu lên được một khẩu hiệu rõ ràng, một ngọn cờ chính thống. Đối lập với họ là một ông vua con Khang Hy thông minh, tài trí, đức độ. Con người xuất thân từ dòng dõi Di Địch đó đã biết chia rẽ các lực lượng chống đối, áp dụng thủ pháp có nhu có cương để cai trị thiên hạ, thể hiện lòng nhân từ và tư tưởng đại đoàn kết để thu phục nhân tâm. Nhà vua thiếu niên đọc thật kĩ sử sách Trung Hoa, rút ra những bài học lâm sàng từ những ông vua hôn ám để tránh, đi theo cái vương đạo mà bậc đại học đã đi. Đối với quân Mông Cổ, Tây Tạng, Nga La Tư, nhà vua có đối sách ngoại giao rõ ràng. Chính vì vậy khi Ngô Tam Quế dựng lên chiêu bài "hưng Minh thảo Lỗ" ở Vân Nam, phát hịch kể tội nhà Thanh và Khang Hy thì không có lực lượng

nào của người Trung Quốc ủng hộ Ngô Tam Quế cả.

Kim Dung là một nhà văn chứ không phải là một nhà sử học. Cách đặt lại vấn đề lịch sử trong tác phẩm của ông cũng rất văn học: không cay cú kết án, không hồ hởi ca ngợi. Ông chỉ nhẹ nhàng trình bày sự kiện người đọc nhân ra quan điểm cá nhân của ông. Nhiều khi, tôi kinh ngạc khi đọc đến những kiến giải uyên bác của Kim Dung về sử học. Thí dụ như đoạn lung trong Lộc Đỉnh ký, khi Kim Dung mượn lời của Lữ Lưu Lương giải thích cho con trai nghe về hai từ "trục lộc" (đuổi hươu). Con hươu ví với thiên hạ, gồm có đất đai và dân chúng. Khương Thái Công tâu với Văn Vương: "Lấy thiên hạ như đuổi bắt con hươu làm thịt chia nhau mà ăn. Có khi nhiều người cùng ăn, có khi một người ăn hết". Ông dẫn lời trong Hán thư: "Nhà Tần để sổng con hươu, thiên hạ tranh nhau bắt". Từ khái niệm "hươu" (lộc), Kim Dung đưa ta qua khái niệm "vạc" (đỉnh). Đỉnh là cái vạc cao, có ba chân, dùng để nấu thịt (hươu) mà ăn. Sau đó, người ta dùng đỉnh để làm một hình cụ. Lịch Sinh bị Tề vương Điền Quảng bỏ vào vạc dầu luộc chín khi Hàn Tín đánh vào Lâm Tri. Nối "lộc" và "đỉnh" lại có khái niệm lộc đỉnh. Trong địa danh Trung Quốc, có núi Lộc Đỉnh ở miền bắc sông Hắc Long, đọc theo âm Mãn Châu là Hô Mã Nhĩ Oa Tập Sơn. Kim Dung đã nắm tay độc giả dẫn vào thế giới Lộc Đỉnh ký, bộ tiểu thuyết ông viết ra trong khoảng 1969 - 1972 tự nhiên như thế. Cách dẫn nhập từ khái niệm lịch sử vào thế giới tiểu thuyết của Kim Dung không phải ai cũng làm được!

Kim Dung và ngôn ngữ xã hội hóa

Người nhạc sĩ viết một ca khúc; ba bốn chục năm sau, một người thưởng thức nào đó còn nhớ được một vài ca từ, nghêu ngao hát lên là số phận ca khúc đó sống được trong lòng người. Một nhà thơ in cả trăm bài, chỉ cần có người yêu thơ thuộc được một đoạn hay vài câu là thơ đã sống được. Văn học, nghệ thuật là những sản phẩm tinh thần dành cho đám đông. Trong quá trình giao thoa giữa tác giả và người thưởng thức, một số câu, chữ, từ ngữ đặc biệt của tác phẩm đi luôn vào lòng người. Tác phẩm như vậy đã là thành công rồi. Còn ngôn ngữ văn chương tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đối với người Sài Gòn, người miền Nam thì sao?
Khi tác phẩm Ỷ thiên Đồ long ký được Tiền Phong Từ Khánh Phụng dịch với tựa đề Cô gái Đồ long, Nhà xuất bản Trung Thành in và phát hành năm 1966 thì bốn chữ "Cô gái Đồ long" đã trở thành một câu hát:

Có cô gái Đồ long lắc bầu cua
Lắc một cái ra hai con gà mái…

Trẻ con khắp hang cùng ngõ hẻm hát, người lớn cũng hát trong những dịp Tết chơi lắc bầu cua. Ngôn ngữ văn học tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã được xã hội hóa một cách rộng rãi đến bất ngờ. Tôi rất hiểu có nhiều người không biết "Đồ long" là gì nhưng họ vẫn hát: "Có cô gái Đồ long lắc bầu cua…". Mà cần gì phải biết, hễ cao hứng thì cứ hát.

Gần như từ giai đoạn đó trở đi, một số từ ngữ trong văn chương của Kim Dung ngày

càng được xã hội hóa tại Sài Gòn và miền Nam theo sự xuất hiện của các bản dịch tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trên báo chí.

Khái niệm "Tẩu hỏa nhập ma" được Kim Dung nhắc đến trong nhiều tác phẩm để chỉ một trạng thái nguy kịch có thể dẫn đến cái chết, sự điên loạn hoặc sự tê liệt hoàn toàn của một người luyện nội công sai đường. Như trong Hiệp khách hành, Cẩu Tạp Chủng (Thạch Phá Thiên) vừa có nội công Hàn ý miên chưởng (công phu chí âm của bà mẹ nuôi Mai Phương Cô truyền cho) vừa luyện Viêm viêm công (công phu chí dương của Tạ Yên Khách chỉ điểm). Đến lúc tối hậu, hai luồng chân khí âm dương đối địch nhau, mặt chàng lúc đỏ như say rượu, lúc xanh như xác chết trôi. Chàng ngã lăn trên phiến đá, giãy đành đạch mấy cái rồi nằm im, hơi thở mỏng như tơ… Đó là trạng thái tẩu hỏa nhập ma. Giới trí thức và giới sinh viên thời ấy dùng phổ biến cụm từ này. Thí dụ "Thằng ấy đang tẩu hỏa nhập ma" có nghĩa là thằng ấy đang… khùng.

Những tiếng chửi tục của bọn hào sĩ giang hồ trong Tiếu ngạo giang hồ được dân sinh viên thời ấy "mượn" tối đa. Tác phẩm có thuật chuyện bọn môn đệ Tung Sơn bị Lệnh Hồ Xung đâm mù mắt đã dụ quần hùng lọt vào hậu động Hoa Sơn, bít cửa động lại rồi giết họ. Bọn chúng có câu ám ngữ "Cút con bà mày đi" để nhận ra nhau là đồng bọn. Lệnh Hồ Xung cũng học được câu chửi ấy nên mới tự giữ mình được. Dân sinh viên dùng câu ám ngữ này như một… lời chào. Hai anh bạn gặp nhau, vừa mời nhau điếu thuốc, vừa "Cút con bà mày đi".

Báo là nơi in tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung trước tiên cho nên giới nhà báo cũng là những người được đọc Kim Dung kỹ và đầy đủ hơn mọi người. Từ say mê feuilleton, họ say mê luôn các nhân vật và dùng luôn tên các nhân vật làm bút danh cho mình. Ông Lê Tất Điều ký bút danh Kiều Phong, ông Nguyên Sa ký bút danh Hư Trúc, ông Chu Tử ký bút danh Kha Trấn Ác. Những bút danh Tiểu Siêu, Du Thản Chi… lần lượt xuất hiện trên báo chí. Một số những nhân vật khác của Kim Dung cũng được "mượn" họ tên để biểu hiện cho tính cách con người. Kẻ đạo đức giả, có thủ đoạn lừa mị thì bị gọi là "Nhạc Bất Quần". Kẻ hay ton hót, nịnh nọt thì bị gọi là "Vi Tiểu Bảo". Những danh từ riêng ấy qua tác động xã hội hoá, trở thành danh từ chung ám chỉ mộmt loại người. Điều ngộ nghĩnh là các ông nghị, bà nghị trong lưỡng viện Sai Gòn trước đây cũng hay sử dụng các "thuật ngữ" này để thoá mạ nhau khi đấu khẩu trước diễn đàn hay phát biểu trước công luận.

Nhiều từ ngữ khác trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thâm nhập đời sống một cách tự nhiên. Những người ăn xin thì được gọi là "Cái bang", nhà giáo đánh học sinh một cái bạt tay được gọi là đánh một "chưởng". Khái niệm "chưởng" được mở rộng ra để chỉ tất cả các loại phim quyền cước do Hongkong, Đài Loan sản xuất: Phim chưởng. Chữ "chiêu" được sử dụng rộng rãi nhất: "ra phố dạo mấy chiêu", "cầm cơ bi da đánh một chiêu", "anh đừng giở cái chiêu ấy ra với tôi"… Ngữ nghĩa chữ "chiêu" càng ngày càng được mở rộng đến nỗi nó… vượt xa tầm tay của Kim Dung. Người nhỏ tuổi gọi người lớn

tuổi là “Sư phụ”, sếp cơ quan được nhân viên gọi là “Trưởng lão”, từ chối một chức vụ hay xin hưu thì gọi là “rửa tay gác kiếm”, cầm bút viết lại thì gọi là “tái xuất giang hồ”.

Nhưng chưa có chữ nào được xã hội hoá rộng nhất như chữ “Ma giáo”. Trong tiểu thuyết của mình, Kim Dung hay nhắc đến Ma giáo, phát xuất từ chữ Manichéisme (Bái hỏa giáo, Minh giáo). Người Trung Hoa phiên âm là Ma Ni giáo, gọi mãi, người ta lượt bỏ chữ Ni để chỉ còn Ma giáo. Đi vào xã hội Việt Nam, chữ “ma giáo” (không viết hoa) dùng để chỉ đặc điểm của một người có hành vi lật lọng, phản bội, xấu xa: “Anh đừng có chơi ma giáo với tôi”, “ông ấy làm ăn rất ma giáo”, “con người ma giáo ấy chẳng được ai ưa”.

Có thể người ta quên mất nhiều câu chuyện được kể trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Có thể người ta quên sạch các chương hồi, các tình huống, các nhân vật. Thế nhưng, một số từ ngữ đặc biệt trong văn chương tiểu thuyết võ hiệp của ông được xã hội hóa, đi vào cuộc sống thì vẫn còn mãi trong văn nói của người Sài Gòn, người miền Nam. Tuỳ theo từng cách dùng, tuỳ theo từng thời điểm, ngữ nghĩa của các từ, ngữ ấy có thể chuyển đổi một ít hoặc toàn bộ.

Truyện Kiều của Nguyễn Du để lại cho ngôn ngữ văn chương Việt Nam ta những tên Sở Khanh, mụ Tú bà, máu Hoạn Thư… Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đem lại cho ngôn ngữ nói của chúng ta một số từ, ngữ mới; làm phong phú thêm ngôn ngữ nói và mở rộng thêm được một số khai niệm cần diễn đạt. Ở một chừng mực nào đó, ta có thể nói tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã giao thoa đúng tần số với một bộ phận bạn đọc Việt Nam. Đó cũng là một thành công lớn của người cầm bút về phương diện ngôn ngữ, diễn đạt.

Hồn tính lãng mạn phương Đông

Trong văn học Tây Phương, chủ nghĩa lạng mạn (Le romantisme) được hiểu nhưng một trào lưu đến sau chủ nghĩa cổ điển (Le classisme). Nếu chủ nghĩa cổ điển mang theo những quy ước có tính bó buộc thì chủ nghĩa lãng mạn được hiểu như là một thái độ vượt qua các quy ước, phá vỡ sự bó buộc để vươn tới sáng tạo. Lãng mạn, đúng như tên gọi của nó, là *những cơn sóng vỗ tràn bờ* - những bến bờ cổ điển gò bó, chật hẹp.

Phương Đông không có chủ nghĩa lãng mạn nhưng từ nghìn xưa, hồn tính lạng mạn đã là bản chất của tình yêu, của sự sáng tạo triết học, văn học, nghệ thuật Phương Đông. Nếu phương Tây *lãng mạn trong hành động* thì phương Đông *lãng mạn trong tư duy*. Biểu hiện của hồn tính lãng mạn có khác nhau, tạo ra phong cách khác nhau trong sáng tạo văn học. Ta thử đi tìm hồn tính lãng mạn ấy trong tác phẩm văn học của Kim Dung.

Tác phẩm của Kim Dung là tác phẩm của tình yêu, của những bài tình ca nồng thắm. Những lứa đôi trong tình yêu rất trẻ, thường là trên dưới đôi mươi, như Trương Thuý Sơn với Hân Tố Tố; như Vô Kỵ với Triệu Minh (Ỷ thiên Đồ long ký); như Hồ Phỉ với Miêu

Nhược Lan (Tuyết Sơn Phi Hồ); như Lệnh Hồ Xung với Nhậm Doanh Doanh (Tiếu ngạo giang hồ). Gần như những nhân vật nữ của ông yêu nhân vật nam ngay từ cái nhìn đầu tiên, từ lần gặp gỡ đầu tiên. Kim Dung không hề nhắc đến tiếng sét ái tình (coup de foudre). Nếu quan điểm tâm phân học của Sigmund Freud cắt nghĩa tiếng sét ái tình không phải là một cảm xúc tình yêu đến bất chợt mà là đã kinh qua một quá trình chiêm nghiệm, dung nạp và hồi ức những hình ảnh tương tự thì có lẽ Kim Dung cũng để cho những nhân vật của mình kinh qua quá trình tương tự như vậy. Hân Tố Tố yêu Trương Thuý Sơn ngay từ đầu vì cô từng nghe Trương Thuý Sơn có ngoại hiệu là Ngân câu thiết hoạch, một nhà thư pháp chính cống, mà cô lại yêu thư pháp. Doanh Doanh yêu Lệnh Hồ Xung ngay sai khi nghe chàng trai thổ lộ nỗi đau tình trước sự phụ bạc của Nhạc Linh San vì cô tin rằng kẻ nào không chung thủy với quá khứ thì không chung thủy với hiện tại và tương lai. Những trải nghiệm tương tự như vậy trở thành một thứ vô thức tập thể lắng đọng ngàn đời trong tâm hồn nhân loại và các nhân vật của Kim Dung cũng không thể vượt qua ngoài vô thức tập thể đó. Bởi vì họ là một nhân loại thu gọn.

Vâng, những người tình trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung là những con người lãng mạn. Họ lãng mạn đến nỗi họ vững tin rằng tình quân sẽ vượt ngàn dặm quay về với họ như lời hứa trước khi ra đi. Thủy Sinh trong Tố tâm kiếm, A Châu trong Thiên Long bát bộ phận gái dặm trường, bỏ Trung Nguyên ra vũng băng tuyết Quan Ngoại hay Nhạn Môn quan để chờ người yêu trở lại. Và những người anh hùng Địch Vân, Kiều Phong cũng là những người tình lãng mạn. Quả nhiên họ tìm về nơi cũ, quả nhiên họ nhìn thấy người tình đứng trong tuyết trắng chờ họ về. Hồn tính lãng mạn miên man tình ý nhưng hành động lãng mạn chấm dứt ở đó. Không ai ôm nhau, hôn nhau, quấn quít lấy nhau. Đi tới một bước nữa, dù chỉ một bước ngắn, cũng rất phàm tục. Mà tình yêu trong tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung thì không phàm tục chút nào.

Ta hãy nói về một phạm vi khác, phạm vi võ thuật. Trên đỉnh Quang Minh giữa núi Thiên Sơn, Trương Vô Kỵ dùng một cành mai xuân đấu với đao kiếm của Chính - Phản Lưỡng nghi đao pháp, kiếm pháp. Giữa rừng đao núi kiếm tràn đầy sát khí hào quang, cành mai chính là biểu tượng của sự sống, của cái đẹp, của lòng nhân ái. Đấu với đao kiếm là mai không rụng một bông, cái hồn tính lãng mạn quả đã được Kim Dung chắp cho đôi cánh bay bổng tuyệt vời. Ta hãy nói đến đường Độc cô cửu kiếm của Lệnh Hồ Xung. Nguyên tắc cao nhất của võ thuật là tiên phát chế nhân (phóng chiêu ra trước thì kiềm chế được người). Cả một đường Độc cô cửu kiếm chỉ có công mà không có thủ, bởi vì người kiếm sĩ không sử chiêu thức mà sử kiếm ý; ý muốn phóng kiếm đến đâu, kiếm theo đến đó, ung dung nhẹ nhàng như nước chảy mây trôi. Đường kiếm đó chính là hồn tính lãng mạn trong triết học của Trang Tử; nó phảng phất, mênh mông và bất khả tư nghị.

Những hào sĩ giang hồ của Kim Dung vốn là bọn ham vui. Họ sống thành băng, nhóm, đảng, động; khi họ họp với nhau, Kim Dung gọi họ là quần hào, quần hùng. Thế

nhưng trong đám đông đảo đó, thỉnh thoảng vẫn có những người tự tách mình ra sống ẩn dật như một nhà hiền triết. Phong Thanh Dương sống một mình trong hậu động Hoa Sơn, Hoàng Dược Sư sống một mình trên đảo Đào Hoa, Trương Vô Kỵ sống một mình trong hang núi, Tiểu Long Nữ sống một mình trong Cổ Mộ đài… là nhưng nhà hiền triết như vậy. Họ chọn một thái độ sống rất lãng mạn: quay về với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên, hái hoa quả trên rừng, bắt ếch cá bên suối làm thức ăn. Hoàng Dung săn bắn nuôi Quách Tỉnh, Doanh Doanh bắt ếch nướng cho Lệnh Hồ Xung ăn… đơn giản là thái độ trở về với thiên nhiên. Cái mà họ muốn vượt qua là lễ giáo thế tục; cái mà họ muốn đạt được là tinh thần tự do tuyệt đối. Giữa rừng xanh, họ đánh đàn, đánh cờ, nghe thác chảy, nhìn mây trôi, xa lánh chốn giang hồ hiểm ác man trá. Còn lối sống nào hiền triết hơn và minh triết hơn?

Lục hợp chi nội, thánh nhân tồn nhi bất luận, Lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất nghị.

Tiên vương chi chí, Xuân Thu kinh tế, thánh nhân tồn nhi bất biện.

(Việc trong trời đất, thánh nhân biết rồi nhưng không bàn đến, Việc ngoài trời đất, thánh nhân biết rồi nhưng không nghĩ đến.

Chí của các bậc tiên vương, cách kinh bang tế thế thời Xuân Thu, bậc thánh nhân biết rồi nhưng không giải thích).

Những nhân vật minh triết của Kim Dung quả rất gần gũi với khái niệm “thánh nhân” mà Khổng Tử ca ngợi.

Nhân vật của Kim Dung luôn hướng về tự do. Lệnh Hồ Xung học kiếm pháp Hoa Sơn với Nhạc Bất Quần, một cái nhấc chân hay một cái cất tay đều đúng bộ vị, thước tấc. Cho đến khi nhân vật này được học kiếm pháp với Phong Thanh Dương, lãnh hội ý nghĩa sâu sắc trong lời dạy của lão: “Người sử kiếm chứ không phải kiếm sử người, cứ như nước chảy mây trôi mà sử kiếm” thì hắn mừng như điên. Ấy bởi vì Lệnh Hồ Xung biết mình đang tiếp cận với tự do, cái tự do mà một tên lãng tử vô hạnh như hắn cần phải có. Khi hắn yêu Nhạc Linh San thì tình yêu đó nhắc hắn nghĩ tới công danh, địa vị sau này. Nhạc Linh San là con một, Nhạc Bất Quần không có con trai; sau này khi lão trăm tuổi, ngôi vị chưởng môn chắc chắn sữ được trao lại cho Lệnh Hồ Xung. Nhưng làm chưởng môn pháo Hoa Sơn hay tự do ngao du, tiếu ngạo giang hồ là khoái hoạt hơn? Lệnh Hồ Xung chọn cái thứ hai. Đến khi gặp Nhậm Doanh Doanh, nhân ra ở cô gái này tinh thần yêu tự do tuyệt đối thì hắn mới thật sự tìm ra nguồn hạnh phúc cho đời sống. Khúc Tiếu ngạo giang hồ là một khúc hoà tấu tự do, trong tay Khúc Dương và Lưu Chính Phong nghe ra vẫn còn chất binh đao sát phạt, buồn lo uất hận nhưng trong tay Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung thì ấm áp xuân tình, hoà bình trung chính. Chính trạng thái tự do hay mất tự do của tinh thần đã quyết định bản chất của điệu thức, của âm thanh.

Kim Dung nói về tự do một cách say mê, đặc biệt là phần hậu ký của bộ Tiếu ngạo giang hồ do Minh Hà xã, Hongkong in tháng 9 năm 1997. Ông dành hậu ký này bàn về nhân tính, bàn về tự do. Cái tự do của ông quan niệm rất gần gũi với cái tự do của TrangTử trong Nam hoa kinh, lãng mạn và tuyệt đối. Cuối bộ Tiếu ngạo giang hồ, ông để cho Lệnh Hồ Xung từ chức chưởng môn phái Hằng Sơn; Doanh Doanh không làm giáo chủ Triêu Dương thần giáo; hai người dắt tay nhau tiếu ngạo giang hồ. Cuộc sống tự do hấp dẫn họ hơn mọi quyền lực. Đúng ra, đứng trên đỉnh cao quyền lực, họ cũng được tự do hành động nhưng bản chất hành động ấy luôn hướng về một mục đích, nghĩa là họ không còn được hành động một cách tự do nữa.

Tự do chính là tâm thức lãng mạn cao nhất trong tư tưởng phương Đông. Đạo Không đưa con người đi đến chỗ hiền triết thánh nhân, đạo Phật đưa con người đi đến chỗ giải thoát, Lão-Trang đưa con người đến chỗ vô vi. Hiền triết thánh nhân, giải thoát, vô vi là những khát vọng lãng mạn và độc đáo, Chính những khát vọng ấy làm nên hồn tính lãng mạn trong tác phẩm Kim Dung. Điều này rất rõ là khi cầm một tác phẩm Kim Dung lên, đọc mấy chương đầu, ta bỗng nghe lòng thư thái, nhẹ tênh, không còn những vương vất ưu tư từ cuộc sống tác động vào. Đó là gì? Đó chính là sự giải thoát, là tâm trạng cảm thấy mình đang được tiếp cận với tự do dù trong giây phút ngắn ngủi của đời người!

Những ông thần si tình

Tâm lý học hiện đại định nghĩa: "Đam mê là một tình cảm mãnh liệt, hướng chủ thể tới một đối tượng duy nhất và làm khô héo những tình cảm khác". Chắc hẳn Kim Dung đã nghiên cứu, thẩm thấu, nhập tâm định nghĩa này. Và rõ ràng, trong tác phẩm văn học của ông, tính cách đặc thù của những nhân vật đam mê tình yêu hiện ra lồ lộ. Tôi gọi những nhân vật ấy là những ông thần si tình. Họ là những "ông thần" bởi cách thể hiện trạng thái si tình của họ vượt xa các trạng thái si tình của người thường, vượt xa những nhân vật trong tiểu thuyết tình cảm kim cổ. Đối với họ, si tình trở thành một tôn giáo và đối tượng trở thành giáo chủ.

Có thể đề cập đến Đoàn Dự (Thiên Long bát bộ), vương tử nước Đại Lý, thấm nhuần Nho học và Phật học, như là biểu tượng thượng thừa si tình. Rời Vân Nam, chàng trai này phiêu bạt đến Cung Kiếm hồ, núi Vô Lượng. Tại đây, chàng gặp hoạn nạn, phải trốn xuống hồ, lại bị thác nước cuốn vào trong một thạch thất (nhà đá). Nhìn thất một pho tượng tạc hình một thiếu nữ, Đoàn Dự đã há miệng, líu lưỡi, say mê ngay. Lạ lùng là những rung động đầu đời, tiếng sét ái tình đầu đời của Đoàn Dự không dành cho một thiếu nữ bằng xương bằng thịt mà lại dành cho một pho tượng. Đoàn Dự đã gọi pho tượng ngọc bằng "Thần tiên nương tử" (cô gái thần tiên) và đối với pho tượng, anh chàng si tình này ngàn lần lễ phép, kính ngưỡng. Chẳng vậy mà dù trong thạch thất có hàng chữ "giải y nãi kiến" (cứ cởi áo ra là thấy ngay), Đoàn Dự vẫn không dám cởi chiếc áo gấm của pho tượng.

Chàng trai chăm chỉ cúi đầu lạy pho tượng ngọc và càng lạy thì chiếc chiếu dưới chân càng chuyển động, để lộ ra một “cơ quan”: 3 mũi tên đồng xanh. Ý nghĩa của 3 mũi tên này là nếu ai bộp chộp, sàm sỡ cởi áo pho tượng ngọc thì sẽ đạp trúng cơ quan, 3 mũi tên đồng sẽ giết chết người ấy ngay trước khi người ấy kịp hiểu ra những võ công bí ẩn trong thạch thất. Đoàn Dự không tiết mạn pho tượng, không ham võ công, chỉ say mê nhan sắc của pho tượng nên đã vượt qua được cái bẫy chết người ấy. Chàng trai chỉ học trong thạch thất một môn công phu để…chạy trốn kẻ địch. Đó là môn Lăng Ba vi bộ, mô phỏng bước chân nhẹ nhàng, thanh thoát của nàng tiên Lăng Ba trong thần thoại Trung Quốc. Quả nhiên về sai, nhờ có Lăng Ba vi bộ, Đoàn Dự thoát được nhiều tình huống nguy hiểm đến tính mạng. Cho hay, si tình cũng được việc.

Về sau này, Đoàn Dự say mê Vương Ngữ Yên vì tìm thấy ở Vương Ngữ Yên những đường nét dịu dàng của “Thần tiên nương tử”. Tất nhiên Vương Ngữ Yên đánh giá Đoàn Dự như một anh chàng si ngốc; cô chỉ yêu biểu ca Mộ Dung Phục của cô. Nhưng cô đi đến đâu, Đoàn Dự vẫn lẽo đẽo đi theo. Thậm chí giữa rừng đao núi kiếm của quân Tây Hạ, Đoàn Dự cũng mò đến để dặn cô: “Vương cô nương, nếu có việc nguy nan, xin cho tiểu sinh cõng cô nương chạy trốn nhé”. Ấy là Đoàn Dự cậy vào môn công phu Lăng Ba vi bộ ảo diệu của mình.

Rồi cuối cùng tình cảm chân thành của ông thần si tình Đoàn Dự cũng được Vương Ngữ Yên đến đáp. Chẳng những lấy được Vương Ngữ Yên, Đoàn Dự còn lấy Mộc Uyển Thanh, Chung Linh. Ấy bởi vì Đoàn Dự lên ngôi hoàng đế nước Đại Lý, mà hoàng đế thì có quyền có đến… tam cung lục viện!

Thiên Long bát bộ cũng có một nhân vật si tình thượng thừa là Du Thản Chi. Du Thản Chi là con trai của Du Ký, cháu của Du Câu ở Tụ Hiền trang, Giang Nam. Sau khi cha và bác bị giết, Du Thản Chi phiêu bạt giang hồ, bị quân Khiết Đan bắt được đưa qua biên giới làm “chiến lợi phẩm”. Du Thản Chi căm thù Kiều Phong đến tận xương tuỷ vì Kiều Phong giết cha và bác của hắn nhưng hắn lại say mê A Tử, em vợ Kiều Phong ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tâm trạng của Du Thản Chi khi gặp A Tử được miêu tả là “tim đập, chân run, nói không ra lời”.

A Tử, cô gái mới 16 tuổi, đối xử với tù binh là Du Thản Chi 17 tuổi bằng những thủ đoạn cực kỳ tàn độc. Ngay ngày đầu tiên mang Du Thản Chi về, cô đã cho gã đi “diều giấy”: sai quân Khiết Đan cưỡi ngựa ném gã lên không gian rồi cứ vậy mà “phóng” gã, không cho gã rơi xuống đất để làm vui cho cô. Cô lại cho quân dong gã vào dây rồi phóng ngựa chạy cho thân thể gã bầm dập đau đớn như ngàn côn đánh đập, như muôn trượng lửa hồng. Ấy vậy mà khi tỉnh lại, gã vẫn quỳ xuống hôn bàn chân của cô, liếm láp từng ngón chân cô để bày tỏ lòng tôn kính. Nhìn một cách nào đó thì Du Thản Chi là một biểu tượng của trạng thái khổ dâm.

Du Thản Chi không chết. Một ông thần si tình thì làm sao chết được? Kim Dung quả thật bất công khi kéo dài những đau đớn trong đời Du Thản Chi. A Tử sai thợ rèn khéo tay

làm một mặt nạ sắt, nướng đỏ ráp lên đầu Du Thản Chi biến gã thành tên Thiết Sửu (thằng hề bằng sắt). Để thử nghiệm "công trình" của mình, cô buộc gã phải đút đầu vào miệng sư tử cho sư tử cắn xem chơi. Cũng nhờ cái mặt nạ sắt ấy mà Tiêu Phong không nhìn ra được Du Thản Chi, còn Du Thản Chi thì thoải mái nhìn Tiêu Phong với ánh mắt rực lửa căm hờn bởi Tiêu Phong đã từng là kẻ thù giết cha, giết bác của gã và gã biết A Tử rất mê Tiêu Phong.

Du Thản Chi si tình A Tử đến nỗi gã sẵn sàng chết vì A Tử. Gã tình nguyện cho con Hàn tầm trên núi Tuyết Sơn hút máu để A Tử luyện công. Gã xông pha cứu A Tử, chống lại thầy mình là Đinh Xuân Thu để chịu làm kẻ bất trung, bất nghĩa. Khi A Tử đui hai mắt, gã mượn được lưỡi thủy thủ chém sắt như chém bùn để tự tháo cái lồng sắt trên đầu mình ra, trở thành một người mặt quỷ, xưng là Trang Tụ Hiền, đi theo bao bọc A Tử. Gã tình nguyện hiến đôi mắt của mình cho "thầy thuốc" Hư Trúc đem ráp vào hố mắt A Tử để A Tử sáng trở lại còn gã cam chịu phận đui mù. Gã say mê A Tử chỉ để mà si mê, không vì một lý do nào khác, kể cả lý do tình dục. Cuối cùng, khi Tiêu Phong chết, A Tử móc đôi mắt trả lại cho Du Thản Chi rồi bồng Tiêu Phong rớt xuống thung lũng sâu ngoài Nhạn Môn Quan. Và gã cũng đi theo… Cách si tình của Du Thản Chi ngu hơn Đoàn Dự rất nhiều. Chính Đoàn Dự cũng kính "bậc thầy" Du Thản Chi khi Đinh Xuân Thu bắt được A Tử, buộc gã phải quay lại khiêu chiến với quần hùng tụ tập trên núi Tung Sơn phái Thiếu Lâm thì lão mới tha chết cho A Tử. Gã sẵn sàng làm mọi thứ: lừa thầy, phản bạn, giết bất cứ người nào. Làm bất cứ việc gì thương luân bại lý vì A Tử. Cho nên nếu goi Đoàn Dự là phó tiến sĩ si tình thì phải phong cho Du Thản Chi là tiến sĩ si tình mặc dù không có một đại học nào cấp bằng cho các tay si tình dại gái.

Tôi có thể kể ra hai viên cử nhân si tình khác trong Lộc Đỉnh ký. Nhân vật đầu tiên là Vi Tiểu Bảo, khi mới gặp A Kha, hắn đã thề một câu rất kì quái rằng nếu hắn không chiếm được cô thì mười tám đời tổ tiên nhà hắn là quân rùa đen hết ráo. Chẳng những hắn si tình cô con gái mà hắn si tình luôn…bà mẹ vợ, danh kỹ Trần Viên Viên, trên 40 tuổi, đã đi tu. Vi Tiểu Bảo được cái nói thẳng nói thật, dẫu lời nói có sống sượng, thô lỗ, tục tằn. Ấy vậy mà đàn bà con gái Trung Quốc (trong Lộc Đỉnh ký thôi nhé) mê hắn muốn chết. Thái độ si tình của hắn khá thực tế: mê ai là để ngủ cho được với người ấy, không ngủ được thì dù là Tây Thi tái thế, Bao Tự hồi sinh hắn cũng không thèm.

Lại có một viên cử nhân si tình khác là Mỹ đao vương Hồ Dật Chi. Lão này 60 tuổi, tướng mạo cực đẹp, si tình Trần Viên Viên, vứt cây đao đi để tự nguyện làm đầy tớ bửa củi, xách nước phục vụ cho Trần Viên Viên khi cô này đi tu. Lão rình nghe Viên Viên hát Viên Viên khúc, mấy chục năm chỉ lọt tai được tám chín câu. Chỉ như vậy, lão đã cho mình là người đại hạnh phúc.

Khi kết bạn với Vi Tiểu Bảo, nghe họ Vi nói chuyện si tình thực dụng, lão phê phán ngay. Chủ nghĩa si tình của lão là chủ nghĩa si tình thánh hoá, lý tưởng hoá; si tình ai là

phải mong người đó được hạnh phúc, vui vẻ, kể cả giúp cho người mình si tình đi lấy chồng (không phải là mình). Chính vì quan điểm si tình khác nhau mà một già một trẻ cãi nhau ỏm tỏi, càng cãi càng đi vào chỗ mơ hồ, sai lạc.
Nghe đồn Kim Dung cũng là một ông trùm si tình trong cuộc sống và hình bóng ông tôn thờ là cô đào Hạ Mộng. Hạ Mộng còn sống đến bây giờ e đã bảy mươi tuổi có dư. Nhưng tuổi tác có ra quái gì so với tiến sĩ si tình Kim Dung. Có lẽ vì vậy mà ông đã xây dựng nên các "bậc thầy" Đoàn Dự, Du Thản Chi, Vi Tiểu Bảo, Hồ Dật Chi. Những đau đớn của họ, nếu có cũng chỉ là đau đớn tình thần nhiều hơn là thể xác. Và có lẽ Kim Dung thể hiện sự đau đớn ấy trong văn chương cũng là cách tự giải toả cho mình. Nếu không giải toả được, không chừng sẽ phát khùng phát điên lên mất.

"Thiên ngoại hữu thiên"

"Thiên ngoại hữu thiên" (ngoài trời này có bầu trời khác) đơn giản chỉ là một tư tưởng của Lão Tử trong Đạo Đức kinh. Câu nói này thể hiện vũ trụ quan của Lão Tử, một vũ trụ quan cách chúng ta trên 2.500 năm, khi mà những tiến bộ khoa học chưa ra đời và Lão Tử, như những nhà hiền triết phương Đông khác, đã cố gắng cắt nghĩa vũ trụ thông qua những nhận thức thuần nghiêm. Khi phát biểu "thiên ngoại hữu thiên", Lão Tử cho rằng ngoài thế giới hiện thực mà chúng ta đang sống còn có một (hoặc nhiều) thế giới khác mà ông chưa biết đến. Nói cách khác, vũ trụ bao la còn chưa đựng nhiều cuộc sống khác mà loài người đang cố gắng khám phá, tìm hiểu, cắt nghĩa...

Trong "thiên ngoại hữu thiên" thì chữ "thiên" sau của Lão Tử vừa mang tính cách hiện thực vừa mang tính cách siêu thực. Ở chừng mực nào đó, tư tưởng này thể hiện một cái nhìn của siêu hình học cổ điển Trung Quốc. Thế nhưng những nhà văn Trung Quốc, trên cơ sở phát biểu của Lảo Tử, đã muốn biến tư tưởng này thành một hiện thực văn chương sinh động. Ví dụ Ngô Thừa Ân với tác phẩm Tây du ký đã xây dựng một bầu trời khác; bầu trời của Phật, thần, ma quỷ; bầu trời của Tây phương cực lạc. Hai ngàn năm trăm năm sau, một nhà văn khác của Trung Quốc đã chứng minh mệnh đề "thiên ngoại hữu thiên". Đó là Kim Dung với những tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của ông.

Võ hiệp tiểu thuyết hư cấu ra một bầu trời, một xã hội, một cuộc sống hoàn toàn khác hẳn với hiện thực. Đó là bầu trời, xã hội, cuộc sống của bọn hào sĩ giang hồ chuyên sống trên lưỡi đao mũi kiếm, đường quyền ngọn cước. Trên nền tảng của các sinh hoạt tôn giáo, môn phái, bang hội có thật ở Trung Quốc ngày xưa, Kim Dung xây dựng thành một thế giới võ hiệp; thoạt đọc qua cứ tưởng là có thực nhưng đọc kỹ mới thấy đó là sản phẩm thuần tuý của sự tưởng tượng, của khả năng hư cấu văn học.

Về mặt thủ pháp, Kim Dung áp dụng thủ pháp sáng tác khá thú vị; ông gắn liền những tác phẩm của mình với hoàn cảnh, giai đọan lịch sử có thật của Trung Quốc. Thần điêu hiệp lữ, Xạ điêu anh hùng truyện, Ỷ thiên Đồ long ký gắn liền với lịch sử xâm lược của

quân Kim đối với nhà Bắc Tống, sự hình thành của triều Nguyên trên đất Trung Quốc, những cuộc khởi nghĩa chống quân Nguyên để khai sinh triều Minh. Thiên Long bát bộ gắn liền với lịch sử Nam Tống khi nước Khất Đan chiếm được Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay) và 18 châu Yên Vân ở bờ Bắc sông Hoàng Hà; gắn liền với sự tương tranh, tương giao, tương đấu, tương hỗ của 6 thế lực quân chủ Nam Tống, Khất Đan, Kim, Đại Lý, Thổ Lỗ Phồn, Tây Hạ. Lộc Đỉnh ký gắn liền với lịch sử triều Khang Hy nhà Thanh, khi Khang Hy mới lên làm vua đất Trung Quốc, khi những lực lượng phản Thanh phục Minh chưa bị dẹp tan, các lực lượng chư hầu (Tây Tạng, Mông Cổ) chưa bình định. Tuyết Sơn phi hồ, Phi hồ ngoại truyện gắn liền với lịch sử triều Càn Long, trong đó có những đoạn phục hiện, hồi ức về cuộc khởi nghĩa của Sấm vương Lý Tự Thành.

Những hoàn cảnh lịch sử, giai đoạn lịch sử có thật như vậy lại được gắn liền với những thế lực thật sự có thật của các bang hội, môn phái, tôn giáo. Về bang hội có Cái bang, Hải Sa bang, Thần Điểu bang, Cự Kình bang, Thiên Địa hội, Hồng Hoa hội... Về môn phái, tôn giáo chính thống (huyền môn) có Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga My, Bái hoả giáo (Minh giáo), Côn Lôn, Tuyết Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn... Về môn phái, tôn giáo nhiều màu sắc tà đạo có Bạch Liên giáo, Tây Ba giáo, Ngũ Độc giáo, Bạch Mi giáo... những thế lực có thật của các bang hội môn phái, tôn giáo này được trí tưởng tượng của tác giả nâng lên thành những thế lực chính trị, lực lượng quân sự, căn cứ một vùng hoặc có ảnh hưởng bao trùm ở nhiều khu vực rộng lớn.

Trên nền tảng cái có thực, Kim Dung phóng bút đưa vào những hoàn cảnh hư cấu, con người hư cấu cảu mình. Khả năng hư cấu của ông rộng lớn tuyệt vời, cuốn hút người đọc đi vào tác phẩm thuần tuý tưởng tượng mà cứ ngỡ đang đi vào đời sống thật.

Về hình nhi hạ kinh tế, những nhân vật trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung ít ai có nghề ngỗng rõ rệt. Trong mấy ngàn nhân vật của các bộ tiểu thuyết của ông, hoạ hoằn lắm như trong Tiếu ngạo giang hồ Kim Dung mới cho người ta thấy được Lưu Chính Phong, Vương Nguyên Bá là hai nhà giàu nức tiếng, Hà Tam Thất bán hoành thánh, Du Tấn bán tin tức, Lâm Chấn Nam có hãng bảo tiêu. Cơ bản bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm của ông là đám vô công rỗi nghề nhưng vàng bạc lúc nào cũng rủng rỉnh, chẳng những ăn xài thoải mái mà còn sẵn sàng tặng người khác làm lộ phí. Ít khi họ ăn cơm nhà; ta chỉ thấy họ vào tửu lâu uống những bát rượu ngon, ăn những miếng nhắm tốt rồi đem vàng bạc ra trả. Họ đi đến đâu có lời chào mời, thiết đãi. Điều này thật lý tưởng khác xa với hiện thực xã hội Trung Quốc quân chủ trong đó đám bình dân nghèo xơ xác, gặp năm thiên tai, mất mùa, chiến chinh, có người chết đói, có người phải ăn cả thịt người.

Về hình nhi thượng võ công, những nhân vật trong các bộ võ hiệp Kim Dung là những con người tuyệt vời, đạt đến mức lý tưởng nhất. Kim Dung gọi các nhân vật trung tâm của mình là con thần long, con phượng hoàng trong loài người. Chỉ với trọng lượng cơ thể trên dưới một trăm cân (khoảng 60kg), Trương Thuý Sơn đã có thể dùng Thái Cực quyền

đỡ hai tảng đá nặng ba, bốn ngàn cân (Ỷ thiên Đồ long ký). Những loại võ công họ đắc thủ mạnh và tinh vi đến độ trí óc của con người không thể tưởng tượng nổi: Kiều Phong trong Thiên Long bát bộ có nội lực sung mãn như dời non lấp biển, Lệnh Hồ Xung trong Tiếu ngạo giang hồ có đường Độc Cô cửu kiếm thắng tất cả các loại võ công trên đời, Quách Tĩnh trong Xạ điêu anh hùng truyện có Hàng long thập bát chưởng mạnh đến tan bia vỡ đá. Loại nhân vật trung tâm trong tác phẩm của ông chỉ cần xuất một chiêu quyền, cước, chưởng, chỉ, cầm, nã, đao, kiếm, côn, bổng là địch thủ phải chào thua, thậm chí phải táng mạng.

Ấy vậy mà họ sống đẹp hết sức. Trai trung hậu, chất phác; gái thông minh, tiết liệt. Họ sẵn sàng xả thân, hy sinh tính mạng vì người khác. Họ yêu thương đằm thắm, chân thành, thủy chung. Trong mấy ngàn nhân vật, ta chỉ có thể tìm thấy một nhân vật vì tham vọng mà phản bội trong Thiên Long bát bộ (Mộ Dung Phục). Họ hành hiệp cứu đời, tế khốn phò nguy, sống trên và ngoài vòng ảnh hưởng của cái gọi là vương pháp. Họ sống có thứ luật giang hồ riêng, chẳng hề liên quan gì đến các thứ hình luật của các chế độ quân chủ. Cơ sở giải quyết, hành xử mọi vấn đề của họ đặt rtên đao kiếm, quyền cước và tất nhiên, có sự can thiệp tích cực của lý trí và tình cảm của con người.

Trong Nam hoa kinh, Trang Tử đã từng mơ ước một con chim hồng "bay cao chín ngàn dặm, nương mây cỡi gió mà đi". Tư tưởng của Lão Tử Trang Tử hình thành học thuyết Lão Trang nến tản tư duy của đạo gia. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung xây dựng nên những môn phái tu theo đạo gia, lấy tư tưởng Lão Trang làm nền tảng cho võ thuật. Đọc Kim Dung, ta thường gặp các đạo sĩ phái Võ Đang, Thanh Thành, Tiêu Dao, Bồng Lai. Nơi họ tu học là các đạo quan (quán); võ công mà họ đắc thủ là võ công âm nhu, nhẹ nhàng thanh thoát như hoa bay, gió thoảng nhưng kình lực mạnh đến ta bia vỡ đá, dời non dốc biển.

Nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia mà Kim Dung ca ngợi hết lời là một nhân vật có thực: Trương Tam Phong (Trương Quân Bảo), đạo gia khai sáng phái Võ Đang, người sáng tác ra bộ môn Thái Cực quyền pháp chậm rãi, nhẹ nhàng mà ngày nay còn truyền lại trong y thuật dưỡng sinh. Kim Dung mô tả Thái Cực quyền pháp: dang đôi tay nhẹ nhàng ôm lại như ôm cả vũ trụ vào lòng. Và chỉ với một thế Lãm tước vĩ (ôm đuôi chim), đạo gia đã có thể xoay địch thủ của mình như xoay con vụ, dù địch mạnh đến đâu, nặng đến đâu. Lãng mạn hơn, ông còn cho phép bốn lạng có thể chống lại được ngàn cân (tứ lạng bát thiên cân) và có thể mượn (lợi dụng) chính sức của địch thủ để đánh lại địch thủ (tá lực đả lực) Nếu lịch sử - hiểu như một khoa học - có một các cắt nghĩa nhằm đạt đến tích khách quan, tính hiện thực thì Kim Dung, trên nền tảng lịch sử đó, thêu dệt thành những đoạn huyền sử, thoại lạ lùng. Đây cũng chính là thủ pháp sáng tác chung của nhiều nhà văn học Minh-Thanh nhưng bậc hậu bối Kim Dung lại phát huy thủ pháp đến mức lâm li tận chí, vượt xa các bậc tiền bối. Ông đã thêu dệt cho ta nmột huyền thoại Sấm vương Lý Tự Thành trong Tuyết Sơn phi hồ, Phi hồ ngoại truyện và Lộc Đỉnh ký. Ông đã thêu dệt một

huyền thoại Nhạn Môn Quan bi tráng, đầy rẫy tình yêu, nỗi đau, chiến tranh và hoà bình trong Thiên Long bát bộ. Ông đã dựng nên một nhà vua Khang Hy sáng suốt, dũng cảm, cơ trí, đại hiếu, có tầm cỡ của một bậc minh quân bậc nhất nhì Trung Quốc. Và các kho báu lớn, nỗi ước mơ ngàn đời của dân tộc Trug Quốc quân chủ nghèo nàn và lạc hậu xuất hiện trong tác phẩm của ông khá nhiều. Có điều lạ là kho báu ở Quan Ngoại (Tuyết Sơn phi hồ), kho báu ở chùa Thiên Ninh phủ Giang Lăng (Tố tâm kiếm) đều tẩm thuốc độc. Bọn giang hồ hào sĩ, bọn quan lại tham tàn đã tìm được các kho báu đó. Tay họ đã chạm, túi họ đã đựng đầy những vàng bạc, kim cương mã não nhưng họ đã trúng độc, chết ngay tại chỗ trước khi trở thành những siêu tỷ phú. Nó là nguồn hạnh phúc thuần tuý mang tính ẩn dụ đối với người Trung Quốc chăng?

Tiểu thuyết, võ hiệp Kim Dung thường nhắc đến con rồng. Ta có thể dễ dàng bắt gặp Hàng long thập bát chưởng với Hiện long tại điền, Tiềm long thăng thiên, Giao long xuất hải, Thần long bái vĩ, Phi long tại thiên, Kháng long hữu hối...... đây là tên các thế võ phỏng theo tên gọi các quẻ trong Kinh Dịch. Ngay móng vuốt của rồng cũng hình thành môn võ công: Long trảo công, Long tượng chưởng, Cầm long công.... mà rồng là con vật chỉ có trong linh thoại, dứng đầu tứ linh: long, lân, quy, phụng. Đưa con rồng vào trong tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã đưa người đọc trở về với thế giới linh thoại, một thế giới vượt xa thế giới hiện thực, ở ngoài thế giới hiện thực.

Ai cũng tự yêu mình, quý tính mạng của mình. Khuynh hướng ái ngã gần như là một kinh nghiệm phổ quát và tuyệt đối của loài người từ Đông sang Tây. Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, những nhân vật trung tâm lại xả thân hành hiệp cứu đời, cứu người; sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình cho người khác được sống. Lệnh Hồ Xung chiến đấu đến sức cùng lực kiết với Điền Bá Quang để giải cứu cô nữ ni xinh đẹp và trong trắng Nghi Lâm; Trương Vô Kỵ hiến thân để cứu quần hùng Minh giáo; Địch Vân liều mình cứu Thủy Sinh; Kiều Phong dấn thân vào đầm rồng hang cọp để chạy chữa cho A Châu; Hồ Phỉ nghe nơi đâu có cường hào ác bá bức hại dân đen là tìm đến để lập lại công đạo.... Đó là những tấm gương lớn xuất phát từ khái niệm hành hiệp độ thế. Những nhân vật của Kim Dung trở thành những người hùng lý tưởng.

Từ người hùng lý tưởng trong cuộc sống, họ trở thành người tình lý tưởng trong tình yêu. Họ thương yêu say đắm, thủy chung trong khuôn khổ cho phép của lễ giáo Trung Quốc.

Tình yêu đối với họ gần như tự nhiên, hoàn toàn không hàm ý lợi dụng, cơ hội, cưỡng cầu. Gần như tình yêu trong võ hiệp Kim Dung là kết quả của những cơ duyên hợp lý. Cơ duyên không hề mang tính chát tiền định như cơ duyên trong tư tưởng phật giáo, nó chính là kết quả của những mối quan hệ xã hội trong sáng và võ hiệp. Tình yêu trong truyện võ hiệp hình thành một thế giới riêng của anh hùng và giai nhân.

Cái thế giới giang hồ tên đường đao mũi kiếm, cái thế giới của thoại sử, cái thế giới của

võ cộng siêu việt, cái thế giới cảu luật giang hồ, cái thế giới của những anh húng lý tưởng, những mối tình tuyệt vời - tất cả kết hợp thành một bầu trời riêng, khác hẳn bầu trời hiện thực mà người Trung Quốc đã sống. Đó là bầu trời ngoài một bầu trời - một "thiên ngoại hữu thiên". Ai đau xót vì cuộc sống, mệt mỏi vì những oán thù, đau đớn vì phải là người trong cuộc sống hiện thực hãy tìm đến "bầu trời" trong tiểu thuyết võ hiệp.

Vạn sự giai không

"Vạn sự giai không" là một trong những quan điểm lớn lao của đạo Phật. Hiểu một cách chân phương, "Vạn sự giai không" là mọi thứ trên đời đều là tạm bợ, hư ảo không có thật. "Vạn sự giai không" thể hiện nhân sinh quan, vũ trụ quan căn bản nhất của tư tưởng đạo Phật: anh không có, tôi cũng không có; nhan sắc cũng không, tình yêu cũng không; cả thế giới này là một chữ KHÔNG to tướng. Kinh Bát nhã ba la mật chép: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" (Sắc chính là không, không chính là sắc). Than ôi, đến cái đẹp của phụ nữ - nguồn cảm hứng vô tận trong văn học nghệ thuật nhân loại – cũng không có nữa thì thế giới này quả thật đáng buồn.

Kim Dung có lẽ là một đệ tử thuần thành của nhà Phật, thấm nhuần tư tưởng Phật giáo sâu sắc. Tuư tưởng ấy hiện ra trong các tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của ông một cách có hệ thống, trở thành nguồn tư tưởng phương Đông chủ đạo, bao trùm khắp tác phẩm.

Trong những bộ tiểu thuyết của mình, Kim Dung thường nhắc đến sự tích Đức Bồ Đề Đạt Ma từ Thiên Trúc qua Trung Quốc, diện bích trong 9 năm, hình thành hệ tư tưởng Thiền tông Trung Hoa. Từ đó mới có chùa Thiền tông Thiếu Lâm ra đời, mới có các kinh văn Phạn ngữ du nhập Trung Quốc được dịch ra Trung Văn và mới có các thứ võ công danh tiếng mang dáng dấp Thiền tông: Niêm hoa chỉ, Bát Nhã chưởng, Thiếu Lâm trường quyền, Dịch cân kinh, Thiên thủ Như Lai chưởng, Kim Cương chỉ, Đạt Ma kiếm pháp… Một số vũ khí cổ điển mà các nhà sư Thiếu Lâm sử dụng cũa mang dáng dấp Thiền tông: thiền trượng, phương tiện sản…

Trong cách đặt tên nhân vật cho các nhà sư Thiếu Lâm, Kim Dung cũng cố gắng thể hiện chữ Không trong "Vạn sự giai không": Vô Tướng, Vô Sắc, Huyền Khổ, Huyền Nạn, Huyền Từ, Huyền Thống, Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp, Hư Trúc, Không Kiến, Không Văn, Không Trí, Không Tín… Các nhà sư Thiếu Lâm xuất hiện trrong tác phẩm Kim Dung rất gọn nhẹ, bên mình không mang theo một thứ vật dụng, quần áo gì. Thỉnh thoảng có người cầm theo cây gậy, đoản côn, sợi dây (khuyên) để làm vũ khí. Ra đi chiến đấu với địch thủ, họ thường sử dụng đôi bàn tay thịt. Ở một góc độ nào đó, họ là những người "vô sản" - một biểu hiện khá triệt để của chữ "không".

Trong Thiên Long bát bộ, Kiều Phong đau xót tìm nguồn gốc của mình là người Hán hay người Khất Đan. Hơn đâu hết, ở Trung Hoa ngày xưa, mặc cảm dân tộc và sắc tộc rất lớn: người Hán mới là người; các dân tộc và sắc tộc khác chỉ là Tứ di (bốn rợ). Kiều

Phong là bậc anh hùng đạt đạo những vẫn không thoát ra được tư tưởng dân tộc hẹp hòi, chỉ sợ bản thân mình thuộc dòng giống Khất Đan mọi rợ. Ông tìm lên chùa Chỉ Quán, núi Thiên Thai xin gặp nhà sư Trí Quan để hỏi cho ra nguồn gốc đó. Trí Quan chỉ đọc một bài kệ lửng lơ:

Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần.

Cả bài kệ là một chữ "không", kết thúc mọi vấn đề dân tộc, ân oán, vinh nhục trên đời. Tất cà chỉ là bụi trần, hỏi mà làm chi, biết mà làm gì. Sức học của Kiều Phong không cho phép ông hiểu ra ý nghĩa của bài kệ đó ngay thời điểm Trí Quan đọc. Nhưng khi ông nhìn nụ cười hiền từ nở ra trên đôi môi nhà sư và cái chết đầy tính giải thoát của nhà sư khi đọc xong bài kệ, có lẽ ông nhận ra chữ "không" trong tư tưởng của Trí Quan, của nhà Phật.

Kim Dung đã thật sự thhành công khi tạo cho độc giả nhận thức coi cái chết như một sự giải thoát, sự trở về. Trong Tiếu ngạo giang hồ, nhà sư Phương Sinh đứng trước xác bốn đệ tử bị Doanh Doanh giết chỉ đọc một bài kinh văn siêu độ. Ông không trả thù Doanh Doanh, cũng không chôn cất các đệ tử bởi ông coi các xác chết cũng như bốn cái túi da, chôn cũng vậy mà không chôn cũng vậy. Tất cả đều trở về với cát bụi. Trong Thiên Long bát bộ, nhà sư Huyền Thống đang hăng hái đánh nhau với bọn Hàm Cốc bát hữu, chỉ cần nghe nho sinh đọc câu: "Khổ hải vô biên hồi đầu thị ngạn" (bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ) đã chợt ngộ ra chữ "không", đứng tim mà chết, trên môi nở nụ cười mãn nguyện. Cũng trong tác phẩm này, một nhà sư già trong Tàng kinh các chùa Thiếu Lâm đã hóa giải mối thù sâu như biển giữa Tiêu Viễn Sơn (người Khất Đan) và Mộ Dung Bác (người Tiên Ty). Bốn tay họ giao nhau, hai lòng cùng giác ngộ; họ chợt nhận ra những âm mưu, thủ đoạn, khát vọng trả thù chỉ là hư ảo. Và nhà sư Ba La Tinh (người Thiên Trúc) cũng nhận ra cái hư ảo trong giấc mộng ăn cắp kinh văn đem về Thiên Trúc của mình. Ông chợt nhận ra Thiên Trúc hau Trung Hoa đều là thế gian, cũng "không" tuốt, và việc trở về Thiên Trúc là không cần thiết nữa.

Chữ "không" can thiệp vào tình yêu một cách tích cực. Ai yêu nhà sư Huyền Từ bằng Diệp Nhị Nương. Người phụ nữ này đã hiến thân cho Huyền Từ, sinh ra chàng Hư Trúc. Nhưng Huyền Từ là Phương trượng của chùa Thiếu Lâm; Diệp Nhị Nương cam chịu sống lẻ loi, không dám nhìn mặt người tình trong suốt 20 năm cũng chỉ là để cho Huyền Từ khỏi bị tai tiếng vì chữ "dâm" trong Ngũ giới cấm của nhà Phật. Đến phút cuối, trước quần hùng tại isân chùa Thiếu Lâm; Huyền Từ, Diệp Nhị Nương và Hư Trúc mới đoàn tụ. Cha, mẹ và đứa con lưu lạc cùng gặp lại nhau, có hạnh phúc nào lớn hơn điều ấy? Thế nhưng, ở đây chữ "không" lại xuất hiện, can thiệp, biến tất cả niềm hạnh phúc thành khúc bi ca. Huyền Từ tự vẫn để tạ tội với chư tăng chùa Thiếu Lâm; Diệp Nhị Nương tự vẫn

theo người tình cho có đôi có bạn. Tình yêu của họ cũng chỉ là hư không; chăn gối ngày xưa cũng chỉ là hư không.

Trên cơ sở chữ "không", Kim Dung xây dựng những nhân vật rất lạ. Như Định Nhàn sư thái, chưởng môn phái Hằng Sơn (Tiếu ngạo giang hồ); sau một trận chiến đấu hung hiểm đầy máu và lửa, bà xuất hiện với chiếc áo không lấm một vết than tro, khuôn mặt bình thản, tay lần chuỗi tràng hạt như không có chuyện gì xảy ra. Vị nữ ni này đúng với ba chữ "vô ưu", "vô uý", "vô trần" của đạo Phật. Mà "vô" cũng chính là "không". Trước khi chết trên chùa Thiếu Lâm, vị nự ni này truyền chức chưởng môn lại cho Lệnh Hồ Xung mà vẫn không chịu nói ra ai đã giết mình. Ấy bởi vì kẻ giết bà chính là Nhạc Bất Quần , sư phụ của Lệnh Hồ Xung! Chữ "không" đã giúp bà quên đi mối thù. Bà chết nhưng chữ "không" ấy vẫn long lanh trong sáng.

Tôi đã nói "không" cũng là "vô". Kim Dung triệt để bàn đến chữ "không" của đạo Phật qua tiểu thuyết của mình nhưng xin bạn đọc chớ ngại ông biến cả thế giới tiểu thuyết thành ra hư ảo hết. "Không" cũng là "vô" nhưng đồng thời ông lại đưa ra biện chứng "Vô trung sinh hữu" (trong cái "không" sinh cái "có"). Và đó là vấn đề mà tôi sẽ bàn đến, nếu tôi còn sống, chưa trở về với chữ "không".

Chữ Xuân

Trong Trung văn, chữ Xuân (, mùa xuân) được viết với 9 nét. Ở một nghĩa rất tượng trưng, chữ Xuân được ví với bộ phận sinh dục nữ qua phép tượng hình các nét viết của chữ này. Nếu người phụ nữ nằm, thì đó là chữ xuân; nếu người phụ nữ ngồi thì có một kẽ hở, tạo ra một chữ 10 nét, gọi là Thung (). Nhà nho có câu ví von: *Ngọa tắc Xuân mà toạ tắc Thung (Nằm thì Xuân mà ngồi thì Thung)*

Kim Dung viết tiểu thuyết võ hiệp bằng Trung văn. Chữ Xuân trong tác phẩm của ông khá phong phú, biến ảo lạ lùng.

Chữ Xuân nằm trong ngoại hiệu của đạo gia. Xạ điêu anh hùng truyện có 7 đạo gia gọi là Toàn Chân thất tử, trong đó có Trường Xuân tử Khưu Xử Cơ. Tính cách nhân vật này nóng nảy, nhưng là một hán tử yêu nước. Là đạo gia, nhân vật này cũng tu học theo phong cách đạo gia, nghĩa là cũng học cách bế khí để hưởng nhàn, hành lạc dài dài. Chẳng vậy mà ngoại hiệu của lão là Trường Xuân tử? Trường Xuân tử có nghĩa là ông… ham vui hoài hoài. Còn ổng vui được tới đâu thì thây kệ ổng.

Chữ Xuân còn nằm trong ngoại hiệu của thầy thuốc. Trong Hiệp khách hành có một nhân vật gọi là Trước thủ thành xuân Bối Hải Thạch. Bối Hải Thạch võ công cao cường nhưng suốt đời ốm yếu, ho hen hoài. Lão tự tìm thuốc men chữa bệnh cho mình, chữa riết nên trình độ y lý cũng cao cường như một thầy thuốc (đại phu). Vì vậy, lão lên làm trưởng lão bang Trường Lạc tại Giang Nam, được mọi người tôn xưng là Bối đại phu. Bạn

có để ý hai chữ Trường Lạc không? Hai chữ này có nghĩa là vui hoài, vui miết.

Người thầy thuốc luôn được Kim Dung ca ngợi là Diệu thủ hồi xuân. Tất nhiên, làm thuốc là trị bách bệnh; trong đó có bệnh… lạc mất mùa xuân. Hồi xuân là mục tiêu giúp con người tìm lại chất trẻ trung, tìm lại cảm hứng tình dục. Trong phương thuốc hồi xuân luôn luôn có các vị Nhân sâm, Hà thủ ô, Sinh địa, Linh Chi, Tuyết liên tử… Uống các món này, con người khỏe mạnh, trẻ trung trở lại. Còn sau đó thì… hổng biết.

Chữ Xuân còn để chỉ chỗ ăn chơi sa đọa. Người Trung Hoa có câu "Hạ giới hữu Tô Hàng nhị châu". Hàng Châu và Tô Châu là hai chỗ ăn chơi đàng điếm nhất của miền Giang Nam. Xem như vậy thì người trung Quốc coi trọng sự ăn chơi. Lộc Đỉnh ký, thông qua cái miệng của Vi Tiểu Bảo, không ngớt ca ngợi thành Dương Châu nhà hắn. Hắn xuất thân từ Lệ Xuân viện, nơi mẹ hắn làm Kỹ nữ và sinh ra hắn. Hắn tự hào về Lệ Xuân viện, về bà mẹ làm kỹ nữ. Hắn đã từng có mong ước kiếm được thật nhiều tiền để về Dương Châu mua đứt lại Lệ Xuân viện; lập thêm ba toà Lệ Hạ viện, Lệ Thu viện và Lệ Đông viện cho đủ 4 mùa, đặng quần hùng và trọc phú bốn phương đến đó ăn chơi cho phỉ chí.

Vi Tiểu Bảo cũng là tay khoái món văn hóa đồi truỵ. Rõ ràng là hắn có mấy bức thêu gọi là Xuân cung đồ (bức hoạ về bộ phận sinh dục nữ). Hắn đã đem mấy bức thêu này "thuốc" Đa Long khi tên này được vua Khang Hy giao nhiệm vụ chém Mao Thập Bát, khiến Đa Long mê mẩn, mất cảnh giác. Vi Tiểu Bảo đã cứu mạng được Mao Thập Bát nhờ truyền bá văn hóa đồi truỵ! *Chữ Xuân đồng nghĩa với khái niệm bổ thận, cường dương.* Những món thuốc giúp đàn ông bổ thận, cường dương để chứng mình là nam nhi chính hiệu trong phòng the được gọi là xuân dược. Mô phỏng xuân dược đó, Lệ Xuân viện thành Dương Châu có bán loại xuân tửu. Thế nhưng, Vi Tiểu Bảo thì chỉ muốn những kẻ uống loại rượu này vào phải ngủ li bì, ngủ mê mệt để hắn ra tay khống chế. Cho nên, hắn đã đổ thêm thuốc mê vào rượu; khiến xuân tửu hoá thành mê xuân tửu. Tang Kết lạt ma, Cát Nhĩ Đan vương tử, Trịnh Khắc Sản… cho đến các quý phu nhân, quý tiểu thư Tô Thuyên, A Kha, Phương Di… uống loại rượu này, lòng xuân thì phơi phới nhưng trí tuệ lại hồ đồ. Vi Tiểu Bảo tha hồ tác oai, tác quái. Không hiểu hắn có uống xuân tửu không nhưng hôm ấy hắn giao cấu với 7 người phụ nữ. Tất nhiên, tác giả có nói dóc nhưng nói dóc như vậy nghe cũng thú vị.

Việc nam nữ giao cấu với nhau được Kim Dung gọi là xuân sự hay hảo sự. Đó là quan điểm của một dân tộc quý chuộng sức lao động bởi xã hội Trung Quốc ngày xưa là xã hội nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Phải sinh con đẻ cái để có người lao động, để nối dõi tông đường. Cho nên người ta coi đêm tân hôn là một đêm thiêng liêng của đôi đôi lòng thanh xuân phơi phới. Hiệp khách hành có mô tả đoạn Thạch Phá Thiên và Đinh Đang mới định động phòng thì bọn hảo hán bang Trường Lạc đổ ra đi tìm Thạch Phá Thiên, đứng ngoài sân kêu la ơi ới. Đinh Bất Tứ phải ngồi trên nóc nhà gác cho cháu mình hoàn thành xuân sự. Lão tuôn ra một hơi vừa có vẻ văn hóa, vừa có vẻ tục tĩu, nào

là "đêm xuân một khắc ngàn vàng", nào là "thời xuân qua rất mau"… Nhưng Thạch Phá Thiên đã bỏ cô dâu, chạy mất.

Những nhân vật nữ trung tâm của Kim Dung được gọi là băng thanh ngọc khiết, là hoàng hoa khuê nữ hoặc xuân nữ. Họ là những cô gái trong trắng, lãng mạn mười phần nhưng không liều mạng chút nào. Họ đi đến đâu thì không khí đương xuân có ở đó, rực rỡ, náo nhiệt. Có đôi khi họ buồn, họ khóc. Kim Dung mô tả những giọt nước mắt đọng trên gò má xuân thì lóng lánh chẳng khác gì giọt sương trên đóa mai côi (hoa hồng). Mùa xuân, bóng liễu xanh tươi. Kim Dung mô tả đôi mày các cô đẹp như cặp lá liễu. Và khi cô nào… nổi nóng, đôi mày liễu khẽ nhướng lên hay khẽ cau lại, thể hiện một tâm trạng bất bình thì khách mày râu hãy coi chừng. Một chiêu Xuân phong dương liễu phóng ra, mùa xuân mất biến, chỉ còn cơn lôi đình sục sôi như nắng hạ.

Kiếm luận

Trong chiến tranh cổ điển, kiếm (gươm) là một vũ khí tiện lợi nhất. Tuy không cùng học một loại binh thư nhưng các dân tộc đã biết chung một kinh nghiệm chiến tranh: dùng kiếm để đánh gần và dùng cung để bắn xa. Lịch sử chiến tranh của nhân loại cho biết kiếm được rèn ở thành Baghdad (lúc bấy giờ thuộc Ba Tư - Perse) là loại kiếm danh tiếng nhất, có kỹ thuật rèn cao cường nhất. Và đây là những lưỡi đà kiếm, có hình cong hình lưỡi liềm. Kiếm trong truyện võ hiệp Kim Dung cũng không đi ra khỏi kinh nghiệm ấy. Kiếm quan trọng đến nỗi nhiều khi, những tác phẩm võ hiệp của ông được người đời gọi là truyện kiếm hiệp - truyện về những người hành hiệp cứu đời bằng lưỡi kiếm.

Có những tác phẩm của ông đã khắc hoạ vai trò cao cả của lưỡi kiếm. Đó là trường hợp bộ Ỷ thiên Đồ long ký. Trong 5 chữ, thì đã có hai chữ Ỷ thiên là tên gọi của một thanh kiếm báu mà theo tác giả, được đúc bằng thép nguyên chất pha lẫn platin và trong thân kiếm có cất dấu một pho bảo lục: bộ Cửu âm chân kinh. Tiếu ngạo giang hồ cũng là một tác phẩm đồ sộ nói về cây kiếm với những phái sử dụng kiếm gọi là Ngũ nhạc kiếm phái: Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, Tung Sơn, Hằng Sơn. Bộ Liên thành quyết là một bộ tiểu thuyết viết về một pho kiếm pháp mà bài kiếm quyết là một bài thơ; thầy đã cố dạy sai cho học trò để che dấu lời hướng dẫn đi tìm một kho báu lớn có giá trị liên thành. Ngoài ra, trong 12 bộ tiểu thuyết, luôn luôn xuất hiện người sử kiếm (kiếm sĩ) và kiếm sĩ luôn luôn nhiều hơn những bọn hào sĩ giang hồ sử dụng những loại vũ khí khác.

Về mặt chất liệu làm kiếm, Kim Dung nói đến loại kiếm sắt, kiếm gỗ, kiếm vàng và kiếm pha hợp kim. Kiếm thông thường là kiếm sắt nhưng Kim Dung lại thường đề cập đến một loại sắt thép đặc biệt rất bén, chém sắt như chém bùn. Trương Tam Phong, tức Trương Quân Bảo, dùng một cây kiếm gỗ hành hiệp gọi là Chân võ, thành danh và trở thành tổ sư phái Võ Đang. Bọn thầy thuốc như Hồ Thanh Ngưu, Bình Nhứt Chỉ có cây đoản kiếm bằng vàng, chắc là để dùng trong khi mổ xẻ. Đặc biệt, kiếm Ỷ thiên như đã

nói là một hợp kim gồm thép và platin và phải dùng đến đao Đồ long chém thì cả đao với kiếm mới cùng gẫy. Bọn đệ tử Minh giáo kiếm được thanh kiếm Ỷ thiên gãy, đã dùng kỹ thuật luyện kim đặc biệt của Ba Tư để ráp kiếm lại và trong động tác ráp nối quyết định, còn thêm cả máu người vào. Chi tiết này thật hoang đường nhưng cực kỳ thú vị, không khỏi khiến bạn đọc nghĩ đến huyền thoại hai thanh kiếm thời Chiến quốc: Can tương và Mạc gia (còn gọi là Mạc tà).

Về tính chất, truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến hai loại kiếm: cương kiếm (kiếm rắn) và nhu kiếm (kiếm mềm). Trong Tiếu ngạo giang hồ, Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn Hành Sơn, có cây kiếm mỏng như lá lúa, rút ra cầm tay thì mềm oặt nhưng khi vận công vào thì lưỡi kiếm giương thẳng ra và khi chiến đấu thì kiếm khí phát ra đầu mũi kiếm. Về hình thể, Kim Dung phân ra trường kiếm (kiếm dài) và đoản kiếm (kiếm ngắn). Nhũng nhân vật sử dụng đoản kiếm trong tác phẩm của ông thường là những người có gia số võ công đặc biệt, chuyên đánh cận chiến; chân tay rất linh hoạt. Kiếm bình thường thì thân thẳng. Cá biệt, trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung mô tả nhân vật Tái Bắc minh đà Mộc Cao Phong, một người gù như lạc đà (minh đà) vì có bướu trên lưng; y sử một cây đà kiếm cong cong hình lưỡi liềm. Đúng là đà nhân đà kiếm! Thanh kiếm đặc biệt của Mộc Cao Phong nhắc chúng ta nhớ lại hình ảnh những lưỡi kiếm cong của các đội quân Ả Rập trên sa mạc trong những phim nói về khu vực châu Phi.
Kiếm là một loại vũ khí cá nhân nên thường thường bọn hào sĩ sử đơn kiếm. Tuy nhiên cũng có những người chuyên đánh song kiếm. Lại có những cặp anh em, vợ chồng, bạn bè đồng môn sử đơn kiếm nhưng chuyên đánh đôi thành song kiếm hợp bích. Có lối đánh tập thể kết làm kiếm trận. Triết học Đông phương đã đi vào bài bản kiếm pháp với Lưỡng nghi kiếm pháp, trong đó hai người cùng đánh: một người theo chính Lưỡng nghi, một người theo phản Lưỡng nghi. Có chính có phản mới thành hợp bích chẳng khác nào có thèse, có antithèse mới ra được synthèse trong triết học Hy Lạp.

Về nguyên tắc sử kiếm, Kim Dung đưa ra Kiếm tông và Khí tông. Kiếm tông chú trọng kiếm chiêu, ra đòn liên miên bất tuyệt để thủ thắng. Khí tông chú trọng nội công, cho rằng nội công cao cường là chỉ đánh một vài chiêu là có thể triệt hạ địch thủ. Đây chính là sự mâu thuẫn trong nội bộ phái Hoa Sơn, khiến phái này tương tranh đến nỗi gần tuyệt diệt.

Để có thể sử kiếm, người ta phải học kiếm pháp. Kiếm pháp được hiểu là nguyên tắc hướng dẫn sử một đường kiếm chuyên môn của một phái hay một nhà (gia). Kiếm pháp được cụ thể hoá thành một bài ca và người kiếm sĩ phải học thuộc lòng từng câu, từng chữ. Những câu ca ấy được chép lại trên lụa, trên vải, trên giấy, trên da dê thì được gọi là kiếm phổ. Kiếm phổ chia ra từng chiêu, từng thức; mỗi chiêu thức có nhiều cách biến hoá linh động. Kim Dung đã thực sự đưa người đọc đi vào một thế giới mộng mơ thú vị khi ông đề cập đến những Thái Sơn thập bát bàn, Hành Sơn thập tam thức và lý giải Lưỡng nghi kiếm pháp có 64 thế.

Tại sao lại là 64 thế? Ấy là vì Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái (quẻ); trong mỗi quái có 8 lần biến hoá, 8 lần 8 thành 64 thế. Đó là chính Lưỡng. Thế còn phản Lưỡng nghi? Phản Lưỡng nghi là đánh ngược lại những quy tắc của chính Lưỡng nghi, tạo ra một âm một dương, một trên một dưới, một trái một phải, một trước một sau... Thử tưởng tượng một đối thủ phải đấu với một cặp song kiếm Lưỡng nghi! Kim Dung chỉ đặt vấn đề và chúng ta tưởng tượng.

Trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung nói đến một thứ kiếm pháp lãng mạn hơn: Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Đây vốn là kiếm pháp của Độc Cô Cầu Bại, chỉ gồm có 9 thức: Tổng quyết thức, Phá kiếm thức, Phá khí thức, Phá thương thức, Phá chưởng thức, Phá tiên thức, Phá đao thức, Phá tiễn thức và Phá côn thức. Với 9 thức đó, Độc Cô Cầu Bại đánh thắng tất cả các địch thủ khiến cho không ai còn dám đến đánh kiếm với ông. Ông rơi vào cô đơn (Độc Cô), chỉ mong được thua một lần (Cầu Bại) mà không ai có thể khiến ông thua được, cuối cùng chết đi trong lặng lẽ!

Phong Thanh Dương cắt nghĩa: Độc Cô cửu kiếm đánh theo kiếm ý, nghĩ đến đâu là đánh đến đó, muốn đánh thế nào cũng được, chỉ có công chứ không bao giờ quay về thủ. Hễ địch đánh 100 chiêu, ta đánh 101 chiêu; địch đánh 1000 chiêu, ta đánh 1001 chiêu; liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi. Lệnh Hồ Xung nghe được thứ kiếm pháp như vậy, anh ta mừng như điên vì tâm tính anh ta vốn lãng mạn. Và trận ra oai đầu tiên của Độc Cô cửu kiếm vừa khiến Lệnh Hồ Xung, vừa khiến chúng ta kinh hãi: Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, chỉ sử một chiêu Phá khí thức, đã đâm mù mắt 15 tên ác đồ của phái Tung Sơn!

Kiếm nằm trong vỏ là biểu hiện của hoà bình; kiếm rút ra khỏi vỏ là biểu hiện của đấu tranh. Thậm chí với Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Nga Mi trong Ỷ thiên Đồ long ký, mỗi khi rút kiếm Ỷ thiên ra, kiếm không dính máu là chưa đút vào vỏ. Rút kiếm ra khỏi vỏ, người ta thường bắt kiếm quyết: mũi kiếm hướng lên trời, mũi kiếm chỉ xuống đất, mũi kiếm chỉ ra phía trước, thân kiếm hoành ngang người... Chiêu đầu tiên của những người nhỏ tuổi khi đấu với người trưởng thượng phải là chiêu thi lễ: hai tay đưa thẳng kiếm lên khỏi đầu là Vạn nhạc triều tôn; hai tay nắm lấy đốc kiếm, cả người và kiếm cùng cúi tới trước là Đồng tử bái Quan Âm.

Sử kiếm là cả một nghệ thuật. Dương Qua và Tiểu Long Nữ trong Xạ điêu anh hùng truyện sử Ngọc nữ kiếm pháp một cách uyển chuyển mỹ lệ như một cặp múa đôi. Tả Tử Mục, chưởng môn phái Vô Lượng trong Thiên Long bát bộ sử kiếm chém con rắn đang cuốn lấy người học trò, rắn đứt đôi mà da học trò vẫn không xây xát. Ninh Trung Tắc của phái Hoa Sơn sử thế kiếm quyết định đâm vào người học trò là Lệnh Hồ Xung, kiếm vừa chạm đến da, đã chuyển kình lực đâm thẳng thành kình lực bẻ ngang, khiến thanh kiếm gẫy làm nhiều mảnh rơi xuống choang choảng.

Trong đường kiếm còn có cả tình yêu đôi lứa. Nhạc Linh San cùng Lệnh Hồ Xung thầm yêu nhau, đã lén cha mẹ luyện môn Xung - Linh kiếm pháp, khi múa lên đôi mắt mơ màng, đôi lòng ấm áp. Vì họ còn rất trẻ nên nghịch ngợm, nghĩ ra ra chiêu Nhĩ tử ngã hoạt (người chết ta sống), tính toán kỹ luồng lực đạo, bộ vị, phương hướng sao cho đâm một lần hai đầu mũi kiếm phải dính vào nhau, hai thân kiếm nối thành một đường thẳng.

Những kiếm chiêu trong truyện võ hiệp Kim Dung được ông đặt tên rất hay: Thuận thủy thôi chu (theo nước đẩy thuyền), Lãng tử hồi đầu (người trai ra đi đã quay đầu lại), Thương tùng nghênh khách (tùng xanh đón khách), Trường Giang tam điệp lãng (ba đợt sóng trên sông Trường Giang)... Đôi khi, có những chiêu kiếm phát quá nhanh, máu không kịp chảy. Trong Lộc Đỉnh ký có nhân vật Phùng Tích Phạm mang ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (một đường kiếm không chảy máu). Nói thì vậy nhưng khi Phùng Tích Phạm đánh Song Nhi, người hầu của Vi Tiểu Bảo, đâm cô một kiếm, máu vẫn chảy ra như thường. Cho nên Vi Tiểu Bảo gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu). Có những chiêu phi kiếm, phóng kiếm bay trong không gian để giết địch thủ. Có những chiêu hoán thủ kiếm: kiếm đang cầm tay phải, đột ngột đổi qua cầm tay trái.

Người ỷ có kiếm trong tay chưa chắc đã thủ thắng. Tiểu anh hùng Hồ Phỉ trong Phi hồ ngoại truyện học được phép Không thủ đoạt bạch nhận, chuyên dùng tay không đoạt kiếm kẻ khác. Lệnh Hồ Xung có chiêu dùng ngón tay búng vào sống kiếm đối phương cho kiếm văng đi. Nhậm Ngã Hành phát Phách không chưởng, chưởng lực đủ sức đánh oằn thanh kiếm của địch thủ. Những kiểu mô tả vừa có cơ sở thực tế, vừa không tưởng khiến chúng ta cảm thấy thú vị.

Nhưng thú vị nhất có lẽ vẫn là những trận đấu kiếm mà không có kiếm, không dùng kiếm. Vương tử Đại Lý Đoàn Dự đã học được Lục mạch thần kiếm của chùa Thiên Long, nước Đại Lý, dùng kình lực của nội công phát ra 6 ngón tay theo 6 đường Thiếu dương, Thiếu âm, Thiếu xung, Trung xung, Thiếu trạch. Kiếm khí của anh ta đánh cho Mộ Dung Phục tơi tả, hoảng hốt trước hàng vạn đôi mắt quần hùng tụ tập tại chùa Thiếu Lâm. Hai trận đấu kiếm kỳ lạ nhất là hai trận đấu giữa Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đạo trưởng, chưởng môn phái Võ Đang. Lần thứ nhất, dưới chân núi Võ Đang, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đứng cách nhau cả chục bước, chỉ lấy mắt mà nhìn huyệt đạo của nhau. Ấy vậy mà Xung Hư chịu thua. Lần thứ hai, trong chùa Thiếu Lâm, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đã rút kiếm ra nhưng Xung Hư chỉ đứng xa Lệnh Hồ Xung và nghĩ ngợi, cuối cùng chịu thua. Ấy là vì cả hai chỉ đấu kiếm ý chứ không đấu kiếm chiêu.

Kiếm là vũ khí nhưng những kiếm sĩ không lạm dụng kiếm chiêu để giết người. Đọc văn Kim Dung, ta thường thấy những cụm từ "điểm tới là thôi", "đủ phân thắng bại", “kiếm hạ lưu tình”. Người ta dùng kiếm để họp bạn và những lần gặp gỡ như vậy được gọi là "luận kiếm". Người ta lỡ tay dùng kiếm giết người không khỏi có điều hối hận, đau

khổ. Cho nên, đã có những kiếm sĩ của Kim Dung bẻ kiếm bên trời (thiên nhai triết kiếm), đã có những người "rửa tay gác kiếm". Lại có những người treo kiếm lên không dùng tới, dấu kiếm trong cây đàn, để kiếm hoài trong vỏ không rút ra được nữa.

Hà Túc Đạo trong Ỷ thiên Đồ long ký được xưng tụng là tam thánh: Cầm thánh, Kỳ thánh, Kiếm thánh nhưng cuối cuộc đời, anh ta quay về đỉnh Kinh Thần Phong ngoài núi Côn Lôn xa xôi vạn dặm, treo cây kiếm lên và lặng lẽ nhớ đến cô bé Quách Tương 19 tuổi. Đã có một lần, Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm chống 3 kẻ địch, vừa phóng chỉ vào cây đàn để dưới đất, đàn cho Quách Tương nghe một cầm tấu khúc mới nhất. Quách Tương nghe tiếng đàn và đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo viết khúc cầm phổ này để tặng cho mình. Họ chỉ gặp nhau một lần ngắn ngủi trong rừng chùa Thiếu Lâm và xa nhau một đời. Làm sao mà cuộc đấu kiếm hung hiểm lại có thể cùng diễn ra một lúc với cung đàn thanh thoát, trữ tình? Mặc kệ, Kim Dung cứ viết. Ông đúng là nhà văn lãng mạn, lãng mạn ngay trong đường đao mũi kiếm. Và vì vậy trong tác phẩm võ hiệp của ông, ngay những loại kiếm pháp, kiếm trận hung hãn nhất vẫn luôn luôn lấp lánh những khúc tình ca.

Đao luận

Cũng như kiếm, đao là vũ khí chiến tranh cổ điển. Tuy nhiên, đao đứng đầu trong 4 thứ vũ khí: đao, thương, kiếm, kích.

Có trường hợp, đao hình thành nên tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Trong ký ức của tôi, vẫn còn in đậm nét người thiếu niên tiểu anh hùng Hồ Phỉ, cưỡi con ngựa trắng, cầm cây đơn đao với sở học bài Hồ gia đao pháp từ đất Sơn Đông đi về Trung Nguyên tìm cho ra kẻ thù đã giết cha mình. Đó là nội dung bộ Lãnh nguyệt bảo đao, còn gọi là Thần đao Hồ đại đởm. Câu truyện về Hồ Phỉ như một huyền thoại thật đẹp: tìm thấy kẻ thù rồi, Hồ Phỉ vẫn giơ cao lưỡi bảo đao lóng lánh dưới bóng trăng lạnh, không nỡ chém xuống. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình là một người chính nhân quân tử - Đả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình không cố tình giết cha mình ngày trước. Lãnh nguyệt bảo đao kết thúc một cách đột ngột, lơ lửng; mênh mang tình nhân ái, đức bao dung; trở thành bài ca thật đẹp của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông.

Trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký, hai chữ Đồ long là tên gọi của lưỡi bảo đao mà mọi bang hội, võ phái giang hồ đời Nguyên thèm khát. Tại sao thế? Ngoài khả năng chém sắt như chém bùn, bảo đao Đồ long còn mang trong thân nó một pho binh thư tương truyền là của Nhạc Phi - danh tướng chống quân Kim đời Tống - để lại. Đó là bộ Vũ Mục di thư. Chính quần hùng Minh giáo đã tìm thấy pho di thư này, và với những bài bản chiến tranh của Nhạc Vũ Mục, họ đã tìm được lối thoát khi quần hùng Trung Nguyên bị quân Mông Cổ vây hãm, tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Trung Hoa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của nhà Nguyên. Đồ long (giết rồng) thực sự không nói về tính năng của

lưỡi đao. Rồng đây chính là Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Người làm ra cây đao Đồ long có khát vọng cao xa: mong người yêu nước đời sau lấy được binh thư, đẩy được quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, giết được vua nhà Nguyên để trả hờn cho trăm họ Hán tộc. lưỡi đao Đồ long chính là biểu tượng của bài ca yêu nước mà mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột đều mong có được.

Lưỡi đao còn khá phổ biến trong 9 bộ tiểu thuyết võ hiệp khác của Kim Dung. Có 3 cách đánh đao: đơn đao, song đao và phi đao. Đơn đao là phép đánh đao của một người. Song đao hay song đao hợp bích là phép đánh đao của hai người cùng học một thầy, một sách liên kết để chống địch thủ. Phi đao là loại đao cực ngắn, không dùng để đánh mà để phóng vào địch thủ. Để phóng được phi đao, khách giang hồ phải đeo bao tay bằng sắt, gọi là thiết sam hay thiết bố sam. Những nhân vật sử đao trong tác phẩm Kim Dung thường là nhân vật tay chân linh hoạt, cơ trí hơn người. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng nhân vật Điền Bá Quang, tay cầm ngọn đơn đao, ngày chân đi ngàn dặm, nổi danh vạn lý độc hành với 13 đường khoái đao linh hoạt như gió táp, mưa sa. Chính Lệnh Hồ Xung đã có dịp đánh và nhớ lại phương pháp khoái đao của Điền Bá Quang. Chỉ trong một hơi thở, hắn đã đánh ra 13 thế khoái đao gồm đông, tây, nam, bắc, tiền, hậu, tung, hoành rồi đà đao dừng lại, vững như núi Thái Sơn. Hắn đánh nhanh đến nỗi Lệnh Hồ Xung nín thở và khi sư nương của Lệnh Hồ Xung là Ninh Trung Tắc cố gắng biểu hiện lại đường khoái đao đó, Lệnh Hồ Xung chỉ lắc đầu. Bà dùng kiếm, kiếm nhẹ hơn đao, đáng lẽ là đánh nhanh hơn đao. Nhưng đường kiếm mô phỏng phép khoái đao của bà còn chậm nhiều so với đao pháp của Điền Bá Quang.

Về sau này, Lệnh Hồ Xung luyện được phép Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền cho. Anh đem kiếm pháp này dùng vào phép đánh đao; cây đao của anh là vũ khí đoạt được từ tay cẩu quan Ngô Thiên Đức. Anh đã cứu phái Hằng Sơn bằng cây đao đánh theo kiếm pháp, nội công mạnh đến nỗi chưa kịp rút vỏ đao ra khỏi lưỡi, phóng đao tới, đao khí đủ giết chết kẻ thù. Cây đao của Ngô Thiên Đức là một cây đao cán dài (vì tướng quân thì phải đi ngựa). Lệnh Hồ Xung kẹp đao trong nách, chìa cán ra phía sau, lấy cán đao làm vũ khí điểm huyệt. Trận chiến cứu phái Hằng Sơn trong hang Long Tuyền chú kiếm cốc là trận chiến mà thắng lợi thuộc về lưỡi đao rỉ sét của tham tướng Ngô Thiên Đức.

Cũng trong Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung giới thiệu cho độc giả một lưỡi đao rởm đời. Đó là Kim đao Vương Nguyên Bá, ông ngoại của Lâm Bình Chi, một nhà giàu bậc nhất thành Lạc Dương, lấy biểu trưng là lưỡi đao bằng vàng. Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, theo chân phái Hoa Sơn đến nhà này ăn báo cô mấy bữa. Các con của Vương Nguyên Bá vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch tà kiếm phổ của dòng họ Lâm, dùng cầm nã thủ bẻ trật hai khớp tay của Lệnh Hồ Xung, lục trong người anh lấy ra bản cầm phổ Tiếu ngạo giang hồ mà chúng cho là kiếm pháp. Trước nỗi oan của học trò, bà Ninh Trung Tắc đã đề nghị nhà họ Vương cùng đi đến ngõ Lục Trúc, thành Lạc Dương nhờ Lục Trúc Ông

xem thử đây là cầm phổ hay kiếm phổ. Và cơ duyên này đã run rủi Lệnh Hồ Xung gặp được Thánh cô Nhậm Doanh Doanh. Chính hôm tiễn Lệnh Hồ Xung ra đi, Lục Trúc Ông cũng ra một chiêu cầm nã thủ bẻ trật 4 khớp xương tay của hai người con Kim đao Vương Nguyên bá, trừng trị tội hỗn láo với Lệnh Hồ Xung ngày trước.
Trong Hiệp khách hành, lưỡi đao lại nhuốm một màu hài hước thú vị và màu hài hước đó được Kim Dung diễn đạt một cách điềm tĩnh lạ lùng. Đó là lưỡi đao của Thạch Phá Thiên. Sử bà bà giận chồng là Bạch Tự Tại, chưởng môn phái Tuyết Sơn, và cậu con trai Bạch Vạn Kiếm. Bà bỏ nhà ra đi, dẫn theo cô cháu nội A Tú mới 14 tuổi. A Tú gặp Thạch Phá Thiên, cả hai kết làm đôi bạn nhỏ. Để trừng trị chồng, Sử bà bà lập ra một phái - phái Kim Ô; sáng tạo ra đường đao pháp mới: Kim Ô đao pháp. Thử hỏi, phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà gặp phải Kim Ô (mặt trời) thì số phận Tuyết Sơn sẽ ra sao? Trong khi con ruột của bà tên là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra 10.000 thế kiếm) thì bà nhận Thạch Phá Thiên làm đệ tử truyền nhân, đặt tên là Sử Ức Đao (đánh ra 100.000 thế đao) và dạy cho Thạch Phá Thiên những chiêu thức đao pháp hoàn toàn là khắc tinh của Tuyết Sơn kiếm pháp. Chàng thiếu niên 15 tuổi chăm chỉ học hành, càng học càng giỏi nhưng chẳng hề hiểu rõ ý đồ của sư phụ. Riêng Bạch A Tú thì hiểu tất cả. Cô biết bà nội mình đang muốn triệt hạ ông nội và cha của mình. Thử hỏi, 10.000 thế kiếm mà phải chống đỡ với 100.000 thế đao thì số phận Bạch Vạn Kiếm sẽ ra sao? Cho nên, A Tú đã quỳ xuống trước mặt Thạch Phá Thiên, xin chàng thiếu niên ngày sau nhiêu dung cho ông nội và cha. Giữa cô bé và Thạch Phá Thiên đã có một chút tình cảm nhẹ nhàng vượt qua tình bạn đơn thuần. Thạch Phá Thiên quí người bạn nhỏ, hứa với cô sẽ không bao giờ sử ức đao của Kim Ô đao pháp để phá bạch vạn kiếm của Tuyết Sơn kiếm pháp; rằng anh sẽ không bao giờ làm hại ông nội và ba cô. Và về sau, anh đã nối kết được những tâm hồn lạc lõng của phái Tuyết Sơn, đem hạnh phúc đoàn tụ về cho họ. Lưỡi đao của anh chẳng giết ai cả, chỉ nhằm cứu người, giúp đời.

Đao gắn liền với triết lý phương Đông. Trong võ hiệp Kim Dung, có Lưỡng nghi đao pháp, Lục hợp đao pháp, Ngũ hổ đoạn môn đao, Ngũ hành bát quái đao, Âm dương đao... những khái niệm triết học gắn liền với đường đao cụ thể, buộc con người sử đao ít nhất cũng phải có một vũ trụ quan, một nhân sinh quan để hiểu mình đang làm gì, phục vụ lợi ích nào.

Đao gắn liền với tình yêu đôi lứa. Hồ Phỉ cầm đơn đao đi từ đất Sơn Đông sang Trung Nguyên, gặp gỡ Viên Tử Y. Cả hai đang tuổi vào đời, tình bạn cực kỳ thắm thiết, tình yêu chỉ mới chớm nụ. Họ cùng đi, cùng ăn, cùng ở gần nhau trong ngôi cổ miếu, trong quán lương đình nhưng vẫn giữ lòng trong sạch, không gợn chút bùn nhơ. Trong Lộc Đỉnh ký, Mỹ đao vương Hồ Dật Chi là một nhân vật nức tiếng giang hồ, đao pháp tinh kỳ, khuôn mặt đàn ông đẹp như ngọc. Hồ Dật Chi say mê một người phụ nữ: Trần Viên Viên. Trần Viên Viên là hoa hậu trong làng kỹ nữ, từng là thứ thiếp của vua Sùng Trinh cuối đời Minh mạt. Lý Sấm nổi loạn đánh Sùng Trinh, cướp được Trần Viên Viên. Ngô Tam Quế phản Sùng Trinh, ép Sùng Trinh tự tử, đánh đuổi được Lý Sấm, Trần Viên Viên thành vợ

hờ của Ngô Tam Quế. Khi sang Vân Nam nhậm chức Bình Tây vương của Khang Hy ban tặng, Ngô Tam Quế đã đưa Trần Viên Viên đi theo, cho Viên Viên ở và tu hành trong một ngôi chùa nhỏ ngoại ô thành Côn Minh. Viên Viên dốc hết cả lòng, hát Viên Viên khúc giãi bày tâm trạng hồng nhan trôi nổi của mình. Mỹ đao vương Hồ Dật Chi say mê nhan sắc đó, tình nguyện bỏ lưỡi đao giang hồ, trở về nơi Trần Viên Viên tu hành, làm một người quét rác trồng hoa để được nghe Viên Viên hát. Trọn cuộc đời phục thị cho người đẹp, Mỹ đao vương nghe được chừng ba bốn chục câu. Lòng say đắm nhan sắc cỡ Hồ Dật Chi đã mấy ai trên đời có được.

Lưỡi đao gắn liền với tấm lòng nhân ái, tha thứ cho con người. Thiên Long bát bộ thuật chuyện bang chúng Cái bang tụ tập chống lại bang chúa Kiều Phong, phạm tội khi sư diệt tổ, phải lấy pháp đao ra hành hình. Nhưng bang qui của Cái bang cũng có điều luật quy định bang chúa có quyền tự đổ máu mình để chuộc tội cho thuộc hạ. Kiều Phong đã làm việc đó vì ông vốn thương yêu thuộc hạ. Ông tự lấy dao đâm vào da thịt mình, xoá hết tội lỗi cho những kẻ đã mưu phản ông. Câu chuyện làm ta nhớ đến tích Phật tổ tự cắt thịt mình cho chim ó ăn để cứu lấy con thỏ vô tội.

Đao gắn liền với những cuộc chiến tranh giữ nước. Lộc Đỉnh ký thuật lại chuyện quân dân đảo Đài Loan tiến hành cuộc chiến tranh chống sự xâm lược của liên quân Hà Lan và Bồ Đào Nha - tiếng Trung Quốc gọi chung là Hồng mao quỷ. Trước hoả khí cực kỳ lợi hại của người Tây dương, người Trung Quốc đã tổ chức những đội Đằng bài quân: toán trước dùng ván gỗ dầu quấn rơm che khít để chắn súng đạn, toán sau chuyên sử đoản đao và đánh theo Địa đường đao pháp, chém vào hạ bàn (chân cẳng) của địch. Kết quả là người Đài Loan đã đẩy lui được những đợt tấn công của liên quân Tây dương. Học được kinh nghiệm đó, khi sang biên giới Trung - Nga đánh nhau với quân Nga - mà người Trung Quốc gọi là quân La Sát - tư lệnh Vi Tiểu Bảo đã tổ chức những toán Thanh binh chuyên đánh Địa đường đao, tấn công chém chân ngựa của kỵ binh Kha Tát Khắc (Cosaque). Vi Tiểu Bảo báo cáo:"chém được mấy ngàn cặp chân lông lá" để ai hiểu sao thì hiểu vì chân ngựa có lông mà chân của chiến sĩ kỵ binh Cosaque cũng có lông!
Đao là vũ khí để đấu tranh, để giết người. Nhưng trong truyện võ hiệp Kim Dung, ít có ai bị giết, bị thương bằng đao. Kim Dung nhiều lần nhắc lại câu trong kinh Phật: "Buông lưỡi đao đồ tể xuống sẽ thành Phật". Nhiều nhân vật đã ngộ ra câu nói ấy, trong đó có cả Kim mao sư vương Tạ Tốn, một nhân vật tàn độc trong bộ Ỷ thiên Đồ long ký.

Trong tâm hồn tôi vẫn lấp lánh lưỡi đao nhân ái của tiểu anh hùng Hồ Phỉ. Anh không nỡ chém lưỡi đao của mình xuống thân thể kẻ thù Miêu Nhân Phượng. Dưới bóng trăng lạnh, lưỡi đao lấp lánh và dừng lại ở khoảng không. Người đọc thở phào nhẹ nhõm, nhận ra được sự thắng lợi của lòng nhân ái, của đức bao dung. Lãnh nguyệt bảo đao đúng là một tác phẩm tiểu thuyết lạ lùng, khắc hoạ hình tượng lưỡi đao vừa đẹp, vừa thơ mộng. Hồ Phỉ - con trai của Hồ Nhất Đao - đã làm một việc mà cha mình chưa làm được: tha thứ cho kẻ thù và biểu dương chính nghĩa của đường đao hành hiệp, cứu người

Cành mai trên Thiên Sơn

Thiên Sơn là tên một rặng núi hiểm trở thuộc khu vực ngoại Tân Cương, phía Tây – Tây Bắc Trung Hoa, là biên giới thiên nhiên giữa Trung Hoa và Kirghizitan. Không hiểu từ giấc mơ lãng mạn nào, nhà văn Kim Dung đã để cho chàng thiếu niên Trương Vô Kỵ mới 15 tuổi dắt tay cô bé gái Dương Bất Hối 11 tuổi đi từ An Huy, vượt qua khoảng 18.000 dặm lên tới đỉnh Côn Lôn trong rặng Thiên Sơn, giúp Bất Hối tìm được người cha Dương Tiêu. Cơ duyên đã đưa đẩy cậu bé gày gò Trương Vô Kỵ bò lọt qua một hang đá nhỏ, tìm ra một thung lũng đẹp, học được thần công trong Cửu Dương kinh. Cơ duyên đã khiến cậu bé ở đó làm bạn với cỏ cây, với khỉ vượn, rồi lên tới Quang Minh đỉnh (đỉnh Pobedy cao nhất của Thiên Sơn – 7439 mét) nơi đặt tổng đàn của Bái hỏa giáo (Minh Giáo) Trung Hoa, học được thần công Càn khôn đại nã di của Bái hỏa giáo. Lại cũng chính cơ duyên đã đưa Trương Vô Kỵ – bấy giờ đã là chàng thanh niên 20 tuổi – phải đối đầu với sáu đại môn phái Trung Hoa khi họ muốn tuyệt diệt Bái hỏa giáo. Kinh qua những đoạn đời đau khổ, chàng thanh niên đôi mươi đó đã đủ chín chắn để biết tự dặn mình không được giết người, không được gây thù nhưng phải bảo vệ được những tinh hoa của Bái hoả giáo bởi vì họ là những người yêu nước, kháng Nguyên

Mùa xuân là mùa hoa mai nở. Hoa mai trên Thiên Sơn thích nghi với khí hậu giá lạnh quanh năm, đến tháng 3, tháng 4 Dương lịch vẫn còn mãn khai. Trong tư duy lãng mạn đậm màu sắc phương đông, tác giả Kim Dung đã để cho nhân vật của mình bẻ một cành mai trên núi Thiên Sơn làm vũ khí chống lại song đao, song kiếm. Vợ chồng Hà Thái Xung – Ban Thục Nhàn của phái Côn Lôn sử Chính Lưỡng nghi kiếm pháp. Hai trưởng lão của phái Hoa Sơn sử Phản Lưỡng nghi đao pháp. Chính và phản là hai mặt đối lập triệt để nhưng khi đã hợp bích thì oai lực mạnh vô song, bởi nguyên tắc Âm Dương tương điều, thủy hoả tương chế. Chính biến của kiếm pháp có 64 thế, kỳ biến của đao pháp có 64 thế; 64 nhân cho 64 thành ra 4096 thế liên miên bất tuyệt. Bốn địch thủ của Trương Vô Kỵ cụ thể hoá triết học phương Đông thành bài bản chiến đấu: phía Nam quẻ Càn, phía Bắc quẻ Khôn, phía Đông quẻ Ly, phía Tây quẻ Khảm. Ngoài bốn chính phương còn bốn bàng phương: Đông Bắc quẻ Chấn, Đông Nam quẻ Đoài, Tây Nam quẻ Tốn, Tây Bắc quẻ Cấn. Chính lưỡng nghi kiếm pháp của phái Côn Lôn đi từ Chấn vị tới Càn vị; phản Lưỡng nghi đao pháp của phái Hoa Sơn đi từ Tốn vị tới Khôn vị. Chính đi thuận, phản đi nghịch; ai rơi vào thế liên thủ giáp công của họ thì khó tránh được cái vòng biến ảo huyền diệu của nguyên lý Âm Dương.

Vô Kỵ biết rằng mình không đơn giản chỉ đấu với chính – phản Lưỡng nghi mà đang đấu với một triết lý thực chứng của Đông phương. Anh đã nhớ lại những lời đã học trong Cửu dương kinh: “Gió thổi qua mỏn núi mặc cho nó ngang tàng, ánh trăng vẫn chiếu trên sông lớn” và “Quý hồ ta vẫn giữ được một hơi chân khí sung mãn”. Đó chính là nguyên lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư duy Đông phương. Anh cũng nhận ra rằng chính –

phản Lưỡng nghi thể hiện được là do gốc ở bộ pháp. Bước chân của bốn đại cao thủ sẽ đi từ Qui Muội qua Vô Vọng, Vô Vọng qua Đồng Nhân, Đồng Nhân qua Đại Hữu… Anh khéo léo sử phương pháp bốn lạng chống ngàn cân, lấy cái nhẹ nhàng bay bướm để hoá giải cái cường mạnh, lấy chậm để chế nhanh, lấy cái vụng về chế cái tinh xảo, lấy chiêu thức của người đẩy về phá người. Trương Vô Kỵ sử dụng một cành mai tươi đẹp dịu dàng bay nhảy trong rừng đao kiếm. Ấy thế mà cành mai không rụng lấy một bông!

Vận dụng tư duy Đông phương và tiểu thuyết một cách lãng mạn đến thế là cùng. Trong văn chương và triết học Trung Hoa, mai được nâng lên bạn hữu của con người, đứng đầu mai, lan, cúc, trúc. Chưa thấy tác phẩm nào nói chuyện con người sử cành mai làm vũ khí để chiến đấu và chiến thắng, trừ bộ Ỷ thiên Đồ long ký của Kim Dung. Tôi nghĩ tới một ý đồ khác của nhà văn. Ông cho cái đẹp chiến thắng cái thô bạo; cái nhân tính tiềm ẩn trong cành mai chiến thắng cái tàn bạo tiềm ẩn trong đao, kiếm; cái hồn hậu của tự nhiên chiến thắng cái cơ tâm của con người!

Quả thật lãng mạn khi nhà văn cho phép cành mai đấu với đao kiếm. Tôi cho rằng tư duy lãng mạn đó chỉ có thể có trong tiểu thuyết phương Đông, trong triết học phương Đông. Cả ba thứ cành mai, chính Lưỡng nghi kiếm pháp, phản Lưỡng nghi đao pháp là những hình tượng mang nặng tính ẩn dụ. Văn chương cho phép người ta bay bổng tuyệt vời mặc dù cả tác giả và độc giả đều sống trên mặt đất. Tôi đọc hai thiên Tiêu dao du và Tề vật luận trong Nam hoa kinh của Trang Tử rồi so sánh với cành mai dịu dàng thanh thoát trong Ỷ thiên Đồ long ký và cảm thấy hạnh phúc vì cái đẹp còn tồn tại mãi bên đời chúng ta.

Thư pháp và Võ công

Hiểu một cách đơn giản, thư pháp là cách viết chữ của người Trung Quốc. Hiểu một cách sâu hơn, thư pháp là những phép viết chữ để đạt đến 1 trình độ mỹ thuật riêng của người Trung Quốc. Không sử dụng tự dạng Latin, Hán tự của người TrungQuốc có một lối cấu tạo chữ viết đặc thù mà bản thân mỗi chữ có thể xem là một bức đồ họa riêng biệt bởi các đường nét, độ đậm nhạt và phương pháp phóng bút của nó. Chính vì thế về tự dạng đã là động lực cơ bản đưa những danh gia đến tham vọng hình thành một thư pháp cho mình.

Theo sự phát triển của chữ viết Trung Quốc, thư pháp có 5 loại: *Triện thư, Lệ thư, Khải thư, Hành thư và Thảo thư*. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung thường nhắc đến thư pháp của bốn nhà Tô, Huỳnh, Mễ, Xái. Nhưng điểm đặc biệt trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là tác giả luôn luôn kết hợp với thư pháp với võ công và chính sự kết hợp đó đã tạo ra một chiều sâu trí tuệ cho những tác phẩm, đem lại sự thích thú cho người đọc. Một trong những vũ khí chuyên sử dụng để điểm huyệt được nhắc đến thường xuyên trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là cây Phán quan bút (cây bút của viên quan chấp

pháp, xử kiện). Phán quan bút cũng có hình dạng như cây bút lông nhưng đầu của nó bằng kim loại, nhọn, nhắm đánh vào các huyệt đạo trên người địch thủ. Lãng mạn hơn, Kim Dung cho những nhân vật của mìnhsử dụng phán quang bút đánh theo từng nét trong từng chữ của những bài thơ, bài từ trong khi lâm địch như một đường kiếm pháp hay đao pháp. Thư pháp gắn liền với võ côngđến ỗi chúng tạo cho ta cái cảm giác không thể phân biệt đâu là thư pháp, đâu là võ công.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, chưởng môn phái Võ Đang Trương Tam Phong có kỹ thuật sử dụng ngón tay (chỉ) viết chữ vào khoảng không. Trương Tam Phong mô phỏng thư pháp của Vương Hy Chi đời Đông Tấn để viết Tán Loạn thiếp để giải toả toàn bộ mối lo lắng của mình khi một người học trò cưng bị kẻ địch đánh gãy hết các khớp xương. Trương Tam Phong viết vào khoảng không 24 chữ của bài ca Ỷ Thiên Đồ Long:

Võ lâm chí tôn
Bảo Đao Đồ Long
Hiệu lệnh thiên hạ
Mạc cảm bất tòng
Ỷ thiên bất xuất
Thuỳ dữ tranh phong

Người đệ tử thứ năm là Trương Thuý Sơn cố gắng học và ghi nhớ thư pháp Tán loạn của thầy. Anh biết trong ngón tay biến hoá kỳ ảo đó ẩn tàng một môn võ công vi diệu. Và anh gọi tên nó là Đồ Long công. Về sau khi xuống núi Trương Thuý Sơn sử dụng Đồ Long công chuyển thành quyền pháp đánh nhau với các vị sư chùa Thiếu Lâm tại phủ Lâm An, Giang Nam và đã chiến thắng.

Trương Thuý Sơn là một hào kiệt nho nhã, say mê thư pháp. Bên sông trong cơn mưa, Trương Thuý Sơn đã gặp được Hân Tố Tố, con gái của giáo chủ Bạch Mi giáo, được Tố Tố cho mượn chiếc dù che mưa. Trên chiếc dù ấy, Tố Tố đã viết 7 chữ *"Tà phong tế vũ bất tu quy"* (gió nghiêng mưa nhẹ chẳng nên về) và Tố Tố đề nghị Thuý Sơn nhận xét cho chữ "bất" vì theo cô chỉ có chữ này là cô viết tệ nhất. Thuý Sơn khen chữ "Bất" ấy là dư vận bất tận, càng xem càng quên cả mỏi mệt. Chính nhận xét ấy lại rất hợp ý Hân Tố Tố. Và họ thương yêu nhau, đơn giản qua nét bút của thư pháp viết trên chiếc dù.

Trên Vương Bàn Sơn sông Tiền Đường. Trương Thuý Sơn phải đối đầu với một địch thủ hùng mạnh là Tạ Tốn. Để tự cứu mình, Trương Thuý Sơn đề nghị Tạ Tốn thi... viết chữ. Dùng phán quan bút, Thúy Sơn đã viết lên đá 24 chữ của Đồ Long công theo bút pháp Tán loạn đã học được của thầy. Hai mươi bốn chữ ấy là một môn võ công bao gồm âm dương, cương nhu, tinh thần, khí thế; hùng biện, sắc bén như dao như kiếm. Thấy chàng thư sinh biểu diễn thư pháp Tán loạn, Tạ Tốn phải gật đầu công nhận mình thua.

Tiếu ngạo giang hồ ký thuật lại câu chuyện thú vị của Hướng Vân Thiên, Quang Minh tả sứ của Triêu Dương thần giáo, dẫn Lệnh Hồ Xung đến Cô Mai sơn trang khiêu khích

bọn Giang Nam tứ hữu. Hướng Vân Thiên đã khoe bức tranh “Bắc Tống Phạm Trung Lập khê sơn hành lữ đồ" trong đó vẽ toà núi cao ngất trời, thanh thế mười phần hiểm tuân; một bức thảo thư mà mỗi chữ nột nét như rồng bay phượng múa. Ở đây Phạm Trung Lập đã mô phỏngbút pháp của Trương Húc đời Đường. Bức thảo thư có khí tượng của một môn khinh công của một võ lâm cao thủ.

Trong Giang Nam tứ hữu có nhân vật Ngốc Bút Ông là một danh gia sử phán quan bút. Khác với những người sử phán quan bút bình thường, Ngốc Bút Ông dùng đầu bút là loại lông dê mềm, tự hoà một loại mực rất lạ, hễ thấm vào da thịt ai là ăn luôn, không tẩy rửa được. Công lực của lão thượng thừa nên khi lão phóng bút viết vào khoảng không, kình lực tuôn ra đầu ngòi bút veo véo. Đấu với Độc cô cửu kiếm của Lệnh Hồ Xung, Ngốc Bút Ông viết bài " Bùi tướng quân thi " theo thư pháp Nhan Châu Khanh:

Đại quân chế lực hợp
Mãnh tướng thanh cửu cai
Chiến mã như long hổ
Đằng lăng hà tráng tai

Lệnh Hồ Xung sử Độc Cô cửu kiếm, kiếm ý đi trước bút pháp của Ngốc Bút Ông, phong toả toàn bộ bút pháp đắc ý của lão khiến lão đâm ra bực bội. Mà đại phàm, khi cầm bút viết chữ mà lòng bực bội thì chữ nghĩa chẳng ra làm sao cả. Ngốc Bút Ông chuyển sang thư pháp Đại Thảo, một dạng thư pháp đặc biệt của Trương Phi (Trương Dực Đức) đại tướng của Tây Thục. Lão viết liền 4 chữ Bát mông sơn minh, khí thế Đại thảo liên hoàn như tuốt kiếm giương cung. Rồi lão lại chuyển sang Đại thảo theo phong cách của Hoài Tố viết tự sự thiếp, bút pháp cực kỳ phức tạp. Mặc cho lão biến đổi bút pháp, Lệnh Hồ Xung cứ lựa chỗ sơ hở của lão mà phát chiêu, kiếm thế nhẹ nhàng nhưng cực kỳ thần tốc. Ngốc Bút Ông bị phá sản bút pháp, sinh ra uất hận. Lão đổ 1 hũ rượu Bồ đào xuống đất, chấm rượu viết lên tấm vách 23 chữ của bài Bùi Tướng Quân thi (trong đó có 3 chữ tên tác giả). Kim Dung mô tả 23 chữ ấy đẹp và dũng mãnh như muốn xé tấm vách mà bay đi.
Nét chữ thể hiện tính cách riêng của từng con người, trở thành vốn liếng riêng, đặc điểm riêng giúp ta xác định được chính người này chứ không phải người kia viết. Từ sự xác định ấy, người ta khám phá ra những bí mật đằng sau cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống tâm linh. Đã có 2 trường hợp như vậyđược Kim Dung xây dựng trong tác phẩm của mình.

Trong Tiếu ngạo giang hồ ký, khi Nhạc Linh San đã chết, Lệnh Hồ Xung trở lại Hoa Sơn, tìm vào thăm căn phòng xưa của Nhạc Linh San. Anh chợt nhìn bức thiếp thư do chính Nhạc Linh San viết, nội dung là bài thơ của Lý Thương Ẩn:

...Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chửa tan

Và Lệnh Hồ Xung chợt hiểu ra rằng sau đám cưới với Lâm Bình Chi, Nhạc Linh San

vẫn yêu mình. “Hàn công tử” đây chính là Lệnh Hồ Xung! Và từ đó, Lệnh Hồ Xung càng cảm thấy thương yêu người sư muội bạc phận hơn. Thư pháp đã thể hiện tâm tình, trở thành một thứ giác thư của tình yêu đôi lứa mà người nào không có tâm tình thì vĩnh viễn không nhận ra được.

Trường hợp thứ 2 được thuật lại trong Thiên Long bát bộ, khi Tiêu Phong về ngồi trong căn phòng riêng của Nguyễn Tinh Trúc (mẹ của người tình A Châu) ở Tiểu Kính hồ, Giang Nam. Ông đọc bức thiếp thư trên vách và khám phá ra thủ bút mềm mại, uyển chuyển của Đoàn Chính Thuần, khác hẳn nét chữ của “thủ lĩnh đại ca" viết thư gửi cho Uông Kiếm Thông bàn chuyện về cái chết của cha mẹ Tiêu Phong và số phận Tiêu Phong. Lập tức Tiêu Phong hiểu ra mình bị Ôn Khang lừa, Đoàn Chính Thuần không phải là “thủ lĩnh đại ca”; Tiêu Phong đã giết oan người tình Đoàn A Châu rồi. Chính từ sự tỉnh ngộ này mà Tiêu Phong bỏ ý định tự vẫn, quyết sống để tìm ra gã “thủ lĩnh đại ca” giấu mặt ấy, trả hờn cho cha mẹ và cho cả A Châu. Bức thiếp thư trở thành một bằng chứng giúp Tiêu Phong phá án. Và ông đã tìm ra kẻ đại cừu của mình Cũng trên cơ sở thư pháp, Kim Dung đã xây dựng 2 nhân vật dốt nát chơi thư pháp. Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh ký đã đọc văn bia viết bằng Giáp cốt văn, thứ văn tự tối cổ của Trung Quốc để đánh lừa Lục Cao Hiên và Ủy tôn giả, và qua 2 nhân vật này lừa luôn giáo chủ Thần long giáo Hồng An Thông. Thật ra đến Khải thư, tức chữ chân phương, Vi Tiểu Bảo còn đọc không ra, huống chi nói đến Giáp cốt văn, Khoa đẩu văn tối cổ. Chẳng qua là khi bị bắt, Vi Tiểu Bảo phải dùng đến thói lưu manh để đánh lừa Thần long giáo và những trò bịp bợm đó đã được những kẻ nịnh bợ giáo chủ biết nhưng lỡ nịnh bợ rồi cứ phải gọi đó là chuyện có thật. Đó là một thứ “thắng lợi tinh thần” hiện đại; phải lừa nhau như thế mới giữ được ngôi vị, giữ được cái đầu trên cổ. Thạch Phá Thiên trong Hiệp khách hành là 1 chàng trai thất học, không biết 1 chữ nào. Ấy thế mà trên đảo Long Mộc, chàng trai phải đối diện với Khoa đẩu văn. Không cần biết hàng chữ Khoa đẩu văn ấy viết nội dung gì, chàng trai chỉ quan tâm đến tự dạng. Khoa đẩu văn tức chữ con nòng nọc, rất gần gũi với tuổi thơ của Thạch Phá Thiên ở vùng hoang sơn dã lĩnh. Cứ xem tới nét nào thì huyệt đạo của Thạch Phá Thiên tự vận động tới đó và chỉ cần làm như thế, chàng trai dốt nát đã khám phá ra được toàn bộ bí quyết của võ công Hiệp khách hành. Nếu Lý Bạch sống lại được, chắc hẳn ông phải khen hậu bối Kim Dung lỗi lạc hơn ông rất nhiều: chẳng cần biết Hiệp khách hành viết cái gì, chỉ cần biết Hiệp khách hành viết như thế nào, nghĩa là chỉ dừng lại ở ngoại quan thư pháp mà không cần đi vào nội hàm tư tưởng, là đủ.

Nhân loại đã khổ quá nhiều vì những cái lưỡi dối trá, những suy diễn dài dòng văn tự. Thế mạnh của văn tự Trung Quốc là đã hình thànhđược những trường phái thư pháp đặc dị, mở ra 1 khuynh hướng mỹ thuật lạ lùng. Kim Dung đã lợi dụng thế mạnh ấy và lãng mạn hơn, đem thế mạnh ấy kết hợp với võ công. Hai phạm trù, một võ, một văn, tưởng như mâu thuẩn nhau tột cùng, lại được kết hợp một cách hài hoà, tài hoa. Văn chương của các bậc tiền bối Trung Quốc chưa làm được điều ấy; chỉ đến Kim Dung mới có thể làm được. Đó chính là sự sáng tạo độc đáo trong văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung.

Suy niệm ký tiểu hữu

Tôi đang ngồi trên bãi biển Nha Trang. Mùa xuân, trời thật đẹp nhưng biển chiều vẫn mang theo cái vẻ u uất, trầm tư ngàn đời của nó. Bỗng dưng, tôi chợt nhớ đến đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển, đoạn văn mà tôi cho là đẹp nhất, xúc động nhất trong Ỷ thiên Đồ long ký. Mối tình thơ ngây ấy của Tiểu Siêu đã bị ngăn trở bởi hàng rào tôn giáo, cô phải hy sinh để cứu mạng sống và chuộc lại lỗi lầm cho mẹ mình. Ngôi vị dành cho cô tạ Ba Tư là giáo chủ Bái hỏa giáo, biểu tượng của một thứ quyền lực và vinh quang tột đỉnh mà mọi cô gái đồng trinh đều mơ ước. Nhưng thực chất, làm giáo chủ Bái hỏa giáo Ba Tư hạnh phúc hơn hay làm người tình nhỏ của Trương Vô Kỵ ở Trung Hoa để suốt đời được cùng nhau phiêu bạt giang hồ là hạnh phúc hơn? Tiểu Siệu thích cái thứ hai nhưng bắt buộc phải chọn cái thứ nhất. Sự mâu thuẫn giữa tình yêu và tôn giáo, giữa tình yêu và bổn phận làm con đã được đẩy lên đến đỉnh điểm. Điều đau sót nhất trong mối tình đầu đã có thể làm Tiểu Siêu nổ tung ra được, chết đi tức khắc được. Có hiểu được cái uyên nguyên sâu xa ấy chăng, hỡi biển của đời tôi?

Có một lần, tôi lên Gia Lai, dừng chân lại trên đỉnh đèo Krong Buk giữa biển sương khói mênh mông, lạnh buốt của một sáng cuối đông. Tôi đứng dưới những cụm sơn tùng và chợt nhớ đến nỗi cô đơn của Hà Túc Đạo, được Kim Dung viết trong đoạn lung của Ỷ thiên Đồ long ký. Từ đỉnh Kinh Thần Phong trên Thiên Sơn, Hà Túc Đạo với một cây đàn, một thanh kiếm lãng du về Trung Nguyên. Dừng chân giữa rừng bách ở ngoại vi chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam, Hà đánh đàn một mình cho chim nghe, chống kiếm than thở một mình về tình yêu, về cuộc sống. “Hỡi ơi, nước xanh, đá trắng sao rời rạc nhau đến như vậy” – đó không chỉ là tiếu kêu thương cô đơn của riêng Hà Túc Đạo, của riêng Kim Dung mà là của tất cả mọi con người cô độc trên thế gian. Nước xanh chảy mãi, ra đi; đá cuội trắng vẫn còn ở lại. Tình yêu là như thế, chỉ đơn giản là nguồn suối đem lại cho đời nỗi ngậm ngùi vì rời rạc nhau. Hà Túc Đạo đánh cờ một mình, bán cầu não bên trái đánh với bán cầu não bên phải. Cho đến khi thế cờ ở vào chỗ bế tắc, tiến thoái lưỡng nan, Hà như rơi vào một mê hồn trận. Mê hồn trận ấy chính là nghiệp chướng do Hà Túc Đạo tạo ra và bước vào. Để cứu người anh hùng đơn độc, Quách Tương đã mách nước: “Sao tiên sinh không bỏ Trung Nguyên mà quay về Tây Vực?”. Một lời chỉ điểm đơn giản đã giúp Hà Túc Đạo nhận ra biện pháp giải tỏa bế tắc trong đại cục của đời mình, của tư tưởng mình. Chàng trung niên khen hay và cám ơn người bạn mới nhỏ tuổi. Năm ấy, Quách Tương mới 16 và Hà đã gần 40. Phiêu bạt một đời mới tìm ra bạn ngọc, anh chàng sáng tác một bản đàn để đàn cho Quách Tương nghe lòng thương nhớ cảm phục của mình. Bản đàn ấy vang lên trong một trận đấu tranh dữ dội; Quách Tương nghe và đỏ mặt lên vì nhận ra tiếng nỉ non của tình yêu. Hà Túc Đạo nhớ thương cô nhưng cô chỉ nhớ thương Dương Qua. Cuộc gặp gỡ giữa cô và Hà chỉ là cái duyên không hẹn trước, chỉ như là nước xanh và đá trắng rời rạc nhau. Cô bỏ đi tu, còn Hà quay về đỉnh Kinh Thần

Phong, bỏ Trung Nguyên về Tây Vực đúng như thế cờ dang dở.

Đêm ngồi ở Rạch Giá, Kiên Giang, trông ngàn sao lấp lánh trên biển, tôi chợt nhớ đến Nghi Lâm cởi rồi thắt lại giải áo để cầu nguyện cho mình được sống bên cạnh Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ). Nghi Lâm, cô sư nữ lỡ vướng vào ma chướng của tình yêu nhưng vẫn một lòng thủy chung cùng Bồ Tát. Mâu thuẫn tình yêu và tôn giáo đã xé nát lòng cô sư nữ ấy. Cho nên mới có một sự dung hoà hi hữu trên đời: tiếng kinh tụng niệm Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn lại mang theo âm hưởng dịu dàng, trữ tình, say đắm của tình yêu. Có một cái gì đó đã không thể gặp gỡ và Nghi Lâm cố gắng biến nó thành ra cái có thể gặp gỡ được. Nội dung lời kinh là tôn giáo mà âm hưởng tụng niệm, diễn đạt lại là tình ca.
Tôi yêu hệ thống tư tưởng của đạo Phật. Một lần lên Thiền Lâm, tôi ngồi với vị sư già, ngỏ ý xin ngài chỉ cho tôi một con đường đi để được xa cuộc sống mà vẫn rất gần với cuộc sống. Tôi nhớ đoạn Kiều Phong lên núi Thiên Thai, tìm nhà sư Trí Quan để xin cho ông biết chân diện mục của mình. Trí Quan cho Kiều Phong biết Kiều Phong là người Khất Đan, không phải họ Kiều mà là họ Tiêu – Tiêu Phong. Nhà sư đọc:

Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần

Rồi nhắm mắt nhập định và viên tịch.

Tôi chọn hai câu thơ sau trong bài thơ này để làm huớng xuất xử cho cuộc đời. Thượng toạ dạy tôi: “Nghiệp duyên của đạo hữu với cuộc đời còn nặng lắm. Đạ hữu cứ sống an nhiên, là, hết các công việc của mình, đem hết trí tuệ tuôn ra ngòi bút để phục vụ cho cuộc sống. Đạo Phật chủ trương “Duy tuệ thị nghiệp”. Phật tính nằm ngay trong công việc, trong glối sống chứ không hẳn là nằm trong Thiền viện, trong cuộc thanh tu. Còn khi nào tâm hồn xót xa, trí lực mệt mỏi, đạo hữu hãy tìm đến với thầy”. Khi tôi bạch Thượng toạ xin phép ra về, ngài còn dặn: “Ai cũng có thể nói tu là cõi phúc, tình là dây oan. Nhưng tu sẽ không phải là cõi phúc nếu người ta còn sân si trong đường tu, tình sẽ không là dây oan nếu người ta không tạo ra những oan trái. Cả tu với tình đều có thể là cõi phúc, đều có thề là dây oan. Thầy đã đọc gần như đầy đủ cả ngàn bài viết của đạo hữu và nhận ra chất nhân hậu trong từng bài, từng câu. Hãy phát triển hơn nữa cái tâm từ bi trong ngòi bút”. Lời dạy của vị Thượng toạ 87 tuổi quả thật là dòng nước cam lồ tưới mát lòng tôi.

Một đêm tháng 7, tôi lên rừng Phước Sơn (Lâm Hà, Đà Lạt), đúng 12 giờ khuya. Đêm nằm trong lán tranh nghe mưa rơi tầm tã ngoài trời, lạnh quá không ngủ được, tôi chong đèn và đọc Kim Dung. Lần này tôi mang theo Liên thành quyết, giở ra đúng đoạn Thủy Sinh một mình ra Quan ngoại, sống trong sơn cốc bốn bề mênh mông tuyết phủ, chở

Địch Vân trở lại. Những nhân vật nữ của Kim Dung thật thông minh và cũng thật lãng mạn. Họ sẵn sàng đi mấy ngàn dặm ra ngoài quan ải – bây giờ thuộc Đông bắc Trung Quốc, sống một mình trong hang đá lạnh lẽo đời tình quân về từ sự suy đoán riêng của họ, Thủy Sinh trong Liên thành quyết, A Châu trong Thiên Long bát bộ suy đoán thế nào chàng Địch Vân, chàng Kiều Phong cũng sẽ trở lại. Và cám ơn trời, cái hạhnh phúc ấy đã thực sự xảy ra. Hay nói ngược lại, nếu Thủy Sinh, A Châu đi mấy ngàn dặm ra Quan ngoại chờ mà tình quân không trở lại, chắc họ sẽ đau đớn, sẽ ngậm ngùi mà chết đi trong nỗi tuyệt vọng. Tác giả đã để cho Địch Vân, Kiều Phong trở lại. Giữa tuyết trắng mênh mông lạnh buốt của thảo nguyên, bóng người về trở thành ngọn lửa sưởi ấm trái tim những người khao khát tình yêu. Người về Quan ngoại chính là bản tình ca, là chủ nghĩa nhân đạo phương Đông. Có lứa đôi đoàn viên hạnh phúc như Thủy Sinh - Địch Vân. Có lứa đôi tan nát, bất hạnh như Kiều Phong – A Châu. Nhưng bản tình ca nào cũng sáng lên rực rỡ cái đẹp phẩm giá con người, của sự thủy chung, của lòng chân thật. Đên Đà Lạt lạnh buốt mà lòng tôi vẫn cảm thấy ấm áp khi Thủy Sinh choàng tay ôm lấy Địch Vân.

“Huyền tẫn” là một khái niệm sâu xa trong triết lý của Lão giáo. “Huyền tẫn” có nghĩa là nguyên lý mẹ, nguyên lý tìm về giống cái, cội nguồn của sự sinh nở, của đời sống. Hãy nhìn lại mà xem, các dân tộc phương Đông tôn thờ và kính trọng các nữ thần biết bao nhiêu: Tây Vương Mẫu, Nữ Oa ở Trung Hoa; Thái Dương thần nữ ở Nhật Bản; Shiva ở Ấn Độ; mẹ Âu Cơ ở Việt Nam. Bởi vì họ là Me của muôn loài, là chất ngọc của giống cái, là biểu trưng của văn minh phồn thực. Yoni – hình ảnh bộ phận sinh dục nữ, đã được tạc thành totem để thờ phượng, kính nguỡng. Thông qua các nhân vật nữ xinh đẹp, tài hoa và lãng mạn của Kim Dung, thông qua những hình bóng phụ nữ cụ thể trên đời, tôi cũng cất công đi tìm chất ngọc, đi tìm “Huyền tẫn” của chính mình. Mười hai năm trước, mẹ tôi qua đời, tôi cảm thấy bơ vơ như đứa trẻ lên ba dù tuổi tôi đã 40. Cái quyết định tâm linh một người đàn ông chính là người phụ nữ mà người đàn ông ấy tôn thờ, thương yêu, kính trọng nhất. Mẹ tôi chính là người phụ nữ như thấ. Và tôi đọc Kim Dung, bàn về những khía cạnh khác nhau trong tiểu thuyết của nhà văn phương Đông tầm cỡ này cũng là đi tìm “Huyền tẫn” của mình.

Trương Vô Kỵ và Triệu Mẫn cùng vào một tiệm cơm nhỏ, lựa một chiếc bàn khiêm tốn và gọi mấy món thức ăn với một bình rượu đối ẩm. Sau đó, Trương Vô Kỵ đưa quần hùng Minh giáo đến tấn công chùa Vạn Pháp do Triệu Mẫn chỉ huy để cứu các hào kiệt Trung Nguyên đang bị Triệu Mẫn giam giữ. Cuộc chiến đấu thành công, Triệu Mẫn phải gánh chịu sự thảm bại lớn nhất trong đời cô. Đêm ấy, Triệu Mẫn tìm vào quán cơm xưa, chọn đúng chiếc bàn cũ, cũng kêu đúng các món ăn cũ, bình rượu, hai cái cốc, hai cái chén và hai đôi đũa. Cô rót rượu ra hai cốc thì bỗng dưng… Trương Vô Kỵ xuất hiện. Họ lặng lẽ đối ẩm như ngày nào mà không hề nói đến cuộc chiến một mất một còn ở chùa Vạn Pháp. Tôi cũng mong những lứa đôi trên đời này có được những bữa ăn ấm cúng tình yêu như vậy.

Tiếu ngạo giang hồ

Cách đây trên 30 năm, Tiếu ngạo giang hồ đã đến với bạn đọc miền Nam (1967). Nhưng đó là một Kim Dung feuilleton, một Kim Dung tác chiến mỗi ngày khoảng 1.500 chữ để đăng trên Minh báo, mộ Kim Dung đi máy bay từ Hongkong qua Việt Nam mỗi ngày, được dịch ra Việt ngữ đăng đại trà trên những nhật báo Sài Gòn. Luật sư Nguyễn Văn Tầm, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, nhớ lại: ngày ấy, ông còn học ở đại học Luật khoa và chính ông là thư ký giúp dịch giả Hàn Giang Nhạn dịch những tác phẩm của Kim Dung. Trong căn gác nghèo trên đường Vườn Chuối, dịch giả Hàn Giang Nhạn đọc tờ báo đến đâu, dịch ra đến đó. Chàng sinh viên Nguyễn Văn Tầm lót 10 tờ pelure và 9 tờ giấy than, viết lời dịch của Hàn tiên sinh bằng một cây bút bic. Ở phía dưới căn gác, hàng chục ông tuỳ phái của hàng chục tờ báo ngồi đợi… Tiếu ngạo giang hồ. Viết xong bản dịch, chàng sinh viên Nguyễn Văn Tầm đem xuống phân phát cho từng người. Ai may mắn lấy được những bản phía trên còn đọc ra chữ, ai lãnh những bản phía sau chỉ còn cách xem chữ đoán ý. Trên cơ sở tập đại thành những hồi, những đoạn đã được đăng báo, Tiếu ngạo giang hồ được in lại thành sách - một Kim Dung feuilleton.

Nguyên tác Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung do Minh Hà xã in năm 1997 hoàn toàn mới lạ, khác hẳn Tiếu ngạo giang hồ đã từng có trên báo chí Sài Gòn trước đây. Kim Dung đã mạnh dạn cắt bỏ một số đoạn mà ông xét thấy là không cần thiết. Thí dụ như ông đã cắt bỏ khoảng 3.000 từ ngày trong hồi đầu có nội dung giới thiệu về quan hệ gia tộc, võ công, sự nghiệp kinh doanh và oai lực của Phước Oai tiêu cục thành Phúc Châu. Ông cũng bỏ hẳn đoạn Nhạc Linh San trong vai cô gái bán rượu xấu xí cứu Lâm Bình Chi bằng cách cho chàng uống rượu pha thuốc có dược tính thật mạnh mà thay vào bằng một đoạn mới với những tình tiết hợp lý hơn, hấp dẫn hơn. Ngày trước, ông đã để cho Đại tung dương thủ Phí Bân phái Tung Sơn chết đi rồi sống lại, bây giờ tình huống đáng tiếc đó không còn nữa. Ông thận trọng ra từ câu, chỉnh từng ý, xem lại từng tình huống tiểu thuyết. Cho nên, bản dịch mới trên nền tảng bản chỉnh lý năm 1997 là một bản dịch mới lạ. Chúng tôi xin dịch lại Tiếu ngạo giang hồ với tham vọng giới thiệu cùng bạn đọc Việt Nam yêu tài năng Kim Dung, một Kim Dung văn học. Khái niệm văn học ở đây gói gọn trong ngữ nghĩa văn học tiểu thuyết võ hiệp.

Trong sự nghiệp trước tác đồ sộ của Kim Dung, chúng tôi gọi Tiếu ngạo giang hồ là một siêu phẩm. Toàn bộ tác phẩm gồm 40 chương hồi. Tuy nhiên, tác phẩm lớn không phải ở chỗ dài hơi đó. Nó lớn vì chiều sâu kiến thức hàm chứa ngay trong tác phẩm.

Hai trong ba nguồn tư tưởng lớn của triết học phương Đông - Phật giáo và Lão giáo – đã được Kim Dung hình tượng hoá và cụ thể hoá qua những hình tượng văn học. Phương Chứng đại sư chùa Thiếu Lâm là con người tiêu biểu của tư duy Thiền tông Phật giáo. Với một căn bản võ công trác tuyệt, một tâm địa từ bi, nhà sư gần như đã góp phần hoá giải những hận thù, chia rẻ, sân si. Định Nhàn, Định Dật phái Hằng Sơn là một dạng Phật giáo

khác, một Phật giáo nhập thể và nhập thế. Họ hàng phục yêu ma bằng chính cáo tâm hoà bình trung chính của người đi tu. Họ áp dụng nguyên tắc Miên lý tàng châm (Trong cái gối bông mềm có chứa cây kim). Họ không đánh ai nhưng ai đánh họ thì bị kim đâm, càng đánh mạnh thì vết thương càng nặng. Họ lập ra kiếm trận là để tự giữ mình, chống cự ngoại địch chứ chẳng để bao vây ai, tiêu diệt ai.

Nhưng điểm đặc sắc nhất vẫn là tư duy Lão – Trang qua đường Độc Cô cửu kiếm. Phong Thanh Dương đã dạy Lệnh Hồ Xung "Dĩ vô chiêu thắng hữu chiêu". Trong thế kiếm hữu chiêu, vì có chiêu thức cho nên để phát ra được chiêu thức ấy, con người phải có bộ vị, có ni tấc. Và quan điểm của Phong Thanh Dương là nên đánh ngay vào thời điểm chuẩn bị bộ vị, ni tấc đó. Kiếm phải phát theo ý và kiếm sĩ phát triển kiếm ý chứ không sử dụng kiếm chiêu. Nói cách khác, người sử kiếm chứ không phải kiếm sử người và cần đến một phong thái ung dung, liên tục như nước chảy mây trôi trong khi giao đấu với địch thủ. Cách dạy của Phong Thanh Dương lại vô cùng phù hợp với tâm tính lãng mạn của Lệnh Hồ Xung. Điều này làm ta nhớ đền chương "Thuyết kiếm" của Trang Tử. Lão – Trang chủ trương Vô vi (không làm). Không làm nhưng không có gì là không làm (Vô vi nhi vô bất vi). Chính trên nền tảng đó, đạo trưởng Xung Hư, chưởng môn phái Võ Đang, nhân vật đại biểu của tư tưởng Lão – Trang, đã gắn bó cuộc đời mình với sự thịnh suy, hưng vong của võ lâm Trung Hoa. Cũng chính trên nền tảng đó đã có một cuộc đấu kiếm kỳ lạ xảy ra: Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đấu kiếm mà không dùng đến kiếm, chỉ lấy mắt ngó nhau, cuối cùng, Xung Hư đành nhượng bộ.

Tiếu ngạo giang hồ lặng lẽ đưa người đọc đi vào cuộc hành trình tìm về những suối nguồn tư tưởng phương Đông, một phương Đông lãng mạn bay bổng "khi lên cao chính ngàn dăm, nương mây cưỡi gió mà bay" nhưng Trang Tử đã viết trong Nam hoa kinh. Tiếu ngạo giang hồ có cái u uẩn trầm mặc đầy suy niệm của những ngôi chùa, những đạo quan, những rừng tùng bách, bóng trăng sáng trên Trường Giang, cơn mưa tuyết mùa đông trên Ngọc Nữ phong. Xuyên suốt tác phẩm là tiếng đàn, tiếng sao của khúc Tiếu ngạo giang hồ, tiếng ca buồn của Mạc Đại tiên sinh trong khúc Tiêu Tương dạ vũ. Tác phẩm còn là sự tập hợp của nhiều kiến thức về y học, dược học, địa lý học, tửu học, giải phẫu học, võ học, xã hội học… Chính nhờ tác phẩm này, tôi mới biết người Tứ Xuyên luôn luôn bịt khăn trắng trên đầu - tục lệ có từ 2.000 năm trước khi để tang con người huyền thoại Khổng Minh.

Trong kỹ thuật kết cấu tiểu thuyết, có thể coi Tiếu ngạo giang hồ như một kịch bản phim với những đoạn chuyển cảnh rất nhanh và rất hợp lý. Những mâu thuẫn chiều sâu trong nội tâm của các nhân vật kết hợp với những mâu thuẫn chiều dài trong sự đấu tranh, trong âm mưu, trong thủ đoạn của các môn phái tạo cho cốt truyện những tình huống nghẹt thở, khiến cho người đọc càng đọc càng cảm thấy cuốn hút, say sưa. Kim Dung đã giải quyết hợp ký các mâu thuẫn đó khiến cho người đọc thở phào, nhẹ nhõm và cảm thấy hạnh phúc.

Có những điều mà ta nghĩ rằng không bao giờ có thật trên đời lại xảy ra trong tác phẩm của Kim Dung một cách hợp lý và tràn đầy đạo lý. Cơ duyên nào đã đưa một cô nữ ni thánh thiện, trong như ngọc mới 16 tuổi, dấn thân vào nơi ô uế, phức tạp nhất là động điếm Quần Ngọc dưới chân núi Hằng Sơn để cứu mạng Lệnh Hồ Xung? Cô đã bồng chàng lãng tử thanh danh tàn tạ ấy ra vùng hoang sơn dã lĩnh, chấp nhân phạm giới cấm khi ăn trộm dưa hầu có thức ăn cho chàng, tụng kinh Cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát cầu xin cho chàng tai qua nạn khỏi. Lạ thay, lời kinh trang nghiêm của Phật giáo lại được đọc với hơi thở từ một trái tim tràn đầy tình yêu và đức hy sinh. Cơ duyên nào đã đưa đẩy một nàng Nhạc Linh Sanh mới 16 tuổi, say mê cái mã đẹp trai của Lâm Bình Chi và dễ dàng phụ rẫy mối thâm tình ban đầu mà cô đã dành cho Lệnh Hồ Xung? Cho đến khi lấy Lâm Bình Chi, nhận ra bản chất tàn bạo của gã, cô mới hối hận vì đã đánh mất một báu vật trên đời: "Nhớ xưa luyến ái Hàn công tử. Xương trắng thành tro hận chửa tan.". Cơ duyên nào đã đến với thánh cô Nhậm Doanh Doanh, ở ẩn trong ngũ Lục Trúc thành Lạc Dương mà "nhặt" được một chàng Lệnh Hồ Xung ốm o bệnh hoạn và khám phá ra được đó là người đàn ông anh hùng, trung thực, có bản sắc nhất giữa cuộc đời này? Từ bỏ ngôi vị cao quý, cô gái tươi đẹp, thông minh 17 tuổi ấy đi theo chàng trai, bắt ếch nuôi chàng, đánh đàn ru cho chàng ngủ và khi chàng kiệt sức thì cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm, chấp nhận cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sự sống cho người yêu dấu. Đó là 3 dạng tình yêu trên đời: một tình yêu không nói thành lới do sự mâu thuẫn giữa tôn giáo và thế tục, một tình yêu thực dụng vì say mê hào nhoáng bên ngoài mà không thấy được rõ phẩm chất bên trong, một tình yêu chân chính vì khám phá được chất ngọc bên trong mà không cần chú ý đến vẻ bên ngoài của một con người ốm o tàn tạ. Kim Dung không lên gân bình luận, phê phán; ông chỉ tường thuật và chúng ta hiểu. Thế thôi!

Những suy niệm siêu hình học

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung

Từ khi con người xuất hiện trên trái đất, đã có những suy niệm về số phận con người. Lịch sử triết học, văn chương quan nhiều thời đại đã trăn trở đi tìm lời giải cho những vấn nạn: con người là ai, con người từ đầu đến và con người sẽ về đâu. Một tác phẩm văn chương, triết học nhằm cắt nghĩa một trong các vấn nạn ấy được gọi là tác phẩm có giá trị nhân bản, nhân văn.

Ba mươi mấy năm đọc tác phẩm Kim Dung, càng lúc tôi càng nhận ra sự trăn trở của ông trong quá trình tìm cách cắt nghĩa số phận con người. Thời còn đi học, tôi đọc Kim Dung như một cách giải trí, một cách lãng quên cuộc sống thực tại để đi tìm một cuộc sống viễn mộng lí tưởng. Đến tuổi chững chạc, tôi đọc Kim Dung như một cách học tập: học cách viết văn, học phương pháp tiểu thuyết, học những kiến thức Trung Quốc học, học làm người. Thuở đó, tính tôi rất nóng nảy, tâm hồn đầy sự hoài nghi, trí óc đầy niềm căm giận. Gần như, tôi nghi ngờ tất cả mội giá trị trên đời, tôi sẵn sàng căm hận những ngaỳ tháng cũ đau thương và những ngày đang sống đầy trắc trở. Ai gây cho tôi một sự

đau khổ, nói với tôi một lời thiếu thiện cảm, thể hiện trước tôi một hành động xúc phạm; tôi đã nghĩ đến chuyện mắt đổi mắt, răng đổi răng. May mắn thay, đọc Kim Dung và các loại sách kinh điển của Nho,Phật, Lão; tôi biết đến sự kìm giữ trái tim và khối óc của mình, tôi biết đến sự tha thứ, vì rằng tha thứ cho người khác chính là tha thứ cho mình, tôi biết quên những đau thương của chính mình để có thế làm một điều có lợi cho người khác hoặc không làm một điều có thể tổn thương cho người khác. Còn bây giờ, hoàng hôn của thế kỉ 20, mùa thu bắt đầu về trên đời, tôi đọc Kim Dung như một cách chiêm nghiệm, suy tưởng.

Lai như lưu thủy hề...

(Chợt đến như dòng nước chảy)

Phải đợi đến tuổi 50, câu hát Tiểu Siêu thường hát cho Vô Kỵ nghe rút từ kinh điển Bái hoả giáo mới cho tôi nhận ra được là câu hát góp phần cắt nghĩa nguồn gốc con người! Darwin nói con người đã đi qua một quá trình tiến hoá, phát triển từ khỉ vượn thành người. Thánh Kinh Thiên chúa giáo nói con người là do Thượng đế sinh ra. Nhà Nho điềm nhiên phát biểu mà như không hề phát biểu điều gì: *"Chuyện ngoài trời đất, bực thánh nhân biết đấy nhưng không nghĩ đến" (Lục hợp chi ngoại, thánh nhân tồn nhi bất nghị).* Lão - Trang hiền triết một cách khôn khéo: *"Trong cái không đẻ ra cái có" (Vô trung sinh hữu).* Chỉ có Tiểu Siêu hát: *"Chợt đến như dòng nước chảy" (Lai như lưu thủy...) Lai như lưu thủy hề...* không trực tiếp trả lời cho hai câu hỏi con người là ai và con người là từ đâu đến. Đúng hơn, nó trực tiếp trả lời cách thế có mặt của con người trước cuộc sống: "Chợt đến như dòng nước chảy". Dòng nước luôn luôn có một khởi nguyên ban sơ, thí dụ như một cơn mưa, một núi băng tan, một hồ chứa, một đập tràn. "Chợt đến như dòng nước chảy" không cắt nghĩa cái khởi nguyên ban sơ đó; nó chỉ nói đến cách thế có mặt; "chợt đến" không cắt nghĩa khởi nguyên, cũng không phủ nhận khởi nguyên. Nguồn gốc và đời sống con người đơn giản chỉ là sự chợt đến; có nguồn có cội đấy nhưng nguồn cội là gì, ở đâu thì đó là chuyện để mỗi con người tự chiêm nghiệm. Bản thân "chợt đến" đã có một quá trình chuẩn bị, không hề tình cờ, không hề tự nhiên mà có. *Thệ như phong (Và tàn như gió qua mau)* Con người sống ở trên đời bao nhiêu năm? Không ai trả lời được câu hỏi đó. Phương Đông thường đưa ra khái niệm "trăm năm": *"Trăm năm nào có gì đâu, chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì".* Bản thân chữ "Trăm năm" đó hoàn toàn mang tính chất tượng trưng, để chỉ số nhiều. Anh may mắn sinh ra trong một gia đình giàu sang, lớn lên khoẻ mạnh, nhiều hạnh phúc... có thể sống được 98 tuổi. Cô gái nghèo kia bỏ ruộng đồng đi bán bia ôm, đem tấm thân trinh trắng cho đám đàn ông thành phố bỡn cợt, đêm trở về căn phòng trọ bị cướp của, hãm hiếp rồi bị giết, chỉ hưởng dương được 23 tuổi. Tôi một đời ưu tư sầu khổ, năm mươi năm chưa thực sự có được một ngày là hạnh phúc, những nếp gấp trên vừng trán càng lúc càng đậm, giọt lệ vĩnh viễn ở cuối mi mắt trái không bao giờ tan được trong cuộc đời làm sao sống được 60 tuổi?

Nhưng dù có sống được bao lâu, 23 hay 60, 98 hay 100 tuổi thì thời gian ấy có là gì so với thời gian miên viễn là trường tồn hằng nhiên? Tất cả chỉ là một cái chớp mắt của tạo

hoá. Tôi không ngờ từ một thằng bé nghèo sinh ra trong bom đạn chiến tranh giữa núi rừng Quảng Nam đã trở thành một anh trung niên đang lắng nghe mùa thu về, trí tuệ luôn luôn bị cưỡng bách, không một đêm nào ngủ được quá bảy tiếng, thân xác đau rã rời bởi chứng thoát vị đĩa đệm cột sống và đầu óc luôn bị choáng váng với chứng thiểu năng tuần hoàn não. Ai nói sống trên đời là hạnh phúc? Tôi sống trên năm mươi năm, mong được hưởng một ngày gọi là hạnh phúc để nếm xem mùi vị hạnh phúc là thế nào nhưng vẫn chưa có hân hạnh được nếm thử. Thì thôi, thà mua một đôi giày chật mang dính vào chân suốt ngày, buổi chiều cởi được nó ra lắng nghe hai bàn chân không còn cảm giác đau đớn để cứ gọi đó là hạnh phúc. Vâng, hạnh phúc là sự cởi bỏ được đôi giày quá chật ra khỏi hai bàn chân của bạn.

Thệ như phong Cuộc sống con người ngắn ngủi lắm, tàn mau như gió. Nào có ai thấy được gió, chỉ thấy lá cây rung động, cỏ dợn thành sóng, ta mới biết có gió thổi qua. Gió thổi qua là có thật đấy, ta biết nhưng không thể biết được nó đến khi nào và đi khi nào. Rồi tàn như gió qua mau - danh sĩ hay kẻ ngu đần, mỹ nhân hay ác quỷ, cao quý hay đê hèn, hiền thục hay điêu ngoa - tất cả đều tàn như gió qua mau. Đây không phải đường về của chủ nghĩa hư vô. Ở cuối đời sống chúng ta là cái chết, là sự suy tàn lụn bại tất yếu của cuộc sống. Sống một ngày là gần gũi với cái chết một ngày, bên nhau một ngày là gần gũi với lâm biệt một ngày - quy luật ấy nhân loại đều đã ý thức rõ rệt. Có hiểu chăng, hỡi bạn đời của tôi?

Bất tri hà xứ lai hề (Chẳng biết từ đâu mà tới) Bây giờ câu hát mới đi thẳng vào vấn nạn từ đâu tới. Ta biết ta có nguồn gốc nhưng nguồn gốc đó ở đâu thì đó là cái mà ta không thể biết được. Ta biết con chim thì nó bay, con cá thì nó lội, nhưng khởi nguyên của khả năng bay, của khả năng lội thì đó là cái mà ta không thể biết được. Ngay cả đến lý do tại sao không biết ta cũng đã không biết rồi. Ta chỉ biết rằng ta không biết và tại sao ta không biết thì đó là điều ta không biết vậy. Giữa cái biết và cái không biết có một biên giới tuyệt đối về mặt ý thức. Biết là ban ngày, không biết là ban đêm; biết là ý thức, không biết là chiều sâu trong vô thức. Phương Đông nói một cách triết lý: *Tri chi vi tri chi Bất tri vi bất tri Thị tri giả (Biết cái gì thì làm cái đó Không biết thì làm cái không biết Ấy là biết vậy)* Ta biết cái ta không biết - khởi nguyên của loài người - đó là biết vậy chăng? Ngay khi cả ta biết rằng ta không hề biết gì cả cũng là biết vậy chăng? Triết học quả là rất nhân hậu và nhân bản, sẵn sàng tha thứ cho thái độ ngu muội của con người, vẫn cho đó là một thái độ hiểu biết.

Hà sở chung (Và chẳng biết về nơi đâu) Cái gì cũng có một chung cuộc. Nhưng chung cuộc của con người ở đâu thì con người không biết được. Đạo Thiên Chúa nói con người công chính được về với cõi vĩnh hằng, về với nước Chúa, với Thiên đàng, Đạo Phật nghĩ đến một quá trình luôn hồi, trong đó sự đầu thai là một quy luật sẽ diễn ra ở kiếp sau. Đạo Phật dẫn những con gnười đạo hạnh từ bi đi về miền Cực lạc. Cực lạc ở đâu? - Cõi Tây Phương. Tây phương là Tây phương nào? - Không biết. Hà sở chung - nước chảy về đâu, gió tàn về đâu? Cuộc sống hữu hạn ngắn ngủi của con người như nước

chảy, như gió thổi. Nước chảy về đâu là chung cuộc, gió thổi về đâu là chung cuộc - đó là điều ta không biết.

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung. Câu hát nói về số phận con người sao mà buồn lắm vậy. Trong số phận của con người, có số phận tình yêu. Tình yêu của con người sao mà buồn lắm vậy. Đạo Phật tôn trọng chữ duyên, mọi việc diễn ra hôm nay đều bắt nguồn từ cơ duyên đã được định trước của ngày hôm qua. Nhưng tìm đâu cho ra cơ duyên ấy thì đó là điều mà ta không thể biết được. Thế giới có đến sáu tỉ người, tại sao em chỉ yêu mình ta?
Đã bao lần qua núi đồi thanh xuân, cúi xuống, kính cẩn hôn ngọn Ngọc Nữ phong bát ngát tình yêu và hạnh phúc, uống dòng nước ngọt ngào từ nguyên khê đổ lại. Ta như không còn có mặt trên đời, ta tan biến vào người, người tan biến vào ta. Bản ngã (Moi) không còn nữa, chỉ còn Đại ngã (Grand Moi). Khi ta cao tới mây xanh, vươn tay ra là chạm tới hạnh phúc, Đại Ngã không còn nữa; ta đang vươn tới Siêu ngã (Sur-Moi). Nhưng siêu ngã chỉ là giây phút thoáng qua. Rồi ta trở lại cuộc đời trần tục, xót xa, đau đớn nhìn nước trôi, ngậm ngùi nghe gió tàn.

Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung.

Một thoáng hạnh phúc chợt đến rồi chợt tan biến khỏi đời sống con người. Và chỉ còn ta ở lại, đối diện với hư vô.

Sự suy tàn của chủ nghĩa bạo lực

Bao giờ cũng như bao giờ, bạo lực luôn luôn có giữa cuộc sống loài người. Có thứ bạo lực chân chính nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ công lý, bảo vệ mạng sống và quyền lợi chính đáng của những con người lương thiện. Có thứ bạo lực phản động nhằm làm náo loạn cuộc sống, gây cảnh can qua cho trăm họ lầm than để thừa cơ hưởng lợi hoặc để cai trị, nô dịch người khác. Loại bạo lực phản động ấy không thiếu trong tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết Kim Dung. Khi xử lý tác phẩm, tác giả thường để cho chủ nghĩa bạo lực tự nó suy tàn đúng như định đề "Gieo nhân nào, hưởng quả ấy" của phương Đông hay "Ai gieo gió phải gặt bão" của phương Tây.

Đoạn lung mở đầu cho Lộc Đỉnh ký có lẽ là đoạn triết luận hay nhất, tài hoa nhất trong sự nghiệp trước tác của Kim Dung. Ông luận về chủ nghĩa duy bạo lực của các thế lực quân chủ mấy ngàn năm ở Trung Quốc qua hai từ "Trục lộc" (đuổi hươu). Mượn lời nhà văn Lữ Lưu Lương dạy con trai, Kim Dung nhắc lại câu nói của Khương Thái Công với Chu Văn Vương: "Lấy thiên hạ như đuổi bắt con hươu để làm thịt chia nhau mà ăn. Con hươu dù có trốn chui trốn nhủi nhưng rốt cuộc vẫn bị bắt. Có khi nó bị nhiều người ăn thịt, có khi một người giành ăn hết". Con hươu (lộc) ở đây có nghĩa là thiên hạ, mà thiên hạ có nghĩa là đất Trung Hoa. Hán thư có câu: "Nhà Tần để sổng con hươu, thiên hạ tranh nhau đuổi bắt". Hán vương Lưu Bang và Tây Sở Bá vương Hạng Võ cùng đánh nhà

Tần, sau cùng Hán vương diệt được Tây Sở Bá vương, chiếm được thiên hạ, bắt được cả con hươu béo mập.

Để có thể nấu thịt hươu lên ăn, người ta phải dùng đến cái vạc to, có ba chân, đốt lửa ở dưới. Cái vạc ấy đồng thời cũng là hình cụ tàn khốc để đốt, để nấu những người phạm trọng tội. Chữ "đỉnh" trong Hán văn tức là cái vạc lớn. Lộc đỉnh có nghĩa là cái vạc lớn để nấu thịt hươu. Tranh nhau "lộc đỉnh" có nghĩa là tranh nhau giành lấy thiên hạ. Các thế lực quân chủ là dao là thớt, muôn triệu dân lành trở thành cá thành thịt. Để có thể giành lấy thiên hạ, đạt được quyền lực, người ta phải dùng đến bạo lực phi nhân tính nhất.

Các thế lực quân chủ dùng bạo lực phi nhân để trục lợi còn các thế lực giang hồ trong các tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung cũng dùng bạo lực phi nhân để đô hộ, chế ngự, nô dịch người khác. Trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, chủ nghĩa duy bạo lực luôn luôn gắn liền với các bọn tac đạo muôi tham vọng thống nhất giang hồ, đè đầu cưỡi cổ thiên hạ.

Trong Lộc Đỉnh ký, tà đạo Thần Long giáo ở biển Liêu Đông do Hồng An Thông làm giáo chủ nuôi một thứ tham vọng như vậy. Tà giáo này chủ trương xây dựng các hầm rắn để trừng trị những kẻ không trung thành, buộc bọn thuộc hạ uống loại độc dược Độc long dịch cân hoàn để họ phải trung thành với giáo chủ. Họ gọi con rắn (xà) là thần long. Họ cũng có một thứ "kinh điển" nhằm đầu độc trí óc bọn giáo chúng thanh niên, sùng bái cá nhân giáo chủ:

Hồng giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đồ nhi sức mạnh phi thường...
...Hồng giáo chủ thần kinh như điện
Chiếu nhãn quan ra khắp muôn phương...

Tà giáo này có tham vọng tranh đoạt tấm bản đồ chỉ dẫn đi tìm kho báu được giấu trong bộ Tứ thập nhị chương kinh của nhà Thanh. Họ cấy người vào nội cung triều Khang Hy nằm vùng, khuynh loát chính trị và dọ dẫm tìm bảo vật. Thực hiện không được âm mưu ấy, họ định liên minh với các thế lực biên phòng của Sa hoang Nga La Tư để chống lại Trung Quốc. Điều buồn cười là giáo chủ Hồng An Thông tuy danh vọng to lớn, võ công cao cường nhưng chỉ là một lão liệt dương. Khang Hy đã ra lệnh cho hải quân nhà Thanh bắn phá tan tành đảo Thần Long, cuối cùng bọn thuộc hạ quần công Hồng An Thông, giết giáo chủ. Thần Long giáo tự diệt, đơn giản chỉ vì nó là một tà đạo duy bạo lực.

Trong Thiên Long bát bộ lại có một tà phái khác là phái Tinh Tú, do Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu làm chưởng môn. Đinh Xuân Thu là kẻ lừa thầy phản bạn, từng đánh lại thầy mình là Vô Nhai Tử rồi tự mình tách ra khỏi phái Tiêu Dao để lập thành phái Tinh Tú. Vì đã từng lừa thầy nên bản tâm vẫn sợ bọn đồ đệ đánh nổi lên làm loạn chống mình, Đinh Xuân Thu chủ trương dùng thuốc độc và đạn lân tinh để trừng phạt đệ tử. Lão cho phép các đệ tử đánh nhau thoải mái để giành chức đại đệ tử. Lão chiêu nạp một đám bàng môn tả đạo làm đệ tử và đặt ra những ca quyết để đệ tử tâng bốc mình:

Tinh Tú lão tiên

Danh lừng Trung thổ
Đức sánh cửu thiên
Đánh đâu thắng đó

Ngày Đinh Xuân Thu trở lại Trung Nguyên, gần như lão khống chế được toàn bộ phái Tiêu Dao. Thế nhưng, như một kịch bản hoàn hảo nhất của công lý trên đời, Đinh Xuân Thu đã bị Hư Trúc, Cung chủ cung Linh Thứu, trừng phạt. Bằng nội công Bắc minh chân khí chính tông, mượn giọt rượu của đệ tử tung lên không gian, Hư Trúc biến các giọt rượu trở thành băng và cấy vào trong các huyệt đạo trọng yếu của Đinh Xuân Thu. Miếng băng lạnh tiếp xúc với da thịt nóng, tan ngay vào các huyệt đạo, hoá thành một thứ bùa gọi là Sinh tử phù. Sinh tử phù chạy vào người Đinh Xuân Thu, trở thành một chất kháng nguyên, khiến lão có cảm giác ngứa ngáy như bị hàng vạn con kiến đốt. Đinh Xuân Thu phải chịu thua, đầu hàng, bị phái Thiếu Lâm nhốt lại. Toàn bộ phái Tinh Tú bị giải tán, bạo lực của Tinh Tú hải lão ma tự diệt vong.

Chủ nghĩa duy bạo lực nhìn vấn đề dưới một nhãn quan đơn giản: có sức mạnh là có thể cai trị, khống chế được người khác. Và để có một sức mạnh thì phải leo lên được đỉnh cao của quyền lực, phải nắm quyền lực trong tay. Khát vọng quyền lực khiến các loại nhân vật giang hồ rình mò nhau, ngấm ngầm hại nhau. Điều đáng xấu hổ là những âm mưu đó lại được nấp sau bộ mặt của người quân tử, kẻ chính nhân - tất nhiên là quân tử, chính nhân giả hiệu. Tiếu ngạo giang hồ xây dựng một bộ ba chưởng môn khả kính: Dư Thương Hải - chưởng môn phái Thanh Thành; Tả Lãnh Thiền - chưởng môn phái Tung Sơn; Nhạc Bất Quần - chưởng môn phái Hoa Sơn. Dư Thương Hải đánh Phước Oai tiêu cuc để tìm lấy kiếm pháp Tịch tà; Tả Lãnh Thiền định triệt hạ bốn phái để leo lên chức chưởng môn Ngũ Nhạc Phái; Nhạc Bất Quần vừa rình mò Dư Thương Hải để chiếm kiếm pháp Tịch tà, vừa tháu cáy Tả Lãnh Thiền để tranh đoạt chức chưởng môn Ngũ Nhạc phái. Họ là những người quân tử chính nhân giả hiện, mở miệng ra là nói đạo đức, lòng nhân, sự khiêm ái... Cuối cùng Dư Thương Hải bị giết; Tả Lãnh Thiền bị đui mắt; Nhạc Bất Quần cũng bi giết. Quy luật tự nhiên thật công bằng: những kẻ gian ác, nguỵ quân tử, duy bạo lực bị đền tội bở chính những mưu đồ và hành vi độc ác của họ đã gây ra. Sự trừng phạt của cuộc sống khá nghiêm minh: gieo nhân nào hưởng quả ấy, mức độ trừng phạt tương ứng với mức độ nguy hiểm của hành vi.

Tất nhiên, để có thể tiêu diệt chủ nghĩa duy bạo lực này, phải có một thứ bạo lực chính nghĩa đi tiên phong. Đó là bạo lực của những người anh hùng chân chính, trung thực. Tác phẩm của Kim Dung cũng đi theo con đường "có hậu" của nhiều tác phẩm văn học trên thế giới đã đi: chính nghĩa thắng gian tà. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Xạ điêu anh hùng truyện, Thần điêu hiệp lữ, bạo lực phi nghĩa của người Trung Quốc yêu nước đã chiến thắng bạo lực phi nhân nghĩa của các thứ giặc xâm lược Kim Quốc và Mông Cổ. Chủ nghĩa yêu nước lấp lánh phía sau những tình huống tiểu thuyết vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính thoại sử đem lại cho người đọc sự thú vị tuyệt vời.

Bạo lực phi nghĩa nào cũng có ngày tàn lụi; nếu người ta không sử dụng bạo lực chính nghĩa để tiêu diệt nó thì tự nó cũng có ngày tàn lụi. Đưa ra cái trắng, cái đen, cái thiện và

cái ác, cái đúng là cái sai, cái tốt và cái xấu là Kim Dung đã khẳng định quy luật trên. Cho nên, đọc tiểu thuyết của ông, người ta có cảm giác thoả mãn khi thấy công lí thắng lợi, cái ác bị trừng phạt nặng nề. Điều này cũng chính là khát vọng ngàn đời của loài người!

Ngay đến những âm mưu sử dụng bạo lực để khuấy đảo thiên hạ, âm mưu "Toạ sơn quan hổ đấu" cũng tàn lụi từ trong trứng nước. Trong Thiên Long bát bộ, cha con Mộ Dung Bác - Mộ Dung Phục âm mưu phục hổi đế hiệu nước Đại Yên. Để có thể làm việc đó, Mộ Dung Bác phao ngôn rằng quân Khiết Đan sắp tấn công qua Nhạn Môn Quan. Bọn quần hùng Trung Quốc nóng lòng bảo vệ đất nước, ra ải Nhạn Môn Quan đánh giết lầm gia đình Tiêu Viễn Sơn. Không khuấy đảo được cho hai nước Tông - Liêu đánh nhau, Mộ Dung Bác khích cho quốc sư Cưu Ma Trí nước Thổ Phồn nhập Trung Nguyên - Trung Quốc. Làm xong mấy việc đó, Mộ Dung Bác giả chết, vào nằm cùng trong Tàng kinh các chùa Thiếu Lâm, học lén võ công Thiếu Lâm mơ làm anh hùng thiên hạ. Mộ Dung Phục lại là một tay cơ hội chủ nghĩa ghê gớm. Tưởng cha chết thật, Mộ Dung Phục vẫn âm thầm nuôi giấc mộng Đại Yên. Gã hoá thân thành một cao thủ nước Tây Hạ có cái tên lạ hoắc là Lý Diên Tông, đầu quân vào dưới trướng Hách Liên Thiết Thụ sang đánh Trung Quốc. Việc đánh đấm không thành sự, gã phụ rẫy mối tình của biểu muội Vương Ngữ Yên, sang Tây Hạ dự lễ tuyển phu với một hy vọng hết sức bệnh hoạn: được cưới công chúa Tây Hạ làm vợ, trở thành phò mã Tây Hạ, đem binh lực Tây Hạ về đánh Trung Quốc. Việc lại không thành, gã trở về Trung Quốc, lạy tôn thế tử Đoàn Diên Khánh của nước Đại Lý để hoàng gia nước Đại Lý không còn ai, Đoàn Diên Khánh sẽ lên ngôi, gã là Thái tử. Rồi gã sẽ phế người cha nuôi để lên làm vua nước Đại Lý, đem quân về đánh Trung Quốc.

Cha con Mộ Dung Bác - Mộ Dung Phục, mỗi người một âm mưu, muốn quay cho Trung Quốc đại loạn để phục hưng nước Đại Yên. Mộ Dung Bác còn khích Kiều Phong - Nam viện đại vương nắm giữ binh quyền nước Khiết Đan - rằng lão sẵn sàng tự tử để tạ tội phao ngôn, chỉ mong Kiều Phong đưa quân Khiết Đan qua Nhạn Môn Quan đánh Tống triều! Hai cha con này ăn chén cơm Trung Quốc mà kịch liệt chống đối lại trăm họ Trung Quốc.

Kim Dung giải quyết khá công bằng: ông để cho Mộ Dung Bác tự ngộ ra rằng âm mưu phục hồi nước Đại Yên chỉ là mây trắng, rằng không thể lấy thiên hạ để phục hồi đế vị cho một dòng tộc. Mộ Dung Bác xin ở lại chùa Thiếu Lâm đi tu. Mộ Dung Phục giết hết những bằng hữu trung thành của mình, bị Lục mạch thần kiếm của Đoàn Dự đánh cho tơi tả. Gã phát bệnh tâm thần, đi chầm mũ lá đội, mua kẹo bánh bỏ sẵn trong túi để ...làm vua với các trẻ em chăn trâu. Giấc mơ bạo lực tự nó suy tàn mà không cần đến một tác động ngoại lai.

Thanh kiếm và Cây đàn

Thanh kiếm và cây đàn là hai hình ảnh mà ta thường gặp trong thế giới tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Từ Ỷ thiên Đồ long ký, Thiên Long bát bộ đến Tiếu ngạo giang hồ.

Trong những giai đoạn lịch sử mà các chế độ phong kiến cầm quyền nhân danh một thứ "vương pháp" tràn đầy bất công và bạo lực áp dụng để cai trị hàng triệu triệu con người, những kẻ có tiền, có quyền, có thế lực ra sức hà hiếp, hãm hại dân đen thì thanh kiếm của người hiệp sĩ trở thành biểu tượng của công lý, một thứ công lý của nhân dân. Thanh kiếm là một vũ khí trừ gian, diệt bạo, tế khổn, phò nguy. Ngược lại cây đàn là một dụng cụ nhằm thể hiện tình cảm, cảm xúc, thể hiện những khát vọng hoà bình, trung chính trước cuộc sống… Nhìn một cách nào đó thì thanh kiếm và cây đàn khó có thể gặp gỡ nhau, khó có thể dung hoà với nhau. Nhưng trong các tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung đã tạo ra sự gặp gỡ dung hoà và tương tác giữa hai hình ảnh đó một cách kỳ thú lạ lùng.

Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Côn Lôn Tam Thánh Hà Túc Đạo từ dãy Thiên Sơn đi về tỉnh Hồ Nam, đem theo một cây thất huyền cầm và một thanh trường kiếm. "Hỡi ơi, nước xanh và đá trắng sao rời rạc nhau đến như vậy" - lời than thở của Hà Túc Đạo giữa rừng sâu là lời than chưa tìm được một người tri kỷ hồng nhan, như nước xanh cứ mãi trôi mà đá trắng vẫn trơ vơ đứng lại bên đời. Cho đến khi gặp được cô gái Quách Tương, Hà Túc Đạo đã cảm hứng sáng tác ra được một nhạc khúc để chờ có dịp là đàn cho cô nghe. Và trong một trận chiến với 3 cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực, Hà Túc Đạo đã ngồi tại chỗ, sử dụng một tay kiếm đánh với đối thủ, tay kia vẫn tiếp tục đánh đàn. Nghe tiếng đàn phơi phới xuân tình, tràn đầy niềm nhớ thương u ẩn, Quách Tương đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo muốn tỏ tình với mình. Năm ấy cô mới 16 tuổi. Tiếc thay tuy thắng trong trận này nhưng sau đó Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn và Trương Quân Bảo (chính là Trương Tam Phong sau này) ở chùa Thiếu Lâm nên lặng lẽ bỏ Trung Nguyên trở về Thiên Sơn, khiến khát vọng phối hợp thanh kiếm và cây đàn của chàng không thực hiện được.

Kim Dung đã để cho Cầm điên Khang Quảng Lăng, nhân vật trong Thiên Long bát bộ thực hiện khát vọng ấy. Khang Quảng Lăng có ngoại hiệu là Cầm điên, một nhân vật chơi hồ cầm rất tài hoa. Lão dùng tiếng đàn làm vũ khí, đấu nhau với kiếm kích đao thương của người khác. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta dội ngược, kinh mạch loạn lên, người không có nội công thâm hậu khó chống chọi được điệu đàn của lão, tiếng đàn thoạt đông thoạt tây, thoạt trên thoạt dưới, thoạt gần thoạt xa. Khang Quảng Lăng thuộc phái Tiêu Dao tức là tu theo Lão - Trang. Thế nhưng lão vẫn chưa thoát tục được, giai điệu vẫn chưa đạt đến mức thượng thừa của âm nhạc hoà bình trung chính.

Có lẽ điều chưa đạt được đó đã được tác giả Kim Dung thử nghiệm lại trong Tiếu ngạo giang hồ.Trong tác phẩm này, tác giả xây dựng một nhân vật cổ quái là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn. Mạc Đại tiên sinh cất một thanh kiếm ngắn, lưỡi mềm và mỏng như lá lúa trong đáy cây hồ cầm. Tiên sinh được ca ngợi với 8 chữ "cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm" (trong đàn giấu kiếm, kiếm phát tiếng đàn). Kiếm pháp "Bách biến thiên ảo, Hành Sơn vân vụ thập tam thức " của lão nhằm cứu người trong cơn hoạn nạn, tế khốn phò nguy. Nhưng tiếng hồ cầm của lão chưa thoát tục, cứ đi mãi trên con đường bi ai sầu thảm; lại thêm lời ca của bài Tiêu Tương dạ vũ (mưa

đêm trên sông Tiêu Tương) nghe ra đau xót như những giọt mưa rơi xuống lá cây. Mạc Đại tiên sinh là hình ảnh của một trích tiên bị đoạ.

Một nhân vật khác của Tiếu ngạo giang hồ là Khúc Dương đã nhận ra chỗ thiếu sót đó của Mạc Đại. Khúc Dương là trưởng lão của Triêu Dương thần giáo (Ma giáo). Khúc Dương là 1 nhạc sĩ tài ba, do không phục một câu nói của Kê Khang, 1 nhạc sĩ đời Tây Tấn đã đàn khúc Quảng lăng tán trước khi bị Tư Mã Chiêu giết, rằng: “ta chết đi từ nay trên đời không còn khúc Quảng lăng tán nữa”. Khúc Dương đã bỏ công ra đi đào 29 ngôi mộ của các vua chúa và đại thần thời Đông Hán và Tây Hán và đến ngôi mộ thứ 29 ở đất Thái Ung thì lão tìm ra khúc phổ Quảng lăng tán, Khúc Dương đã cải biên thành nhạc khúc dành cho đàn thất huyền cầm và gọi tên khúc đó là Tiếu ngạo giang hồ. Lão chơi thân với Lưu Chính Phong, nhạc sĩ thổi sáo của phái Hành Sơn. Lưu Chính Phong dựa vào cung đàn của Khúc Dương để viết 1 phần tiêu phổ cho ống sáo. Cầm tiêu song tấu, họ có được nhạc khúc Tiếu ngạo giang hồ hoà bình, trung chính; thể hiện được khát vọng được sống tự tại tiêu dao của một kiếp người.

Nhưng cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều bị lên án bởi phái Tung Sơn. Với tham vọng lên ngôi minh chủ Ngũ Nhạc kiếm phái, chưởng môn phái Tung Sơn là Tả Lãnh Thiền đã sai thủ hạ sát hại Lưu Chính Phong, định tiêu diệt phái Hành Sơn trước. Thế nhưng trên cả âm mưu của phái Tung Sơn, Nhạc Bất Quần, chưởng môn đã nuôi mộng lên ngôi Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm) bằng chính một đường kiếm tàn ác - Tịch tà kiếm pháp - mà lão ăn cắp được. Cũng với thanh kiếm, Lệnh Hồ Xung đã học được Độc Cô cửu kiếm để trị Tịch tà. Tác giả Kim Dung đã để cho Độc Cô thắng Tịch tà, lấy cái ngay thẳng để chế ngự cái tà ma, lấy cái chính nhân để trị cái nguỵ quân tử. Và khi thanh kiếm chính nghĩa đã toàn thắng thì khúc hợp tấu cầm tiêu Tiếu ngạo giang hồ lại ung dung trổi lên, hoà bình trung chính làm say đắm lòng người nghe.

Lưỡi kiếm là bạo lực, có cái bạo lực phản động, có cái bạo lực để chống bạo lực phản động. Tiếng đàn là tiếng lòng, là âm điệu của hoà bình nhân ái. Lưỡi kiếm ngay thẳng chống bạo lực phản động, lập lại công lý cho cuộc sống để tiếng đàn hoà bình, nhân ái được cất lên. Toàn bộ khát vọng của Kim Dung được thể hiện qua Ỷ thiên Đồ long ký, Thiên Long bát bộ giữa sự giao thoa của kiếm và đàn chưa hoàn thành. Và ông viết tiếp Tiếu ngạo giang hồ để hoàn thành ước mơ đó. Chàng kiếm sĩ Lệnh Hồ Xung với đường Độc Cô cửu kiếm cuối cùng cũng buông lưỡi kiếm xuống, cầm lấy cây đàn cùng người yêu thổi tiêu hợp tấu Tiếu ngạo giang hồ. Vì vậy mà trên cuộc sống này vẫn tồn tại câu nói “Hoà bình là hiệu quả của chân lý”. Ở một chừng mực nào đó Kim Dung đã thể hiện tư tưởng có trước đây hơn 2000 năm của Socrate “Hoà bình chỉ thực sự có khi công lý được xác lập”.

Huyền thoại Thủ cung sa

Thủ cung sa () có lẽ là một khái niệm khá mới trong hệ thống từ Hán - Việt của ngôn ngữ Việt Nam. Tôi đã tra 6 cuốn từ điển Hán - Việt hoặc Việt – Hán mà không tìm ra được từ ghép này, có lẽ vì nó cổ quá và có lẽ đến bây giờ, người phụ nữ Trung Quốc không cần đến nó nữa. Cuộc sống văn minh với làn sóng “cách mạng tình dục”, tư tưởng tự do luyến ái và một chút thực dụng của chủ nghĩa hiện sinh Tây phương đã ảnh hưởng đến phương Đông. Người phương Đông, kể cả người phương Đông Trung Quốc, vốn là con cháu Đức Khổng Phu tử, đã có một quan điểm rất thoáng về chữ trinh nơi người phụ nữ. Tôi nhấn mạnh chữ Trinh () chứ không phải chữ Tiết (). Trinh là một cái gì đó hoàn toàn nguyên vẹn, ban sơ mà đạo Khổng vốn coi là biểu tượng của sự trong trắng, đạo đức, của tất cả các hành vi giữ mình như ngọc của một cô gái mới lớn lên. Trong y học, trinh mang ý nghĩa cụ thể hơn: đó là một cái màng mỏng nằm trong nội cung người phụ nữ. Ai còn trinh thì được gọi là xử nữ. Và do vậy, màng trinh được gọi là xử nữ mạc.

Thủ cung sa là một dấu vết nhỏ có màu đỏ sậm của thần sa, được điểm lên cánh tay của một cô gái mới lớn (thường là cánh tay trái, cách vai khoảng một tấc, ngang với chỗ mà ngày nay người ta chủng ngừa đậu mùa) để chứng minh cô gái ấy còn trinh bạch. Các thầy thuốc ngày xưa khó lòng quan sát xử nữ mạc, mà dẫu muốn quan sát cũng chưa chắc được ai cho! Cho nên, người Trung Quốc cổ mới nghĩ đến một tiêu ký nhằm hình tượng hoá chữ trinh ra ngoài cấm địa của người phụ nữ - ấy là vế thủ cung sa trên cánh tay. Muốn biết cô gái nào còn là xử nữ hay không, chỉ chỉ cần vén tay áo lên xem xét thủ cung sa còn hay mất. Nếu thủ cung sa mất đi thì ô hô, ai tai; dẫu có mười miệng cũng không biện giải, cãi chày cãi cối nữa với mọi người vốn thuộc lòng câu “Nam nữ thọ thọ bất thân”.

Làm sao lưu được tiêu ký của thủ cung sa? Hán thư, cách chúng ta trên 2.000 năm, ghi chú rõ: bắt một con tắc kè con, nuôi nó cho thật tử tế, cho nó ăn hết bảy cân thần sa. Đập nát con tắc kè, vắt xác của nó lấy một loại nước có màu đỏ sậm. Đem nước ấy chấm lên cơ bắp cánh tay trái của cô gái mới lớn. Dấu chấm ngoài da sẽ ăn sâu vào lớp ngoại biểu bì, để lại một vết tròn màu đỏ sậm trên làn da trắng nõn. Vết tròn màu đỏ sậm ấy chính là biểu tượng uy nghi, hùng hồn nhất của sự trinh bạch. Nếu cô gái tự mình gần gũi với người đàn ông hoặc bị cưỡng hiếp, vết thủ cung sa sẽ mất đi ngay.

Lý luận thì chặt chẽ như vậy nhưng Hán thư của học giả Ban Cố vẫn không cắt nghĩa được mối tương quan hữu cơ giữa thủ cung sa trên cánh tay và xử nữ mạc trong nội cung của người phụ nữ. Nói cách khác, lời bí chú của Hán thư không giải thích được tại sao khi xử nữ mạc bị rách thì vế thủ cung sa lại biến mất đi và giả thiết một cô gái bị mất thủ cung sa rồi thì họ có thể… làm lại cái mới không. Và bởi thủ cung sa có được từ nước cốt của con tắc kè ăn đủ 7 cân thần sa, nghĩa là chuyện mà tất cả mọi nhà ở Trung Quốc đời Hán đều làm được, và bởi thịt da ai cũng như ai nên tôi đồ chừng tất cả mọi phụ nữ Trung Quốc (thời Hán thôi nhé) từ cô gái 16 tuổi thơm như đóa ngọc lạn đến người thiếu phụ 50 tuổi có mấy mặt con, tả tơi như tàu lá chuối sau trận bão, đều có thể tự làm tiêu ký thủ

cung sa được. Đến lúc đó, dẫu sư phụ của các danh y Hoa Đà, Biển Thước nhìn được vết thủ cung sa cũng khó lòng nhận ra chân giả, thực hư. Không chừng rút kinh nghiệm đó mà ngày nay, các tú bà thường cho bác sĩ "tân trang" xử nữ mạc các cô để gạt mấy tay Hongkong, Taiwan giàu sụ.

Đó là chuyện 2.000 năm trước. Hai ngàn năm sau, nhà văn Kim Dung đã đưa huyền thoại thủ cung sa của dân tộc mình vào trong các tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông, vẫn với mục đích chứng minh cho sự trinh bạch của người phụ nữ mới lớn. Các nhân vật nữ của ông nhưng Chu Chỉ Nhược (Ỷ thiên Đồ long ký), Lý Mạc Sầu (Thần điêu hiệp lữ), Mai Phương Cô (Hiệp khách hành) đều giữ được những vết đỏ thắm của thủ cung sa trên cánh tay trắng nõn nà. Nghĩa là họ không hề mất trinh, chưa từng chăn gối với đàn ông, chưa thất thân vì người khác giới như họ tự nhận hoặc do người khác vu vạ.

Lứa đôi Chu Chỉ Nhược và Trương Vô Kỵ thương yêu nhau. Diệt Tuyệt sư thái, chưởng môn phái Nga My lại buộc học trò Chu Chỉ Nhược của mình phải thề độc, không được thương yêu Trương Vô Kỵ. Chu Chỉ Nhược phải dựng lên câu chuyện Tống Thanh Thư là chồng của cô để đánh lừa mọi người, chủ yếu là đánh lừa chàng Trương. Khi Tống Thanh Thư bị đánh trọng thương, mọi người vẫn đinh ninh rằng Chu Chỉ Nhược đã là đàn bà. Đến lúc đó, Chu Chỉ Nhược mới vén cánh tay áo lên cho mọi người biết cô vẫn còn vết thủ cung sa tươi thắm. Vết thủ cung sa đó đủ sức cải chính tất cả mọi lời đồn đại, mọi điều mà cô đã tự nhận về mình.
Mai Phương Cô thương yêu Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh đã có vợ, có hai con trai. Trong một cơn ghen tuông làm mất lý trí, cô đã bắt một đứa con mới 3 tháng tuổi của Thạch Thanh đem đi, nuôi nấng hài nhi thành người, đặt tên là Cẩu Tạp Chủng (chó lộn giống). Đứa bé lớn lên, vẫn đinh ninh Mai Phương Cô là mẹ ruột của mình. Cho đến một ngày vợ chồng Thạch Thanh lên núi Hùng Nhĩ tìm Mai Phương Cô, có cả cậu trai Cẩu Tạp Chủng đi theo, Mai Phương Cô vẫn vì cơn ghen, không tiết lộ thân thế Cẩu Tạp Chủng. Ai cũng yên chí Phương Cô chửa hoang, sinh ra thằng bé không cha, riêng vợ Thạch Thanh thì cho rằng chồng mình đã chăn gối với Mai Phương Cô sinh ra cậu Cẩu Tạp Chủng. Kim Dung đã xử lý tình huống tiểu thuyết hết sức bi kịch nhưng cũng hết sức cao thượng: ông để cho Mai Phương Cô tự vận, một bên áo rách hiện rõ vết thủ cung sa trên làn da trắng. Nghĩa là Mai Phương Cô vẫn còn trinh bạch. Còn Cẩu Tạp Chủng là ai, tại sao khuôn mặt chàng giống hệt Thạch Thanh, tại sao chàng gọi Mai Phương Cô là má má thì tự độc giả tìm hiểu.

Trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, huyền thoại thủ cung sa được nâng lên thành hiện thực mang dấu ấn của triết lý, dấu ấn của tư tưởng nhân văn và nhân đạo. Nếu cứ lý luận theo kiểu nhà nho thì ai còn trinh mới là đạo đức; ai mất trinh là kẻ hư thân. Nhưng Kim Dung không nhìn người phụ nữ Trung Quốc theo nhãn quan đó. Trong Thần điêu hiệp lữ, ông xây dựng nhân vật Tiểu Long Nữ, chưởng môn phái Cổ Mộ Đài. Tiểu Long Nữ mới 18 tuổi, thương yêu người học trò nhỏ hơn cô 2 tuổi là Dương Qua. Một hôm, khi

cô đang thoát y để luyện Ngọc nữ tâm kinh trong bụi rậm thì bị một tên đệ tử phái Toàn Chân là Doãn Chí Bình điểm huyệt, che mặt rồi đưa vào chỗ kín đáo cưỡng hiếp. Cô gái đau khổ khi mất đi vết thủ cung sa và cảm thấy không còn xứng đáng với chàng học trò nhỏ Dương Qua nữa.

Cô đau xót bỏ Dương Qua ra đi. Nhưng trong con mắt Dương Qua, một Tiểu Long Nữ mất trinh còn hơn hàng vạn cô gái trinh bạch khác trên đời. Dương Qua ra đi tìm cô khắp bốn phương trời. Không có nhà văn nào can đảm như Kim Dung khi đưa ra một người thầy mất trinh, một mối tình thầy tro trong một bối cảnh xã hội mà Khổng giáo vẫn chiếm tư thế độc tôn như xã hội Trung Quốc thế kỷ XI. Ở đây, ông muốn chứng minh một điều: chữ trinh qua dấu vết thủ cung sa không là cái gì cả. Một tai nạn thông thường hoặc nghiêm trọng có thể làm mất đi sự trinh bạch của người phụ nữ nhưng phẩm giá và tình yêu của người phụ nữ đó vẫn còn nguyên vẹn. Chất nhân bản, nhân văn đó dễ có mấy ai đã thể hiện được trong tiểu thuyết. Một Lý Mạc Sầu trinh bạch nhưng tàn ác vẫn thua xa một Tiểu Long Nữ bị mất trinh nhưng tấm lòng quảng đại bao dung. Nếu với đàn ông, Kim Dung thường đưa câu “Đừng đem thành bại luận anh hùng” thì với phụ nữ, chúng ta cũng có thể nghĩ đến câu “Chớ đem trinh tiết khoe thục nữ”.

Thủ cung sa, rốt cuộc lại, chỉ là quan điểm của Kim Dung về chữ trinh, một quan điểm mới mè, vượt xa công thứ sơ lược của cổ nhân. Trước Kim Dung trong hơn 200 tác phẩm tiểu thuyết Minh – Thanh, chữ trinh đã từng là vấn đề trong Tây sương ký, Liêu trai chí dị, Tam quốc chí, Hồng lâu mộng. Thế nhưng, chữ trinh đó đôi khi rất cực đoan, đôi khi lại bị xem quá nhẹ. Chữ trinh trong tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung không nhẹ, cũng chẳng cực đoan. Nó phụ thuộc vào hoàn cảnh, thời điểm, số phận của từng nhân vật cụ thể. Kim Dung không lấy chữ trinh làm thước đo phẩm giá người phụ nữ. Những nhân vật nữ thất trinh của ông như Tiểu Long Nữ, Kỷ Hiểu Phù… khiến người đọc thông cảm, xót xa, kính trọng. Văn chương của Kim Dung đúng là một thứ văn chương nhân bản, nhân văn.

Bọn hào sĩ giang hồ ăn Tết

Khái niệm "hào sĩ giang hồ" là một khái niệm khá đặc biệt mà người ta chỉ tìm thấy trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Hán - Việt từ điển của Đào Duy Anh định nghĩa hào sĩ là "những người có thế mạnh hơn người". Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, từ "giang hồ" (sông hồ) mang một ý nghĩa hết sức tượng trưng để chỉ những cuộc đời lênh đênh, trôi giạt; những con người chuyên sống bằng đường đao mũi kiếm, đứng trên và đứng ngoài những quy định vương pháp của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Họ hình thành một giới: giới võ lâm.

Tính theo âm lịch, người Trung Quốc ăn 12 cái tết (tiết) trong năm: Nguyên đán (1 tháng giêng), Khai hạ (7 tháng giêng), Nguyên tiêu (15 tháng giêng), Hàn thực (3 tháng

ba), Thanh minh (tháng ba), Đoan ngũ (5 tháng năm), Trung nguyên (15 tháng bảy), Trung thu (15 tháng tám), Trùng cửu (Trùng dương - 9 tháng chín), Trùng thập (10 tháng mười), Hạ nguyên (15 tháng mười), Táo quân (23 tháng chạp). Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những hán tử thô hào, bồng bột, lãng mạn - nói theo ngôn ngữ Kim Dung, cũng "ăn tết" quanh năm.

"Gió xuân đầm ấm
Ngàn liễu xang tươi
Hoa phô sắc thắm
Hương nức lòng người"
"Tiết trời vào buổi dương xuân, ánh dương quang sáng lạn khắp miền nam".

Đoạn văn ngắn trên đây của Kim Dung, mở đầu cho tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ với những nét phác rất đơn giản, giới thiệu cho chúng ta thấy khung cảnh mùa xuân ở Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, miền nam Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, chàng trai Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cục cao hứng dẫn bọn tiêu sư đi săn rồi vào quán bên đường uống rượu, gây ra cuộc ẩu đả với bọn phái Thanh Thành để rồi vướng vào những cuộc đấu tranh đẫm máu trong suốt chiều dài cuốn truyện.
Ăn tết không gì vui bằng rượu. Rượu của Trung Quốc vốn rất phong phú về nguyên liệu, về cách chưng và về tên gọi: Thiệu Hưng trạng nguyên hồng, Thiệu Hưng nữ nhi hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo mĩ tửu, Hầu nhi tửu, Bồ Đào tửu, Cao lương tửu, Ngũ tiên tửu, Phần Dương tửu... kể cả Phục đặc gia tửu (rượu Vodka). Bọn hào sĩ giang hồ cứ thế mà uống, uống xong rồi tuốt kiếm giương đao nói chuyện phải quấy với nhau.

Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang trong Tiếu ngạo giang hồ đấu với nhau trí mạng trên Tuý tiên lâu ngoại thành Hành Sơn để rồi trở thành bạn của nhau cũng qua chén rượu. Biết Lệnh Hồ Xung quý rượu hơn tính mạng, bọn hào sĩ giang hồ các bang, các đảo, các động tổ chức cuộc họp mặt ăn tết trên gò Ngũ Bá Cương để lấy lòng chàng và lấy lòng Nhậm Doanh Doanh, ý trung nhân của chàng. Ngũ Bá Cương thuộc về hạ lưu sông Hoàng Hà, giáp giới Hạ Trạch, Định Đào, phía Tây địa giới tỉnh Hà Nam, là nơi thuận tiện cho quần hùng bốn châu Tề, Lễ, Dự, Ngạc tụ hội. Bọn hào sĩ giang hồ bốn châu đã ăn cắp thuốc và bắt thầy thuốc về chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung; mang theo những bò khô, bò quay (?), đùi gà và cả chục loại rượu đủ cho 3000 người ăn để tiếp đãi chàng. Tất cả chỉ vì một mục đích: được bái yết tôn dung Lệnh Hồ Xung. Họ "ăn mặc kỳ dị, mặt mày dữ tợn", chuyên ăn những miếng thịt to, uống những bát rượu lớn, tưởng đâu chẳng biết sợ trời sợ đất là gì. Thế nhưng, nghe tiếng đàn tình tang của thánh cô Nhậm Doanh Doanh nổi lên, cả 3000 con người vứt chen bỏ tô hè nhau trốn sạch!

Gần như cuộc sống của giới võ lâm trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung chẳng thấy ai làm nghề nghiệp gì, nhưng họ lại có vàng, có bạc, quanh năm ăn uống no say. Khi Doanh Doanh ban lệnh buộc bọn hào sĩ giang hồ phải tìm cách giết Lệnh Hồ Xung thì bọn Lão Đầu Tử, Tổ Thiên Thu và Kế Vô Khả Thi vẫn tuân lệnh. Nhưng vốn đấu kiếm không lại

Lệnh Hồ Xung, cả bọn 40 người nguyện dùng rượu ngon đổ cho Lệnh Hồ Xung say đến chết! Họ lý luận: "Cái đó kêu bằng dúng sức không được thì dùng trí" (?). Rồi từ 40 người, họ về kết bè phái lên tới 2000 người, bầu Lệnh Hồ Xung làm minh chủ, trống rong cờ mở tiến lên chùa Thiếu Lâm vào rằm tháng chạp để giải cứu Nhậm Doanh Doanh. Đi đến bất kì nơi đâu, bọn hào sĩ giang hồ cũng "ăn tết" thủng nồi trôi rế tới đó.

Có lẽ căn bệnh ăn nhiều uống lắm là căn bệnh phổ quát của con người. Biết làm sao được? Cuộc sống ngắn ngủi có 100 năm, lại sẵn rượu ngon nhắm tốt, không uống không ăn hoá ra cô phụ tấm lòng của cuộc đời dành cho mình lắm sao? Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung lại là những nhân vật tự nhiên chủ nghĩa, hễ có là ăn uống ì xèo như ngày tết, không cần biết thức đó do ai làm và làm cho ai.
Trong Thiên Long bát bộ, có một đoạn tao ngộ khá vui: bọn Tần gia trại ở Hà Sóc vô tình chạm mặt bọn phái Thanh Thành ở Tứ Xuyên trong Tính hương tịnh xá của Đoàn A Châu tại Giang Nam. Mục đích chung của họ là tìm Mộ Dung Phục để trả thù. Trong khi bọn đệ tử Thanh Thành ăn chay, ngồi trơ như gỗ đá thì bọn Tần gia trại lại nhậu nhẹt tưng bừng. Chúng lấy hết những rượu hoa nhài, Mai Quế lộ, Mai hoa lộ do A Châu chưng cất ra uống, lại buộc lão Cố - đầu bếp của A Châu, phải xào nấu thức nhắm cho chúng thưởng thức. Để trả thù, lão Cố vừa nấu nướng vừa xỉ mũi, khạc nhổ đờm rãi vào thức ăn, "phục vụ" cho chúng anh hùng Tần gia trại!

Nếu hình thái ăn tết tập thể có vẻ lúi xùi, lộn xộn thì hình thái ăn tết cá nhân lại có vẻ đàng hoàng, trật tự hơn. Chúng ta có thể tìm gặp trong Thiên Long bát bộ hình ảnh của một người ngồi nhậu trên Tùng hạc lâu, thành Vô Tích, đất Giang Nam: "Một đại hán ngồi đầu mé tây, hai mắt sáng như điện, thân thể cao lớn, trạc ngoài 30 tuổi, phục sức có vẻ sơ sài mộc mạc, mặt vuông chữ điền, tướng mạo không tuấn tú nhưng oai phong lẫm liệt". Đó là Kiều Phong, bang chủ Cái bang Trung Quốc. Anh ta mời Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý đối ẩm với một mân thịt bò chín, một bát canh lớn và ba hồ rượu to, mỗi tô mười cân, mỗi cân tương đương 600 gram, vị chi khoảng 18 lít. Cả hai cưa đôi số rượu đó, tính ra mỗi người uống được 40 bát, tương đương chín lít. Chắc chắn là tác giả có thổi phồng con số này để khắc hoạ đậm nét thên hai hình tượng anh hùng của giới võ lâm thời nhà Tống.
Ở chừng mực nào đó, việc đối ẩm của giới võ lâm thể hiện những nét văn hoá nhất định, không phi văn hoá và tự nhiên chủ nghĩa như việc loạn ẩm của quần hào. Ta có thể tìm ra được những biểu hiện văn hoá như vậy trong cuộc gặp gỡ giữa Kiều Phong và Công Dã Can, trang chủ Huyền Sương trang trên Vọng giang lâu ở thành Giang Âm, thượng lưu sông Trường Giang. Kiều Phong và Công Dã Can, mỗi người bưng một bát rượu đầy, thách đấu với nhau ba chưởng. Qua hai chưởng đầu, Công Dã Can còn giữ được bát rượu trong tay. Qua chưởng thứ ba, anh ta không chịu nổi được sức mạnh của Kiều Phong, Công Dã Can chỉ than: "Tiếc quá, thực uống bát rượu ngon". Qua cấu nói đó, Kiều Phong đánh giá Công Dã Can là một anh hùng chân chính, một hảo hán tử.

Trong năm cách uống rượu (ẩm): độc ẩm, đối ẩm, cộng ẩm, quần ẩm và loạn ẩm thì cách loạn ẩm là lộn xộn nhất, lăng nhăng nhất. Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những người ít học, lại văn vô đệ nhất, võ vô đệ nhị, ai cũng tự cảm thấy mình là bậc anh hùng, là con người siêu việt. Khi cả bọn họp mặt nhau lại, khó khăn lắm mới bâu ra được người thống lĩnh. Khổ thay, người thống lĩnh đó tài trí và võ công chưa chắc đà hơnai, lại không qua một trường huấn luyện chỉ huy nào nên đội ngũ được thống lĩnh vốn đã ô hợp lại càng thêm xộc xệch. Trường hợp của Ô Lão Đại thống lĩnh bọn quần tiên 36 động, 72 đảo gồm mấy ngàn người, tấn công lên núi Phiêu Miễu, cung Linh Thứu chống Thiến Sơn Đồng Mỗ trong Thiên Long bát bộ là như vậy. Bọn hào sĩ giang hồ này tự xưng là "tiên" nhưng thực ra chỉ là một đám ăn hại, võ nghệ tào lao mà đầu óc lại nông choèn. "Quần tiên" lên được tới cung Linh Thứu không thu được thắng lợi gì ngoài việc ăn uống thả dàn và phóng uế bừa bãi. Vụ "ăn tết" đó khiến cho cung Linh Thứu xú khí ngất trời xanh.
Gần như ai cũng công nhận rằng người Trung Quốc có kĩ thuật chế biến món ăn tinh vi, khoa học, xảo diệu và cầu kì nhất. Đọc Lộc Đỉnh ký, chúng ta biết được có trên 100 món hạt dưa, trên 100 món bánh mứt ăn chơi và cả ngàn món thức ăn mặn. Nhân vật được quyền ăn ngon nhất trong Lộc Đỉnh ký là nhà vua Khang Hy. Tuy nhiên, đúng như định đề Kim Dung đã rút ra: "Ở trên đời, hoàng cung và kĩ viện là hai nơi trá nguỵ nhất" cho nên trong cái ăn vẫn có những điều trá nguỵ buồn cười.

Trên nguyên tắc, đồ ăn thức uống nào ngon nhất, bổ nhất thì được dâng lên vua. Bọn trù phòng (đầu bếp) và bọn thái giám thường hợp đồng mua thực phẩm từ nhà thầu bên ngoài đưa vaò hoàng cung để chế biến. Tuy nhiên, cũng như muôn đời, cuộc sống vốn tồn tại cái gọi là tham nhũng mà trong kĩ thuật tham nhũng, bọn thái giám chính là tổ sư bồ đề. Cho nên, bất kì món thực phẩm nào đưa vào hoàng cung dẫu có ươn thúi đi nữa mà kèm theo được chút tiền lót tay thì món ấy mới xứng để dâng lên nhà vua và các hậu phi; món nào dù có tươi ngon đến mấy mà thiếu tiền lót tay cũng trở thành ươn thối.

Con heo được nuôi bằng những vật trân quý như Đậu hoàng Nhân sâm, Hoa điêu, Phục linh, có tên là Đậu hoàng nhân sâm trư, Hoa điêu phục linh trư được bọn quần hùng Thiên Địa hội làm sẵn, nhét người vào trong đó để đưa đến tổng quản thái giám Vi Tiểu Bảo (người của Thiên Địa hội làm nội tuyến trong hoàng cung). Bọn chúng giả vờ quên đưa tiền lót tay để Vi Tiểu Bảo chửi toáng lên, buộc đưa heo về phòng mình khám nghiệm và cứu người ra. Những món thịt heo trân quý như vậy ít khi đến miệng vua Khang Hy. Nó dùng làm thức đưa cay cho quí vị thái giám trù phòng và thị vệ dưới quyền Vi Tiểu Bảo. Ngay cả quần hùng Thiên Địa hội cũng được “ăn theo” nhiều món khoái khẩu mà chỉ có trong hoàng cung mới nấu nướng được.

Cho nên, quanh năm suốt tháng, những ai đi theo Vi Tiểu Bảo đều được ăn tết. Họ "ăn tết" từ hoàng cung ra đến quanh thành Bắc Kinh, từ Bắc Kinh đến Vân Nam, từ Vân Nam đến Dương Châu, từ Dương Châu đến biên giới Trung - Nga ở vùng Hắc Long Giang. Kiến thức về văn hoá thì Vi Tiểu Bảo khống có lấy một xu nhưng kiến thức về đánh bạc

bịp, làm tiền và nhất là ăn uống thì Vi Tiểu Bảo là nhân vật siêu hạng.

Trong 12 bộ tiểu thuyết võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành nhiều trang nói về các đồ ăn thức uống, cách chế biến, cách dùng. Có lẽ chủ nghĩa dân tộc cũng hằn sâu vào những trang sách này của ông: ông không che giấu được niềm tự hào khi nói về nghệ thuật ăn uống của người Trung Quốc, và đối với những đồ ăn thức uống của dân tộc khác, ông thường chê là hủ lậu. Và cũng có lẽ do âm vang lịch sử về nỗi thống khổ của dân tộc trong những năm Bát quốc liên quân tấn công triều Thanh, cuộc xâm lược của phát xít Nhật vào vùng Đông Bắc, những tao loạn trong quá trình đấu tranh Quốc - Cộng đã khiến cho hàng triệu người Trung Quốc đói rét lầm than nên Kim Dung đã hào phóng để cho bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm võ hiệp của mình ăn tết thoải mái, không nhằm ngày tết cũng tiểu yến, đại yến như thường. Họ đi đến đâu là được ăn nhậu no say đến đấy mặc dầu thấy họ hiếm có nghề nghiệp, tiền bạc. Bọn hào sĩ giang hồ chỉ có được cái miệng rộng và cái dạ dày to. Hoặc giả đó cũng có thể là một mơ ước nhân bản của Kim Dung: mơ ước về một nền văn minh phồn thực tự nhiên. Ông mong đồng bào mình suốt đời được ăn ngon, mặc đẹp. Mà suy cho cùng, nếu được thảnh thơi ăn tết quanh năm thì loài người quả thật hạnh phúc.

Bọn hào sĩ giang hồ tiếp thị

Tiếp thị là một khái niệm hoàn toàn mới mẻ trong thời đại chúng ta. Cổ văn Trung Quốc không có hai từ tiếp thị. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là những hành động tiếp thị quảng cáo hoàn toàn không có trong các xã hội cổ đại Trung Quốc.

Bọn hào sĩ giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là những nhân vật được hư cấu từ thế kỉ thứ 10 (nhà Nam Tống) đến thế kỉ thứ 18 (triều Càn Long, nhà Thanh) ở Trung Quốc. Hoạt động chủ yếu của họ là sống trên đường đao mũi kiếm, hành hiệp cứu đời. Thế nhưng, điều đặc biệt là họ cũng biết "tiếp thị", hiểu theo cái nghĩa là biết giới thiệu mặt hàng đến người mua và mua bán khá sòng phẳng.

Mở đầu bộ Tiếu ngạo giang hồ, Kim Dung để cho nhị đệ tử phái Hoa Sơn là Lao Đức Nặc dẫn con gái của sư phụ là Nhạc Linh San hoá trang và mạo danh là ông cháu, tìm xuống ngoại thành Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến sang lại tiệm bán rượu để theo dõi hành tung bọn phái Thanh Thành tiến đánh Phước Oai tiêu cục. Họ treo biển mới, gọi quán rượu của mình là Đại Bảo; Lao Đức Nặc xưng là lão Tát; Nhạc Linh San xưng là Uyển Nhi. Chính Lâm Bình Chi, người của Phước Oai tiêu cục, sau khi đi săn đã ghé quán Đại Bảo uống rượu sinh sự và giết con trai của chưởng môn phái Thanh Thành Dư Thương Hải tên là Dư Nhân Ngạn. Tiệm của Lão Tát luôn luôn có loại rượu Trúc diệp thanh danh tiếng. Thực ra, mua bán là chuyện phụ, chuyện chính của hai sư huynh muội là dòm ngó bộ kiếm phổ của nhà Lâm Bình Chi có bị phái ThanhThành đoạt mất hay không.

Tiếu ngạo giang hồ cũng có một đoạn tiếp thị khá tức cười. Lão ăn xin thành Hành

Dương quảng cáo với Lệnh Hồ Xung rằng lão có loại rượu tên gọi Hầu nhi tửu do “Khỉ ở trong rừng Tương Tây biết hái trái cây làm rượu”. Vì khỉ hái quả rất tươi, rất ngọt nên chúng nấu rượu cực ngon. Lão ăn xin thừa lúc khỉ đi vắng, lén vào động khỉ ăn cắp ba hũ Hầu nhi tửu, lại bắt thêm một con khỉ nhỏ để về… nấu rượu. Lệnh Hồ Xung nghe lão quảng cáo, trả lão ba lạng bạc để xin một hớp Hầu nhi tửu. Nhưng hắn vận Hỗn nguyên khí công, một hớp của hắn uống cạn sạch nửa bầu Hầu nhi tửu của lão ăn xin khiến lão lăn ra kêu khóc, bắt đền.
Thỉnh thoảng, bọn hào sĩ giang hồ cũng có nghề nghiệp rõ rệt. Hà Tam Thất, cao thủ núi Nhạn Đãng tỉnh Triết Giang, chuyên nghề bán hoành thánh. Kim Dung giới thiệu: “Khắp hang cùng ngõ hẻm có hàng vạn người bán hoành thánh nhưng bán hoành thánh mà thân ở trong võ lâm giang hồ chủ có một mình Hà Tam Thất”. Lên Hành Sơn dự lễ rửa tay gác kiếm của Lưu Chính Phong với tư cách một thượng khách, Hà Tam Thất vẫn gánh gánh hoành thánh theo. Đệ tử phái Hoa Sơn ăn của lão bảy bát, phải trả cho lão bảy mươi quan tiền. Định Dật sư thái của phải Hằng Sơn nổi nóng đập bể của lão hai cái bát, hai chiếc muỗng phải đền cho lão mười bốn quan tiền. Hà Tam Thất đến nơi nào là nơi đó có tiếng gõ lốc cốc của hai thanh tre.

Tiếu ngạo giang hồ còn một nhân vật tiếp thị khá đặc biết: Hoạt bất lưu thủ Du Tấn, chuyên bán nguồn tin. Lão này võ công cao cường, tướng tá phì mỵ, chuyên đi nghe lén nguồn tin mật trong giang hồ rồi bán cho người khác để kiếm tiền. Lão ăn nói rất khiêm tốn: “Một sợi lông của các vị còn lớn hơn bắp đùi của tiểu đệ”. Nguồn tin mà ai nấy đều quan tâm là bộ Tịch tà kiếm phổ của Lâm Bình Cho lọt vào tay ai. Du Tấn đòi tám người mua trả giá nguồn tin này tám trăm lạng bạc nhưng chỉ có một người chịu đưa cho gã một trăm lạng. Cầm tiền xong, lão giả bộ ngó ra đường, la lớn: “Chao ôi, Đông Phương giáo chủ bao giờ người mới đến”. Ai nấy tranh nhau nhìn ra đường thì Du Tấn vận khinh công tột đỉnh, chạy trốn biệt. Hoá ra, lão là kẻ lừa đảo. Cho nên bọn hào sĩ giang hồ gọi lão là Du tẩm nê thu (con lươn tẩm trong dầu). Con lươn đã trơn, lại tẩm dầu còn trơn tuột hơn nữa; thật khó mà bắt được Du Tấn để lấy lại tiền. Mà có lấy được tiền thì đồng tiền ấy cũng sứt mẻ, trăm lạng chưa chắc còn được vài lạng bởi ngoại hiệu của lão là Hoạt bất lưu thủ (tiền không còn dính lại trong tay).

Cá biệt, hào sĩ giang hồ tiếp thị để tránh cho mình một nguy cơ, che giấu một bí mật. Hiệp khách hành có nhân vật Ngô Đạo Nhất võ công cao cường, sau khi ăn cắp được Huyền thiết lệnh, đã trốn về Hầu Giám tập tại phủ Khai Phong giả làm một bà già lưng gù bán bánh tiêu. Bọn Kim Đao trại nắm được tin ấy, đưa đầu lãnh Chu Mục xuống đánh Ngô Đạo Nhất. Trong lúc nguy cấp, Ngô Đạo Nhất nhét Huyền thiết lệnh vào trong chiếc bánh tiêu nóng hổi, mời kẻ đến đánh mình: “Đại gia ăn bánh ư? Một đồng một cái”. Gã hán tử giang hồ hất tay, chiếc bánh văng ra rảnh nước và được một chú bé ăn xin nhặt được. Bộ Hiệp Khách hành mở đầu với một màn tiếp thị oái oăm và bất ngờ như vậy.

Hoạt động tiếp thị được bọn hào sĩ giang hồ thực hiện đôi khi còn nhằm mục đích tìm

ra kẻ thù để báo thù. Đó là chuyện được Kim Dung thuật lại trong Tố tâm kiếm tức Liên thành quyết. Địch Vân muốn tìm ra Vạn Khuê, kẻ đã giết sư muội của mình. Chàng quay về Giang Lăng, thấy bọn hào sĩ giang hồ đổ xô vào các hiệu sách tìm mua Đường thu tuyển tập đến nỗi không còn một bộ Đường thi tuyển tập nào. Biết họ mua tuyển tập này đề tìm ra câu mật ngữ chỉ đường đi tìm kho báu giá trị Liên thành và Vạn Khuê giết vợ cũng chỉ vì người vợ không chịu tiết lộ cho Vạn Khuê câu mật ngữ đó. Địch Vân nghĩ đến chuyện tiết lộ câu mật ngữ để tìm Vạn Khuê. Chàng mua vải trắng, mực tàu viết một đoạn mật ngữ: *"Giang Lăng thành Nam, Tây Thiên Ninh tự, hoàng kim Phật tượng, hướng cho mô bái kiến thành chúc cáo…"* (Phía Nam thành Giang Lăng, hướng Tây chùa Thiên Ninh, có pho tượng phật bằng vàng, hướng về phía đó mà thành tâm vái lạy và cúc cáo…). Rồi chàng đem tấm vải đó treo ở cổng chính chợ Giang Lăng (như ta căng biểu ngữ quảng cáo bây giờ vậy). Quả nhiên, bọn hào sĩ giang hồ hay tin, tìm đến ghi lại dòng chữ đó. Vạn Khuê cũng đến, cải trang thành một gã nông dân nhưng Địch Vân vẫn nhận ra hắn. Kiểu "tiếp thị" như vậy thật mới mẻ; rất gần với hiện tượng "báo chữ to" trong lịch sử Trung Quốc hiệnđại. Trong Ỷ thiên Đồ long ký, Kim Dung kể chuyện đệ tử thứ ba của phái Võ Đang là Dư Đại Nham theo dõi bọn diêm tiêu (bán muối) của Hải Sa bang. Mỗi gã diêm tiêu gánh một đôi thùng đựng muối trắng xoá và qua chiếc đòn gánh bằng sắt, Dư Đại Nham mới biết được bọn này có võ công cao cường. Họ gánh muối đi từ Phúc Kiến qua Triết Giang, không hề bán cho ai. Nên nhớ vào thời Nam Tống, hạt muối rất quý với người Trung Quốc và thuế muối là một trong những loại thuế cao nhất. Ban đầu, Dư Đại Nham cho rằng đây là một tập đoàn buôn muối lậu nhưng khi họ bao vây một toà miếu cũ, hốt muối ném khắp sân và ném vào toà miếu thù Dư Đại Nham hiểu rằng loại muối của họ là muối độc. Và từ màn "tiếp thị biếu không" muối độc đó, Dư Đại Nham khám phá ra bí mật Hải Sa bang đang theo dõi để đánh lấy bảo đao Đồ long.

Nhiều nhân vật của Kim Dung đã "tiếp thị" cuộc đời mình trước đường đao mũi kiếm, coi cái chết nhẹ tợ lông hồng. Họ xả thân hành hiệp cứu đời, giúp người yếu đuối, trị kẻ gian tham, lập lại "công đạo". Cái sinh tử, tồn vong với họ chỉ là một món đồ chơi trong cuộc chơi lớn. Kiều Phong, Lệnh Hồ Xung, Hư Trúc, Hồ Phỉ, Thạch Phá Thiên, Trương Thuý Sơn, Trương Vô Kỵ, Địch Vân, Quách Tĩnh, Dương Qua… là những con người như vậy. Và họ đã nhận lại được những "món lợi" lớn lao: danh dự và phẩm giá của người anh hùng phương Đông chân chính.

Hàng giả tống Vân Nam

Nhìn trên bản đồ Trung Hoa ngày nay, Vân Nam là một tỉnh phía Tây Trung Quốc, Nam giáp Việt Nam và Lào, Tây giáp Miến Điện (Myanmar). Dưới triều vua Khang Hy nhà Thanh, nhân vật đứng đầu cai trị vùng đất Vân Nam - Tứ Xuyên là Ngô Tam Quế, tước hiệu Bình Tây vương. Nguyên khi mới chiếm được đất nước Trung Quốc rộng lớn, người Mãn Châu gồm tám bộ tộc, mỗi bộ tộc có một màu cờ gọi là Bát kỳ, thống nhất tôn

tộc Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) làm lãnh tụ. Miền đất khởi nghiệp của họ chỉ gồm ba tỉnh Cát Lâm, Cáp Nhĩ Tân, Liêu Ninh (gọi là Đông tam tỉnh) với vài triệu người thì làm sao có thể cai trị được đất nước Trung Hoa với hàng trăm triệu người Hán tộc. Chính vì vậy mà thời Thuận Trị và sau này là thời Khang Hy, các hoàng đế Mãn Châu tích cực sử dụng những Hán gian, những tay sai đắc lực đã giúp người Mãn Châu tiến công vào Trung Quốc, bổ dụng họ thành những phiên vương (vua nước phên giậu) giúp nhà vua cai trị các vùng đất xa xôi (so với kinh đô Bắc Kinh). Thời Khang Hy có tam phiên: Bình Tây vương Ngô Tam Quế cai trị Vân Nam - Tứ Xuyên; Bình Nam vương Thượng Khả Hỷ cai trị Phúc Kiến; Tĩnh Nam vương Cảnh Tinh Trung cai trị Quảng Đông. Ngô Tam Quế là phiên vương lớn nhất, binh lực gần bằng binh lực hoàng đế. Vua Khang Hy sinh năm 1654, lên ngôi năm 1662 (8 tuổi), thực sự cai trị năm 1667 (13 tuổi). Ông vua con này thực sự là một minh quân, biết nhìn xa trông rộng. Học theo phong cách cai trị của nhà Minh, Khang Hy muốn thực hiện một chế độ quân chủ trung ương tập quyền và muốn như thế thì truyện đầu tiên là phải triệt hạ tam phiên. Trong tam phiên, Khang Hy chỉ e dè có Bình Tây vương Ngô Tam Quế. Đó là những nét cơ bản trong canh bạc chính trị đầu đời Mãn Thanh trên đất Trung Quốc.

Lộc Đỉnh ký của nhà văn Kim Dung được xây dựng trên bối cảnh lịch sử thực tế đó. Khi nhà vua mới 15 tuổi, có một viên thái giám giả mạo đã lọt được vào hoàng cung ở Bắc Kinh, trở thành bạn nhỏ của nhà vua. Anh ta là Vi Tiểu Bảo, 13 tuổi, con một kỹ nữ thành Dương Châu. Vua Khang Hy có một cô em gái (trong truyện xây dựng là kết quả của mối tình thầm lén giữa một thứ phi của Thuận Trị hoàng đế với một nhân vật trong đạo Thần long ở Liêu Đông) tên là Kiến Ninh công chúa. Năm 15 tuổi, Vi Tiểu Bảo biết công chúa Kiến Ninh, bị cô tra tấn, đánh đập, hành hạ rất khổ sở. Kiến Ninh chỉ thua Vi Tiểu Bảo một tuổi nhưng cô rất hung ác, bạo ngược. Để tự cứu mình, Vi Tiểu Bảo đã bẻ trật khớp tay, đánh đập, thậm chí lấy đèn đốt cháy da ngực công chúa. Kim Dung xây dựng nhân vật Kiến Ninh là một người mắc chứng khổ dâm (Masochisme-perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur: trạng thái bệnh lý mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục trong sự đau đớn thân xác). Cho nên khi Vi Tiểu Bảo đốt cháy ngực Kiến Ninh, lấy roi đánh cô thì cô lại: "miệng cười chúm chím" lại còn động viên: "Xin tướng công đánh mạnh vào" miễn là đừng gây thương tích trên mặt cho cô. Và đôi thiếu niên đó đã sớm quan hệ tình dục với nhau ngay trong hoàng cung có tiếng là thâm sâu nghiêm cẩn nhất của các triều đại quân chủ Trung Quốc!

Cô công chúa 14 tuổi sống cạnh gã thái giám giả, không còn là một cô gái trong trắng nữa. Tất nhiên vua Khang Hy không biết được điều đó. Tham vọng của nhà vua là làm sao triệt hạ được tam phiên và đặc biệt đối với Ngô Tam Quế - đại phiên vương, phải được thực hiện cho được một giải pháp chính trị an toàn. Nhà vua đánh một nước cờ theo cách các vua Trung Quốc ngày xưa: dùng nữ sắc. Khang Hy tuyên bố gả ngự muội là Kiến Ninh công chúa cho Ngô Ứng Hùng, con trai của BÌnh Tây vương Ngô Tam Quế để đôi

bên kết thông gia cùng chia nhau hưởng phú quý. Nước cờ đó của vua Khang Hy thật cao cường: vừa loại được cô em gái bạo ngược ra khỏi hoàng cung, xoá lấp được điều xấu xa khỏi dư luận cung cấm; vừa đánh lạc hướng Ngô Tam Quế để củng cố binh lực Thanh triều, đủ sức đối phó nếu Ngô Tam Quế làm phản. Vi Tiểu Bảo được nhà vua tin yêu, phong làm Tứ hôn sứ, có nhiệm vụ đưa Kiến Ninh công chúa vượt mấy chục ngàn dặm từ bắc Kinh đến Vân Nam để gả cho Ngô Ứng Hùng.

Theo pháp luật và đạo đức các triều đại quân chủ ở Trung Hoa, trinh tiết của người phụ nữ được coi là tiêu chuẩn hàng đầu, tiêu chuẩn quyết định đời sống lứa đôi. Một cô gái bình thường thất trinh đã là một trọng tội huống chi một cô công chúa vị thành niên là ngọc cành vàng, lại là dâu tương lai của một phiên vương đứng đầu các phiên vương? Vua Khang Hy, Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng và nhân dân Trung Hoa thời ấy đâu biết được truyện động trời ấy của Kiến Ninh công chúa. Chỉ có Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh công chúa biết chuyện. Vậy là món hàng giả Kiến Ninh công chúa, cô gái lá ngọc cành vàng được hoàng thượng và thái hậu rất cưng chiều, được tống tiễn về Vân Nam. Đoàn người đưa công chúa đi đều cho Vi Tiểu Bảo là thái giám thứ thiệt. Thế nhưng hắn chưa bao giờ "tĩnh thân" thì làm sao gọi là thái giám. Vi Tiểu Bảo là một thứ thái giám giả mạo. Cả hai thứ hàng giả mạo gặp nhau, cùng đi hết tháng này qua tháng nọ, biến hành cung của công chúa điện hạ thành chỗ ái ân đầm đìa ngay trước mũi của thiên hạ. Nghệ thuật hài hước của Kim Dung trong văn chương đã được phát triển đến tột độ, khó tìm thấy được trong bất kỳ một tác phẩm văn học hài hước nào từ trước đến nay! Tác giả cũng chua chát nhận xét: "Con người thiếu niên vừa biết mùi nam nữ chung chạ mà nàng công chúa kiều mỵ kia lại dùng thiên binh vạn trạng để quấn quít lấy gã thì còn dứt tình sao được". Cho nên, quân sĩ tiền hô hậu ủng đi về Vân Nam thì cứ đi, riêng Đô thống, Tứ hôn sứ suốt ngày cứ nằm lì trong phòng công chúa.
Làm sao để giải quyết hậu quả không lường khi Ngô Tam Quế phát hiện ra sự thật kinh thiên động địa là Kiến Ninh công chúa không còn gái trinh? Phản ứng của chàng phò mã Ngô Ứng Hùng sẽ như thế nào nếu biết được thái giám giả Vi Tiểu Bảo đã biến vợ mình thành hàng giả? Người Trung Quốc đã có những thứ mà Nguyễn Du từng đề cập trong Truyện Kiều: "Nước vỏ lựu, máu mào gà" nhưng cả Vi Tiểu Bảo và Kiến Ninh đều còn trẻ con, không thể biết được hai món chết người đó. Tác giả Kim Dung giải quyết một cách khác, kinh khủng hơn.
Đưa Kiến Ninh tới Vân Nam, Vi Tiểu Bảo bàn với Bình Tây vương Ngô Tam Quế coi ngày tốt, giờ tốt để tổ chức lễ cưới cho vừa long trọng, vừa rạng danh Bình Tây vương lại vừa đẹp lòng Khang Hy, vừa vinh dự cho Ngô Ứng Hùng lại vừa xứng đáng với địa vị cao cả của Kiến Ninh. Vi Tiểu Bảo cứ kéo dài thời giờ ra để còn tiếp tục đêm đêm còn vào phòng Kiến Ninh nữa chứ. Bản thân Kiến Ninh thì chỉ muốn sống với Vi Tiểu Bảo và ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo tìm mọi cách để hạ sát gã tiểu tử Ngô Ứng Hùng. Nếu Ngô Ứng Hùng mà cưới cô, cô sẽ khai ra với nhà vua huỵch toẹt mọi chuyện! Mâu thuẫn được đẩy lên đến đỉnh điểm, có nguy cơ làm bùng nổ sớm cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Thế

nhưng... Vi Tiểu Bảo đến thăm Ngô Tam Quế, được họ Ngô tặng cho hai khẩu súng lục của người Nga (Kim Dung gọi là La Sát Hoả khí; người Hán thời ấy gọi là Tây dương hoả khí). Vi Tiểu Bảo đưa tặng Kiến Ninh một cây, dạy cô cách dùng súng. Trong một đêm Ngô Ứng Hùng tuần phòng chữa cháy, Kiến Ninh đã cho gọi Ứng Hùng vào phòng riêng, dùng súng uy hiếp hắn phải đứng yên rồi bắn vào bộ phận sinh dục của hăn. Cô tự xé áo mình để vu cáo cho Ngô Ứng Hùng đã muốn cưỡng bức tình dục đối với cô. Sự kiện động trời đó xảy ra khiến Ngô Tam Quế sợ vỡ mật, vừa đau đớn vì con, vừa sợ mang tiếng với dư luận hai tỉnh Vân Nam - Tứ Xuyên. Lão phải đem bạc đút lót cho bọn thân binh từ Bắc Kinh đưa công chúa tới để mọi người khỏi tâu lên Khang Hy hành vi càn rỡ, đại nghịch khi quân của Ngô Ứng Hùng. Và lão tổ chức gấp đám cưới; pháo nổ khét lẹt cả thành Côn Minh để dàn cảnh cho cuộc "trăm năm hạnh phúc" của lứa đôi Kiến Ninh - Ứng Hùng. Hơn ai hết; Ngô Tam Quế, Ngô Ứng Hùng, Kiến Ninh, Vi Tiểu Bảo đều biết đám cưới kia là hàng giả.
Luật của Trung Quốc buộc cưới xong, đôi vợ chồng mới phải hoàn hôn. Ngô Ứng Hùng và Kiến Ninh phải quay về Bắc Kinh để lạy tạ vua Khang Hy và thái hậu. Đây là một nước cờ khác của Khang Hy nhưng nhà vua không bàn cho Vi Tiểu Bảo biết; ông muốn bắt giữ Ngô Ứng Hùng làm con tin để đủ thời giờ nhờ các tu sĩ dòng Tên phương Tây chế tạo súng đại bác, đối phó với cuộc tạo phản của Ngô Tam Quế. Ngô Ứng Hùng về Bắc Kinh được phong phò mã, được cấp phủ đệ xinh đẹp. Hắn có tất cả, trừ một thứ: được chung chăn gối với Kiến Ninh. Khổ thay, chuyện ấy đã có bá tước Vi Tiểu Bảo làm thay.

Viết bộ Lộc Đỉnh ký, Kim Dung muốn viết về những món hàng giả của Trung Quốc: những con người giả mạo. Vi Tiểu Bảo là thái giám giả, công chúa Kiến Ninh là cô gái lá ngọc cành vàng giả, Ngô Ứng Hùng là phò mã giả mà Ngô Tam Quế cũng là bậc "trung thần" giả. Bản thân hoàng đế Khang Hy cũng là một vị vua nhân từ giả mạo. Mạt cưa, mướp đắng gặp nhau: Lộc Đỉnh ký quả là một siêu phẩm về sự giả mạo. Nhưng nó có một chất rất thật, rất đời mà không một tác phẩm nào có được, kể cả những tác phẩm khác của Kim Dung: mặt sau của tấm huy chương đạo đức Trung Hoa trong thế kỷ 17.

Lịch sử Thanh triều ghi rõ: năm 1677, Ngô Tam Quế nổi loạn ở khu vực Động Đình hồ, chiếm Tứ Xuyên và Vân Nam, xưng là Ngô quốc công. Tay đại Hán gian này dựng cờ, truyền hịch "Hưng Minh thảo Lỗ" (khôi phục lại nhà Minh và bài trừ rợ Mãn Châu). Nhưng chính sách cai trị nhân từ, sáng suốt của Khang Hy đã thu phục được lòng dân Trung Quốc; không có ai ủng hộ Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế lên làm vua ba tháng thì mất; Khang Hy chặt đầu Ứng Hùng, bình định được miền Tứ Xuyên - Vân Nam.Triều Khang Hy được coi là triều đại cực thịnh của nhà Thanh trên đất Trung Quốc.

Bức giác thư giã từ thế kỷ

Cuộc tình anh với em
Chỉ còn giây phút thôi

Thì tình xin sáng tươi
Tựa ngàn tia nắng rọi
(Lời một bài hát)

Lần đầu tiên, lần thứ hai, lần thứ ba… tôi cứ ngỡ đọc tác phẩm của Kim Dung là đi tìm một thế giới khác ngoài thế giới thực tại – một “thiên ngoại hữu thiên”, - để trốn vào trong đó. Tôi cứ cho rằng thế giới của tiểu thuyết võ hiệp là một thế giới viễn mộng và nó trở thành tháp ngà cho chính mình, giúp mình lãng quên thực tại. Trong tâm phân học, Sigmund Freud đã nói cảm xúc (émotion) như một trò ảo thuật nhằm hư vô hoá hoàn cảnh, giúp cá nhân từ chối hoàn cảnh. Thí dụ như trước một con cọp dữ, tôi không làm gì được nó, vậy tôi ngất xỉu để quên nó đi, để coi nó như không có trên đời. Tôi cũng đã một thời coi chuyện đọc tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là một màn ảo thuật giúp tôi hư vô hoá hoàn cảnh, giúp tôi lãng quên đời.

Thế nhưng, đến tuổi tri thiên mệnh, tôi mới nhận ra được rằng ý nghĩ đó là sai lầm. Phải, Kim Dung sáng tạo ra một thế giới mới - thế giới võ hiệp – nhưng phiêu lưu vào thế giới đó, tôi hoàn toàn không hề lãng quên đời mà ngược lại, tôi càng thấy cuộc đời hiện thực gần gũi hơn, thân thiết hơn. Đọc những tác phẩm tiểu thuyết hiện thực ngày nay, tôi bỗng cảm thấy cuộc đời xa cách quá. Ngược lại đọc tiểu thuyết của Kim Dung, tôi thấy võ lâm sao mà quen thuộc quá, quen thuộc như chính tôi đang sống, đang góp mặt trong đó. Hoá ra, có hai thứ hiện thực; một hiện thực được hư cấu bay bổng tuyệt vời rất gần gũi với từng số phận con người; một hiện thực bị bóp méo qua cái nhìn hạn hẹp và sự gia công chưa tới của nhà văn khiến nó trở thành ốc đảo, lẻ loi, hoàn toàn xa lạ với đám đông, trong đó có tôi.

Võ lâm là gì? Đó là một xã hội có những con người công chính, ngau thẳng, khao khát lập lại sự công bằng, trừ khử cái ác, kêu gọi lòng thương yêu quý trọng phẩm giá con người, làm sáng lên phẩm giá con người. Đó cũng là một xã hội mà cái ác, cái xấu còn đang ngự trị; những nguỵ quân tử đang đóng vai những người quân tử để lừa bịp thiên hạ mưu cầu hạnh phúc và quyền lực cho bản thân. Đó là một xã hội mà sự đấu tranh giữa cái thiện và cái ác khá rõ, nhưng đôi khi do định kiến sai lầm, người ta lẫn lộn cái thiện là cái ác, cái ác là cái thiện, làm nảy sinh sự mâu thuẫn trong chính nhận thức của từng người qua từng thời điểm khác nhau. Tất nhiên cái thiện sẽ thắng cái ác, cuộc sống sẽ vươn tới cái tốt đẹp nhưng để có được tương lai đó, người ta phải trải qua thiên ma bách chiết, trong đó có sự tự chiến thắng chính cái xấu của mình. Võ lâm là gì? Đó là một xã hội sống để yêu thương nhau, để bày tỏ tấm lòng với nhau, để cho nhau, riêng cho nhau một đời một kiếp. Đó là một xã hội mà càng thâm nhập ta càng cảm thấy gần gũi hơn.

Có một lần, tôi đứng trước hiên nhà và quan sát đoá phù dung. Buổi bình minh hoa trắng mịn màng như làn da của một em bé đẹp. Buổi trưa hoa chuyển màu hồng. Buổi chiều hoa có màu tím bầm rồi sau đó hoa tàn đi. Ai cũng bảo đời hoa phù dung ngắn ngủi, bất hạnh. Nhưng hãy nói ngược lại, bản thân đời sống ngắn ngủi bất hạnh đó vẫn đem lại cho cuộc sống một vẻ đẹp độc đáo mà ngàn hoa khác không thể mang lại được. Đặng Thế

Phong chỉ sống có ngoài ba mươi tuổi, để lại cho đời ít nhất hai ca khúc bất hủ. Có người sống năm saú chục năm tuổi, viết hàng trăm ca khúc mà vẫn nhàn nhạt lửng lơ. Có người sống đến bách niên mà chẳng để gì lại cho đời ngoài hai từ trường thọ. Ta chọn ai, người làm đẹp cho cuộc đời mà yểu mệnh hay người chẳng làm cho đời đẹp mà sống lâu? Ta chọn hai ca khúc bất hủ hay một trăm ca khúc nhàn nhạt?

Chưa bao giờ tôi nghĩ người cầm bút viết văn là người giáo dục cho đời. Hễ khi người ta dùng văn chương lên gân dạy đời thì người ta chẳng dạy được ai cả (và cũng chẳng ai muốn đọc cả). Văn chương chỉ đơn giản là một thứ trò chơi, trò vui. Ông Hàn Dũ nói "Văn dùng để chở đạo" (Văn dĩ tải đạo) là một cách nhắc nhở cho người cầm bút phải viết văn đứng đắn, có ích cho đời chứ không phải dạy đời. Văn chương đơn giản chỉ là thứ bông hoa chưng cho đẹp. Trong quan niệm đó, tôi chỉ viết văn để cho đời giải trí, kể cả toàn bộ tập Kim Dung giữa đời tôi cũng chỉ để cho bạn đọc giải trí. Thảng hoặc, trong hàng ngàn trang sách kia, bạn bắt gặp được đôi ba cụm từ đắc ý hoặc may mắn tìm thấy vài kiến thức nho nhỏ thì tôi cũng đã lấy làm hạnh phúc lắm rồi. Tôi chỏ mong đem lại những giây phút giải trí cho bạn đọc. Một ngày đầy những lo âu, căng thẳng, buồn bã; cầm quyển sách lên đọc trăm trang, liên tưởng đến một thế giới khác, sống với một tâm trạng khác, như vậy quyển sách đã có ích cho đời.

Tôi vẫn sợ mình sông thừa sống uổng. Ngay trong những giây phút đau đớn nhất của đời mình, tôi vẫn muốn làm thêm một cái gì cho đời, cho người. Cái lưng đau kinh khủng, phải trích Dectancyl vào tuỷ sống; các bác sĩ dặn bớt ngồi, phải nằm nghỉ nhiều. Nhưng tôi nằm nghỉ sao được. Tôi đóng chặt cửa phòng bệnh, viết một ngày mười hai tiếng đồng hồ. Viết cái gì? Viết Kim Dung giữa đời tôi.
Điều đáng sợ nhất đối với con người là sự cô đơn. Một số nhân vật của Kim Dung tàn tạ, chìm khuất trong nỗi cô đơn. Đó là Hà Túc Đạo, Tiểu Long Nữ, Dương Qua, Lâm Triều Anh, Vương Trùng Dương, Kiều Phong, Đinh Điển… Vốn xưa họ có một tình yêu, một người yêu nhưng rồi cuộc sống chia xa đôi lứa. Và rồi, họ mất đi một nửa của chính mình, cô đơn suốt quãng đời còn lại. Thật hạnh phúc cho những lứa đôi được sống bên nhau: Hư Trúc và Ngân Xuyên, Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh, Địch Vân và Thủy Sinh, Hồ Phỉ và Miêu Nhược Lan… Thật hạnh phúc cho những lứa đôi được chết bên nhau: Thuý Sơn và Hân Tố Tố. Tình yêu cứu vãn thế giới chứ không phải là một thứ gì khác.

Có bao giờ người nhìn thấy chân mây trắng vương vấn trên đỉnh núi kia? Nó có đấy nhưng cũng không có đấy. Nó vương trên đỉnh núi rồi sẽ bay đi, sẽ tan đi nếu có một tác động ngoại lai của gió của nắng. Người có bao giờ soi bóng trên nguồn suối giữa rừng đại ngàn? Nó có đấy, cái bóng dáng tươi đẹp kia mà cũng chẳng có đấy. Cuộc sống của con người cũng vậy, có đấy mà cũng chẳng có đấy. Nó ngắn ngủi vô cùng, hữu hạn vô cùng. Tại sao không nhìn nhau bằng một ánh mắt dịu dàng, không nói với nhau một lời đằm thắm. Ngày mai, khi giã từ cuộc sống nào ai có mang được gì theo đâu.

Triệu Mẫn thương yêu Trương Vô Kỵ. Cô đã đột ngột cầm tay Trương Vô Kỵ cắn một cái, hy vọng dấu răng sẽ gây thành vết thương, vết thương sẽ mãi mãi còn trên da thịt để một ngày mai, lỡ có xa nhau, Vô Kỵ nhìn thấy dấu vết trên tay mình là vẫn nhớ đến Triệu Mẫn. Sự tỏ tình của cô gái Mông Cổ quả thật độc đáo, đầy sáng tạo, rất phàm tục nhưng cũng rất thi vị. Từ đó suy ra, ai gây cho ta một chân thương tâm hồn hay thể xác, ta sẽ nhớ mãi người ấy suốt đời. Vâng suốt đời, hỡi cỏ thơm của đời tôi.

Bồng Sơn là một thị trấn nhỏ của tỉnh Bình Định, nằm trên Quốc lộ 1A. Từ đây, nhìn về phía Tây là núi An Lão, chìm trong mây mù, sương phủ. Tôi qua Bồng Sơn một chiều mùa đông lạnh căm căm, trong căn phòng trọ uống ly rượu chát đỏ và nghĩ đến đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ. Và tôi làm thơ:

Gần cuối năm 49

Rằng: Nguyên tiêu, trăng đã sáng trên đồi
Chờ với nhé, người ơi chờ ta nhé
Như thuở ấy đôi lòng còn rất trẻ
Nhìn hoàng hôn mà cứ ngỡ bình minh
Khi heo may phong kín cuộc hanh trình
Ta ghé lại bên đời phơi chiếc áo
Và chợt thấy một ngàn hoa thạch thảo
Mở một lần để tàn lụi một ngày
Biển ở bên kia, sóng vỗ bên này
Bởi trái đất vẫn xoay cơn mộng mị
Ta gọi lại cuối nóc lòng thế kỉ
Mà trọn đời không thấy một âm vang
Con ngựa già lên đỉnh dốc lầm than
Gặm cọng cỏ thơm mùa xuân bát ngát
Để đủ sức mà cât cao tiếng hát
Rằng: chờ ta về hỡi Nguyên tiêu
Trời xa xanh lồng lộng bóng mây chiều
Ai bay được như ánh hồng Trang Tử

Sau bài thơ là những chuỗi ngày tháng u buồn. Trong nỗi cô đơn tuyệt vời, tôi tìm đến với tác phẩm Kim Dung nhiều hơn, chia sẻ với các nhân vật, các số phận trong tác phẩm của ông sâu sắc hơn.

Rồi sẽ có một ngày, tôi như cánh chim bay khỏi bầu trời này. Thế kỉ đang ở trong chiều tàn, trong hoàng hôn, trong chạng vạng tối. Người ta cho rằng nói đến cái chết là bi quan, tiêu cực. Không phải vậy đâu. Tôi nghĩ rằng ai dám nhìn vào số phận con người, số phận của chính mình, làm hết trách nhiệm của một con người với cuộc sống rồi thu xếp

hành trang, chờ đến lúc cánh cửa hư vô mở ra, lên đường trở về với hư vô là người can đảm. Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Huyền Nhạn, Huyền Khổ, Kiều Phong, A Tử đã lên đường. họ ung dung ra đi như đã tình cờ đến với cuộc đời này, mến trải đủ bao nhiêu buồn vui sướng khổ. Sinh, Lão, Bệnh, Tử là một vòng tuần hoàn đương nhiên mà loài người phải kinh qua, nào có chi để đáng ta phê phán tích cực hay tiêu cực, bi quan hay lạc quan.

Thế kỉ này đang tung nắng ban chiều
Cho lòng người bâng khuâng nhớ nhau
Trước cửa trăm năm rất mơ hồ
Còn một ngày vui bao nỗi vui.

Có một chiều, tôi trở về căn nhà lạnh giá, bên ngoài mưa rơi. Loài người đâu rồi? Sao tôi ở lại một mình giữa gối chăn lạc lõng? Tôi đi tìm sự cứu rỗi, sao chỉ gặp nỗi cô đơn?

Cuộc tình anh với em
Chỉ còn giây phút thôi
Thì tình xin sáng tươi
Tựa ngàn tia nắng rọi.

Tôi không không có ngàn tia nắng. Tôi chỉ mong có một tia nắng rọi. Cuối thế kỉ rồi, đêm tối đang đến để ngày mai có một bình minh khác lên. Tôi mơ một tiếng hát, một cung đàn hoà bình trung chính như khúc Tiếu ngạo giang hồ vang lên trong cuộc sống.

Ngày mai, thế kỉ 21 sẽ tới, thiên niên kỉ thứ ba của loài người sẽ tới. Tôi đứng ở chiều vàng cuối thế kỉ, nhìn lên đỉnh thiên thu và tự hỏi tôi là ai, từ đâu tới, ngày mai sẽ về nơi đâu.

Hành trình qua thống khổ

Mỗi người đều có một đời sống riêng, đi trên một con đường. Nếu đời sống là một cuộc hành trình thì mỗi cuộc hành trình đều có bản sắc của nó, không ai giống ai, không kinh nghiệm nào trùng lắp kinh nghiệm nào. Khi xây dựng những nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của mình, Kim Dung đã khắc hoạ cuộc hành trình riêng của từng nhân vật. Hồ Phỉ (Tuyết Sơn phi hồ), Lệnh Hồ Xung (Tiếu ngạo giang hồ), Dương Qua (Thần điêu hiệp lữ) Trương Vô Kỵ (Ỷ thiên Đồ long ký), Kiều Phong (Thiên Long bát bộ), Thạch Phá Thiên (Hiệp khách hành)… không nhân vật nào giống nhân vật nào. Thế nhưng, qua những kiếp người đặc thù ấy, người đọc lại nhận ra một mẫu số chung: mỗi nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết Kim Dung đều có chỗ giống nhau bởi họ đã hành trình qua thống khổ, đã từng đi qua những con đường đau khổ.

Hồ Phỉ mới được sinh ra 3 ngày thì cha mẹ chết hết, may mắn nhờ một gã tiểu nhị trong quán cơm bồng chạy trốn kẻ muốn giết hại. Chàng trai côi cút lớn lên, học được đường Hồ gia đao pháp của cha truyền lại, cưỡi con ngựa đi từ Sơn Đông vào Trung

Nguyên tìm kẻ thù giết cha. Oái oăm làm sao, khi tìm ra kẻ cần tìm thì Hồ Phỉ mới hiểu được người ấy không phải là kẻ đã giết cha mình. Lưỡi đao đưa lên, lấp lánh dưới bóng trăng lạnh nhưng Hồ Phỉ không nỡ xuống tay. Tư tưởng của Hồ Phỉ có sự đấu tranh mãnh liệt; lưỡi đao cứ lơ lửng như vậy. Vì vậy, tác phẩm còn có một cái tên rất ấn tượng: Lãnh nguyệt bảo đao.

Lệnh Hồ Xung lại là một trường hợp khác. Hắn là một cô nhi, được đưa về Hoa Sơn, trở thành đại đệ tử của Nhạc Bất Quần. Hắn tôn Nhạc Bất Quần như cha, Ninh Trung Tắc như mẹ và coi Nhạc Linh San như cô em gái thân yêu. Lớn lên, hắn yêu Nhạc Linh San và càng thêm kinh trọng sư phụ, sư mẫu. Thế nhưng, Nhạc Linh San đã phụ tình hắn, chạy theo gã tốt mã nhà giàu Lâm Bình Chi; sư phụ hắn lại vu cáo hắn ăn cáp Tịch tà kiếm phổ của họ Lâm, đuổi hắn ra khỏi sư môn, lại rao khắp võ lâm nhờ mọi người tru diệt hắn. Trời đất bao la mà hắn không tìm ra một chỗ để nương thân. Nỗi đau thương trong suốt cuộc hành trình làm người của hắn đạt đến độ cùng cực của kiếp người. Nếu không có tình yêu vĩ đại của thánh cô Nhậm Doanh Doanh, chắc hắn đã chết đi tầm thường và bình thường như cây như cỏ. Cuối cùng, hắn rủ bỏ tất cả để được cùng Doanh Doanh song tấu khúc Tiếu ngạo giang hồ, sống ung dung tự tại để được làm con người tự do.

Trương Vô Kỵ lại đi qua một con đường thống khổ khác. Mới 10 tuổi, hắn đã phải chứng kiến một cảnh cực kỳ đau đớn: cả cha mẹ đều tự tử trên núi Võ Đang. Bản thân hắn bị trúng một chưởng âm hàn, tưởng đã chết nếu không được thần y Hồ Thanh Ngưu chữa trị. Rồi hắn làm một cuộc phiêu lưu vạn dặm lên tận Quang Minh Đính trên dãy Thiên Sơn, trở thành giáo chủ Minh giáo Trung Quốc. Lòng hắn trong sáng như gương; hành vi hắn anh hùng hơn bất cứ một anh hùng nào nhưng hắn vẫn bị đời nguyền rủa là dâm tặc, ác nhân, tà ma ngoại đạo. Hắn dành cả đời mình cho sự nghiệp chống quân Mông Cổ xâm lăng, giành lại đất nước cho Hán tộc. Nhưng rồi hắn đau đớn khám phá ra sự bất trung, bất nghĩa của Chu Nguyên Chương, một thuộc hạ cùng hắn mưu đồ sự nghiệp lớn. Hắn lặng lẽ rời hàng ngữ khởi nghĩa, dắt tay Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ, cô quận chúa Mông Cổ xinh đẹp, ra đi. Cuối cùng, hắn làm một công việc thú vị và rất đàn ông: kẻ lông mày cho người tình Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ.

Nhưng bi kịch nhất trong những số phận bi kịch phải nói đến Kiều Phong (Thiên Long bát bộ). Kiều Phong tên thật là Tiêu Phong, người Khất Đan; cha mẹ bị người Hán giết hại ngoài Nhạn Môn Quan. Ấy vậy mà Kiều Phong được người Hán đưa về nuôi dưỡng, Hán hoá, đổi lại họ Kiều, đưa lên làm Bang chủ Cái bang Trung Quốc, nhận sứ mệnh chiến đấu chống lại người Khất Đan. Niềm đau đờn của Kiều Phong là khi ông bị thuộc hạ tố cáo là quân Khất Đan mọi rợ và nhận ra mình chính là người Khất Đan. Hoá ra, ông đã từng đánh giết và chủ trương đánh giết những người cùng dân tộc với mình. Niềm mđau thứ hai là ông đã xuống tay giết lầm người tình Đoàn A Châu, người đã nguyện cùng công về bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ.

Cơ duyên lạ lùng đã đưa ông về Khất Đan (Liêu quốc), được phong làm Nam viện đại vương, thống lĩnh binh quyền nước Liêu, đóng tại Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay). Vua Liêu ra lệnh cho ông đánh Trung Quốc; nghĩ đến trăm họ lầm than, triệu dân đau khổ, Tiêu Phong (tức Kiều Phong) đã chống lệnh hành quân. Vua Liêu xem ông là kẻ phản nghịch. Ở Trung Quốc, ông là tên chó Liêu mọi rợ. Về nước Liêu, ông là kẻ phẩn vua, phạm thượng. Hành trình thống khổ của Tiêu Phong đã đạt đến đỉnh điểm, cần đến sự giải thoát phi tự nhiên. Ông phải sử dụng đến cái tự do cuối cùng của kiếp người để tự xử lấy mình trước Nhạn Môn Quan.

Kim Dung đã để cho những nhân vật trung tâm của mình kinh qua những đau đớn về thể chất và tinh thần của kiếp người. Gần như ông muốn chứng minh một định đề cơ bản của Phật giáo: đời là bể khổ. Có những nhân vật kết thúc hành trình thống khổ bằng cách tự xử lấy cuộc đời mình như Kiều Phong, Trương Thúy Sơn. Kim Dung viết đến những đoạn mà các nhân vật của ông tự chọn lấy cái chết khiến người đọc đau đớn, bùi ngùi, khóc ngay trên trang tiểu thuyết.

Tôi cho rằng một thứ văn chương như vậy là sòng phẳng và công bằng. Tiểu thuyết của Kim Dung nói đến cuộc sống, tình yêu, sự thống khổ và cái chết đều đáng để người ta quan tâm đọc và suy ngẫm. Kim Dung đã vượt qua chủ nghĩa công thức sơ lược khi xử lý kết thúc tác phẩm mà hàng trăm nhà văn Minh – Thanh đã thực hiện. Tôi nhận ra ở tiểu thuyết Kim Dung tính chất nhân bản, nhân văn rất gần gũi với cuộc sống của mỗi kiếp người.

Một điều cần nhớ là Kim Dung xuất thân từ một gia đình quan lại ở Hải Ninh, Triết Giang. Tổ phụ ông từng làm quan triều Thanh; họ Tra của ông có nhiều nhân vật được ghi tên trong lịch sử Trung Quốc. Thế nhưng, văn chương của ông dành rất nhiều tình thương cho người nghèo, người cùng khổ; các nhân vật trung tâm thường là trẻ mồ côi, bơ vơ lưu lạc, có kẻ đi ăn xin. Cái đó là gì nếu không phải là tình thương yêu, quý trọng phẩm giá con người? Tôi nói văn chương Kim Dung là thứ văn chương đáng để chúng ta đọc và suy ngẫm là vậy.

Đêm phương Nam đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký

Tôi đang ở trong phòng 301, nhà khách Đoàn T.30 của Quân khu 9. Tháng 11, đêm Cần Thơ mưa nặng hạt. Qua cửa kính, tôi có thể nhìn thấy màn mưa trắng xóa trên rạch Cái Khế, những ánh điện vàng vọt hắt xuống từ những khung cửa của các ngôi nhà ven bờ rạch bên kia. Mưa rơi thường gọi nhớ cho lòng người. Đây là một đêm phương Nam như bao đêm phương Nam khác, nhưng trời mưa khiến lòng thao thức, không ngủ được. Không ngủ được vốn là thuộc tính của tôi. Lòng tôi như một sợi dây đàn, chỉ cần một cơn gió nhẹ thổi qua là có thể rung lên thành tiếng; huống chi cuộc sống đầy những ba động, sướng khổ, vui buồn.

Bức thư kêu oan của một bà mẹ trong một xã vùng sâu huyện Châu Thành A, kể chuyện cô con gái 16 tuổi của mình bị hiếp dâm mà vụ án vẫn không bị khởi tố, bị can vẫn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự làm lòng tôi đau nhói. Cô gái đã kể lại cho tôi nghe những giây phút kinh hoàng, đau đớn nhất đời cô. Kẻ gây án là một người có chức quyền, thuộc một tập thể sắp được lãnh huân chương. Trorng trường hợp này, danh dự của tập thể quan trọng hơn phẩm giá một người phụ nữ. Người ta đã mời cô đến, đưa một triệu đồng hỗ trợ, đưa cho mẹ cô ba triệu đồng gọi là giúp vốn về quê làm ăn. Khi cô đi khỏi miền đất tai họa của đời mình, có kẻ tự xưng là "nhà báo" viết một bài khá dài, ca ngợi kẻ hiếp dâm cô là một cán bộ năng nổ đầy tinh thần trách nhiệm; lên án cô là một thứ gái chuyên trộm cắp, đã được cho tiên2 mà còn lật lọng tố cáo vu vơ. Lẽ phải đã bị xâm phạm thô bạo, sự thật đã bị bẻ cong. Tôi có đủ cơ sở để chứng minh cô gái bị hiếp dâm và chứng minh kẻ có chức quyền kia đã phạm tội hiếp dâm. Nhưng tôi viết lên thì ai sẽ nghe tôi và liệu tiếng nói của tôi có đủ sức lay động tấm lòng của những người là công tác tố tụng để bắt giữ, điều tra, truy tố và xét xử kẻ phạm tội ấy?

Tôi cảm thấy nhục nhã vì chưa làm hết chức năng của một nhà báo đối với bạn đọc, với một bà mẹ nghèo và một cô gái bất hạnh đã tin tưởng gởi đơn kêu cứu đến cho tôi. Tôi cảm thấy nhục nhã bởi giữa cuộc sống mình bạch mà còn có "nhà báo" vô lương tâm, tự nguyện làm một thứ bồi bút cho đồng tiền để quay lại phóng uế vào sự thật. Tôi cảm thấy nhục nhã khi nhiều bạn đồng nghiệp ngay thẳng của tôi và cả tôi cùng đánh đồng với một thứ "nhà báo" như vậy. Thôi thì tôi trở lại với tư thế của nhà văn, đọc một cái gì đó mà mình yêu thích và viết một cái gì đó mà mình cần viết.

Có lẽ trong suốt bộ tiểu thuyết Ỷ thiên Đồ long ký, không có âm thanh nào ám ảnh tôi như tiếng gầm rú của Tạn Tốn. Kim Dung gọi đó là thần công Sư tử hống - tiếng gầm của sư tử. Tiếng gầm ấy là một vũ khí lợi hại; nó vang rền, kéo dài đập vào mang nhĩ của người nghe. Kẻ nào công lực yếu sẽ bị tiếng gầm làm cho hôn mê và chết luôn; kẻ có công lực khá hơn thì không chết nhưng mất hết trí nhớ, trở thành cuồng loạn. Trong toàn bộ tác phẩm, Tạ Tốn chỉ gầm lên một lần trên đảo Vương Bàn Sơn. Tiếng gầm của lão đã giết chết quần hùng; chỉ còn hai người sống sót nhưng cuồng loạn là Tưởng Đào và Cao Tắc Thành phái Côn Lôn; hai người sống sót trọn vẹn nhưng bị lão bắt đi làm "tù binh" là Trương Thuý Sơn phái Võ Đang và Hân Tố Tố của Bạch mi giáo. Tại sao Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố sống? Ấy là vì tác giả không muốn một thư sinh tài hoa, có nghệ thuật thư pháp tuyệt vời và một cô gái trong trắng, tươi đẹp, thông minh phải chết. Cái tài hoa, cái đẹp của họ là vốn quý của cuộc sống. Nhưng vốn quý ấy đồng thời cũng là mầm của tai họa, của đau đớn, của lầm than. Kim Dung gọi họ là một đôi người ngọc (ngọc nhân). Đôi người ngọc ấy phải sống, phải lưu lạc lên Băng Hỏa đảo, phải kết đôi với nhau, rồi phải trở lại Trung Nguyên để gánh chịu sự đau đớn của cái nhìn phân biệt chính tà, phải chết đi trên núi Võ Đang để giữ bí mật cho bảo đao Đồ long. Nghĩa là họ phải trả giá cho chính tài hoa và nhan sắc mà trời ban cho họ.

Tiếng rú của Tạ Tốn bao hàn đủ cả đau thương, uất hận. Một con người văn nhã, có kiến thức văn học uyên bác, có tài biện luận trôi chảy mà vợ con lại bị chính gã "sư phụ" mất dạy là Thành Khôn giết chết. Tạ Tốn coi người thầy của mình là cừu nhân, mà oái oăm thay, gã cừu nhân ấy lại có vai trò lớn hơn cả người cha (trong chế độ quân chủ theo Nho giáo). Tạ Tốn đi tìm cừu nhân, lại đánh chết một vị thần tăng mà lão thường kính trọng. Cũng như Chí Phèo của Nam Cao, Tạ Tốn của Kim Dung mong muốn được làm một con người lương thiện nhưng con đường trở về với bến lương thiện của lão đã bị chặt đứt bởi sự phân biệt ân oán, chính tà, thiện ác. Tôi cho rằng Tạ Tốn cất tiếng rú là một cách phát tiết tâm tình. Tạ Tốn rú cũng như Bạch Cư Dị làm thơ, cũng như cô kỹ nữ trên bến Tầm Dương cất tiếng hát. Tất cả chỉ là sự phát tiết.

Hân Ly, em cô cậu của Trương Vộ Kỵ, lại thương yêu Trương Vô Kỵ. Trong quan điểm của hôn nhân gia đình Trung Hoa ngày xưa, anh chị em cô cậu ruột, anh chị em bạn dì ruột được phép lấy nhau. Ở đây, người ta bỏ qua mối dây quan hệ huyết thống, chỉ chú trọng đến yếu tố bàng hệ. Vâng, Hân Ly thương yêu Trương Vô Kỵ. Nhưng khác với những thiếu nữ xuân thì, cô không muốn giữ lại tấm nhan sắc xinh đẹp của mình. Cô luyện một môn võ công độc ác với ước mong môn này sẽ giúp cô trả thù lớn cho mẹ mình. Cô dùng đôi tay hút hết chất độc của những con nhện độc vào thân thể mình và cô biết khi luyện đến một ngàn con nhện độc, chất độc sẽ tích tụ trong cơ thể, dung mạo biến đổi trở nên xấu xí vô cùng. Môn võ công của cô được gọi là Thiên châu vạn độc thủ. Châu đây là con nhện. Đời cô chuyên chơi với những con nhện nên Kim Dung còn gọi cô là Châu Nhi (bé Nhện). Chất độc của nhện đã làm cho khuôn mặt cô ngày càng xấu đi; chỉ còn nụ cười với hàm răng trắng là vẫn rực rỡ. Về sau, cô bị rạch bốn nhát kiếm vào mặt; chất độc chảy ra khiến da thịt trắng trẻo lại. Nhưng một thiếu nữ bị bốn vết kiếm trên mặt thì dù trắng trẻo đến đâu cũng không thể gọi là cô gái đẹp được. Cái hạnh phúc muốn được làm duyên làm dáng trước tình quân muôn đời cô không thực hiện được.

Ỷ thiên Đồ long ký có một cái bóng thấp thoáng rất lạ. Đó là Thành Khôn, gã sư phụ mất dạy của Tạ Tốn. Gần như Thành Khôn gây nên các oán thù, xung đột trong tác phẩm nhưng người đọc không thấy rõ ràng chân tướng lão qua tác phẩm đồ sộ này. Đầu tiên, khi Trương Vô Kỵ cứu các cao thủ Minh giáo trong Tổng đàn trên Quang Minh Đính, đã giao đấu với lão, biết lão chính là kẻ cừu nhân của nghĩa phụ Tạ Tốn, đã trốn vào phái Thiếu Lâm dưới pháp danh Viên Chân nhưng chàng chỉ nghe được tiếng nói và tiếp xúc với hai bàn tay lão xuyên qua cái bao vải. Mọi người tưởng lão chết trong đám loạn quân nhưng khi kiểm tra lại các xác chết thì lão đã trốn mất. Rồi khi Trương Vô Kỵ cùng Tiểu Siêu đi vào đường hầm bí mật dưới Quang Minh Đính, bị Thành Khôn lấp tảng đá để bít kín miệng hầm, Vô Kỵ vẫn không thấy được mặt lão. Lần cuối cùng, khi âm mưu bại lộ, lão mới xuất hiện và giao đấu với Tạ Tốn tại hậu sơn chùa Thiếu Lâm. Tạ Tốn bị mù, bị lão đánh cho tả tơi. Thế nhưng, Tạ Tốn đã cố ôm lão cùng rơi xuống hầm giam tối đen. Ở đấy, người mắt sáng cũng như kẻ đui mù. Tạ Tốn cuối cùng cũng trả được mối đại thù:

đam mù hai mắt Thành Khôn, phế hết võ công của lão. Kẻ cả lần cuối cùng này, Thành Khôn cũng xuất hiện dưới lớp hóa trang làm cho cả quần hùng không ai nhận ra. Chỉ có Tạ Tốn, nhờ bị mù mà nhận được tiếng nói. Rốt cuộc, chẳng ai thấy rõ Thành Khôn ra làm sao.

Có lẽ bạn đọc ngạc nhiên, tự hỏi tại sao tôi đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký mà chỉ điểm có ba nhân vật Tạ Tốn, Hân Ly, Thành Khôn; ba nhân vật phụ. Vâng, giữa đêm Cần Thơ mưa rơi tầm tã, đêm phương Nam lặng lẽ, tôi cứ suy nghĩ mải về Tốn, Ly và Khôn. Bạn để ý ba cái tên ấy chứ? Đó là ba quẻ trong tám quẻ của kinh Dịch: Càn Khảm, Chấn, Tốn, Cấn, Ly, Khôn, Đoài. Vâng, Ỷ thiên Đồ long ký lấy ba quẻ đặt tên nhân vật. Ở một tác phẩm khác, Kim Dung lại sử dụng hai quẻ Càn và Cấn để đặt tên cho hai nhân vật phụ là Công Dã Càn và Hoa Hách Cấn. Kim Dung có ngụ ý gì khi đưa các quả của kinh Dịch đặt tên cho nhân vật mình? Tôi cứ suy nghĩ mãi điều đó nhưng chưa tìm ra được chìa khóa giải mã. Cho nên, giữa đêm mưa phương Nam, tôi cứ đọc lại Ỷ thiên Đồ long ký và đi tìm. Còn các bạn, các bạn đã tìm ra chưa?

Sử kiếm ý, bất sử kiếm chiêu

Hôm nay là mồng Một tết Nhâm Ngọ (2002), rơi đúng vào ngày sinh của tôi. Nhà nho nói: “Đa thọ đa nhục”. Tôi đã “thọ” thêm được một tuổi nữa, lòng thực sự không cảm thấy hạnh phúc chút nào. Ấy bởi vì trong cuộc sống và sáng tạo của một người cầm bút, tuổi già thường được đồng hóa với sự trì trệ, sự mệt mỏi, sự thiếu lửa. Mà đã trì trệ, mệt mỏi, thiếu lửa thì e rằng cái mà ta viết ra được sẽ không còn cuốn hút bạn đọc như xưa. Văn chương, âm nhạc tối kỵ nhất là lối mòn, là rơi vào chủ nghĩa công thức. Có người nghĩ mình là tài hoa, viết ra những câu lạ, sử dụng một tập hợp những ngôn ngữ khó hiểu để lừa mị quần chúng, mong tự chứng tỏ tác phẩm mình mang trí tuệ. Không đâu! Đó là sự trí trá của hoa giả, loại hoa làm bằng nhựa hoặc giấy. Thoạt nhìn, ta nghĩ đó là hoa, thậm chí còn là hoa đẹp nữa bởi màu sắc rực rỡ, tươi tốt quanh năm. Nhưng không, nó chỉ là hoa giả, còn thua xa cả một bông hoa dại mọc lẻ loi ở bên đường. Văn chương cũng vậy, âm nhạc cũng vậy, phụ nữ cũng vậy luôn.

Mười hai giờ kém hai mươi đêm mùng một, có chàng thanh niên lang thang chết bên vệ đường, trước cư xá tôi ở. Đên nghe tiếng tụng kinh phát ra từ băng cassette, trông bóng đèn sáng một góc hè phố, tôi biết anh đã chết. Xác anh được đặt trên chiếc ghế bố, một tấm chăn mỏng trùm từ đầu đến chân. Ngày tết, chẳng có ai bán buôn, không tìm ra đượi nải chuối giằng bụng; một ai đó đã nảy ra sáng kiến giằng bụng bằng một con dao nhỏ. Phía trên đầu anh, có một chén cơm trắng, một chiếc hột vịt luộc. Nghĩa tử là nghĩa tận, chết là hết, không ai trách được anh điều gì nữa. Hàng xóm nói anh nghiện ma tuý, đã đau phổi lại thêm chứng đau gan. Chiều 30, trong khi mọi người tất bật chuẩn bị mua sắm, trang trí nhà cửa để đón tết thì một mình anh vật vã với cơn đau trên cái nền xi măng lề đường. Anh đã sinh ra, đã lớn lên, đã từng mơ ước và chắc chắn đã từng yêu. Nhưng rồi, một cú sốc nào đó trong đời đã đưa anh tìm đến với ma tuý và trượt dài trên con đường

sầu thảm ấy. Cuối cùng, anh ra đi *Người đi trên dương gian Thở hơi ấm (ư) từ ngàn năm* Đó là ca từ trong một bài hát mà tôi đã thuộc từ mấy mươi năm trước. Bây giờ thì hơi ấm từ ngàn năm đã thoát khỏi cái thân xác gầy guộc kia. Tôi cứ nhìn mãi hai ngón chân cái nhô lên sau làn chăn mỏng, hai ngón chân tiêu biểu của hai bàn chân, cứ muốn bước tới, bước tới. Cầu cho anh được tha thứ mọi lỗi lầm, được sống bình an trong cõi phúc. Tôi cho rằng anh cũng như bao nhiêu con người khác qua đời đều xứng đáng để được cầu chúc như vậy. Anh đã từng bị dè bỉu, khinh miệt, xa lánh. Nay anh qua đời, đúng là một sự giải thoát, một hạnh phúc cuối cùng. Cuộc sống buồn và đau quá. Ra đi là hơn, ra đi là hơn.

Đệ tử lâu đời lâu kiếp
Nghiệp chướng nặng nề
Tham giận kiêu căng
Si mê lầm lạc
Ngày nay nhờ Phật
Biết sự lỗi lầm Thành tâm sám hối…

Tiếng kinh cầu dịu dàng, tiếng chuông, tiếng mõ đưa hồn anh đi. Biên giới giữa sự sống và cái chết là hết sức mong manh, mong manh như sợi tơ nhện, mong manh như làn khói. Những nhân vật trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đã chứng mình cho chúng ta thấy điều đó một cách cụ thể y như rằng họ đang sống và đã chết giữa cuộc đời chúng ta vậy. Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố (Ỷ thiên Đồ long ký) được gọi là một đôi ngọc nhân. Họ thương yêu nhau, sống thành lứa đôi ở Băng Hoả đảo mà không hề bị ràng buộc bởi các giáo điều của hệ tư tưởng phong kiến. Họ tươi đẹp, thông mình, tài hoa, trinh bạch; hai con người như vậy quả là thế gian hãn hữu. Họ có một người con trai, mới mười tuổi cũng đã rất thông mình, tài hoa. Phía sau lưng Trương Thúy Sơn là phái Võ Đang; phía sau Hân Tố Tố là Bạch Mi giáo. Đó là hai thế lực cực thịnh trong võ lâm Trung Quốc thời Nguyên mạt. Một lứa đôi như vậy đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc lâu dài đến đầu bạc răng long. Ấy vậy mà khi trở về núi Trung Nguyên, sum họp gia đình chưa được một ngày, họ đã phải đối phó với những kẻ thù. Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố đã tự chọn cái chết, tự xử lấy mình như một thứ tự do cuối cùng mà con người có thể làm được.

Trong tác phẩm Hiện sinh là một thuyết nhân bản (L’Existentianisme est un humanisme), tác giả Jean Paul Sartre đã từng đề cập tới một điều mà ông gọi là trò ma thuật thể hiện ý chí, khát vọng về tự do cuối cùng của con người. Ông định nghĩa trò ma thuật ấy là một giải pháp giúp con người hư vô hoá hoàn cảnh khi con người không còn cách để chống chọi hoặc thoát ra khoải hoàn cảnh ấy. Thí dụ khí đứng trước một con cọp, người ta không thể đánh thắng con cọp hoặc bỏ chạy khỏi móng vuốt của nó thì tốt hơn hết người ta nên ngất xỉu. Trò ma thuật ngất xỉu giúp người ta quên đi hoàn cảnh đang đối mặt với con cọp. Ông gọi đó là tự do cuối cùng của con người. Chúng ta đều hiểu trang thái ngất xỉu có thể hư vô hoá được hoàn cảnh đang đối mặt với con cọp nhưhng hoàn toàn không giúp gì được cho con người giải quyết được hoàn cảnh ấy. Nhưng dầu sao,

ngất xỉu vẫn là một giải pháp, giải pháp tình thế. Có còn hơn không!

Trở lại với Hân Tố Tố. Khi thấy chồng đã tự sát, Hân Tố Tố vẫn rất bình tĩnh, nắm tay con trai Trương Vô Kỵ, chỉ vào đám quần hùng ngồi quanh đó và dặn dò con: "Hài tử, ngươi hãy nhớ rằng tất cả những kẻ có mặt ở đây là kẻ thù của người". Đôi mắt trẻ thơ của Trương Vô Kỵ long lên, đầy vẻ oán độc. Dặn con xong, Tố Tố mới tự sát, chết theo chồng. Có điều Tố Tố không ngờ là 10 năm sau, Vô Kỵ lớn lên, chẳng những không trả thù như lời mẹ dặn mà còn rộng lòng tha thứ cho tất cả những kẻ bức tử cha mẹ mình. Tự do cuối cùng của Trương Thuý Sơn và Hân Tố Tố là tự sát; tự do cuối cùng cùng của Trương Vô Kỵ là tha thứ.

Biên giới giữa sự sống và cái chết quả thật mong manh. Biên giới giữa quyền lực và sự sụp đổ cũng mong manh không kém. Trong Tiếu ngạo giang hồ, thật khó có một nhân vật thứ hai mà quyền lực có thể vượt qua nhân vật Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần là chưởng môn phái Hoa Sơn, một trong Ngũ Nhạc kiếm phái. Bản thân nhân vật này đã tinh thông kiếm pháp phái Hoa Sơn; lại hoạc được kiếm pháp của 4 phái còn lại là Hằng Sơn, Hành Sơn, Thái Sơn và Tung Sơn; đoạt luôn cả Tịch tà kiếm phổ của nhà họ Lâm ở Phúc Châu và luyện thành thứ kiếm pháp quỷ mị này. Lão vươn lên làm chưởng môn của Ngũ Nhạc phái (bỏ chữ kiếm), võ công kiêm toàn cả chính lẫn tà, có tham vọng cùng hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang chia ba chân vạc. Quyền lực của lão cao đến vậy là cùng.

Để an tâm khẳng định quyền lực, lão phải tìm cách giết cho được đại đệ tử của mình là Lệnh Hồ Xung và người tình của chàng trai này là Nhậm Doanh Doanh. Lão chụp được cả đôi tìnhh nhân vào trong lưới cá và chuẩn bị thực hiện động tác sau cùng: rút kiếm ra, phóng vào mỗi người một kiếm là xong. Đúng lúc đó thì tiểu ni cô Nghi Lâm phái Hằng Sơn xuất hiện. Cô gái này có tâm địa từ bi, suốt đời chưa biết làm đau một cành cây, một cọng cỏ. Đối với cô, Lệnh Hồ Xung là bảo vật trên đời, bởi chàng trai này đã xả thân cứu cô, bảo vệ sự trong trắng của cô. Cho nên, hễ ai đụng đến Lệnh Hồ Xung là cô xả thân để cứu chàng. Như một quán tính, khi thấy Nhạc Bất Quần phóng kiếm vào Lệnh Hồ Xung, tiểu ni cô từ bi Nghi Lâm cũng phóng kiếm vào người Nhạc Bất Quần. Cô đã cứu được Lệnh Hồ Xung và Doanh Doanh. Nhạc Bất Quần chết, giấc mộng quyền lực mà lão đeo đuổi trên 50 năm cũng sụp đổ hoàn toàn.

Từ nhỏ tới lớn, tôi chỉ bị mẹ tôi đánh có một lần. Đó là lần tôi không bảo vệ được em tôi, để em tôi bị một kẻ lớn hơn tát vào má một cái. Nhìn thấy dấu tay trên má của em tôi, mẹ giận tôi quá, sẵn cái sàng gạo trên tay, mẹ cạch xuống đầu tôi. Tôi bị đòn, khóc không phải vì đau mà vì xấu hổ đã không đủ sức để bảo vệ em ruột của mình. Chuyện ấy xảy ra cách đây đã 38 năm nhưng mỗi khi nghĩ lại, tôi vẫn cảm thấy có tội với mẹ tôi, có lỗi với em trai tôi. Sau này, đi làm báo, tôi lại gặp thêm nhiều lần sống trong trạng thái đau đớn, xấu hổ nữa. Bạn đọc ở xa, đọc trên mặt báo hoặc sách, thấy tôi viết được một số bài đấu tranh cho công bằng xã hội, dám đụng đến một số người có quyền lực, dám bảo vệ cho người nghèo, đã viết thư, gọi điện khen tôi là người dũng cảm. Một số anh em trong giới cầm bút biết tôi đang dạy môn công tác phóng viên ở một trường chính quy tại thành phố và một số khoá giảng ngắn ngày tại các tỉnh miền Tây, đã có nhã ý xem tôi như là nhà báo

có kinh nghiệm. Đông đảo bạn đọc yêu nhạc trên cả nước thấy tôi xuất hiện trên đài VTV (Hà Nội), HTV (TP.HCM), CTTV (Cần Thơ), BLTV (Bạc Liêu)… và các đài khác trên cả nước qua những chương trình riêng cứ nghĩ rằng tôi là hạnh phúc lắm.

Không phải vậy đâu! Tôi phải thường xuyên đối mặt với những đau đớn, xấu hổ. Bạn không thể hình dung được tôi đã cảm thấy xấu hổ cực kỳ khi hứa với lòng mình về chuyện một cháu gái mới 16 tuổi ở miền Tây rằng sẽ đưa vụ án cháu bị hiếp dâm ra ánh sáng, rằng sẽ tố cáo đích danh kẻ đã hiếp cháu và những kẻ bao che, ém nhẹm việc này nhưng cuối cùng đã không làm được. Bạn không thể hình dung được đã nhiều lần tôi ngồi trước những viên chức từng ăn tiền để làm án oan cho những người vô tội lương thiện, nói một cách hết sức nhã nhặn với họ để kiếm một số thông tin mà tôi biết chắc rằng một nửa thông tin là điều dối trá. Bạn không hình dung đuợc rằng một thời tôi đã đứng lớp dạy văn, biết rằng tác phẩm đang dạy dở ẹc mà miệng vẫn cứ phải bô bô khen hay. Những điều tôi không viết ra được cũng nhiền như số tóc có trên đầu tôi. Mà một người cầm bút đang biết mình đúng, mình trúng nhưng không viết ra được thì có gì đau đớn, xấu hổ bằng.

Bạn thân mến! Xin bạn chớ nản lòng khi tôi đưa bạn đi từ cái chết của một thanh niên lang thang đến số phận của Trương Thuý Sơn, Hân Tố Tố, Nhạc Bất Quần rồi nói đến tâm trạng xấu hổ của mình khi chưa làm tròn chức năng của một nhà báo trước bạn đọc. Bình chuyện nhân vật Kim Dung cái gì mà lạ vậy? Tôi mong được nhắc lại câu chuyện Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung học kiếm (Tiếu ngạo giang hồ): “Người đời thường sử dụng kiếm chiêu tức là thường quan tâm đến thước tấc, bộ vị, tư thế khi phóng kiếm. Mà hễ có kiếm chiêu, tất có chỗ sơ hở, tức là có chỗ để cho người khác phá chiêu. Như vật, để có thể khắc địch chế thắng, người sử kiếm không sử kiếm chiêu mà chỉ nên sử dụng kiếm ý”. Lệnh Hồ Xung đã học kiếm pháp các phái Hoa Sơn, Hằng Sơn, Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn; lại nhập tâm đao pháp của Điền Bá Quang và các thủ pháp phá giải kiếm pháp Ngũ Nhạc kiếm phái của Ma giáo. Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung đem tất cả các thứ chiêu thức tạp nhạp đó nối liền thành một dây, chỗ nào miễn cưỡng quá không nối được thì vứt bỏ. Sau khi nối thànhh một dây, Lệnh Hồ Xung phải quên sạch mọi thứ đã học. Đến bấy giờ mới sử kiếm ý, ý niệm đi tới đâu, thế kiếm đi tới đó, liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi. Đó là một thứ kiếm pháp hoàn toàn đi ngược lại kiếm lý phổ thông: có khi phóng vào khoảng không, có khi mềm oặt như mất hết khí lực, có khi hung hiểm như con trường xà đột ngột chờ sẵn… Lệnh Hồ Xung sử kiếm ý đó mà lòng sung sướng như điên. Hai chữ phá chiêu trở thành vô nghĩa. Tôi cũng học cách của Lệnh Hồ Xung, ý nghĩ đi tới đâu, phóng ngòi bút tới đó. Vâng, tôi đang sử bút ý.

Kiều Phong - Khát vọng của tự do

Trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, tôi yêu nhất bộ Thiên Long bát bộ. Trong những nhân vật của Thiên Long bát bộ, tôi yêu nhất nhân vật Tiêu Phong (tức Kiều Phong), người anh hùng Khất Đan. Và trong cả chục ngàn nhân vật do Kim Dung dựng lên, tôi chọn Kiều Phong như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng.

Văn chương tiểu thuyết không phải là văn chương báo chí. Một tác phẩm tiểu thuyết ra đời là nhằm gởi đến người đọc một thông điệp. Các thông điệp ấy đôi khi ẩn tàng đâu đó trong tác phẩm đến nỗi một người đọc với thái độ lơ là của khách qua đường không thể nhận ra nó. "Ý tại ngôn ngoại" luôn luôn là một thực tế trong sáng tạo văn học. Tôi yêu tác phẩm Kim Dung vì yếu tố "ý tại ngôn ngoại" phong phú. Tất cả tư duy của những nhân vật lớn trong tác phẩm Kim Dung đều tập trung vào 3 định đề: cuộc sống, tình yêu và cái chết. Kiều Phong là một nhân vật lớn như vậy.

Tác giả Kim Dung không vội vàng đẩy Kiều Phong ra đầu truyện. Không. Trong 13 chương đầu của Thiên Long bát bộ, ta chỉ gặp hình ảnh của một anh nho sinh trẻ Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, một tay dại gái si tình bị bắt cóc đưa từ Đại Lý xuống Giang Nam. Phải đợi đến khi theo gót chân du tử của Đoàn Dự, ta mới bắt gặp một "Hán tử thô hào, mặt vuông tai lớn", tuổi trạc 30, đôi mắt sắc như dao, ngồi uống rượu chịu trên tửu lâu bên thành Vô Tích. Thoáng nhìn nhân vật đó, Đoàn Dự đã nhận định: "Hán tử này nhất định là tráng sĩ của đất Yên, Triệu. Miệt Giang Nam quyết không thể có được nhân vật như thế này". Nhận định ban đầu của nho sinh trẻ thật chuẩn xác. Con người thô hào ấy chính là Kiều Phong, bang chúa Cái bang.

Kiều Phong đang độ tuổi 30, cái tuổi phát triển rực rỡ nhất của đời người; lại làm Bang chúa cái bang, một bang hội lớn nhất võ lâm Trung Quốc. Với cương vị đó, gã hán tử mặt vuông tai lớn phải hành động rất cẩn trọng, rất chín chắn vì một quyết định, nhận định vội vàng của ông sẽ dẫn đến sai lầm, liên hệ đến mối nguy vong của hàng triệu hào khách võ lâm Trung Nguyên. Ngay đến khi ra đòn đánh nhau với kẻ địch, Kiều Phong cũng tính toán sao cho chỉ đánh một đòn mà khống chế được ngay đối thủ. Phía trong con người thô hào ấy ẩn tàng một bộ óc thông minh và những tính toán chuẩn xác.

Người anh hùng Kiều Phong luôn luôn tự hào mình thuộc dòng dõi Hán tộc. Làm bang chúa Cái bang, ông chỉ có một mơ ước: tiêu diệt quan xâm lăng Khất Đan mà ông thường gọi bằng cái tên khinh bỉ "bọn Liêu cẩu", chống lại quân Tây Hạ, giữ gìn hào bình cho người Hán, bảo vệ sự trọn vẹn của võ lâm Trung Hoa. Và chính niềm mơ ước đó đã trở thành bi kịch trong đời Kiều Phong.

Một nhóm đệ tử Cái bang, dưới sự chỉ huy của Thập phương tú tài Toàn Quan Thanh và Ôn thị, vợ của phó bang chúa Mã Đại Nguyên (đã chết), nổi lên chống lại Kiều Phong. Toàn Quan Thanh chống Kiều Phong chỉ để leo lên cái ghế quyền lực. Ôn thị lại chống Kiều Phong chỉ để trả thù. Vốn mụ là phụ nữ lẳng lơ, lại bị chứng bạo dâm. Mụ đã có chồng nhưng vẫn quan hệ tình dục với Đoàn Chính Thuần, em ruột vua Đại Lý rồi với Bạch Thế Kính, Chấp pháp trưởng lão Cái bang. Trong một lần đi dự Bách hoa đại hội, ai cũng dòm ngó đến tấm nhan sắc tương đẹp của Ôn thị. Duy chỉ có Kiều Phong nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, phải giữ lễ nghi. Ông chỉ ngó sơ Ôn thị một cái rồi thôi. Thái độ hững hờ đó làm cho Ôn thị nổi giận và thề sẽ trả thù. Mụ mượn tay tình nhân

Bạch Thế Kính xuống tay giết chồng mình, vu cáo Kiều Phong giết Mã Đại Nguyên vì Mã Đại Nguyên biết rõ Kiều Phong không thuộc Hán tộc mà chính là người Khất Đan.
Sự thật, Kiều Phong đúng là người Khất Đan, nhưng câu chuyện ấy đã trôi qua 30 năm, chẳng ai muốn nhắc đến nữa, bởi Kiều Phong đã được Hán hoá từ thể chất đến tinh thần. Ban đầu thì Kiều Phong cho rằng đó chỉ là lời vu cáo thiếu bằng chứng. Nhưng khi nhân chứng chính, nhà sư Trí Quan, xuất hiện và xác nhận, ông đành phải rời bỏ chức vụ Bang chúa Cái bang ra đi và cảm thấy nhục nhã vì mình mang dòng máu Khất Đan.

Cuộc sống đưa đẩy khiến ông làm quen và kết bạn với A Châu, một cô gái Hán nhân dịu dàng. A Châu trở thành tình yêu, lẽ sống, người bạn tri âm của Kiều Phong. Khi ra Nhạn Môn Quan xác định lại lai lịch của mình, Kiều Phong mới biết được mình vốn họ Tiêu – Tiêu Phong, rằng mình đã từng chống lại tổ tiên, dân tộc mình. Tuy nhiên, cái mặc cảm dòng máu Khất Đan thấp hèn và gian ác chưa phai trong con người ông. A Châu đã khuyên ông: "Làm người Khất Đan thì có gì là xấu xa? Làm người Hán thì có gì là cao quý? Người Khất Đan hay người Hán thì vẫn có kẻ tốt, người xấu, đại gia buồn phiền làm chi". Chính lời nói đó đã giúp Tiêu Phong nhận ra quan điểm dân tộc hẹp hòi của mình bấy lâu nay. Và sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Tiêu Phong chính là sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung.

Như ta biết, người Trung Hoa xưa vốn coi các dân tộc khác là bốn rợ (tứ di). Cái nhìn của họ đối với các dân tộc Mông, Tạng, Hồi, Khất Đan, Tây Hạ... rất khinh bỉ. Ngay chính trong Liên thành quyết, Kim Dung cũng không giấu được cái nhìn khinh bỉ đó. Chỉ đến Thiên Long bát bộ, ông mới xác nhận rằng người Khất Đan, Nữ Chân, Tây Hạ là những giống loài bình đẳng như bao giống loài khác.

Khát vọng tự do của Kiều Phong thể hiện rất rõ khi ông bàn với A Châu rằng làm xong vài việc ở Trung Quốc, ông sẽ đưa nàng về Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ, sống đời ung dung khoái hoạt. Thế nhưng, một bi kịch khác xảy ra với đời ông làm tiêu tan khát vọng ấy: ông lỡ xuống tay đánh chết A Châu, đánh chết tình yêu và nguồn sống của chính mình.

A Châu có một cô em cực kỳ gian ngoan ác độc là A Tử, đệ tử Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu. Trước khi nhắm mắt, A Châu đã nhờ ông chăm sóc, bảo vệ cho A Tử. Thế là từ đó bên cạnh một Tiêu Phong thẳng thắn, anh hùng lại có thêm một A Tử lưu manh, giảo hoạt; cả hai đi kèm nhau như bóng với hình. Cuộc đời thật lắm nỗi hoạt kê!

Đúng là Kiều Phong đã đưa A Tử về bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ và chữa bệnh cho cô. Ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đả (sau này trở thành Hoàng đế Đại Kim), trở thành người bạn của bộ lạc người Nữ Chân. Nhờ vào một sự tình cờ, ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Đại Liêu. Hồng Cơ thật sự hạnh phúc khi khám phá được con người Khất Đan anh hùng lẫm liệt như Tiêu Phong. Ông nhận Tiêu Phong làm em kết nghĩa và phong cho Tiêu Phong làm Nam viện đại vương, cai quản toàn bộ

binh lực Đại Liêu. Thế là từ một Hán tử thô hào, một tên Liêu cẩu man rợ, Tiêu Phong thoắt trở thành nguyên soái, nắm trong tay sức mạnh quân sự của một vương quốc khả dĩ đối địch với triều Tống.
Hơn ai hết, A Tử là người đầu tiên khuyên Tiêu Phong đưa quân qua Nhạn Môn Quan, làm cỏ hết bọn Cái bang cùng bọn quần hào Trung Quốc. Tiêu Phong đã cảnh cáo A Tử về ý nghĩ tàn bạo đó. Ông vẫn nhớ ơn người Trung Quốc, nơi ông đã lớn lên, được học hành, trở thành con người. Và ông chủ trương không gây hấn với Trung Quốc, sống hoà bình cho trăm họ an cư lạc nghiệp. Ông nghiêm cấm thuộc hạ không được cướp bóc tài vật, bắt người từ đất Trung Quốc đưa về.
Nhưng Gia Luật Hồng Cơ thì không nghĩ vậy. Gia Luật Hồng Cơ tin rằng binh lực nước Liêu đủ sức vượt qua Nhạn Môn Quan, đánh vào Lạc Dương để bắt sống tên hôn quân Triệu Hú (Tống Triết Tông). Với ý nghĩ đó, Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong tiến đánh Trung Quốc.

Nhận lệnh hành quân, Tiêu Phong quyết đoán thật nhanh: không thể lấy nỗi đau của hai nước Tống – Liêu, không thể lấy sinh mạng của hàng triệu quân sĩ để làm nấc thang hạnh phúc cho mình và thỏa mãn khát vọng trả thù của Gia Luật Hồng Cơ. Vả chăng, ông là người khát vọng tự do, không hề thiết tha tới quyền lực. Cách từ chối hay nhất là của Kiều Phong là treo ấn trả lại cho Đại Liêu hoàng đế và cùng A Tử trốn đi. Mưu kế ấy bị Hồng Cơ khám phá được và gài bẫy để bắt giam giữ Tiêu Phong.

Nguồn tin Tiêu Phong bị bắt giữ vì chống lệnh hành quân, mưu cầu hoà bình cho trăm họ khiến quần hùng Trung Quốc nhận ra được bản chất thật thà, trung hậu, tốt đẹp của Tiêu Phong. Họ huy động lực lượng Cái bang, cung Linh Thứu và nước Đại Lý vượt qua Nhạn Môn Quan để giải thoát cho Tiêu Phong. Họ đưa ông về đến Nhạn Môn Quan thì cửa thành không mở vì truy binh Khất Đan đã áp sát chân thành. Hư Trúc và Đoàn Dự bắt sống Gia Luật Hồng Cơ trước trận và buộc Hồng Cơ chuộc mạng bằng một lời hứa vĩnh viễn không bao giờ đưa quân Liêu xâm lăng Trung Quốc. Hồng Cơ đã long trọng hứa lời hứa danh dự và nhận được lời hứa đó, Kiều Phong coi là một hạnh phúc. Ông sử dụng quyền tự do cuối cùng của mình: tự tử trước Nhạn Môn Quan để tạ tội với Gia Luật Hồng Cơ.

Bầu trời bao la, đất đai vạn dặm nhưng Tiêu Phong không tìm ra được chỗ để quay về. Về với Trung Quốc ư? Ông chỉ là một tên chó Liêu mọi rợ. Về với Liêu Quốc ư? Ông chỉ là bề tôi bất trung, đã chống lệnh vua lại làm cho nhà vua mất mặt trước ba quân. Về mặt tinh thần, A Châu chết rồi, tâm hồn ông không còn nơi nương tựa nữa. Đoàn Dự có thể yêu một lúc năm, sáu người thiếu nữ nhưng Kiều Phong chỉ yêu có mỗi một A Châu. Còn quyền lực, chức vụ, danh vọng không phải là nơi nương tựa. Kiều Phong đi tìm tự do. Ông đành chọn giải pháp cuối cùng - tự tử - để hoàn thành khát vọng tự do của chính mình. Ở chừng mực nào đó, cái chết của Kiều Phong là biểu hiện chủ nghĩa hư vô cực đoan nhưng nếu ta đi cùng với ông trong suốt Thiên Long bát bộ của Kim Dung thì ta

mới thấy được giải pháp đó là con đường tất yếu.

A Tử đui mù đã giành bồng lấy Kiều Phong và cùng với ông rớt xuống vực sâu muôn trượng. Mấy mươi năm trước, cha ông đã bồng mẹ ông nhảy xuống nơi ấy. Mấy mươi năm sau, một cô bé gọi ông là tỷ phu (anh rể) bồng ông nhảy xuống. Sự trùng hợp của lịch sử sao mà bi thương đến vậy!

Tiêu Phong tức Kiều Phong là một nhân vật sống nhất trong những nhân vật sống, là một nhân vật có vấn đề nhất trong những nhân vật có vấn đề của Kim Dung. Có thể nói Kim Dung rất thành công khi xây dựng nhân vật Tiêu Phong - người anh hùng Khất Đan trong sáng, tiêu biểu cho những cái đẹp của con người. Và rõ ràng, Kim Dung nói với chúng ta rằng cái đẹp nhất khó có thể tồn tại giữa đời lăng xăng bát nháo này. Cái đẹp nhất phải chết. Chỉ còn lại trên đời cái tầm thường vớ vẩn, những loài cỏ đuôi chó, những điều không đẹp mấy.

Hoặc giả, giải quyết cho cái đẹp nhất chết đi cũng là một cách hướng con người luôn nuôi khát vọng đi tìm cái đẹp?

Khóc lên hỡi Nghi Lâm!

Nghi Lâm là pháp danh một nhân vật nữ, một nữ ni cô nhỏ tuổi thuộc phái Hằng Sơn trong tác phẩm Tiếu ngạo giang hồ của Kim Dung. Nhân vật ấy là biểu tượng của những bi kịch cuộc đời và bởi vì cô quá trẻ, quá trong sáng cho nên bi kịch ngày càng tăng thêm chất ngậm ngùi, đau đớn.

Cho đến năm 18 tuổi, Nghi Lâm trở thành một nữ ni xinh đẹp nhất của phái Hằng Sơn. Trong lớp áp nâu sồng của đời nữ ni, cô vẫn có một khuôn mặt trái xoan sáng như trăng rằm, một đôi mắt xanh như nước hồ thu. Nghi Lâm chỉ biết cha mình là một hoà thượng - Bất Giới đại sư; còn mẹ mình là ai thì điều đó cô không hề biết. Thật sự, mẹ cô vẫn hằng ngày sống bên cạnh cô. Giận cha cô khen một người khác xinh đẹp, mẹ cô lặng lẽ bỏ đi, vào chùa Hằng Sơn làm một Á bà bà (bà già câm điếc), chuyên lau tượng quét chùa. Bà vẫn theo dõi những bước tiến của Nghi Lâm trên con đường phật học cũng như đời sống nhưng bà không hề mở miệng nói với Nghi Lâm một lời.

Nghi Lâm lớn lên trong chùa Hằng Sơn, thuộc làu kinh điển, học được một chút kiếm pháp. Trong lòng cô chỉ biết có Đức Bồ Tát và các thanh quy giới luật nhà Phật. Lớn lên đến 18 tuổi, cô chưa hề gặp một người đàn ông ngoài cha cô; chưa biết mùi phấn son, chưa nhìn thấy màu áo đẹp; chưa có một nụ cười...

Cả tai hoạ và hạnh phúc đến với cô nữ ni xinh đẹp ấy trong một lần cô xuống núi Hằng Sơn, cùng sư phụ và các bạn đồng môn đi dự lễ rửa tay gác kiếm của Lưu Chính Phong phái Hành Sơn. Sau một lần trượt chân vì đường trơn, Nghi Lâm dừng lại bên suối rửa tay. Cô đã bị tên dâm tặc Điền Bá Quang bắt giữ và đưa vào hang động định giở trò cưỡng bức. Không nỡ để cho một nữ ni trong sáng như ngọc bị phá hoại danh tiết, tác giả

Kim Dung đã để cho Lệnh Hồ Xung, đại sư huynh của phái Hoa Sơn, xuất hiện cứu Nghi Lâm. Kiếm pháp của Lệnh Hồ Xung hoàn toàn không địch nổi phép khoái đao của Điền Bá Quang. Lệnh Hồ Xung bị đâm cả một chục vết thương, người không còn một chút huyết sắc. Nhưng vốn là người mau chân lẹ miệng, hắn đã đánh võ miệng với Điền Bá Quang và cuối cùng đạt được chiến thắng, buộc Điền Bá Quang nhục nhã bỏ đi; Lệnh Hồ Xung bị bọn La Nhân Kiệt phái Thanh Thành đâm một nhát kiếm chí mạng. Nghi Lâm lạc mất Lệnh Hồ Xung từ đó.

Để cứu Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã đặt chuyện nói những điều vu khoát: gặp ni cô là xúi quẩy, đánh bạc tất phải thua, uống rượu cũng chẳng thú vị gì. Cô bé nhẹ dạ vốn tin những điều vớ vẩn đó nhưng tự thâm tâm, cô đã mơ hồ nhân ra một điều: trên đời này người mà cô mong gặp nhất vẫn là gã lãng tử Lệnh Hồ Xung của phái Hoa Sơn. Cô mắc nợ anh một món ơn cứu tử và giá như cô có thể chết đi để Lệnh Hồ Xung sống sót trở về, cô cũng sẵn sàng xả thân. Cho nên khi Khúc Phi Yên báo tin Lệnh Hồ Xung còn sống và đưa Nghi Lâm vào động điếm dưới núi Hành Sơn thì cô nữ ni trong như ngọc đã sẵn sàng vứt bỏ mọi thứ môn quy, cùng đi với Khúc Phi Yên.

Cuộc sống oái oăm đã đưa cô nữ ni dấn thân vào động điếm, nằm trên chiếc giường xa hoa tráng lệ mà khách làng chơi vẫn hay đến nằm với các cô kỹ nữ. Nhưng cũng chính vì vậy mà Nghi Lâm đã cứu được ân nhân Lệnh Hồ Xung, cõng anh ra giữa vùng hoang sơn dã lĩnh không có một vết chân người, chăm sóc cho anh chữa lành vết thương. Qua câu chuyện Lệnh Hồ Xung, Nghi Lâm biết rằng anh đang quyến luyến cô tiểu sư muội Nhạc Linh San. Thế nhưng, trong tâm hồn cô nữ ni 18 tuổi này đã nảy sinh một rình cảm mới lạ, vừa có vẻ tội lỗi với Đức Bồ Tát, lại vừa gây cho cô những xúc cảm dịu dàng. Nghi Lâm hoảng sợ trước tình cảm mới lạ ấy. Trong đêm sao sáng, nhìn những ánh sao băng, cô cởi dải áo ra và cột lại dải áo để mong hoàn thành ước nguyện để rồi sợ hãi ngay chính lời ước nguyện của mình.

Trọn đời Nghi Lâm chưa hề ăn cắp của ai một vật gì. Thế nhưng, vì tính mạng của Lệnh Hồ Xung, cô đã hai lần đi ăn cắp dưa và mỗi lần như vậy, trong cô lại nổi lên trận bão lòng dữ dội. Cô biết rằng vì Lệnh Hồ Xung, cô có thể làm tất cả mọi sự trên đời. Vâng, cô đã yêu chàng Lệnh Hồ Xung, một tình yêu ban đầu nồng nàn đau đớn, một tình yêu không nói được lên lời vì lời khấn trọn đời hiến dâng cho đường tu, một tình yêu vô vọng vì Lệnh Hồ Xung đã có Nhạc Linh San.

Họ đã xa nhau từ đó, Nghi Lâm trở về Hằng Sơn, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, mong sao Phật pháp có thể hoá giải được ma chướng trong lòng mình. Nhưng càng tu niệm, thể xác cô càng võ vàng. Bất Giới hoà thượng nhận ra tấm lòng đau khổ của con gái. Ông buộc Điền Bá Quang bằng mọi cách phải lên núi Hoa Sơn bắt cho được Lệnh Hồ Xung về thành hôn với Nghi Lâm. Điền Bá Quang không làm được điều ấy, ông đích thân ra đi, cũng không được nốt.

Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, bỏ đi lưu lạc giang hồ. Trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, anh tình cờ kể cho Nhậm Doanh Doanh nghe về mối tình si của mình và những đau thương oan ức mà anh phải gánh chịu vì những hẹp hòi, ích kỉ. Nhậm Doanh Doanh chính là Thánh cô của Triêu dương thần giáo. Cô nhận ra nới chàng trai một tình yêu mãnh liệt. Và cô si tình chàng trai Lệnh Hồ Xung dưới mắt cô, một chàng trai không chung tình với quá khứ thì cũng chẳng có thể chung tình với tương lai. Họ trở thành đôi bạn bôn tẩu giang hồ, thương yêu say đắm và trao cho nhau những lời hẹn thề kết tóc se tơ. Ở một nơi lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn, Nghi Lâm nhận được những thông tin đó. Nàng thường dắt tay Á bà bà dẫn ra chỗ kín đáo của Hằng Sơn biệt viện tâm sự; và, mỗi lần như thế, nàng thường gọi khẽ tên Lệnh Hồ Xung. Nàng chẳng hay đâu Á bà bà là mẹ ruột của mình.

Lệnh Hồ Xung trở về Hằng Sơn và nhận trách nhiệm làm chưởng môn phái Hằng Sơn. Nghi Lâm trở thành đệ tử của anh. Anh lấy làm lạ vì cô thường ít nhìn mặt anh, thường tỏ ra lạnh nhạt khi anh hỏi han đến. Anh có biết đâu trong cái vỏ lạnh lùng kia là cả một trời yêu say đắm; mà tiếng kinh cầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho anh ngày xưa do Nghi Lâm niệm lên cầu nguyện cho anh thoát qua những cơn nguy hiểm chính là biểu hiện của tình yêu ấy. Anh nhận ra vẻ tiều tuỵ võ vàng của tiểu sư muội Nghi Lâm. Nhưng trước Nghi Lâm anh có Nhạc Linh San; sau Nhạc Linh San anh có Nhậm Doanh Doanh. Anh chỉ xem Nghi Lâm như người bạn, người em nhỏ bé mà anh phải có bổn phận bảo vệ, che chở, dạy dỗ.

Nhưng chẳng có nghĩa gì khi tình yêu không nói được thành lời. Tác giả Kim Dung đã tạo cơ hội cho Lệnh Hồ Xung nghe được tiếng lòng trung thực của Nghi Lâm. Một lần, anh hoá trang thành Á bà bà và Nghi Lâm đến nắm tay anh, kéo anh đi lên Hằng Sơn biệt viện. Nơi đây, cô ngắc lại những hình bóng cũ, những kỉ niệm xưa giữa cô và Lệnh Hồ Xung cho "Á bà bà" nghe và cuối cùng, cô gọi khẽ tên anh. Mối tình câm của cô tiểu sư muội khiến Lệnh Hồ Xung choáng váng, vừa thương cảm, vừa hổ thẹn. Trong đêm thanh vắng, anh nhận ra tất cả sự thật; lòng đau thương vì thấy Nghi Lâm võ vàng, tiều tuỵ trong mối tình si hoàn toàn không có đoạn kết.

Nghi Lâm đi đâu, về đâu? Trong khúc cuối của Tiếu ngạo giang hồ, chính tác giả Kim Dung cũng chẳng dám nói đến kết thúc của mối tình si ấy. Ông bỏ lửng số phận của Nghi Lâm, giả vờ như không biết đến nữa khi để cho Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh cưới nhau, cùng hợp tấu cầm - tiêu khúc nhạc Tiếu ngạo giang hồ. Tiểu sư muội Nghi Lâm với mối tình đơn phương rạt rào như sóng Trường Giang chẳng được ai nhắc đến nữa. Nhưng tôi biết những giọt nước mắt lặng lẽ ấy của người ni cô thánh thiện đêm đêm vẫn rơi trên gối trong căn phòng nhỏ của chùa Hằng Sơn.

Ôi, giá như Nghi Lâm bé bỏng được nắm tay Lệnh Hồ Xung một lần để bày tỏ tình yêu của mình vì lòng kính sợ Đức Bồ Tát đã không cho phép cô được nói gì với anh; giá như

cô được nói với anh một lời chia tay, một câu chúc hạnh phúc thì tâm hồn cô đã khá hơn một chút. Đằng này, suột đời cô mang nặng mối tình câm và tàn úa dung nhan xuân thì lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn!

Khi xây dựng nhân vật Nghi Lâm, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật bi kịch ấy nằm ngay trong tuổi trẻ, tuổi mới biết yêu. Ông có bất công khi đem toàn bộ bi kịch trút lên đôi vai bé nhỏ và tâm hồn trong sáng của Nghi Lâm tiểu sư muội? Có đấy. Có người cho Nghi Lâm là vang bóng của Hạ Mộng, một mối tình u uẩn trong đời Kim Dung. Điều đó chỉ đơn giản là một suy luận. Tôi chỉ mong một điều: nếu có những Nghi Lâm đích thực trên đời thì hãy để cho họ được khóc lên, khóc to một lần. Hạnh phúc ở một chừng mực nào đó, nằm trong tiếng khóc, trong giọt nước mắt tuôn rơi.

Vi Tiểu Bảo ở đâu?

“Cắn nhầm lưỡi” là chuyên mục tương đối mới trên tờ Tuổi trẻ Cười. Mấy anh nghịch ngợm trong toà soạn thấy tôi ham giỡn, giao chuyên mục này cho tôi, rồi buộc tôi “cắn” lung tung mặc dù tôi chưa hề được cắn lưỡi ai. Cái đó kêu rằng vì nhân dân mà cắn (?). Nay tôi xin “cắn” anh chàng Vi Tiểu Bảo, một nhân vật hài hước, ngộ nghĩnh, dễ thương trong Lộc Đỉnh ký của Kim Dung. Cái này kêu rằng “cắn” đỡ buồn, mua vui cho bạn đọc, như mình cắn hạt dưa vậy. Vi Tiểu Bảo sinh ra trong viện Lệ Xuân, một động điếm ở thành Dương Châu, Trung Hoa, vào cuối đời Thuận Trị, đầu đời Khang Hy nhà Thanh. Mẹ của Vi Tiểu Bảo – Bà Vi Xuân Phương – bang giao rộng rãi trên mức tình cảm với anh em Hán, Mông, Mãn, Tạng, Hồi; chẳng thèm nhớ rõ bố thằng bé là ai, đành lấy họ mẹ làm họ cho con. Vi Tiểu Bảo không học nên không biết chữ. Khả năng văn hoá của ngài là nhận ra chữ nhất (, 1 nét), chữ nhị (, 2 nét), chữ tam (, 3 nét), chữ tứ () và chữ thập (, 1 nét ngang, 1 nét sổ). Ngài có các sở trường: Chửi tục lưu loát, hát thuộc lòng bài Thập bát mô “Một ta sờ… Hai ta sờ … Ba ta sờ … Sờ đúng cái đùi của nàng” và nhớ được một mớ tuồng tích, cố sự trong Anh liệt truyện.
Cuộc sống chộn rộn, ngài theo tráng sĩ Mao Thập Bát trốn lên Bắc Kinh, lọt được vào cung nhà Thanh. Nơi đây, ngài giết thái giám Tiểu Quế Tử, hoá thành tên thái giám giả hiệu. Ngài trốn vào trù phòng ăn vụng, tình cờ làm quen và kết bạn với Khang Hy (hơn ngài 2 tuổi). Lúc lên 15 tuổi, ngài tằng tịu với em gái nhà vua là công chúa Kiến Ninh, dám chửi nàng là "con đượi non”, chửi thái hậu (giả) là “mụ điếm già”. Trên cơ sở những kiến thức lưu manh đắc thủ tại thành Dương Châu cộng với những kiến thức tu nghiệp được về ngành trá học trong hoàng cung, ngài xứng đáng là nhân vật đệ nhất trá nguy. Nhờ ném tàn hương, giết được quyền thần Ngao Bái, Ngài được nhà vua phong phó đô thống hoàng kỳ, tước hiệu Ba Đồ Lỗ (Baturu, Dũng sĩ!). Cơ duyên đưa đẩy, ngài may mắn gặp tổng đà chủ Thiên Địa hội Trần Cận Nam, được ông thu nhận làm đệ tử và phong chức hương chủ Thanh Mộc Đường. Đây là một tổ chức chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh. Vi Tiểu Bảo trở thành gián điệp hai mang hết sức suất sắc, phục vụ cho

cả Thanh triều và Thiên Địa hội.

Vua Khang Hy đã nhìn thấy chiều sâu văn hoá của Vi Tiểu Bảo: không bao giờ nói đúng bốn chữ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang; không bao giờ nhớ được câu thành ngữ “thủ khẩu như bình”. Tuy nhiên, vừa ghét bọn quan lại cầu an xôi thịt, vừa mến thằng bé ngộ nghĩnh, miệng trơn như bôi mỡ; nhà vua lần lượt phong cho ngài các chức chánh đô thống hoàng kỳ, tổng quản thái giám, Khâm sai đại thần công cán Vân Nam, Tứ hôn sứ, Phó trụ trì chùa Thiếu Lâm (tỉnh Hồ Nam), Chánh trụ trì chùa Thanh Lương (Ngũ Đài Sơn), Khâm sai xây dựng Trung liệt từ Dương Châu, Tư lệnh mặt trận thủy chiến đánh Thần Long giáo, Lộc Đỉnh công, Tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát (người Nga) ở biên giới Trung – Nga, Đại sứ đặc nhiệm toàn quyền đàm phán Trung – Nga. Đảm nhiệm những chức vụ cao cả đó, ngài hoàn thành một số công việc, có khi nghiêm chỉnh, có khi tào lao: ép buộc Ngô Tam Quế tạo phản, cứu mạng được nhiều anh hùng Thiên Địa hội, bắt phò mã Ngô Ứng Hùng, gia nhập Thần Long giáo, ngủ được với bảy phụ nữ Trung Hoa và một phụ nữ Nga, bảo vệ sinh mạng cựu hoàng Thuận Trị, khám phá âm mưu nằm vùng của thái hậu giả thuộc Thần Long giáo, bình trị những âm mưu tạo phản của Mông Cổ và Tây Tạng, bắt được cẩu quan Ngô Chi Vinh, hoà giải mối xung đột Trung – Nga, đánh Trịnh Khắc Sảng – lãnh đạo của thầy mình… Công lao của Vi Tiểu Bảo lớn hơn công lao của bất cứ vị cố mệnh đại thần Mãn Châu.
Nghệ thuật làm quan của Vi Tiểu Bảo rất đơn giản: chửi tục luôn mồm, dùng tiền mua chuộc lòng trung thành của kẻ dưới, tặng quà hậu hỹ cho đồng liêu và sẵn sàng đòi kẻ khác đưa tiền. Qua thăm Ngô Tam Quế, ngài nói một câu kiếm được ba trăm lạng vàng. Trịnh Khắc Sảng dám yêu A Kha của ngài; ngài bắt đánh cho một trận, bắt lấy máu viết lên vải văn tự thiếu một trăm vạn lạng vàng. Ngài là nhân vật đầu tiên dùng nữ vệ sĩ; là nhà sư (giả) làm phó trụ trì một chùa danh tiếng mà dám đánh bạc, chọc gái; là viên tướng duy nhất đi tiểu và bảo quân thụt nước đó vào thành trì của người Nga.

Tuy ngài không biết chữ nhưng vẫn nói khoác đọc được văn tự cổ nòng nọc, ấm ớ một vài từ tiếng Nga như “Tử man cơ” là giết chết đi, “Phục đặc gia tửu” là rượu Vodka, “Hà thư nhi khắc” là món thịt nướng, nhưng vẫn tự hào là mình tinh thông tiếng Nga (?). Khi đại sứ Nga sang Bắc Kinh trình quốc thư, ngài nhận nhiệm vụ phiên dịch. Đại sứ đọc, ngài dịch lưu loát: “Văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thương sinh trạch bị, thọ dữ thiên tề…”. Hoá ra đó là những câu nịnh bợ của Thần Long giáo mà ngài lỡ thuộc, không dính dáng gì tới quốc thư của Sa Hoàng. Thế nhưng vua Khang Hy vẫn mặt rồng hớn hở, cười nói mê ly! Bọn quan lại triều Thanh bái phục Vi đại soái không biết đâu mà kể!

Cuối cùng, dù có đùa giỡn đến mấy, Kim Dung cũng phải cho nhân vật Vi Tiểu Bảo của mình trốn ra đi cùng bảy mụ vợ hương trời sắc nước Tô Thuyên, A Kha, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu, Song Nhi và Kiến Ninh công chúa. Trước đây, họ đã về Dương Châu, bà Vi Xuân Phương nhìn đàn dâu tươi tốt, thầm khen con tinh đời; nếu gã lập nên một viện thì toàn thể các viện ở Dương Châu sẽ sụp tiệm. Nay, chắc Vi Tiểu Bảo

không dám về Dương Châu vì sợ vua Khang Hy truy nã. Ngay đến trùm cười Kim Dung cũng chẳng biết nhân vật của mình trốn đi đâu. Viết truyện cười như vậy quả thế gian đệ nhất, bọn hậu sinh ở Tuổi trẻ Cười xin ngả nón kính chào cụ. Ba trăm năm đã trôi qua, tất nhiên cũng chẳng nắm rõ hậu duệ của Vi Tiểu Bảo. Thế nhưng, ở đâu có bia ôm, động điếm; ở đâu có tham nhũng, có dùng tiền để mua chuộc kẻ dưới; ở đâu có chửi tục "con mẹ nó, tổ bà mười tám đời quân rùa đen, phường chó đẻ"; ở đâu có nịnh bợ; ở đâu có kẻ thú nhận "chữ nghĩa biết ta nhưng ta chẳng biết nó" thì ở đó có tinh thần Vi Tiểu Bảo được lưu truyền.